

PHẠM XUÂN TÂN HỘI

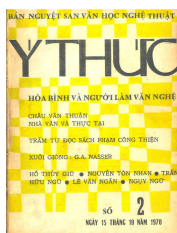
Thư Quán

Bản Thảo

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



- Chủ đề di sản văn học miền Nam: Một Thời Ý Thức



Hồi ức của Lữ Quỳnh * Lữ Kiều
Nguyên Minh * Lê Ký Thương *
Trần Hoài Thư * Phạm Văn Nhàn
* Võ Tấn Khanh * Nguyễn Lệ Uyên
Kim Qui * Nguyễn Ước *

Mục thường xuyên gồm sự đóng góp của bằng hữu trong và ngoài nước:

Khuất Đầu • Du Tử Lê • Kiệt Tấn •
Trang Luân • Trần Huyền Ân • Lê văn Thiện •
Hoài Ziang Duy • Nguyễn Nam An • Trầm Mặc
Hoa Huyền • Đỗ thị Minh Giang • Đinh Quý
Nhường • Nguyễn Hữu Thụy • Lê văn Trung
• Trần Hoài Thư • Phạm văn Nhàn •
Vương Hồng Ngọc

NĂM THỨ 8 TẬP 33 THÁNG 10 - 2008

Thư Quán Bản Thảo
TẬP 33, THÁNG MƯỜI, NĂM 2008

Sống và viết: Hoài Ziang Duy /5, Trần Hoài Thu /16. Ng~ /20, Cái Trọng Ty / 23.

Phản chủ đề: Viết về Ý Thức

TQBT: Tóm lược về hành trình của tạp chí Ý Thức /29 • LỮ QUỲNH: Những Kỷ Niệm Về Một Thời Ý Thức /30 • NGUYỄN MINH : Ý Thức: Đời sống của tôi /34 • VÕ TẤN KHANH : Những khuôn mặt tình / 42 • TRẦN HOÀI THU : Ý Thức và Nỗi Bơ Vơ của Bảy Ngựa Hoang /48 • PHẠM VĂN NHÂN : Về những người bạn cũ/ 50 • NGUYỄN LỆ UYÊN: Một thời với Ý Thức /59 • KIM QUY: Ngày ấy, bây giờ /64 • • LỮ KIỀU: Tự tình với nhóm Ý Thức / 67 • NGUYỄN ƯỚC: Còn nợ một thời / 76 • LÊ KÝ THƯƠNG : Tưởng trong giây phút thành tình thiên thu /79

• **Trích:** thơ Lữ Quỳnh /92, Châu văn Thuận /93. Truyện của Ngụy Ngữ /95, Hồ Minh Dũng /101

Phản sáng tác:

- **Truyện ngắn:** Đoàn Xuân Thu / 111, Trang Luân / 114, Lê văn Thiện /127, Nguyễn Minh /134 Trần Huiền Ân /146)

- **Thơ (156):** Du Tử Lê, Nguyễn Nam An, Nguyễn Hữu Thụy, Kiệt Tấn, Thương Tử Tâm, Đỗ thị Minh Giang, Lê văn Trung, Đình Quý Nương, Trần Phù Thế

- **Truyện dài (170):** Những tháng năm cuồng nộ(Khuất Dấu)

Phản Sư Tập : Nhà thơ Tường Phong(196)

Giới thiệu sách (202)

Giữa TQBT và bạn đọc/200

Chủ trương biên tập: THT

Phụ trách tòa soạn và in ấn: THT

E Mail: tranhoaitu@verizon.net

Lời Tòa Soạn

Mở đầu cho số báo hôm nay, trước hết chúng tôi xin chân thành cảm tạ bạn đọc và thân hữu đã ủng hộ, khuyến khích, đóng góp bài vở, ý kiến xây dựng TQBT từ bao năm nay.

Những số đã qua, chúng tôi đã làm những số chủ đề về các nhà văn, nhà thơ mà họ đã ít nhiều đóng góp cho nền văn học miền Nam. Và hôm nay, trên tay bạn, là tập 33 chủ đề về Bán Nguyệt san Ý Thức. Chỉ mong sao làm sống lại một tạp chí văn học có một cuộc hành trình trôi nổi nhưng đầy dấu ấn trong giòng sinh hoạt văn học nghệ thuật của thời chiến. Với những bài viết của chính những cây viết một thời trên các tạp chí văn học Sài Gòn cũ viết về Ý Thức. Và cũng chính là những cây viết nồng cốt của Ý Thức một thời đã qua. Đồng thời cũng để đánh tan sự hiểu lầm của một số người về nhóm chủ trương Ý Thức. (Xin mời xem bài viết của Phạm văn Nhân trong số này)

Qua số 34, TQBT sẽ do nhà văn Trần Hoài Thu đảm trách phần bài vở và kỹ thuật. Chủ trương vẫn trước sau như một: Cố gắng tạo TQBT thành một mái nhà để những người cầm bút cũ và mới có dịp gặp gỡ qua văn chương chữ nghĩa, tìm tòi sưu tập những di sản văn chương miền Nam.. Không thương mại, mong được gửi đến những người thật sự muốn đọc. muốn chia sẻ với chúng tôi.

Số tới, là tuyển tập thơ văn. Sau đó hy vọng chúng tôi sẽ thực hiện một số chủ đề đặc biệt: **trường xưa**, qua những giai phẩm, đặc san của các trường trung học quen thuộc trước 1975.

Mặt khác, – nếu điều kiện cho phép -, có thể TQBT sẽ không phát hành 3 tháng một số như bấy lâu nay mà có thể sớm hơn để quý bạn khỏi phải chờ đợi quá lâu.

Trân trọng.

TM Tòa soạn

Trần Hoài Thu & Phạm văn Nhân

sống và viết

Hoài Ziang Duy
Trần Hoài Thư
NG~.
Cái Trọng Ty

LTS:

Chúng tôi mở mục Sống và Viết để giới thiệu cùng bạn đọc những bài viết được xây dựng từ chất liệu sống của tác giả.

Đó không phải dựa vào hư cấu mà là kinh nghiệm thật. Một Hoài Ziang Duy chỉ kể ra một tình tiết về ngày nhận ra con mình cũng thấy nhói cả tim can... Đến THT, tiếng hát nhắc nhở đến một rừng trầm ở Trà Tiên thuở nào, rồi NG~, với bao nhiêu giờ thần trí u uất trong cái lò nung, để viết lên những ý nghĩ về văn chương... Và Cái Trọng Ty, qua bài thơ Đêm Vượt Sông Ba, từ cõi chết trở về cõi sống:

*tháng ba đơn vị vào đất chết
tan tác quân qua trời ô giang
trăng lên lợi ngược giòng hung hân
phòng tuyến dài theo phố chết chìm*

Có phải họ đã sống và viết ?.

HOÀI ZIANG DUY
mơ giấc đời thường

Trong đời tôi có những giấc mơ bất chợt, không tưởng lại đến. Không là vì hết, lại gặp. Có bao giờ bạn tưởng được người tôi muốn nói đến là Hồ Diệu Bang, lãnh tụ đảng ngày nào của Trung Quốc. Tôi không bao giờ

nghĩ đến ông ta, và cũng không hiểu sao ông xuất hiện, trong cơn mơ lạ kỳ này.

Điều tôi có chút cảm tình với ông, qua việc sinh viên biểu tình ở Thiên An Môn trước đây. Những giọt nước mắt thương tâm ở một người lãnh đạo, trước thân xác những người trẻ tuổi chống áp bức, đòi hỏi dân chủ công bằng xã hội. Nhưng cũng chính những lời phát biểu, đứng về phía quyền đòi được làm người. Những giọt lệ chắc không muốn cho ai thấy, biểu lộ bề trong một con người thật, làm địa vị, sự nghiệp bị kéo xuống, cho đến cuối đời ông nhắm mắt.

Tôi không hề quen biết ông ta. Tôi không có chút huyết thống nào để ràng buộc, bắt nhớ. Một giấc mơ đi qua. Ở đó không có hàng rào ngôn ngữ, địa vị, chủng tộc. Không chuẩn bị đo lường, gặp nhau từ tâm thức của một người đang ngủ. Phải chăng ở không gian này, còn có hơi thở sống còn, là còn thấy những việc ngỡ ngàng không liệu trước.

Như buổi trưa nay ở xứ người. Hơn ba mươi năm sau, vẫn thấy được gần mười ngàn người dân. Đàn ông, đàn bà, con nít, gái thượng đế ngực trần, bông bẻ tã tơi gồng gánh cái gia tài còn con từ thành phố An Lộc, đổ dồn về hướng Chợ Thành, Lai Khê.

Bắt tay đơn vị bạn được rồi. Tiếng báo cáo qua máy truyền tin. Cả tiểu đoàn reo vui.. Hai mươi ngày chiến đấu ở một điểm dằng co. Cái khoảng chia cắt địch chen vào, đã diệt xong, vòng đai An Lộc và đơn vị giải toả đã thông nhau. Hơn ba mươi ngày qua, chúng tôi một bộ đồ trần trên người, không tắm rửa. Ở cánh rừng cao su này, cách thị xã trước mặt bảy trăm thước, sau trận đánh, đơn vị án ngữ cho đoàn người từ trong thành phố ra đi. Cả tháng qua, người dân sống trong không gian, thời gian chịu đựng, chỉ thấy tia chớp, chỉ nghe tiếng nổ như bài học nằm lòng, thành phố bị địch vây phủ, hưởng chung đạn pháo với người lính trong cuộc. Bây giờ trận địa tạm

lắng, là lúc dân chúng thoát đi khỏi vùng giao tranh. Đi là rời xa, về hướng trước mặt, trên quốc lộ 13. Người lính chúng tôi, chứng kiến cảnh này không sao dấu được cảm xúc bồi hồi. Chiến trận vừa tạm lắng, liệu khoảng cách xa rồi có còn là chốn yên thân ?

Thực vậy, không tưởng được. Họ là người dân miền Nam, thoát đi như kẻ nhận chịu, tài sản là những gì trên vai, tay xách. Gia đình là người gần gũi ở một đoạn đường. Là cha, là mẹ, anh chị, trẻ thơ. Chỉ riêng trên con đường vượt thoát về quận Chơn Thành, gần hai ngàn người ngã xuống. Máu đỏ, xác người bỏ lại từ đạn pháo, từ phục kích của địch. Giấc mơ của đường đi không đến cho mỗi phận người là như thế đó.

Hơn một năm trước, trên đất Kampuchia, buổi đầu tiên đổ xuống vùng địch chiếm đóng, khu vực người Việt bị “cấp duồn”. Lần đó cái cảm giác chủ động hào hùng hơn hoàn cảnh này. Lần đó có chúng tôi trực tiếp ở trận địa với người dân. Trực thăng vận đồ quân xuống ruộng đồng ngập nước. Trên không máy bay L 19 bay quảng, phát loa, rải truyền đơn kêu gọi người dân Việt chạy ra, có chúng tôi đến. Có súng nổ, có đạn pháo chống trả, nhưng tấm lòng người lính miền Nam, cứu người Việt Nam, tinh thần dân tộc rõ nét hơn ở cuộc chiến tham dự. Tại vùng 4 chiến thuật, sư đoàn 9BB đảm trách hành quân sang đất Kampuchia (Bộ tư lệnh tiền phương, tiếp liệu đóng tại phi trường Châu đốc, 10 chiếc trực thăng chờ sẵn ứng chiến suốt ngày cho mặt trận ngoài lãnh thổ Việt Nam). Các trung đoàn hành quân tấn công hậu cần căn lớn quân Bắc Việt trên đất ChùaTháp, giải toả vùng bị chiếm, mở màn cho giai đoạn Việt kiều hồi hương. Phương tiện bằng tàu, bằng máy bay chuyên chở, đưa dân về miền Nam định cư.

Ở căn cứ Neak Luông, cách Nam Vang hơn 60 cây số. Trung đoàn 15 BB thay thế chiến đoàn B thủy

quân lục chiến. Hình ảnh cho đến bây giờ vẫn còn trong tôi mỗi lần nhắc đến. Tại căn cứ hành quân bộ chỉ huy trung đoàn, năm chiếc trục thăng ứng trục dưới ánh nắng. Phía trong bìa rừng không xa, mấy cô gái Miên vận xarông, một tay ôm chiếu, một tay xách xô nước chờ sẵn. Các cô gái bán xư bán thân, mời gọi người lính, đổi lấy gạo xấy, thịt hộp lương khô, tiền bạc. Dưới đôi mắt của người sáng tác, tự dưng tôi có ý nghĩ so sánh. Hai hình ảnh ứng chiến hoàn toàn tương phản, trong một xã hội chiến tranh vừa mới đến.

Hơn một năm hành quân trên đất Kampuchia. Biết bao điều tai nghe mắt thấy. Mỗi ngày trên sông nước Cuô Long, xác người xỏ xâu thả trôi sông lều bều. Từ xa cứ thấy dáng nằm xấp là biết người nam, nằm ngửa nữ. Coi như sống sao chết vậy. Trên bộ, đi qua những vùng đất khoai mì mọc lên cao, lá xanh tươi tốt, ở dưới là mộ chôn tập thể những người dân Việt. Người dân Kampuchia không phân biệt đâu là người lính miền Bắc đi qua, để lại ân oán cho người dân Việt ở địa phương lãnh đủ sự trả thù tàn sát. Từ nỗi ám ảnh mộ chôn sống người ở Huế năm tết Mậu Thân chưa phai. Bây giờ, nhìn mộ chôn tập thể đồng bào người Việt trên đất Kampuchia, mới thấy xác người Việt lưu vong trải đều theo vận nước đi xa.

Từ một giấc mơ không tưởng, bất chợt lại quay về một thời của năm tháng cũ. Chuyện đời. Có những điều tưởng như mơ mà là thực. Cái thực bình tâm, tỉnh táo thức, biết rõ cay đắng nào lòng. Hơn ba mươi năm qua, đâu ai nghĩ có một ngày chúng ta mất tất cả. Giấc mơ thực của một đời người đã dày vò nỗi lòng người lính, người dân, kẻ ở lại, người lưu vong, ngậm nỗi đau thương cho đến ngày nhắm mắt. Hẳn là cho mãi đến ngàn sau, thế hệ người dân này còn, là còn tiếng kêu bi thiết đánh động lương tâm. Nghiệp quả của một dân tộc, một thế hệ phải trả?

Cuối tháng tư năm 75 mất miền Nam, 9 ngày sau

đó chúng tôi bị giữ lại khi theo lệnh trình diện. Qua hàng rào kẽm gai, đưa con gái đầu lòng mười tháng tuổi đã được đưa qua lỗ vuông rào cho tôi bông. Đó là buổi chiều đầu tiên gia đình biết tin qua loa phóng thanh. Từ buổi đó tôi ra đi, chung cùng số phận với anh em, đồng đội, chuyển tiếp qua nhiều trại.

Lần thăm nuôi đầu tiên một năm sau. Ở tốp người đi ra gặp gia đình. Có đứa bé gái hai tuổi, một mình chập chững đi vào, đối diện với tốp người ra nhận thăm nuôi. Không ai biết con của ai trong đồng bọn tù. Nó cầm tấm hình chụp chung với nội, quơ qua, quơ lại trước mặt. Khi nhận ra hình ba tôi, đoán là con mình. Tôi bồi hồi ảm lên. Đứa bé nín thinh nhận chịu, không chút ngỡ ngàng.

Mười lăm phút cho thăm nuôi, trên chiếc bàn dài ngồi đối diện, hai hòng súng chực chờ, trước đôi mắt người vợ, trước đôi mắt trẻ thơ. Bài học nhân cách làm người tù binh. Lần đó còn có ba tôi. Một lần thôi và cũng là lần cuối cùng cha con gặp nhau.

Nhiều năm sau dài con mỗi mòn chờ đợi, ba tôi mất đi. Cái chết của ba thật buồn rầu tội nghiệp, khi chuyển qua hai, ba, bệnh viện ở Sài Gòn. Họ không nhận cấp cứu. Lúc thì tại vì không hộ khẩu, lúc thì khác phường, khác tuyến, khác khu vực chữa trị. Nghe qua, nhớ đến năm đầu tiên mất miền Nam, anh em thương bệnh binh cũng bị trục xuất, dắt dìu ra đường chịu trận. Ba tôi. Người lính, người dân có khác gì. Chỉ còn tiếng thở dài, đành thôi.

Ngày ba tôi mất, đêm đó ở nhà trại tôi nằm mơ thấy gia đình. Hình ảnh này thường nhật, tôi không nghĩ đến. Đã lâu rồi tôi tập quên đi. Mỗi khi có một thoáng hiện nào bất ngờ, tôi đứng lên tìm quên, hay kiếm một cơ nào khác. Sự bạc bẽo vô tâm ở chính mình, là cách chạy trốn môi thương cảm gia đình. Tôi sợ phải nghĩ đến hình ảnh cha tôi một thân một mình. Tôi lo người vợ không biết làm gì sống, ngoài việc dạy học trước đây. Mỗi tình

học trò từ thưở trung học rồi xong đại học mới cưới nhau, trong suốt bảy năm dài yêu thương. Tôi hiểu sự yêu đuối ở người vợ trẻ trước nghịch cảnh, đời đời lớn lao này. Hoàn cảnh bên trong bị bung bít, nên không ai hiểu người bên ngoài, cũng chịu đựng đau khổ như nhau.

Mỗi lần nghĩ đến tình thân. Ở đó có yêu thương, kỷ niệm. Có lo lắng mọi điều, là lúc tôi thấy mình không chịu đựng nổi. Biết chắc một điều, không có ngày trở về, không có đời sống gia đình như ngày cũ nữa. Thì thôi, quên đi cho đau khổ khỏi hành hạ lấy mình.

Mấy ngày sau có tin thăm nuôi. Nghe báo, tôi linh tính có chuyện không hay. Chiếc áo vợ tôi mặc giống như trong mơ tôi đã thấy. Đi cùng là thằng bé mười ba mười bốn tuổi. Hỏi là ai vậy. Thằng Sơn con chị tôi, đi theo thăm cậu. Chỉ mới vài năm thôi, đầu óc tôi thế nào, không nhận ra thằng cháu, thường hay theo tôi trước đây mỗi lần về phép. Đứa con gái nhỏ thỏ thẻ hỏi lâu quá sao ba không về. Nghe con hỏi tủi buồn không biết trả lời sao. Tin ba tôi mất.. Điều tôi đoán, đã là chuyện thực. Biết có ngày này, tôi vẫn nghe lòng mình chùng xuống với nỗi đau. Lúc này, mấy anh em tôi còn đang ở tù, tứ tán bắc nam, ba tôi không chờ gặp được đứa con nào. Mọi sự bên ngoài một tay gia đình chị tôi lo liệu.

Lúc này đang ở trại tù Xuyên Mộc. Trại chia làm 3 khu, theo thế tam giác ở giữa rừng mới khai phá, không có đường xe khách. Chung quanh là vùng định cư người miền Bắc đưa vào. Xe bao đến đây (loại xe chạy bằng than quạt lửa), phải ngủ lại cả người lẫn xe, hôm sau chờ thăm nuôi mới quay về. Bây giờ tôi lao động trên bệnh xá. Chiều tối qua nghe tin, có nhờ tên tù hình sự an ninh cầm mền ra. Nghe vợ tôi kể đêm ở rừng lạnh quá. Hỏi ra, mới biết thay vì đưa dùm, hắn ta đưa cho vợ hắn.

Gặp nhau, mười lăm phút thăm hỏi chuyện nhà. An ủi nhau để có chút niềm tin mong manh, chứ biết đến bao giờ. Lúc chia tay, biết ngày mai ra sao, có sống còn

gặp lại. Lần nào cũng vậy, lén lút qua vợ, qua con. Tôi gửi mấy bài thơ viết trong tù. Những giòng thơ đau thương nghệt ngã, những cảm xúc rất thực lòng. Trong nỗi sâu kín của tâm hồn, chỉ còn có thơ để vịn vào trang giấy, an ủi chính mình. Sau đó, về nhà vợ tôi chép lại từ mấy mảnh giấy vụn chỉ chút chữ, vào tập sách giữ gìn.. Những bài thơ mà sau này đọc lại, nếu không sống trong hoàn cảnh này, chắc tôi cũng không làm được.

Cùng ngày trở vào trại, chỉ mấy tiếng đồng hồ sau, công an trực gọi tôi lên bệnh xá cấp cứu. Bệnh nhân bị méo miệng, mắt mở lệch một bên. Tưởng ai, hoá ra anh chàng an ninh ban này. Thấy mặt nó, nhớ chuyện cái mền vừa rồi. Tôi đã bức. Nhưng lúc này trông hấn ta thật thảm, nước mắt nước miếng chảy ra há hốc, miệng không ngậm lại được. Bệnh xá với hai chục giường bệnh, chia từng khu vực loại bệnh. Cách sắp xếp này cũng từ anh em chúng ta điều hành. Nói rõ thêm một chút. Bệnh xá ở đây là bệnh xá mẫu để quay phim, hờ khi có phái đoàn quốc tế đến, nên tương đối sạch sẽ, sàn lót gạch bông, thuốc men được cung cấp, qua cục trại giam bộ nội vụ. Ở trại này Hồ hữu Tường, Nguyễn mạnh Côn chết, Duyên Anh cũng bị tai tiếng từ đây. Coi như ban ngày tôi ở bệnh xá, chiều tôi trở về lán, chung rọ hoàn cảnh với anh em, cửa khóa kín hai ổ khóa. Từ trước đến nay, mấy lần có tin phái đoàn quốc tế, nhưng rồi cù cửa nhùng nhằng, đâu đó nghe nói bị chặn lại ở phía ngoài, tôi chưa thấy phái đoàn nào được phép vào tận nơi đây cả.

Đã quen với nhiều ca cấp cứu. Tôi ngồi sau lưng hấn ta, châm kim đàng sau mấy huyết Phong trị, Phong phủ, Giáp Xa, Bách hội. Chỉ hai phút sau, cạnh hàm trên co giật run lên, rồi hạ xuống, nghe tiếng chuyển động, miệng nó ngậm lại được. Tên cán bộ công an đứng đó theo dõi buột miệng “Địt mẹ, hay thiệt”

Có khen gì đi nữa, khoảng cách ở người cai ngục và tù nhân còn đó, vẫn quanh quẩn ở tiếng chửi cuộc đời.

Sau ngày ba tôi mất, tôi có niềm tin chuyện trở về.. Cuộc đời như vòng Parabol, khi đã xuống tận cùng, thì sẽ cất lên. Thời gian ở bệnh xá, mấy nhân vật nằm bệnh điều trị lâu nhất tôi còn nhớ như Nguyễn văn Bốn, sư đoàn 22, bệnh cổ trướng. Nguyễn văn Thành sư đoàn 21 bệnh hở van tim, Giang văn Bé tiểu khu Phước Tuy bệnh xuyên. Đặc biệt có ông thầy Ngã Sáu, (tội hình sự, nhưng nằm điều trị chung một bệnh xá). Lúc có bệnh nặng cần chuyển, nhưng không được chấp thuận. Anh em nhờ ông viết ít chữ bùa để dưới gối nằm người bệnh, là hôm sau bệnh nhân được chuyển đi bệnh viện. Tôi không biết làm sao giải thích chuyện này. Một lần để thử ông ta. Anh Lang người làm chung trên bệnh xá hỏi ông ta về đứa con trai. Tôi thấy ông bảo chờ chút. Ông nhắm mắt gõ vào vách, che tai lại nghe. Một lát ông kể lại đoạn đường vượt biên sóng nước ra sao, như thể ông ta đi chung trong cuộc. Tôi kéo anh Lang ra hỏi riêng. Đúng không? Anh Lang nói đúng như thằng nhỏ vượt biên gởi thư về kể cho vợ anh ta. Tới phiên tôi. Tôi hỏi về chị tôi, và nơi chôn cất ba tôi. Mỗi lần vậy. Ông ta bảo chờ một chút. Đưa tay gõ vào vách ván cụp cụp, áp tai vào nghe. Ông mô tả nhà chị tôi ở hẻm, trước cửa nhà ra làm sao, mộ ba tôi chôn vị trí như thế nào. Tôi thấy ông nói đúng, kể cả mộ ba tôi sau này khi về tôi mới biết. Một xã trưởng ở Tân Trụ, Long An. Ông là người tù chính trị, chống chính quyền có án đưa từ Chí Hoà lên , bị tra tấn lúc ở các trại giam trước, hay bí tiểu.. Ông nói với tôi, chú về chắc tôi chết quá, không còn ai để trị bệnh. Ở đây không có thuốc men. Cách vài ngày phải nhờ chú. Nói xong, giọng ngào nghẹn, bất chợt ông quì xuống, nước mắt chảy ra. Ông khóc. Hành động bất ngờ làm tôi ngỡ ngàng. Tôi cũng không ngờ tấm lòng ông đối với tôi.. Ông dặn dò. Chú về ghé qua nhà tôi, tôi còn đứa cháu chưa có gia đình, giới lắm. Nhà có ruộng vườn sẵn hết, khá lắm. Tôi muốn gả nó đền ơn cho chú. Tôi nhấn về trước . Tôi cười trừ. Thôi

chú, tôi có vợ rồi. Chú cười gượng. Có sao đâu, tôi có tới ba bà lận mà.

Một năm sau ngày ba tôi mất, tôi có giấy tạm tha. Qua cổng trại, quay đầu ngoá lại. Tôi thấy đôi mắt của Nguyễn Văn Thắng, người bạn tù ăn cơm chung nhìn theo thật buồn, tuyệt vọng. Nó ám ảnh tôi dai dẳng về sau, mỗi lần nghĩ đến. Tôi cũng không có dịp tìm đến nhà ở Tân Trụ như chú gởi gắm. Mấy tháng sau hỏi thăm nghe tin chú mất ở bệnh xá, lòng thấy buồn ngùi thương nhớ anh em còn trong cảnh ngộ. Đã lâu. Không hiểu sao tự dưng đêm nầy, tôi lại nhớ câu chuyện về chú. Tha lỗi cho tôi ghi lại hình ảnh và mấy giọng muộn màng nầy.

Ngày về thăm mộ cha tôi. Giọt giọt nước mắt cho lần hạnh ngộ. Ở dưới mộ sâu, ba nằm đó. Từ buổi trưa ra đi, chỉ một lần duy nhất gặp lại ở kỳ thăm nuôi. Tôi biết ba tôi cũng buồn nhiều lắm. Hoàn cảnh rồi ren lúc bấy giờ, ba nói ba già rồi, con có đi thì cứ đi, ba ở lại. Cũng vì nắm nín tình cha con, không nỡ bỏ ba một mình, tôi ở lại. Được gì ? Có được đâu sự gần gũi nào. Chỉ có năm dài trong cảnh tù đầy khôn khổ, cho đến ngày ba nhắm mắt, không gặp. Thời gian cầm bằng như không, một thời tuổi trẻ chôn vùi, vợ con chung cùng một hoàn cảnh chịu đựng.

Đứng ở bên mộ, tôi nghĩ đến hoàn cảnh thân phận mình bây giờ mà thấy chua xót quá. Tất cả đều đổi thay xa lạ, chính mình mang lấy mặc cảm, không muốn nói, nhìn tới ai. Suốt mấy năm dài bị theo dõi rình rập báo cáo, tạo cho mình mỗi nghi kỵ ở người chung quanh. Bây giờ trở ra cuộc đời rộng lớn hơn, cảm thấy mình lớ ngớ trước ngôn ngữ danh từ thường nhật không giống ai, cảm bằng sự thua thiệt cười buồn. Hôm nay ở đây, ngày mai về quê nhà, nơi khai báo địa chỉ cư trú quản chế. Liệu tôi có thời gian đi đứng được tự do chút nào? Đó là lý do tôi lưu luyến ở Sài Gòn đến hai ngày, thay vì về thẳng, bỏ mặc vấn đề an ninh đe dọa từ chỗ thả. Ba năm sau nghỉ trang

Phú thọ Hoà giải toà. Lý do nhà nước cần lấy đất . Tất cả đều chịu chung số phận mồ mã, hài cốt bốc lên, trong đó có ba tôi (dù là đất chôn mua vĩnh viễn).

Đâu ai nghĩ chúng ta mất tất cả, địa vị, nhân cách làm người trên đất nước mình sanh ra, hành xử trong cuộc sống để rồi tản lạc khắp nơi tìm tự do. Chuyện đời thật tình cái gì cũng có thể xảy ra. Oái oăm trong mơ tôi gặp người thất sủng Hồ diệu Bang. Tôi còn nhớ trong trại cải tạo, cán bộ lên lớp dạy cho chúng tôi niềm kiêu hãnh là, đồng chí Lê Nin là người Việt Nam, vì ông ta họ Lê, tên Nin. Bây giờ trong mơ qua câu chuyện, lại thấy ông nhận mình là người Việt Nam lưu lạc ở đất Tàu.

Năm xưa, trên đất nước Kampuchia, chúng tôi đến đưa người dân Việt về nước. Hai mươi năm sau chúng tôi sống lại đời sống di dân. Đâu ai nghĩ. Cái vòng tròn xoay định mệnh không hẹn lại đến. Bây giờ, ở đất nước không là của riêng ai. Cứ quên mình là ai, để không thấy lạc lõng thân phận con người. Nghĩ là vậy, nhưng không dễ vậy. Đôi khi vẫn nghe chua chát ngậm ngùi. Ở một quốc gia có quá nhiều sắc dân chủng tộc. Chúng ta sống trôi theo một luồng sóng mênh mông. Ở đó có ham hưởng đua đòi theo tới. Ở đó có định mệnh đẩy đưa, không còn chọn lựa nào khác. Ở hai bờ vực, ở hai bờ đại dương trong cuộc sống. Người đi thương về chốn cũ. Kẻ ở lại, mang tâm trạng nuối tiếc.

Ở quê nhà anh và tôi là kẻ đứng bên lề. Còn chốn này sự kỳ thị không nói ra, vẫn là một giai cấp thứ bậc trong xã hội. Điều cảm nhận này, chính thể hệ chúng ta, những người bỏ nước ra đi bị dị ứng và chịu đựng nhiều nhất. Bạn tôi ơi, hiểu dùm. Không có chỗ quay về, khác gì như người không thể ra đi. Cảnh ngộ có khác, vẫn chung cùng một thân phận là người mất nước.

Sống, đâu phải giản đơn trong ý nghĩ sống chỉ có mình. Còn nhớ, mới đây cô bạn người Đại Hàn trong sở khỏe, nước họ ở vùng quê, hiện giờ rất nhiều cô gái Việt

Nam. Tôi hiểu dụng tâm, muốn nói chuyện mua gái, bán buôn người mình. Nghe qua, không phải là người thân, không có tình ruột thịt, dù ở Bắc hay Nam, miền Trung, miền Tây, thành thị hay thôn quê, không quen biết, vẫn thấy hồ thẹn chính mình. Tôi nói chuyện này chỉ xảy ra, sau ngày mất miền Nam. Thời chúng tôi không có kế hoạch, dịch vụ buôn người lao động. Cô bạn nghe qua, như người khác tin hay không khó mà biết được. Bởi hàng loạt mai mối mua gái, bán nhau qua lại, là một phong trào ở Đài loan, Mã lai, Đại hàn trên xác thân dân tộc Việt.

Người trong nước chủ xưởng có tiền không thấy đau, nhưng người Việt lưu vong lại nhục dùm cái tình yêu tổ quốc. Cô gái Miên ngày nào cầm chiếu sẵn sàng đổi chác xác thịt riêng rẽ, ven cạnh bia rừng, đằng xa mấy chiếc trục thẳng ở căn cứ Neak Luông, chắc vẫn không có khả năng son phấn bán mình đi xa như vậy. Cô ta chỉ thấy cây rừng bao phủ dòm ngó. Ở đó có đất trời, có lạc hậu với hoa đồng cỏ nội, có sung sướng, có đau khổ, có hy sinh cho ai vì một lý do nào đó, vẫn là sự mặc cả sông phẳng giữa một cá nhân, tiền trao cháo múc. Cái hình ảnh vương vấn năm xưa người lính nào cũng thấy, thấy đề mà thấy trên đất nước chính họ. Hình ảnh mà mấy chục năm qua, tôi vẫn còn nhớ để so lại bây giờ. Nó không là tiếng kêu bi thiết, bị gạt găm bỏ rơi. Nó không là biểu tượng để đánh giá một dân tộc trong thời chiến.

Còn bây giờ chúng tôi bỏ nước ra đi, từ cái giá phải trả xong, vẫn chưa yên. Người khác vẫn nhìn màu da tôi, cho về một phía. Khác chăng ở hoàn cảnh và định vị nơi chốn. Có nói thêm cũng không mấy người chịu hiểu. Đưa con gái ngày nào ẵm bông qua lỗ vuông rào. Bây giờ đã làm mẹ, không thấy xót xa oán trách về một thời ấu thơ khốn khổ, đi theo mẹ thăm nuôi cha qua nhiều trại tù. Tuổi trẻ lớn lên sống với tấm lòng vị tha nhân ái làm người, đâu có nỗi đau đeo đẳng của người trong cuộc.

Thời gian có đẩy lùi quá khứ đi xa, vẫn không xò

ngã nổi một giai đoạn lịch sử, có hai miền đất nước. Có che dấu thân phận thế nào đi nữa, thực tế dấu tích vẫn còn đó. Bởi, nếu không có sự thể ngày trước, thì đã không có ngày hôm nay.

Giấc mơ nào rồi cũng qua đi. Cuộc đời như một dòng sông xuôi chảy. Tình yêu, tình người có như cát bồi che lấp rồi cũng thân nhiên thôi. Trong em và tôi. Phải chăng, giấc bình yên là không có cơn mơ nào trong đời sống thực.

TRẦN HOÀI THU

Tiếng hát

Thử tưởng tượng về một niềm vui khi một người được hát lại bài hát mà mình ưa thích sau một thời gian không được phép... Là một nhạc sĩ. Là một ca sĩ ngày trước 1975, trong một đoàn văn nghệ quân đội, anh đã có mặt ở tiền đồn, và đã từng trình diễn biết bao lần. Anh nói, sau 33 năm, anh mới hát lại bài hát này. Rồi, cầm cây đàn tây ban cầm, anh bắt đầu dạo. Vàng trán anh nhăn gọn, mắt anh khẽ nhắm anh cất lời. Một bài hát thời chiến chính. Một bài hát diễn tả giấc mơ của người lính, một ngày tiếng súng chấm dứt. Một ước mơ rất giản dị, rất tình người. Một bài hát mà ở hải ngoại này rất quen, nghe đến nhàm tai. Tuy nhiên đối với một người nhạc sĩ, một ca sĩ, vừa mới qua Mỹ đoàn tụ mới ba tuần, thì không phải vậy. Phải mất 33 năm mới được có dịp để hát lại. Mất 33 năm mới được dịp để tìm mình nhịp theo nhịp nhạc, lời ca cũ ngày nào.. Quả là một chờ đợi khủng khiếp.

Tiếng hát, ôi tiếng hát. Khi miệng mở lời. Khi âm thanh trầm bổng, khi nhịp điệu êm ái, khi cung bậc được định

nghĩa, là âm nhạc bắt đầu. Nhưng bắt đầu từ trái tim. Để nhạc sĩ truyền đạt tấm lòng. Để người hát truyền đạt đến người nghe hay cho chính mình. Để đời được thi vị hơn, hoan lạc hơn. Để nỗi buồn ta có thể nương tựa, hạnh phúc ta có thể được chia chác với đời.

Hãy thử nghĩ nếu không có âm nhạc và tiếng hát, đời quả là buồn tẻ biết bao !

Hãy nghe đâu đó, trong rừng, tiếng chim hót líu lo. Không phải hót một mình, mình nghe. mà hót gọi đàn, gọi bạn, gọi tình. Vì tiếng súng hết rồi. Vì đạn bom cũng ngưng rồi.

Loài người bắt đầu trả lại rừng cho chim muông cảm thú.

Nhưng có khi chim cũng sợ không hót.

Chim sợ bởi vì khi không có đám người đói khát xâm chiếm rừng. Bất kể thời tiết nắng mưa, ngày ngày đám người vào mặt khu tàn phá. Trầm con, trầm mẹ, trầm cha. Trầm rui, trầm mè, trầm cột. Họ đồn tất cả, không chừa một mống. Tiếng búa vang dội cả một vùng. Có khi bọn người la gào, cùng nhau đuổi một con sóc trên cành cao. Sóc nhảy chuyền từ cành này sang cành khác. Bọn người cũng không kém, dưới gốc, vừa hét hò vừa rung cây. Chỉ đáng thương cho con thú nhỏ bé vô tội, với bộ lông màu nâu pha lẫn màu huyết dụ rất mượt mà, đã phải quá kinh hoàng, rơi nhào ngay xuống biển nước. Có lẽ sợi dây thần kinh của nó bị đứt như người trong hầm bị bom dội phải long óc, hộc cả máu mồm chẳng.

Như vậy, làm sao để còn nghe cái âm thanh bay bổng líu lo của những con chim rừng ?

Dù vậy, chim cũng có chỗ khác để mà đến, để tiếp tục hót. Còn đám người kia, thì không có chỗ để mà đến. Bởi họ là

tù nhân.

2.

Nói là không có tiếng hát thì cũng lừa dối chính mình. Vẫn có chứ. Mỗi đêm. Vào giờ sinh hoạt. Có kiểm thảo. Có phê bình. Có tuyên dương, bình bầu. Có văn nghệ. Vẫn là "*Bão Nổi Lên Rồi*". Vẫn là "*Bác cùng chúng cháu hành quân*". Vẫn là "*Đêm nay trên đường hành quân ra mặt trận*". Vẫn là "*Trường sơn đông nhớ Trường sơn tây*". Vừa hát vừa vỗ tay. Ôi bản thảo của người sống sót, sao mà buồn quá vậy. Đám tàn quân thất trận lại ca lên ai oán đêm nay trên đường hành quân ra mặt trận nữa ư.. Tại sao lại không vui, khi miệng cất lời ca, khi bàn tay vỗ nhịp?

3.

Có điều họ cấm thì cấm, chúng tôi hát thì cứ hát. Hát khi vào trong rừng sâu, hai bàn chân bị đĩa trâu bám chặt hút máu no nê, cả thân hình thì lũ vắt nằm im đầu đó say máu ngủ yên... Trong cối im lặng ấy, chỉ có gió đùa rập những bông hoa tràm trắng, chỉ có bãi sinh đen ngoài bìa rừng, và cả rừng bông súng màu hồng nhạt, thì chúng tôi ngồi lại trên mô đất. Đốt vỏ tràm nấu lon guigoz lấy lá nhai lỏng thay trà. Sau đó chúng tôi làm văn nghệ tự phát. Chúng tôi hát cho nhau nghe. Hết nhạc Trịnh Công Sơn đến nhạc Từ Công Phụng hay Phạm Duy. Bây giờ rừng chỉ có chúng tôi và chúng tôi chỉ có rừng. Chẳng có ai rình mò, báo cáo. Chẳng có ai kết tội đầu óc chưa giác ngộ. Lời ca tiếng hát vừa đủ nghe, chẳng cần đàn trống, chẳng cần âm thanh ánh sáng, sân khấu đèn màu, nhưng con tim chúng tôi như lắng chìm trong một cõi âm thanh đã mất, rất tha thiết.

Nó làm ta quên đêm, quên ngày. Quên sống dở và chết dở.

Thường thường vào đêm thứ bảy, chúng tôi được tự do, không có những cuộc sinh hoạt kiểm thảo như thường lệ. Chúng tôi vẫn tìm đến cái lán của Hải - nguyên là một trung úy Hải quân. Mỗi đứa mang theo đường, hay bánh kẹo do thân nhân tiếp tế hay có khi cà phê thuốc lá. Không trà, không cà phê thì dùng lá nhai lỏng, hay củ sâm rừng thế tạm. Và trên tấm chiếu, cả bọn quay quần, nghe Hải độc tấu. Người ta cầm hát bằng miệng, nhưng người ta không hiểu đôi khi khỏi cần miệng, mà dây đàn khi rung lên cũng có thể chuyên chở tất cả.

Rồi đến một đêm, chưa bao giờ thấy Hải say mê đàn như vậy. Anh độc tấu không nghỉ, Từ tấu khúc của Strauss, Bethoven đến Trịnh Công Sơn.

Có lẽ những ngón tay bấm đàn của anh phải rỉ máu cũng nên.

Và đêm đó anh trốn trại. Sau đó khoảng 3 ngày anh bị bắt lại. Nghe nói anh bị giải về CT và bị tuyên án tử hình.

Không biết cây đàn di vật của anh có bạn tù nào giữ không.

Ồi tiếng đàn tiếng hát của một thời. Nơi này, dù ca sĩ có nổi tiếng mấy đi nữa, dù tha hồ ca hát đi nữa, nhưng có sao, tâm hồn mình cảm thấy thiếu vắng một cái gì. Lời vọng cổ *Tình anh Bán Chiếu* được Bé xề xuống rất ngọt hay tiếng hát buồn buồn *Trở về Mái nhà xưa* của Bình, mà nhịp đệm là tiếng máy tàu kêu đều đều khi chiếc ghe chờ gạo từ Chợ Tròn về lại trại, qua một bãi lau bạt ngàn, và giòng nước được giắt bởi một màu vàng kim loại... Hay tiếng đàn của Hải... Tiếng đàn vẫn như vắng bên tai. Tôi cứ nhớ đến đôi mắt anh nhắm nghiền, đầu hơi cúi xuống, và những ngón tay lướt nhanh trên dây đàn. Có lẽ anh muốn gửi tặng chúng tôi tất cả những gì anh có được trước

khi vĩnh biệt chúng tôi chẳng.

Tôi hiểu tại sao rồi. Bởi vì nó chính là niềm cứu rỗi trong những ngày chúng tôi sống dở và chết dở.

NG~.

Văn nghệ...lang thang

Tháng Bảy. Tháng của những ngày nhớ về mẹ. Tháng xá tội vong nhân. Tháng báo hiếu. Mỗi người có cách hành xử khác nhau trong tháng Bảy. Nhưng tất cả đều đẹp. Đẹp từ trong tâm thức đến hành động. Xưa, Nhất Hạnh viết *Bông Hồng Cài Áo* đã làm hàng triệu bạn đọc rung rung, để nhớ về Mẹ. Nay, mùa tháng Bảy, trong nước xuất hiện bộ phim *Linh Hồn Việt Cộng* do nhà văn nhà báo Minh Chuyên làm đạo diễn cũng đã làm rung rung hàng triệu con tim khán giả. Nhưng khôn nổi, tháng Bảy của Nhất Hạnh là chân thật gây xúc cảm; ngược lại tháng Bảy của *Linh Hồn Việt Cộng* là giả dối đến trắng trợn để đánh lừa cảm xúc của kẻ khác. Đã đành, sự hy sinh xương máu cho lý tưởng, từ một sự chọn lựa, dầu bên này hay bên kia đều đáng trân trọng. Nhưng người cầm bút không có quyền và được quyền đánh tráo, bôi bẩn sự hy sinh của họ.

(mời bạn đọc vào trang:

<http://lebaduong.vnweblogs.com/post/4182/88242> , và trang <http://lethieunhon.com> để đọc *Linh hồn Việt cộng* và cuộc phản biện chớp nhoáng của Tuy Hoà, cùng thư trả

lời của Minh Chuyên).

Viết là ý thức. Người cầm bút hơn ai hết phải tôn trọng sự thật. Đó là nhân cách của nhà văn. Khi ngồi vào bàn viết, điều bình thường nhất là câu tự vấn: viết cái gì, cho ai? Nhất lại là câu chuyện thật (Một nửa linh hồn Việt cộng là phim tài liệu), không phải là truyện ngắn hay tiểu thuyết để hư cấu. Mà dẫu là hư cấu thì cũng không thể đánh tráo, bôi đen một nửa.

Mới đây, khi nói chuyện với Trần Hoài Thu về văn chương trong nước, anh luôn hoài nghi về cách nhìn và cách viết về nhân vật phản diện (của các nhà văn vc), không bao giờ làm đúng thiên chức của nhà văn. Và anh cũng tự hào rằng, hầu hết những người viết văn miền Nam trước 75 luôn tự đặt trách nhiệm của người cầm bút trước độc giả, dẫu là hư cấu thì cũng không bao giờ chối bỏ sự thật. Và đó là giá trị của trang viết. Ngược lại, chỉ là nhảm nhí, một thứ tuyên truyền rỗng tuếch. Văn chương tuyên truyền thì không thể là văn học. Đó chỉ là những lời véo von, hô hào để đám đông xông tới. Nó chỉ là những câu khẩu hiệu vắn vè để ru ngủ, quạu mắt cho cái đám đông quần chúng trong một xã hội toàn trị mà thôi.

Có một thời kẻ viết bài này mê Nguyễn Tuân đến cháy bỏng tâm can, qua Vang bóng một thời, Chùa Đàn, Phở, Tóc chị Hoài... nhưng lại vô cùng thất vọng khi cầm cuốn bút ký Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi. Cái giọng văn sang trọng trước kia giờ như đồng xà bần bần thiu trong tập bút ký ấy, chỉ vì Nguyễn Tuân đã đánh mất thiên chức và nhân cách nhà văn để nhảy vào lãnh vực thông tin tuyên truyền với mớ ngôn ngữ chợ búa, hạ cấp, hèn nhát quỳ mọp trước những Thương Ưởng, Lã Bất Vi thời toàn trị.

Lịch sử Trung quốc được xây dựng bằng máu và xương

của nhân dân qua các triều đại, nhưng những nhà văn Trung quốc chưa bao giờ hạ bút ca ngợi các bạo chúa của họ, từ cổ chí kim, trong khi ở ta thì thiên sông vạn núi những lời ngợi ca những huyền thoại huyền hoặc, rỗng tuếch và họ gọi đó là văn học: văn học mang tính đảng, tính nhân dân, tính giai cấp...và đó cũng là hệ quả của sự liêm sỉ. Nhân cách sống như thế nào thì khi viết cũng như vậy. Chẳng qua, chỉ là những đứa con hoang trong văn học chứ không thể gọi là nhà văn chân chính được.

Nhân dân thì thừa ra đấy, đầy đấy ra đấy những khốn khổ, nhưng khi cúi xuống trang viết thì nhân dân bị đặt bên lề, nhường chỗ cho những bài tụng ca, trở thành loại văn học quốc doanh! Khốn nỗi có một điều, những nhà văn hôm nay mấy ai nhận ra: “nhân dân luôn luôn đúng và các chế tài chính trị, các loại nhà nước luôn luôn sai”. Nếu có thể gọi đó là chân lý cũng không sai.

Không sai bởi vì một phía là đám đông và phía bên kia là nhân danh cái đám đông ấy để mưu đồ quyền lợi cá nhân và phe nhóm!

Điều này khá đau lòng, khi kẻ viết bài này có dịp lang thang một số tỉnh miền Tây Việt Nam. Ở đâu cũng thấy miếu thờ các vương phi Gia Long khi trên đường bôn tẩu, chỗ nào cũng có vài ba truyền thuyết về Gia Long. Tại sao vậy nhỉ? Chẳng lẽ nhân dân thì sai mà các nhà sử học thì đúng? Lại nữa, khi ghé lại Giồng Trôm (Bến Tre) thấy dân xây miếu thờ cụ Phan Thanh Giản trong khi nhà nước thì quay lưng với một công thần có nhiều công lớn cho đất nước, chỉ vì những lệch lạc vớ vẩn của một sử gia vớ vẩn Trần Huy Liệu: *Phan Lâm mãi quốc triều đình khi dân!*

*

Mấy năm gần đây, trên mạng xuất hiện một loại thơ gọi là Tân hình thức. Số người làm loại thơ này khá đông, nhưng biết độc gia yêu mê loại thơ này có đông đảo hay không? Chỉ riêng anh bạn tôi, cũng dân thơ nòi, phán một câu

xanh dòn: “Đọc cứ như thấy ông già rụng hết răng!”. Anh ta xì mũi: “Bây giờ cậu cho tôi mượn tờ báo và chiếc kéo, tôi sẽ cắt từng từ, bỏ vào rổ, xóc lên rồi bốc ra từng từ ráp lại sẽ thành bài thơ cho cậu xem”. Anh ta làm thật. Và sau đây là bài thơ anh ấy sáng tác trên những từ cắt rời trong tờ báo:

*truy tìm cô lập cơ
nam quan trắng cò nước chảy
xã thẳng xuất tư mặt dụng viên
kali H.Cư 95% kết quả
khốn đốn
đều phân phối truy tìm
ba lít máu...*

Ô hô, thơ ngoài quốc doanh thì vung vẩy, thơ trong quốc doanh thì khép nép.

Văn chương cung đình khoa trống gõ chiêng.

Trống lừng, chiêng rè quạnh

CÁI TRỌNG TY

Đêm vượt sông Ba

1.

*Thời loạn lạc linh hồn ta khát tận
Cuốn băng đời sao chép chút tàn tro
tiến thoái gay go núi rừng hun hút
vượt cao nguyên bụi đỏ lấm giày saut
chiều đen sẫm cơn bão đời đỏ sập*

đêm môi thơm dáng lụa gió vàng lay
mây đứng trắng khuya
hồn thơ lãng đãng
quán Dinh Điền giọng hát Lê Uyên Phương
Em khép trang thư chiều nào hẹn muộn
những phương trời bom đạn réo âm vang
những cội thông già chờ vợ gió rũ
ngọn đèn khuya vàng vổ rớt trên vai
pháo từ lũng xa vọng về quan ải
pháo cầm canh lay động bóng thời gian
tháng cuối mùa xuân
trời Pleiku mưa hắt
tin dữ truyền nhanh
sóng ngầm dậm đường
em uất hận bỗng rơi vào tuyết lộ
ngóng mây xa
phố động nắng lao xao
chiều di tản
chợt lòng đau xót tận
bóng núi mờ xa hút nhạt nhòa phai
đá dựng lên cao
lối mòn xuống thấp
giặc chốt đường giăng lưới vòng mìn giây
nắng quái chiều giông gió gào thông thống
con ve sầu rả giọng réo âm mưa
gác lưng đêm xưa vỗ bờ môi ướt
hạnh phúc nào xuôi ngược mạn thuyền
trắng
những rặng hoang thơ dập vùi kiếp nạn
em bồi hồi rạo rức gót trắng non
mắt u uất tô rèm mi ngọc thạch
vết chân chim vạch một nét ưu phiền
là xa mãi cõi đời thơ ướp mật
xa núi, theo sông, theo rừng, ra biển
sóng Đà Rằng một nhọc cuốn lênh đènh

mây trắng liên thành ùn cây liếp núi
trời hoang vu mờ tình lộ bấy bề
như mũi tên bay ngập giòng lịch sử
máu sôi trào điên loạn giữa trùng vây

2.

đạn xé đổ nòng
pháo phòng không đổi hướng
địch hướng nòng trực xạ bắn như điên
quét sạch bia người con thú bị thương
máu đỏ lên sông
vạn người chết đáp
xương thịt tanh ôi một vùng tôm lợm
ngày quý ma đồng nhập say men
có những bé thơ chết chùm cha mẹ
chiều Tuy Hòa rũ rượi ngóng bơ vơ
ngày sắp tắt sao em còn đứng đợi
đêm về đâu đêm loạn lạc chia ly
mẹ em chết thây vùi không nắm mộ
em lạc loài súc mề tấm thân cô
Tổ quốc xanh xao trùng trùng dâu biển
chiều sông Ba ghê tởm cuộc nhân sinh

3.

những đợt rút quân giết dần sinh lực
chiến trường im vắng lặng đến u mê
thời chinh chiến trao thân nhằm lãnh tụ
đứng chông chênh giữa sấm động chớp
nhòa
chiều di tản rừng xe người hỗn độn
xé màn mây lửa dẫm đạp lên nhau
Sông Ba! giòng Sông Ba ngập máu
tráng sứt hể buông gươm
xẻ một đường tận tuyệt
hồn theo mây về lại chốn quê xưa

4.

thời mê sáng vết thương sâu tận tủy
đêm kinh hoàng rừng động đến ngàn sau
leo lét đèn sao hồn như men rượu
huyết mộ dài gió lốc hủ mê man
mùa xuân đào Mang Giang
trời đã quì vàng cháy
chiều An Khê đạn pháo vát đầy khe
đoàn quân di lạnh cầm rì sét
đồi núi hoàng hôn sương lạnh cầm
đại đội bơ vơ bám rừng hừng đạn
lệnh lạc oan khiến đi lụy một đời
bày cuộc cờ quái dị
vùng nước đi hạ thủ bắt hoàn
thí triệu nam quân vào giòng sông máu
nợ đến bao giờ trả hết những hồn ma

5.

tháng ba đơn vị vào đất chết
tan tác quân qua trời ô giang
trắng lên lộ ngược giòng hung hãn
phòng tuyến dài theo phố chết chìm
em lọt vào đây mùa biến động
xa ngái đường bay đến cuối trời
sông sâu quý dữ chiều xám ngoét
rừng độc cộp vằn râu tóc dựng
bám đường lộ núi thoát về Nam
em cùng bèo giạt chìm cuộc chiến
nằm lại bên bờ sông quạnh hiu
anh theo em ngược về Lương Quán
xẻ mảy dặm trường kiếm Giáng Thor
đồi hoang mây nổi chìm sóng nắng

và đêm giông em bỏ cuộc về đâu

6.

vách sóng xơ xác đôi tiếp đôi
đường thấp sườn cao đá dựng đứng
chiều Cheo Reo hốt hoảng kiếm tìm em
có xuyên một đoạn đường tru bức
em rũ mềm như nắng lụa chiều thu
đâu đây sóng biển gào thê thiết
kiếp đã tràn xe cát biển đông
em yêu sợi khói tan vào côi
vượn hú đâu non vọng cuối ngàn

Phố cao mây rũ lưng đôi
khóc em về chốn bạt ngàn gió mưa
thủy triều lên cỏ dập vùi
loanh quanh vương dặm đoạn trường tả tơi
gắm trông nước mắt nhà tan
sóng xưa ản mật mịt mù âm vang
côi riêng xa dạ bồn chồn
sóng xô nửa bãi cát lầy biển vơi.

Cái Trọng Ty
(Houston, Texas)

VIẾT VỀ Ý THỨC

- TQBT: Tóm lược về hành trình của tạp chí Ý Thức
- LỮ QUỲNH: Những Kỷ Niệm Về Một Thời Ý Thức
- NGUYỄN MINH : Ý Thức: Đời sống của tôi
- VÕ TẤN KHANH : Những khuôn mặt tình
- LÊ KÝ THƯƠNG : Tưởng trong giây phút thành tình thiên thu
- TRẦN HOÀI THU : Nhớ về một thời Ý Thức
- PHẠM VĂN NHÂN : Về Ý Thức cũ
- NGUYỄN LỆ UYÊN: Một thời với Ý Thức
- KIM QUY: Ngày ấy, bây giờ
- LỮ KIỀU: Tự tình với nhóm Ý Thức
- NGUYỄN ƯỚC: Còn nợ một thời

Trích:

Thơ Lữ Quỳnh, Châu văn Thuận.

Truyện của Hồ Minh Dũng, Ngụy Ngừ

TÓM LƯỢC HÀNH TRÌNH TẠP CHÍ "TÒA SOẠN THEO CHÂN NGƯỜI VIẾT" : Ý THỨC

- Năm 1957 : Nhóm Ý Thức đầu tiên mang tên Gió Mai, được thành lập ở Huế. Gồm có Lữ Kiều, Lữ Quỳnh, Hoài Linh, Thùy Linh (Ngỵ Hữu Trần Hữu Ngũ), Hồ Thủy Giũ, Nguyễn Thanh (Nguyễn Mậu Hưng), Thiên Nhất Phương (Châu văn Thuận), Nguyễn Minh, Hồ Thanh Ngạn, Hồ Nguyễn Hàn...

Nhóm đã phát hành một số tác phẩm, đặc san bằng hình thức roneo hay viết tay.

- Năm 1969: Gió Mai mở rộng và đổi tên là Ý Thức, hai tháng ra một số báo, in roneo. Lúc này, nhóm chủ trương có thêm Trần Hữu Lục, Lê Ký Thương, Võ Tấn Khanh, Đỗ Nghê (Đỗ Hồng Ngọc). Tòa soạn : **Theo chân người viết.**

- Năm 1970: Tòa soạn dời vào Sài Gòn, ra chính thức Bán nguyệt san văn học nghệ thuật, in Typô rồi đến Offset, phát hành rộng rãi toàn quốc. Tòa soạn đặt tại 666 Phan Thanh Giản, Sài Gòn. Số 1 phát hành ngày 1-10-1970. Nhóm chủ trương có thêm Ngụy Ngũ, Trần Hoài Thu, Nguyễn Mộng Giác. Báo ra được hai năm với 24 số thì tạm đình bản.

- Đầu năm 1975, Ý Thức ra bộ mới do Lữ Kiều chủ biên, lúc bấy giờ nhóm chủ trương có thêm Hoàng Khởi Phong, Lê văn Ngăn. Báo vừa in xong số 2 thì biến cố lịch sử 75 xảy ra, chưa kịp phát hành.

- Năm 1998: Nghi Hữu: Một thành viên nòng cốt của nhóm qua đời.

- Năm 2001- về sau: Ý Thức thỉnh thoảng lại xuất hiện dưới tên mới: Ý Thức Bán Thảo. Chỉ phổ biến rất giới hạn dưới hình thức bán thảo. Như đánh dấu một cuộc hội ngộ của những người trong nhóm và thân hữu. Tập 1 phát hành vào Xuân Tân Tỵ 2001. Tập cuối cùng là tập 9 vào năm 2007.



Lữ Quỳnh (Hoa Kỳ)

Những Kỷ Niệm Về Một Thời Ý Thức

Năm mươi năm trôi qua kể từ ngày ấy, ngày mà Lữ Kiều, Lữ Quỳnh, Trần Hữu Ngũ, Hoài Linh ở tuổi mười tám hai mươi ngồi với nhau bàn chuyện văn nghệ, chuyện làm báo. Ngày mà những tác phẩm của Camus, Sartre bắt đầu nhập vào miền Nam. Ngày mà tôi còn nhớ cuốn “Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ Hiện Đại” của Phạm Công Thiện được lớp trẻ đón đọc nồng nhiệt.

Ngắm lại mỗi thế hệ có nếp sống, nếp nghĩ khác nhau. Quan niệm về tình yêu mỗi thời mỗi khác. Thú đọc, chơi sách cũng vậy.

Nhớ những buổi chiều mùa hạ ở Huế, như đã hẹn nhau, tôi và Lữ Kiều đạp xe vào thôn Vân Dương. Từ ngôi nhà của bạn có dây leo bờ tường, có vườn hoa hồng xinh xắn, số 66 Lê Lợi, chúng tôi qua Đập Đá lội gió, rẽ phải theo con đường làng nhỏ hẹp dọc bờ sông. Cuối đường, băng qua vài đồng ruộng vừa gặt xong, chỉ còn trơ chân rạ vàng úa, đến nhà Trần Hữu Ngũ. Đôi khi tôi và Lữ Kiều phải chờ bạn từ đồng xa đi về.

Bộ bàn ghế đặt ngay chái hiên nhà đầu tiên đi vào. Ở đây ba chúng tôi đã bàn chuyện đặt tên cho tờ báo, tờ “tạp chí” với nội dung thơ văn, tham luận, cả mục sinh hoạt văn

học trong nước! Sau nhiều buổi chiều đi về như thế, tờ báo được chọn tên GIÓ MAI (tiền thân của tạp chí Ý THỨC sau này).

Gió Mai viết tay, đánh máy. Bia nghiêm túc, đẹp mắt. Đóng xén cẩn thận. Ra định kỳ 2 tháng, tuy phổ biến hạn hẹp, nhưng tờ báo được chuyển tay nhiều người. Được góp ý, được khích lệ. Thời gian không lâu sau, Gió Mai thêm sự cộng tác của Nguyên Minh, Châu Văn Thuận, Hồ Thủy Giũ, Nguyễn Mậu Hưng, Hồ Nguyên Hân...

Tiếp theo nhiều biến cố lịch sử có sự dấn thân của bạn bè, mỗi người mỗi ngã – có chọn lựa và không có chọn lựa - nợ văn chương vẫn đeo bám anh em nhóm Gió Mai.

Vào những dịp họp mặt hiếm hoi, anh em thường trao đổi nhau về sáng tác. Cho đến khoảng năm 1969, Lữ Kiều từ Phú Quốc, Lữ Quỳnh, Châu Văn Thuận từ Qui Nhơn. Hồ Thủy Giũ từ rừng núi Thường Đức Quảng Nam. Nguyên Minh, Trần Hữu Ngũ ở Phan Rang đã có cuộc họp mặt bàn chuyện làm báo. Tờ Gió Mai được đổi tên: tạp chí Ý Thức. Và, **tòa soạn theo chân người viết**. Ấn loát do Nguyên Minh và Trần Hữu Ngũ điều hành tại Phan Rang. Tuy in ronéo, tờ báo được trình bày rất đẹp và phổ biến khá rộng. Nhóm chủ trương được thêm sự cộng tác của Lê Ký Thương, Đỗ Nghê (Đỗ Hồng Ngọc), Trần Hoài Thu, Võ Tấn Khanh.

Cũng thời điểm này tập truyện ngắn, tác phẩm đầu tay của Trần Hoài Thu, “**Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang**” được Ý Thức ấn hành. Một công trình không phải không khó khăn.

Qua năm 1970, một quyết định quá bất ngờ do Nguyên Minh đề xướng với nhóm chủ trương: tạp chí Ý Thức xin giấy phép ấn hành ở Sài Gòn. Mỗi tháng 2 số (bán nguyệt san). Được sĩ Nguyễn Thị Yến, một bạn thân, đứng tên chủ nhiệm. Thế là số báo ra mắt ngày 01-10-1970 dưới

tiêu đề **Bán Nguyệt San Văn Học Nghệ Thuật Ý Thức** với truyện ngắn Lữ Quỳnh, Trần Hoài Thư, Ngụy Ngử, Nguyên Minh; Truyện dài Từ Kế Tường; Kịch Lữ Kiều; Đọc sách: Quê Người của Dương Nghiễm Mậu; Xuôi dòng: Beethoven; Xã luận: Từ Chiến Khu về Hà Nội của Châu Văn Thuận. Nhà tổng phát hành Đồng Nai nhận phát hành 5000 số. Nhóm chủ trương lúc này thêm: Ngụy Ngử, Nguyễn Mộng Giác, Lê Văn Ngăn, Trần Hữu Lục.

Bên cạnh Bán Nguyệt San Ý Thức, cơ sở còn thành lập nhà xuất bản Ý Thức và nhà phát hành Hàm Thụ. Nhà xuất bản bao gồm nhiều tủ sách cho từng bộ môn như tủ sách văn học nghệ thuật, dịch thuật, tuổi thơ... Trong mấy năm đầu của thập kỷ 70, Nhà xuất bản Ý Thức đã lần lượt ấn hành nhiều tác phẩm của Đỗ Nghê, Lê Ký Thương, Trần Hoài Thư, Lữ Quỳnh, Nguyên Minh, Nàng Lai. Nhiều bản dịch văn học và lịch sử của Trần Quang Huê, Nguyên Thanh, Minh Quân, Lê Ký Thương... tất cả sách mới in và tạp chí Ý Thức từ số 7 trở đi do nhà phát hành Hàm Thụ đảm trách (Ý Thức 6 số đầu vẫn do nhà tổng phát hành Đồng Nai).

Vì những thành viên trụ cột không thể hội tụ một nơi để tập trung chăm sóc tờ tạp chí, nên Bán nguyệt san Ý Thức qua năm thứ hai có phần chệch hướng, không còn là tờ báo vốn có tiếng dẫn thân tích cực, chống lại thứ văn nghệ salon, viển mơ tràn ngập lúc bấy giờ. Thư ký tòa soạn và trị sự không thể kham nổi bài vở và điều hành nhân sự. Bán nguyệt san Ý Thức số 24 phát hành xong thì đình bản. (sau hơn hai năm góp mặt với các tạp chí văn học ở Thủ đô).

Bây giờ giữa năm 2008 này, nhìn lại, nhóm chủ trương tạp chí Ý Thức đã phiêu bạt khắp nơi, thật khó để hình dung ra một buổi họp mặt như ngày nào! Nhưng, không như

Nguyễn Mộng Giác nghĩ “40 năm qua, từ những thanh niên hăm hở đi tìm một giải pháp cho thời thế và cho văn chương, họ đã bắt đầu trở thành những ông già chậm rãi, mỗi một, cuộc vui hằng ngày không phải là những hăm hở mở đường phá núi, mà là ngồi lặng yên bên chồng sách cũ”(*). Họ, tuy tuổi tác có cao, sức khỏe không còn như ngày nào, nhưng vẫn giữ liên lạc với nhau, vẫn trao đổi chuyện văn chương, vẫn viết lách, in ấn: một Trần Hoài Thư ở New Jersey miệt mài với **Thư Quán Bản Thảo**, ra sức bảo vệ “**di sản văn hóa miền Nam**” bằng nhiều tuyển tập đáng nể; Một Nguyễn Thanh ở Florida; Một Hoài Linh ở New York không quên tham dự những sinh hoạt văn học của bạn bè; Một Nguyễn Minh sáng tác đều đặn, dồi dào hơn thời làm thư ký tòa soạn; Một Đỗ Hồng Ngọc xuất bản tác phẩm đều đặn hàng năm; Một Lữ Kiều lúc nào cũng ấp ủ nội dung về một tờ tạp chí. Các bạn đang ở Sài Gòn bị hạn chế nhiều mặt. Nhưng biết đâu, trong và ngoài nước, một ngày không xa, **tạp chí Ý Thức mới** của những người bạn già lại xuất hiện.

(*) Trong tựa tập *Truyện Cát Vàng*

Nam Cali , tháng 8-2008.

Ý THỨC: ĐỜI SỐNG CỦA TÔI **NGUYỄN MINH (VN)**

Tưởng rằng văn chương chỉ là một đam mê nhất thời của tuổi trẻ. Cuộc sống ê chề, nặng nề làm còng lưng với những lo toan về cơm áo... Con lốc biển động lịch sử đã cuốn mất hút những dấu tích của một thời làm văn học nghệ thuật mà chúng tôi đã gây dựng qua tạp chí và nhà xuất bản Ý Thức tại miền Nam trong thập niên 70. Kể từ năm 1975, bao nhiêu năm sau đó, những khó khăn về kinh tế của đời sống áo cơm cùng những khổ đau về tinh thần, nhiều người trong chúng tôi đã im lặng, xếp bút. Anh em sống tằn tiện, trong nước có, hải ngoại có. Bây giờ tuổi đã xế chiều, tóc bạc phơ và lòng cũng chùng xuống. Văn chương chữ nghĩa của một thời trai trẻ giờ lại thôi thúc mình như cái nghiệp trọn đời phải trả.

TẠP CHÍ Ý THỨC: NHÓM CHỦ TRƯỞNG:

Đầu tiên, tại Huế vào năm 1957, vào thời ấy ở Huế thường có những nhóm văn thơ tập trung chín mười anh em, tuổi chưa tới hai mươi, thường là những học sinh, sinh viên, như nhóm Thiên Thanh, Hai Mươi, v.v... Nhóm chúng tôi được mang tên Gió Mai. Gồm có Lữ Kiều, Lữ Quỳnh, Hoài Linh, Thùy Linh (Ngỵ Hữu Trần Hữu Ngũ), Hồ Thủy Giũ, Nguyễn Thanh (Nguyễn Mậu Hưng), Thiên Nhất Phương (Châu văn Thuận), Nguyễn Minh. Hồ Thanh Ngạn... Hàng tháng ra một số báo, bài vở tác giả tự viết tay, tập trung lại đóng thành một tập duy nhất, rồi truyền tay nhau mà đọc. Thỉnh thoảng ra một vài tập thơ của từng

tác giả như U Hoài thơ của Lữ Kiều, Thác Loạn của Lữ Quỳnh, Những Người Cùng Đi tuyển tập thơ của nhiều tác giả. Tuyển tập thơ văn Gió Mai, in ronéo. Hết bậc trung học ở trường Quốc Học, anh em bắt đầu tản mác. Lữ Kiều, Nguyễn Thanh vào Sài Gòn học Y Khoa, Thùy Linh, Hồ Thủy Giũ, Nguyễn Minh vào Sư Phạm Qui Nhơn, Lữ Quỳnh, Hồ Thanh Ngạn nhập ngũ, ở Huế chỉ còn Châu văn Thuận vào Đại học Sư phạm. Từ đó Gió Mai không ra báo thường xuyên. Tại Qui Nhơn, Thùy Linh, Nguyễn Minh, Hồ Thủy Giũ, cùng bài vở của anh em trong nhóm từ xa gửi về làm một số Gió Mai tha hương, Chủ biên: Thùy Linh (Trần Hữu Ngũ).

Năm 1967, tại Phan Rang, khi Ngự Hữu và Nguyễn Minh về dạy học tại đó, tập hợp bài vở anh em trong nhóm ở xa làm một số Xuân Gió Mai, in roneo, khổ 21x30. Đến năm 1969, Gió Mai mở rộng và đổi tên là Ý Thức, hai tháng ra một số báo, in ronéo. Lúc này, nhóm chủ trương có thêm Trần Hữu Lục, Lê Ký Thương, Võ Tấn Khanh, Đỗ Nghê (Đỗ Hồng Ngọc). Tòa soạn : Theo chân người viết. Thực ra là 11 Nguyễn Thái Học. Phan Rang. Báo ra được 6 số thì dọn vào Sài Gòn, ra chính thức Bán nguyệt san văn học nghệ thuật, in Typô rồi đến Offset, phát hành rộng rãi toàn quốc. Tòa soạn đặt tại 666 Phan Thanh Giản, Sài Gòn. Nhóm chủ trương có thêm Ngự Ngũ, Trần Hoài Thư, Nguyễn Mộng Giác. Chủ nhiệm trên pháp lý là Dược Sĩ Nguyễn thị Yến, một người bạn gái của Nguyễn Minh, không biết gì về văn chương, trên thực tế là Nguyễn Minh với chức danh trên giấy phép do Bộ Thông Tin cấp là Tổng Thư Ký. Tại tòa soạn, những số báo đầu tiên có Thái Ngọc San, Nguyễn Mai phụ tá, sau đó có Võ Tấn Khanh, Lê Ký Thương vào giúp sức với Nguyễn Minh. Báo ra 24 số thì tạm đình bản. Đầu năm 1975, Ý Thức ra bộ mới do Lữ Kiều chủ biên, lúc bấy giờ nhóm chủ trương có thêm Hoàng Khởi Phong, Lê văn Ngăn. Báo vừa in xong số 2

thì biến cổ lịch sử 75 xảy ra, chưa kịp phát hành.

CỘNG TÁC VIÊN:

Kể từ Ý Thức thời quay ronéo đã có thường xuyên các truyện ngắn, thơ của Tần Hoài Dạ Vũ, Mường Mán, Đông Trinh, Doãn Dân, Nguyễn Kim Phụng, Hồ Minh Dũng, Từ Hoài Tấn, Luân Hoán, Chu Trầm Nguyên Minh, Thế Vũ, Nguyễn Lệ Tuấn, Thái Ngọc San...

Ý Thức thời in Typô và offset có thêm Trần Nhựt Tân, Huỳnh Hữu Ủy, Nguyễn Ước, Huỳnh Ngọc Sơn, Bảo Cự, Trần Duy Phiên, Nguyễn Lệ Uyên, Mang Viên Long, Bùi Giáng, Huy Tường, Từ Kế Tường, Nguyễn Tôn Nhan, Lê Văn Thiện, Phạm Ngọc Lư, Phan Việt Thủy, Trịnh Công Sơn, Kinh Dương Vương, Nguyễn Xuân Thiệp, Huỳnh Phan Anh, Cao Hữu Huân, Phan Tấn Uẩn, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Phan Thịnh.

Hình Thức: Chữ Ý Thức thời roneo do Lê Ký Thương kẻ. Khổ báo là 21x30. Đánh máy trên stencil là Chị Hồ Thị Kim Phụng, một người bạn gái của Nguyên Minh, rất sành văn chương, tần mẫn đếm từng chữ để canh hai bên lề ngay ngắn, không khác gì sắp chữ chì in typô.

Khi Ý Thức chính thức có giấy phép của Bộ Thông tin, khổ báo được đổi thành 14x20. Số 1 bìa do Lê Ký Thương trình bày. Số 2 do Đỗ Quang Em. Số 3 do Vĩ Ý. Số 4 đến số 7 trở lại Lê Ký Thương. Số 8 tranh bìa Hoàng Ngọc Biên.

Bắt đầu số 9, Ý Thức lại thay đổi khổ báo, hình vuông 19x19. Bìa và ruột do Nguyễn Bom trình bày, rất mới lạ.

Số 12, tranh bìa của Bửu Chí: Quê hương ta ngày trùng tu.
Số 18, tranh bìa của Hồ Đắc Ngọc. Số 21 Ý Thức chuyển
qua in offset. Lê Ký Thương trình bày và kỹ thuật in do
Nguyễn Minh chăm nom.

NHÀ IN:

Rô-nê-ô Nguyễn, 11 Nguyễn Thái Học, Phan Rang.

Khi báo còn mang tên Gió Mai, số Xuân 67, bài vợ của
anh em Ngự Hữu đánh máy chữ trên tờ stencil bằng máy
đánh chữ xách tay của nhà trường mà Ngự Hữu làm hiệu
trưởng, và tôi nghĩ ra cách in rô-nê-ô không cần máy
quay, chỉ cần một quai guốc nylon kẹp giữa hai miếng gỗ,
đổ mực đen lên thẳng tờ stencil, phía dưới là tờ giấy trắng,
rồi kéo mực xuống, thế là có một trang in. Bằng cách thủ
công đó chúng tôi đã in xong một tập san văn nghệ dày cả
100 trang, số lượng 100 cuốn. Chữ nghĩa rõ ràng không
lem nhem như một số báo thời đó in rô-nê-ô, phổ biến hạn
che, thỉnh thoảng xuất hiện trong vài nhà sách.

Sẵn dịp tôi đến chơi với anh Mạch Chí Quang, chủ nhà in
Nghệ Thương, Phan Rang, thấy có một máy quay Rô-nê-ô
bỏ không trong một xó phòng. Anh Mạch gợi ý tôi đem về
mà dùng, tiền bạc chẳng bao nhiêu, đưa làm hai lần, mỗi
lần là một tháng lương của tôi, 5000 đồng. Trị giá một
lượng vàng. Tôi mừng quá, đồng ý ngay và khiêng máy
ngay về nhà. Để khỏi phiền phức, nguy hiểm cho tôi,
người chị kế của tôi lo giấy phép của Tỉnh được quyền mở
cơ sở in ấn mang tên Rô-nê-ô Nguyễn. Tôi phải mua thêm
hai máy đánh chữ đặc biệt có corp Roman để giống như
chữ chì in sách. Chị Hồ Kim Phương, ngồi gõ từng chữ,
thật chậm và mạnh tay để làm thùng đều màn sập trên tờ

stencil. Tôi làm vệ sinh và trang bị lại những phần hư hỏng của máy quay. Tôi phải nhờ Lữ Kiều, lúc bấy giờ còn là sinh viên Y khoa tìm mua hộ tôi một máy xén giấy rồi gởi qua chành về cho tôi. Thế là tôi có đủ phương tiện để in báo, làm đẹp tờ Ý Thức. Trong thời điểm này Ý Thức đã xuất bản tập truyện “Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang” của Trần Hoài Thư. Bìa do Lê Ký Thương trình bày. Số lượng 1000 cuốn. Độc giả và bạn hữu không thể nghĩ tập truyện đó in bằng phương pháp rônêô, cứ nghĩ là in Typô tại nhà in lớn ở Sài Gòn.

Nhà in Đăng Quang 734A Phan Thanh Giản, Sài Gòn.

Khi chị Mai, người chị đầu của tôi, từ Nha Trang về thăm nhà, thấy tôi hì hục quay tài liệu sách giáo khoa cho các trường học, anh em bạn bè có Lê Ký Thương, Võ Tấn Khanh, Trần Hữu Ngũ, chị Hồ Thị Kim Phụng và các em tôi cùng nhau làm việc, người xén giấy, kẻ đánh máy, tôi quay máy in, các em tôi cùng phụ nhau bắt cuốn, đóng thành tập. Chị gợi ý tôi vào Sài Gòn cùng chị, mua nhà cũ ở mặt tiền, cất lại thành nhà cao tầng và mở nhà in. Tôi phải giải thích cho chị, vào Thủ đô muốn mở nhà in phải trang bị máy móc tối tân hiện đại. In Typô tôi chưa rành nói chi đến offset. Chị khuyên tôi: Không biết thì học. Đúng. Thế là tôi nhờ các bạn trông coi tạm thời Cơ sở Rônêô để theo chị Mai vào Sài Gòn. Tôi phải vào tập sự ở nhà in riêng của Nhà xuất bản Thương Yêu của Nhã Ca, Trần Dạ Từ. Ở đây tôi nắm rõ về sắp chữ chì và máy in Typô khổ lớn.

Trong khi chờ đợi ngôi nhà bốn tầng cất xong của chị Mai và chờ đợi máy in offset tự động chị Mai đặt mua ở Ý chuyển về Việt Nam, tôi tạm thời tìm một nhà in ở gần nhà để in Tạp chí Ý Thức mà tôi đã được cấp giấy phép chính thức. Đó là Nhà In Đăng Quang, cách nhà chị tôi

100 mét. Chủ nhà in là một bà già gốc người Huế. Quản lý nhà in là anh Trần Quang Huế. Sau này giữa tôi và anh Trần Quang Huế gắn bó với nhau trong hệ thống phát hành Hàm Thụ.

Nhà in Thanh Bình, 666 Phan Thanh Giản, Sài Gòn.

Sau khi máy in offset tự động cùng các máy móc khác đã ráp xong hoàn chỉnh, tôi bắt đầu tổ chức từ tổ xếp chữ chì, máy Typo, máy offset tự động, thư ký văn phòng, kế toán... Và tờ báo Ý Thức được in offset. Lúc bấy giờ có Võ Tấn Khanh nhân dịp nghỉ hè, và Lê Ký Thương vào phụ giúp cho tôi từ kỹ thuật cũng như viết bài phỏng vấn... Từ căn phòng ẩm cúng làm tòa soạn báo Ý Thức, nhà xuất bản Tiếng Việt, Hoa Niên, một phòng khác dùng để làm văn phòng nhà phát hành Hàm Thụ, đến việc in ấn báo Ý Thức và sách đều không tốn tiền, tất cả đều trừ vào lương bổng của tôi như đã thỏa thuận ngay từ lúc lập nhà in Thanh Bình. Vào thời này, năm 1971, tại Sài Gòn những nhà in trang bị máy offset chỉ đếm trên đầu ngón tay. Một nhà in tối tân như thế, mà từ chủ đến giám đốc và nhân viên đều mới tập tễnh bước vào nghề. Bây giờ nghĩ lại mà giật mình. Ngoài cơ sở Ý Thức in ấn tại đây, tôi cũng yểm trợ tiếp tay với Cha Nguyễn Ngọc Lan in mấy sách của nhà xuất bản Đối Diện như Cho Cây Rừng Còn Xanh Lá của Nguyễn Ngọc Lan, Cách Một Giòng Sông của Trần Hữu Lục, Phía Sau Mặt Trời Mọc của Trần Duy Phiên.

Nhà in Tiếng Việt 11 Nguyễn Thái Học, Phan Rang.

Năm 1974 tôi thành lập một nhà in riêng cho cơ sở Y

Thức, không đặt tại Sài Gòn mà lại tại Phanrang, cũng 11 Nguyễn Thái Học, trước đó vài năm đã thành nhà sách Tiếng Việt. Tất cả máy móc rất gọn nhẹ và tối tân. Một máy offset tự động in khổ giấy A3. Hai máy đánh chữ điện IBM quả cầu. Cũng nhờ chị Hồ Thị Kim Phương và một cô em gái của người bạn tên Đỗ thị Hương Lan xư dụng. Phơi bản kèm tôi tự làm lấy. Đứng máy in tôi và các bạn như Lê Ký Thương, Võ tấn Khanh thay phiên nhau. Tôi vẫn thường xuyên vào Sài Gòn trông nom cơ sở chính và trở về Phanrang bắt tay in báo Ý Thức bộ mới và các tác phẩm của anh em trong nhóm.

NHÀ XUẤT BẢN.

Song song với nhà xuất bản mang tên Ý Thức còn có Tiếng Việt, Hoa Niên, Thời Xanh. Từ lúc còn mang tên Gió Mai, in ronéo, phát hành hạn chế, chúng tôi đã xuất bản: -Nội chiến, tập truyện của Ngự Hữu, Miền Hoang Vu, tập truyện của Nguyên Minh.

Khai trương nhà xuất bản Ý Thức thời ronéo là tập truyện Nổi cơn gió của bày ngựa hoang của Trần Hoài Thu.

Khi cơ sở Ý Thức dời về Sài Gòn, tập truyện Cát Vàng của Lữ Quỳnh được xuất bản, bìa in offset do Đinh Cường trình bày, phát hành rộng rãi trên toàn quốc. Tuần tự, cũng mang tên Ý Thức, đã xuất bản: Những vì sao vĩnh biệt, tập truyện thứ hai của Trần Hoài Thu. Sau đó là Thời mù sương, tập truyện thứ hai của Lữ Quỳnh. Sách được in tại nhà in Thanh Bình.

In tại nhà in riêng offset đặt tại Phanrang: Bếp lửa thom mùi bả mía, tập thơ của Lê Ký Thương, Tình người, tập

thơ của Đỗ Nghê (một bút hiệu khác của Đỗ Hồng Ngọc), Kẽ phá cầu, tập kịch của Lữ Kiều (chưa kịp phát hành thì giải phóng).

Ý Thức, tủ sách Hoa Niên, dành cho thiếu niên, đã xuất bản: Đám tang đa đa, truyện dài của Nguyên Minh. Mưa qua thành phố, tập truyện của Nàng Lai (một bút hiệu khác của Lữ Kiều). Em bé bất hạnh, Anh hùng tí hon, của Trần Quang Huê. Tranh bìa bốn cuốn sách trên của họa sĩ Nguyễn Trung. Chim bay về đâu, truyện dài dành cho lứa tuổi 16, của Võ Tấn Khanh. Sách dịch có Cậu bé gỗ của Châu Lang (một bút hiệu khác của Châu văn Thuận), Trên ngọn hải đăng của Lê Ký Thương...

Mang tên nhà xuất bản Tiếng Việt, có *Ngọn cỏ ngâm ngùi*, tập truyện thứ ba của Trần Hoài Thư, *Sông sương mù*, tập truyện của Nguyễn Mai. Sách dịch có *Mười hai năm bên cạnh Hitler* của Nguyễn Thanh (bút hiệu của Nguyễn Mậu Hưng).

NHÀ PHÁT HÀNH SÁCH.

Do sự giới thiệu của anh Trần Quang Huê, cựu giám đốc Nhà Phát hành sách báo Thống Nhất, nhà Đồng Nai nhận độc quyền phát hành báo Ý Thức. Nhưng chỉ được 4 số thì họ trả về số lượng hơn một nửa, và các độc giả cho biết là các nhà sách tại tỉnh họ đều thiếu vắng khuôn mặt tờ báo. Muốn báo và sách do Ý Thức xuất bản được có mặt mọi nơi, cũng nhờ anh Trần Quang Huê gợi ý là chúng tôi phải lập một hệ thống phát hành riêng. Sau khi tôi và anh Trần Quang Huê đi một chuyến từ Sài Gòn đến tận Quảng Trị, giao thiệp với các nhà sách có uy tín và sẵn sàng cung cấp sách mà họ yêu cầu. Về lại Sài Gòn, chúng tôi thành lập

Nhà Phát hành sách mang tên NHÀ SÁCH HÀM THỤ do anh Trần Quang Huê làm giám đốc. Văn phòng cũng đặt tại 666 Phan Thanh Giảng. Được sự ủng hộ nhiệt tình của các nhà xuất bản có uy tín thời bấy giờ như An Tiêm, Lá Bối, Ca Dao, Cỏ Thơm, Trí Đăng, Thương Yêu..., tạo điều kiện cho cơ sở phát hành chúng tôi vững mạnh. Ngoài sách ra chỉ có độc nhất có tạp chí Ý Thức kèm theo.

Để dễ dàng chuyển sách đi miền trung và cao nguyên, tôi lập một nhà sách tại 11 Nguyễn Thái Học Phanrang. Còn các tỉnh miền Nam thì kho sách tại Sài Gòn phụ trách. Hàng tuần chúng tôi đều chở sách bằng xe Toyota riêng đến các tỉnh.

Như chiếc ghế bốn chân, vững vàng không ngã. Dây chuyền đã khép kín. Trong tay đã có nhà in, nhà xuất bản, tạp chí Ý Thức và nhà phát hành, chúng tôi mới yên tâm, chuẩn bị cho ra tờ tạp chí Ý Thức bộ mới, và in các tác phẩm của anh em trong và ngoài nhóm.

Nhưng người tính không bằng trời tính. Mọi việc đều tan tành theo mây khói...

NHỮNG KHUÔN MẶT TÌNH **VÔ TẤN KHANH (VN)**

Đó là sự kết tinh cao độ của tình yêu – tình bạn – tình

người; là sự đồng cảm sâu sắc của những tâm hồn cháy bỏng ước mơ, sáng ngời lý tưởng; sự thao thức trăn trở của những trái tim nhiệt huyết, nhiệt thành, của những việc làm không tính toán hao tổn nhưng kết quả phải là tuyệt đỉnh... Một thời chúng tôi là những khuôn mặt đó, và tôi gọi đó là những khuôn mặt tình đích thực.

Hòa nhập vào những cơn lốc xoáy của thời cuộc nhưng đứng trên mọi mưu toan chính kiến, chúng tôi đã đến với nhau rất tự nhiên, như đã gặp, đã thấy tự bao giờ. Ở đâu, lúc nào, không ai dự kiến trước. Đó là căn gác 11 Nguyễn Thái Học của Nguyên Minh, khu vườn cây rậm mát của tôi bên kia bờ sông thành phố nặng, xa hơn nữa, nhà in Đăng Quang rồi offset Thanh Bình ở Sài Gòn, đến cả cái gác xếp đầu cầu Phan Thanh Giản của Hồ Thanh Ngạn... nơi nào cũng ấm áp tình anh em, tạo thành một chuỗi ấn tượng sâu đậm đến nỗi, bây giờ, ba mươi năm qua, tôi vẫn hình dung mồn một.

Tôi gặp lại Nguyên Minh sau Mậu Thân 1968, hơi muộn màng bởi chúng tôi đã từng có chung một thời trung học. Giữa đường, Minh chỉ nói một câu: “Tối nay đến tao, bàn chuyện ra tờ Ý Thức” như đã từng nuôi một ý tưởng, một dự tính. Và, tôi đã gắn bó với anh chàng nhà văn nhỏ con ngon độ này trong suốt cuộc sống, từ đó. Làm phiên nhau, giúp nhau, an ủi, bực mình, mắng chửi... nhưng hiểu và tin nhau, tôi đã là kẻ đồng hành với Minh suốt bốn chặng đường Ý Thức: Ronéo, Typo, Offset và Mutilithe. Buổi tối, trên căn gác xếp với những ly cà phê đặc, tôi được quen Ngự Hửu: mập người, hơi phệ phịch nhưng chắc gọn, mi mắt lót sâu, giọng cả quyết, Hửu là cây lý thuyết gia của tờ báo, chịu trách nhiệm về nội dung, thu nhận tuyển đọc bài vở, bắt liên lạc với anh em trong và ngoài nhóm, lại phải sáng tác thêm nếu thiếu bài. Nguyên Minh, như bản tính, say sưa đưa ra những bản vẽ tuyệt vời về

tương lai tờ báo. Trong chuyện, tôi hình dung được một số bạn cũ của Minh và Hữu: Hồ Thủy Giũ, Lữ Kiều, Lữ Quỳnh, Châu Văn Thuận, Hồ Thanh Ngạn, Nguyễn Mậu Hưng, Đỗ Hồng Ngọc... và, như một đồng cảm rất tự nhiên, tôi coi như đã là bạn bè. Số 1 Ý Thức Ronéo bắt đầu từ đó. Sẽ là một thiếu sót lớn lao nếu tôi không nhắc đến một khuôn mặt nữ có tính cách định mệnh trong giai đoạn này: chị Kim Phương. Không viết lách, không tham gia bàn cãi nhưng là một tay đả tự viên độc nhất mà từ trước đó cho tới bây giờ, không một ai sánh kịp. Cẩn trọng, nghiêm túc, say mê, những trang bản thảo hiện ra trên những tờ stencil hay master ngay thẳng, vuông vức, đều đặn từ hàng, chữ đến dấu, đẹp tuyệt vời nhìn hoài không chán mắt. Nguyên Minh chỉ việc đọc lại, morasse, kẻ tít và những trang báo ra đời làm sừng sốt làng in ấn, văn nghệ bấy giờ. Cũng không bao giờ tôi quên được những chuyến phát hành trực tiếp bằng Honda ra Nha Trang, lên Đà Lạt. Tôi chở Minh, Hữu chở báo, khua môi múa lưỡi ở các quán café văn nghệ, các sạp báo, nhà sách... và có thêm những người bạn văn chí nghĩa chí tình. Huế, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Sài Gòn đã có anh em trong nhóm lo phân phối, và, điều lạ nhất đời là nhận báo, chưa bán, phải lo chạy tiền gửi về trước để “tụi nó” “ở nhà” tiếp tục ra các số sau. Đây cũng là dịp tôi gặp Lữ Kiều và Nguyễn Mậu Hưng. Mang báo vào Sài Gòn đến nhà Minh Thanh – bạn gái của Nguyên Minh – nhờ nhắn, buổi chiều Lữ Kiều đến tìm tôi và kéo nhau ra quán nhậu. Cao lớn, ồm ồm, nhà viết kịch phán ngay với tôi: “Tác phong một kịch tác gia phải khác nhà thơ! Tuy nhiên, thi sĩ cũng nên tập uống”. Sau đó, chúng tôi kéo nhau đến nhà Nguyên Thanh (Nguyễn Mậu Hưng) giao báo... nhận tiền. Nguyên Thanh nhà ta cười hiền và... mở ví!

Đến số 6, Ý Thức in khổ nhỏ, xếp thành từng cahier và đóng chỉ, thành công. Nguyên Minh lại làm một bước đột

phá mới: xuất bản tập truyện ngắn “Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang” của Trần Hoài Thu, bằng kỹ thuật Ronéo, cũng nhờ anh em thân hữu phát hành và bán chạy. Ước mơ ôm ấp một đời lúc này đã có được những đợt quả đầu mùa vừa ý. Một cuộc họp mặt rộng rãi tại nhà Nguyễn Minh. Lúc này có thêm Lê Ký Thương, lo phần trình bày và Nguyễn Mậu Hưng mới đổi về bệnh viện Phan Rang công tác. Châu Văn Thuận và Lữ Quỳnh từ Qui Nhơn vào, có cả Nguyễn Mộng Giác; Lữ Kiều và Trần Hữu Lục từ Đà Lạt xuống... Lần gặp mặt tương đối đông đủ nhất kể từ khi có tờ báo. Hưng phấn, anh em bàn chuyện xa hơn: Ra Ý Thức in Typo hợp pháp, phát hành rộng rãi và đặt cơ sở ngay tại Sài Gòn. Đây là bước đột phá có tính cách đổi đời, vì đã qua 6 số, địa chỉ vẫn ghi Tòa soạn lưu động theo chân người viết. Quyết định, Ý Thức Ronéo tạm đình bản, Nguyễn Minh giao nhà Renéo lại cho Ngy Hữu và vào Sài Gòn, “nằm ổ” trước ở nhà xuất bản Thương yêu.

Đầu năm 1969, Lê Ký Thương vào tu nghiệp ở Sài Gòn, cùng Nguyễn Minh, Lữ Kiều, Hồ Thanh Ngạn lo xong thủ tục pháp lý; tờ báo được cấp biên lai chính thức với cơ cấu pháp nhân: Chủ nhiệm D.S Nguyễn Thị Yên – cô bạn gái của Nguyễn Minh. Tổng Thư ký: Nguyễn Minh. Quản lý: Nguyễn thị Dung – vợ của Hồ Thanh Ngạn. Đây cũng là hai khuôn mặt nữ gây thêm nhiều ấn tượng trong nhóm chủ trương, tuy không viết nhưng là sợi dây ràng buộc anh em với nhau, với những chăm chút rất đổi thân tình, ruột thịt. Cơ duyên đưa đẩy thêm, Lữ Kiều và Nguyễn Minh gặp anh Trần Quang Huê, một lão tướng văn nghệ, tại nhà in Đăng Quang, và Ý Thức in Typo, Bán Nguyệt San Văn Học Nghệ Thuật có tòa soạn và địa chỉ đăng hoàng, bề thế. Hè 1969, tôi tăng cường về tòa soạn, lúc này đã có Thái Ngọc San, thường trực lo phần in ấn. Nguyễn Minh hợp đồng thuê hẳn nhà in Đăng Quang, nhận hàng ngoài để có thêm vốn đắp cho tờ báo, và, không hiểu xoay xở

tính toán thế nào, lại mua được cả một chiếc xe LaDalat. Chúng tôi có được thêm phương tiện để chở báo giao Tổng phát hành và giao dịch. Nhờ ở trung tâm, anh em có điều kiện để gặp nhau thường xuyên. Hồ Thủy Giũ chịu “rời ô” Huế vào, Lữ Quỳnh thường xuyên lấy cớ vào Sài Gòn công tác, Lữ Kiều lúc này ở tận đảo xa tuần nào cũng về... và anh em vẫn hay họp mặt vào các buổi tối ở nhà Dung Ngạn. Bên cạnh sách của nhà Lá Bối, An Tiêm nhận in, Ý Thức xuất bản tiếp “Những vì sao vĩnh biệt” của Trần Hoài Thu, và tổ chức buổi ra mắt độc đáo tại nhà chị Nguyễn Thị Yên. Giới văn nghệ Sài Gòn bắt đầu để ý đến mấy ông văn nghệ trẻ và lui tới nhà in, tòa soạn. Anh Thế Phong ở Đại Nam Văn Hiến, anh Nguyễn Khắc Ngữ ở Sĩ Địa, anh Thế Nguyên ở Trình Bày, các thầy Từ Mẫn (Lá Bối), Thanh Tuệ (An Tiêm), Chơn Pháp... tất cả đều trân trọng sự có mặt của Ý Thức trong làng văn làng báo Sài Gòn.

Tất nhiên, không phải mọi việc lúc nào cũng thuận buồm xuôi mái. Chúng tôi phải vật vã vô cùng với Tổng phát hành Đồng Nai ở đầu ra, cũng như đối đầu với mấy ông Ba Tàu Chợ Lớn đầu nậu giấy in báo ở đầu vào. Bài học thấm thía mãi mãi còn cay là, giữa làng báo Saigon, người ta không chỉ sống với nhau bằng tình nghĩa văn nghệ. Phải làm sao giữ được thăng bằng giữa muôn ngàn phức tạp đang diễn ra lúc đó. Không thiếu anh em chí nghĩa chí tình nhưng cũng nhiều những tay báo gia nô, chỉ điểm, hoạt đầu văn nghệ. Ý Thức là tờ báo có vẻ lý tưởng lúc đó, bởi những người chủ trương vẫn âm thầm hy sinh, san sẻ để nuôi tờ báo, không dùng tờ báo để nuôi một anh em nào. Tất cả đều chỉ có cho và không hề mong được nhận. Chúng tôi vẫn bồi hồi mỗi khi nhớ lại từng khuôn mặt, những băn khoăn trăn trở của anh em trong và ngoài nhóm, và cảm nhận cái tình cảm đích thực ràng buộc bạn bè. Đó là thứ tình yêu vĩnh hằng, tuyệt đối. Tôi không

quên cái dáng người thấp nhỏ, rất nghệ sĩ của nhà thơ Hạc Thành Hoa, từ Sa Đéc về mang báo đi phát hành; anh lính người Nam bộ chơ chát Lê Hồng Thuyền với kiện báo trên vai, lưng thùng dọc đường Phan Thanh Giản chờ xe đồ về Long An... và còn bao nhiêu người khác nữa. Cái tình chúng tôi đãi anh em, được đáp lại bằng những tấm lòng.

Năm 1971 – 1972, vì công tác, tôi không còn ở Saigon, thường trực chỉ mỗi Nguyễn Minh xoay xở. Chị Mai, mà động lực chính là Nguyễn Minh, mở offset Thanh Bình An Quán. Khách mở hàng là Ý Thức, một tờ Bán Nguyệt San Văn Học Nghệ Thuật! Tờ báo thêm một khởi sắc mới và không ít anh em viết lách đã tìm về, trở thành những cây bút thường xuyên: Quán Như, Trần Nhật Tân... Tình hình chung lúc này sôi động mà đỉnh cao là mùa hè Đỏ lửa. Nguyễn Minh, vì tình chị em với chị Mai, phải gánh thêm việc trông coi nhà in. Anh em do tình thế, ít về Saigon, Ý Thức bắt đầu có những số không đúng định kỳ. Để khỏi ân hận với chính mình và nhất là khỏi phụ lòng anh em, Nguyễn Minh quyết định tạm đình bản. Hai mươi bốn số báo, Ý Thức đã nói được tiếng nói anh em bạn bè, đáp ứng phần nào mơ ước của chúng tôi và nhất là thể hiện được thái độ của những người cầm bút trước vận mệnh của văn chương và đất nước. Rồi 1975 “Khúc quanh của lịch sử, như một tiếng nổ khốc liệt nổ ra giữa cuộc sống mà sức công phá mãnh liệt thổi tung chúng tôi về mọi phía”, nói như Lữ Kiều, tất cả chúng tôi hầu như ngưng viết. Dù sao, chúng tôi đã có một thời sống đúng nghĩa, mà, sự ràng buộc của tình yêu văn nghệ đã không bào mòn một phân ly nào xúc cảm, mơ ước, cũng như những suy nghĩ về nhau.

Trong hồi tưởng bồi hồi, tôi ghi lại rời rạc như những dòng nhật ký trích. Ở mỗi chặng đường, trong ý tưởng vẫn

hiện hiện từng bóng dáng anh em, từng tiếng nói và trang viết chân thành, tha thiết.

Tôi có lỗi. Mỗi chúng ta đều có lỗi. Lỗi với anh em bạn bè hiện còn, tan tác hay đã mất, với quê hương, và, ân hận lẫn đáng yêu, có lỗi với chính mình.

tản mạn

Ý THỨC VÀ NỖI BƠ VƠ CỦA BẦY NGỰA HOANG TRẦN HOÀI THU (HOA KỲ)

1.

Tôi làm quen với Ý Thức khi tạp chí này được in ấn theo lối ronéo có tòa soạn ở đường Nguyễn Thái Học, Phan Rang. Có lẽ vào năm 1969 thì phải. Không ngờ, từ một người cộng tác, gởi bài, anh em chủ trương đã dành cho tôi nhiều cảm tình ưu ái. Anh em Ý Thức đã chọn tập truyện *Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang* của tôi như là tác phẩm đầu tiên do cơ sở Ý Thức xuất bản. Đó cũng là tác phẩm đầu tay của tôi.

Tôi được may mắn, vì đứa con tinh thần của mình được trao đúng chỗ. Dù kỹ thuật in bằng roneo, nhưng khi nhìn vào không ai có thể nghĩ nó được khai sinh từ một căn phòng ở một thành phố nhỏ bé, với cái máy quay roneo, với một bàn máy đánh chữ. !

Nó trả lại danh dự cho nền văn nghệ mà các chủ bút ở SG

văn quen gọi là văn nghệ tỉnh lẻ.

2.

Kiểm điểm lại, trên giòng sinh hoạt văn học VN, có lẽ không có thời nào mà lưu lượng văn chương lại tràn trề phũ sa chữ nghĩa như thời miền Nam trong giai đoạn cuối những năm 60 và đầu những năm 70. Những tạp chí, những đặc san, những tác phẩm, chẳng những có mặt ở Saigon mà còn hiện diện ở khắp nơi, khắp chốn, từ một thành phố đông dân như Nhatrang, đến một thị trấn ít người như An Nhơn Bình Định. Những Khai Phá (Châu Đốc, 1970-1971), Biểu Tượng (Vĩnh Long, 1968), Tập Thể (Vĩnh Long, 1973), Hoài Vọng (Phan Rang, 1968-1969), Sóng (Tuy Hòa, 1965), Dựng Đất (Nha Trang), Vỡ Đất (An Nhơn - Bình Định), Nhìn Mặt (Bình Định), Việt (Huế), Ngưỡng Cửa (Quảng Nam), Trước Mặt (Quảng Ngãi), Nguồn (Cần Thơ), Vượt Thoát (Cần Thơ) v.v..... đã nói lên một nét đặc biệt trong nền văn học miền Nam thời chiến..

Không phải nhất thiết là Saigon, mà tỉnh lẻ đôi khi là cái phao để những người viết trẻ tìm đến cho qua "con bĩ nạn văn chương".. Lấy ví dụ tập thơ *Chiến Tranh Việt Nam và Tôi* của Nguyễn Bắc Sơn do nhà xuất bản Đồng Dao phát hành vào năm 1972. Đây là tập thơ đầu tay của NBS. Tập thơ này bị Sở Kiểm duyệt ở Trung Ương SG làm khó dễ nhưng lại được Cần Thơ cho qua (giấy phép kiểm duyệt số 12/UBKD/V4CT ngày 6 tháng 4 năm 1971)!

Cám ơn Ý Thức, để **Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang** (1969) được nói lên giữa tiếng nổ bom đạn.

Nói như Võ Tấn Khanh, khi nhìn lại một tạp chí của miền

Nam trước 1975:

"Ý Thức đã nói được tiếng nói anh em bạn bè, đáp ứng phần nào mơ ước của chúng tôi và nhất là thể hiện được thái độ của những người cầm bút trước vận mệnh của văn chương và đất nước."

Viết Về Những người bạn
(Ý Thức)
PHẠM VĂN NHÀN (HOA KỲ)

Tôi không nhớ vào tháng nào trong năm 1969 tôi rời khỏi Bình Định đổi về thị trấn Tháp Chàm (Phan Rang). Nhưng trước khi đến Tháp Chàm, tôi ghé lại Nha Trang ở chơi với những anh bạn cầm bút nơi thành phố biển này. Một trong những người bạn ở Nha Trang mà tôi ghé đến là Lê Minh.. Anh giới thiệu tôi về “ăn cơm ” ở nhà bà mẹ của anh ấy. Dầu gì, đời lính độc thân như tôi, có chỗ ăn ở đầu tiên khi đến một nơi lạ, cũng thấy đỡ lo hơn chạy tìm chỗ ăn hằng ngày. Vất vả lắm! Ngôi nhà của “mẹ”, mẹ Lê Minh, người Huế dân Phú Cam, chẳng biết vào lập nghiệp ở Tháp Chàm khi nào, nhưng tất cả các thành viên trong gia đình đều nói giọng “Huế rặc”; Vả lại Hoàng- em trai của Minh- cũng đã biết tôi vài lần khi ra Qui Nhơn và Nha Trang. Không ngờ tôi cũng gặp Lê Ký Thương trong ngôi nhà này. Anh làm ở tiểu khu Ninh Thuận. Khối CTCT thì phải? Ngày nào cũng gặp anh, nhưng chỉ nói chuyện vu vơ chơi sau những buổi cơm chiều, không bao giờ nói đến chuyện quân đội, và anh cũng không nói đến Ý Thức. Lê

Ký Thương người ít nói chỉ cười cười và kín đáo.

Phải nói, Ninh Thuận là một tỉnh ly “thanh bình”. Ai đổi về đây tựa như “lính cẩu”. Không thấy chiến tranh hiện diện nơi đây, hay trên từng gương mặt lo âu của người dân như những nơi tôi đã từng đến. Một buổi sáng, đi làm, lang thang thả bộ đến đơn vị gần lên dốc cầu mỏng- cầu dành cho xe lửa- thì tôi thấy có một “anh chàng” lái xe honda màu đỏ rất đáng hoàng, chững chạc, trông như có vẻ nhà giáo chạy qua mặt tôi. Sau đó quay lại chạy chậm bên tôi, rồi hỏi: có phải Phạm Văn Nhân không? Tôi nói phải, rồi nhìn anh nhú mày: ai thế ? Võ Tấn Khanh đây. Tôi buộc miệng vui: Tôn Nữ Hoài My? Hai đứa chúng tôi cười ngất. Thế là quen nhau.

Đây, cái thời của chúng tôi trong những thập niên 60, 70 là thế đó. Đối với những anh em, bạn bè đã ít nhiều cầm bút nói chuyện văn chương chữ nghĩa khi gặp nhau, dù lần đầu, nhưng như đã quen nhau từ lâu lắm. Bạn bè cứ trải lòng ra mà chơi. Không câu nệ. Về ở chơi với nhau năm mười ngày, nửa tháng rồi đi cũng chẳng có việc gì. Nhiều khi “móc” tiền túi, có bao nhiêu đưa hết cho bạn để tiếp tục cuộc hành trình, nếu muốn ra đi nữa. Chuyện bạn bè văn nghệ là thế; cho dầu mới gặp nhau lần đầu. Tôi nghĩ hôm nay, những người cầm bút trẻ, họ sống có vẻ “thực dụng” hơn chúng tôi. Chắc không có cái “thân tình” của thập niên 60-70 của thế kỷ trước.

Như tôi đã nói: người đầu tôi gặp là Lê Ký Thương. Người sau: Võ Tấn Khanh...và, qua Võ Tấn Khanh tôi biết thêm những anh em trong nhóm Ý Thức và ngôi nhà 11 Nguyễn Thái Học Phan Rang. Nơi các anh làm trụ sở cho tờ báo. Nơi đó có Nguyên Minh, có Trần Hữu Ngũ, có Lê Ký Thương, có Võ Tấn Khanh. Ý Thức đổi tên từ Gió Mai ở Huế. Khi vào Phan Rang có thêm hai người trong

nhóm chủ trương là Lê Ký Thương và Võ Tấn Khanh. Võ Tấn Khanh vui tính hơn Lê Ký Thương. Và Nguyên Minh rất “xề xòa, cời mở” cho nên dễ gây tình thân với tất cả mọi người.

Không ngờ căn phòng tôi thuê lại gần nơi VTK dạy học-trường tiểu học Đô Vinh, Tháp Chàm- Cũng nhờ có VTK mà tôi lại có phương tiện để về Phan Rang và đến với anh em trong nhóm Ý Thức. Đêm nào, tôi với Khanh, với Nguyên Minh, Lê Ký Thương , Trần Hữu Ngũ, có cả Tô Đình Sự (từ quân trường Đồng Đế biệt phái về Ty Thuế Vụ Ninh Thuận) Tôi thường hay gặp nhau ngồi uống cà phê nơi quán Diễm, mà chủ nhân của ngôi quán này là người bạn thân của Nguyên Minh. Người nghệ sĩ chơi đàn Guita bằng tay trái: Vô Thường. Anh qua Mỹ và đã mất tại Cali .

Ý Thức, một tạp chí văn học, theo tôi, khác với những tờ báo mà tôi được biết qua những bạn bè của tôi ở từng địa phương tôi đến. Những tờ báo ở mỗi địa phương trong thập niên 60 ấy nở rộ như đoá hoa “ sớm nở tối tàn”; mặc dù có rất nhiều cây bút trẻ thành danh cộng tác. Tại sao thế? Có lẽ vì không đủ tiền để tiếp tục in cho những số tiếp theo chăng? Hay những tạp chí này chỉ lưu hành ở địa phương mà số độc giả quá ít ỏi và quá xa lạ chăng? Hay không cạnh tranh nổi với những tạp chí từ Sài Gòn phát hành ra? Nhưng dù gì, văn học miền nam cũng phải ghi nhận một điểm son “chói ngời” với những cây bút trẻ đã làm nên một nền văn học nhân bản, tự phát, không gò bó trong khi viết. Dấn thân và không viễn mơ. Còn Ý Thức thì phát hành rộng rãi hơn. Nhất là sau khi dời Ý Thức vào Sài Gòn. Và, tòa soạn cũng theo chân người viết.

Viết tới đây, tôi nhớ lại những tạp chí văn học ở địa phương, dù gì vẫn còn trong trí nhớ của bạn bè. Như:

* Tạp chí Sóng ở Tuy Hòa, vào những năm 1963, 1964(?).

Do nhà thơ Hoàng Đình Huy Quan và nhà thơ Nguyễn Phương Loan chủ trương.(Nguyễn Phương Loan sau này vào quân đội, ngành pháo binh, và tử trận ở Pleime). Sống sau này còn có thêm nhà thơ Phạm Cao Hoàng và nhà văn Nguyễn Lệ Uyên nữa. Báo quay ronéo, nhưng chỉ sống được vài số. Đến năm 1970-71(?) nhà thơ Trần Huyền Ân có ra một tạp chí khác ở Tuy hòa (không nhớ tên) in typo, nhưng cũng chỉ sống được 2 số.

* Ở Qui Nhơn, tạp chí Nhìn Mặt do Đặng Hòa (Nguyễn Thị Thùy My), in typo, ra được hai số rồi không ra nữa. Bên cạnh tạp chí Nhìn Mặt, Đặng Hòa còn mở thêm cái quán Cà Phê lấy tên “Quạt Mo” trên đường Phan Bội Châu để hy vọng anh em cầm bút ở Qui Nhơn tới uống mà có tiền lo cho tờ báo. Quán chỉ mở có 2 tháng thì đóng cửa vì lỗ, và tờ Nhìn Mặt cũng chết theo.

* Nha Trang cũng thế. Tờ Dựng Đất do Lê Minh chủ trương, ra được 3 số. Tôi còn nhớ Dựng Đất số 1 phát hành vào tháng 6 năm 1969 dày khoảng hơn 100 trang, in typo rất đẹp. Những cây viết nổi danh ở Nha Trang như Võ Hồng, Thạch Trung Giã có viết bài . Bên cạnh còn có những cây viết trẻ như Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân, Nguyễn Âu Hồng, Thế Vũ, Tần Vy, Tô Đình Sự, Chu Trầm Nguyên Minh..v..v..

* Ở Phan Thiết có tờ Quê Hương do Lê văn Chính (Sương Biên Thùy) và những cây bút địa phương thành danh, như Nguyễn Bắc Sơn, Từ Thế Mộng, Nguyễn Như Mây, Huỳnh Hữu Võ ..v..v.. Những anh em ở xa tới công tác tại địa phương còn có Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Dương Quang.

Đó là những tạp chí mà tôi biết được. Ở đây, tôi có một câu hỏi là tại sao ở mỗi địa phương lại có một tạp chí văn học như thế? Có lẽ cũng vì cuộc chiến tranh VN đã cuốn hút bao nhiêu người trẻ vào con đường binh nghiệp. Cứ ra chiến trường khắp 4 vùng chiến thuật, và cái điểm để anh em cầm bút gặp nhau là nơi thành phố mỗi lần có dịp về .

Chiến tranh và tuổi trẻ đã tạo cho những anh em có một cái nhìn thực dụng hơn trong khi viết. Không viễn mơ trong mỗi bài viết của mình. Từ đó, những tạp chí – cứ cho gọi là địa phương- nói chung và Ý Thức nói riêng qui tụ được nhiều cây viết trẻ trong thời đó. Ngay cả khi Ý Thức rời khỏi số 11 Nguyễn Thái Học, Phan Rang để vào Sài Gòn (666 Phan Thanh Giản) tiếp tục làm Ý Thức và nhà xuất bản trong đó cũng đã qui tụ được nhiều cây bút trẻ mà một thời miền Nam biết đến.

Viết về Ý Thức, một thời kỷ niệm với anh em khi còn ở Tháp Chàm, dù trong khoảng thời gian quá ngắn ngủi – 8 tháng – tôi lại đổi đến một đơn vị khác: Dục Mỹ. Khánh Hòa. Nhưng, mỗi lần nhớ đến hay nhắc đến, cái tình bạn ngày đó sao mà “thân tình” ghê gớm. Căn phòng tôi thuê chỉ là căn phòng bằng tôle, từ vách cho tới mái. Nhưng lại là nơi anh em bạn bè về đó thăm tôi trong những ngày nghỉ. Căn phòng đó có cả Tô Đình Sự lái xe Honda đến, căn phòng đó có Nguyên Minh, có Trần Hữu Ngũ, Có Võ Tấn Khanh hầu như không bao giờ thiếu anh em trong căn phòng chật chội này, dù chỉ vừa đủ kê một cái giường và cái bàn cùng những chiếc ghế ọp ẹp. Nhưng, có lẽ, vui nhất đời tôi khi về Tháp Chàm là những ngày tháng Trần Hoài Thư được Lữ Quỳnh đưa anh vượt Cù Mông để tìm cách vào Nha Trang. Và, tôi đưa anh vượt trạm Du Long để về sống với tôi trong căn nhà tôle nóng như cái lò hấp bánh mì này trên một ngọn đồi thấp nhìn xuống đường rầy xe lửa từ trong ga Tháp Chàm ra. THT về Tháp Chàm, tôi vui như những năm tháng hai đứa chúng tôi còn “lang thang” ở Qui Nhơn.

Cuộc đời quân ngũ của tôi với THT, dù khác đơn vị, nhưng có lẽ có cái cơ duyên hay sao mà tôi với anh “gắn chặt” với nhau trong những lần “rong chơi” đây đó. Cũng vì những lần “rong chơi” ấy mà chúng tôi có một kỷ niệm không sao quên được sau năm 1968 (Mậu Thân). Hai đứa

tôi lại “dù” về Nha Trang chơi vài ba ngày (lúc nào cũng dù đi chơi). Ông bạn Lê Minh lại bị cầm trại, không về nhà được, đưa tôi với THT vào ngủ trong những chuồng ngựa ở viện Pasteur. Những chuồng ngựa này đều có mang những số thứ tự trên cái bảng treo trước chuồng. Và Lê Minh nói: tui mình là những con ngựa, mỗi thằng tự chọn cho mình cái chuồng mà vào đó nghỉ. (LM thuộc lính tiểu khu Khánh Hòa)- Anh cũng đã mất ở Đà Lạt vào khoảng 4 năm trước.

Chuồng ngựa. Ba đứa tuổi ngựa. Và, hai người lính bơ vơ trở về thành phố thấy lạc lõng vô cùng. Để đến khi Lữ Quỳnh đưa anh vượt đèo Cù Mông về Phan Rang với tôi (khoảng năm 1969). Vài tháng sống trong căn phòng tôle chật hẹp, thiếu nhiều phương tiện, tự đi chợ , tự nấu ăn. Và mỗi buổi chiều anh ra đứng bên tảng đá nhìn xuống đường rầy xe lửa Tháp Chàm, Nhìn về hướng Sông Pha, anh nhớ Đơn Dương. Nhớ đến cái ga xép nhỏ bé ngày nào mà anh đã có một thời sống ở đó- anh đã nói với tôi như thế- Tôi nghĩ, thời gian anh sống ở Tháp Chàm là thời gian anh viết hăng say nhất. Vì chiến tranh, sự chết chóc hằng ngày, những đôi mắt đại khờ của những bà mẹ quê trong những vùng hành quân mà anh đã đi qua...thật sự đã lùi xa. Tôi nghĩ, anh nên xa cái đơn vị mà anh đã một thời chiến đấu. Ân huệ cho anh ư? Chắc chắn là không. Với một người có nhiều tác phẩm đi trên báo, với một người mang kính cận gần 7 diop. Bỏ kính ra, anh chỉ mò chứ không thể nào thấy mọi vật trước mặt mình. Thế mà, anh vẫn miệt mài hành quân. Và phục vụ trong một đơn vị ai nghe danh cũng phải ngán: đơn vị thám kích. Thật tình mà nói nếu không có Lữ Quỳnh đưa anh qua Cù Mông để về với tôi, thì hôm nay, phải nói thật lòng, chúng tôi ..chắc không còn gặp lại anh ngày hôm nay. Về với Tháp Chàm trong những tháng anh sống thật yên ổn nơi thị trấn nhỏ bé này. Anh viết, viết ngày viết đêm không mệt mỏi. Và

cái nhan đề cho tác phẩm đầu tay của anh đã được hình thành từ những đêm hai đứa tôi ngủ trong chuồng ngựa của viện Pasteur năm 1968.

Tác phẩm đó đã được Nguyễn Minh, cơ sở Ý Thức, nơi số 11 Nguyễn Thái Học, Phan Rang đánh máy và layout trên những tờ stencil để hoàn thành cho anh, và cũng cho cơ sở Ý Thức đầu tiên in ấn. Tôi nhớ, bìa do Lê Ký Thương trình bày. Và Lữ Kiều làm cliché ở Sài Gòn gửi ra cho NM để in tại nhà in Phan Rang. Tập truyện “Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang” đã hình thành theo sự mong đợi của anh, và của anh em Ý Thức. Và, riêng tôi, trong cuộc đời quân ngũ lại có thêm một kỷ niệm – không biết vui hay buồn – khi tập truyện này phát hành, tôi mang nó vào Sài Gòn ở nhà một người bạn trên đường Chi Lăng, Phú Nhuận. Nhà của anh chị CDB làm ở tòa soạn Quyết Tiến trên đường Võ Tánh. Đọc xong, chị CDB bắt đầu “quay” tôi bởi vì trong truyện ấy có tên thật của tôi, mà THT đưa vào. Nói lại cho THT nghe, anh chỉ ngồi cười ngất. Hôm nay không biết anh chị CDB ngày ấy ở đâu. Tôi cố công tìm anh chị hoài, nhưng không gặp. Dù gì, đây cũng là những kỷ niệm vui trong cuộc đời còn rất trẻ của chúng tôi vào thời ấy. Phải không Trần Hoài Thu? Tôi chỉ mong sao Nguyễn Minh tìm lại bản thảo của tập truyện này để chúng tôi in lại như những tác phẩm mà THT và tôi chủ trương tủ sách di sản văn chương miền Nam.

Viết về các bạn bè trong nhóm Ý Thức mà không viết về kỷ niệm khi tập truyện ngắn đầu tay của THT được hình thành, e cũng là một điều thiếu sót. Tôi viết để nhớ lại những kỷ niệm một thời không quên cái tình bằng hữu, cái tình của những bạn bè cầm bút chơi với nhau trong thập niên 60’ của thế kỷ trước. Cái tình “không vụ lợi”; vì có lợi đâu mà vụ. Cái tình văn nghệ sao mà “đẹp” lắm. Không thể nào diễn tả được.

Sau thời gian ở Tháp Chàm, THT lên Ban Mê Thuột về Sư đoàn 23, rồi về vùng 4 làm phóng viên chiến trường, lập gia đình trong đó. Tôi rồi cũng ra khỏi Tháp Chàm vào đầu năm 1970. Từ già Võ Tấn Khanh, Lê Ký Thương (Nguyên Minh đã vào Sài Gòn). Tới thấp nhang trên bàn thờ Tô Đình Sự như để nhớ một người bạn thơ mà chúng tôi thường hay gặp từ lúc anh còn ở trường HSQ/ĐĐ. Sau khi tôi với Trần Hoài Thư từ già Tháp Chàm, thì Võ Tấn Khanh lên dạy trung học ở Đà Lạt không còn dạy tại trường tiểu học Đô Vinh. Chỉ còn lại Lê Ký Thương, Trần Hữu Ngũ. Hôm nay, Trần Hữu Ngũ cũng từ già các anh để ra đi. Và, sau khi mỗi người mỗi nơi chia tay nhau, hai con ngựa hoang (tôi và THT) đã lập gia đình. Không còn rong chơi như ngày nào nữa.

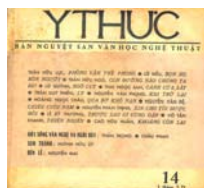
Trong bài viết của anh Lữ Quỳnh viết về “Những Kỷ Niệm Về Một Thời Ý Thức” *Bán Nguyệt San Ý Thức qua năm thứ hai có phần chệch hướng*. Tôi nghĩ cái mà anh viết về “ chệch hướng” này, có lẽ cũng vì tình bạn bè và trọng ã của Nguyên Minh mà ra. Khi ấy ngoài Ý Thức ra, còn có hai cơ sở: nhà xuất bản Ý Thức và nhà phát hành Hàm Thụ. Do đó mà Nguyên Minh không “kham nổi” công việc, phải nhờ đến bạn bè. Trong đó có nhà thơ Thái Ngọc San. Nói đến Thái Ngọc San anh em đều biết anh là một người “trốn lính” không bao giờ chấp nhận chế độ lúc ấy. Bạn bè còn nghĩ anh là người “phía bên kia”. Tuy nhiên, biết như thế, anh em vẫn chơi- không mang tính “chính trị” mà chỉ trên tình bạn bè cảm bút. Do đó mà NM đưa anh về Ý Thức vừa “bảo bọc” vừa “che chở” cho anh để cho anh có một chỗ ở. Và, nhờ anh chăm sóc bài vở và trả lời độc giả. Đến nỗi khi có TNS về làm ở tòa soạn Ý Thức, nhiều người cứ nghĩ rằng Ý Thức là do Thái Ngọc San chủ trương. Đây là một sự “hiểu lầm” khá trầm trọng. Mà phải hiểu là TNS không có chân trong nhóm Ý Thức. Nhắc đến TNS, tôi lại nhớ có lần, hình như vào 1968 thì

phải, anh từ Lâm Đồng về Huế. Đến Qui Nhơn thì bị bắt vào TTTM/NN ở Gành Ráng. Anh nhấc tôi với THT. Hai đứa tôi vào thăm. Thấy anh bị đát quá, tôi với THT còn bao nhiêu tiền đưa hết cho anh, THT còn cời áo thun đưa cho anh mặc. Tình bạn chúng tôi chơi với nhau không mang một tính toán gì cả. Lúc ấy cũng có Lữ Quỳnh đóng ở Qui Nhơn, Nhưng có lẽ TNS không biết có LQ. Cho nên nhấc tôi và THT mà thôi. Nhưng sau đó, nghe anh cũng đã trốn thoát được về SG và NM đã đùm bọc anh.

Ý Thức số 24 đình bản. Tôi nghĩ sự đình bản này là để các anh chuẩn bị cho một bước đi khác cho những số tới, chứ không phải do BTT đình bản. Chúng ta phải biết như vậy. Nhưng trước khi Ý Thức đình bản.Tạp chí đã có sự thay đổi về hình thức, mà có lẽ Lữ Quỳnh và THT quên đi. Đó là khuôn khổ của tờ báo hình “vuông” cạnh đều cạnh. Hình thức vuông vức này là do ý của Nguyễn Lê Uyên đưa ra, và Nguyễn Minh chấp nhận.

Và hôm nay, viết về những người bạn trong nhóm Ý Thức khi từ Huế (Gió Mai) vào Phan Rang (Ý Thức) từ một tạp chí quay ronéo và cơ sở in Ý Thức đã in tập truyện đầu tay của THT cũng quay ronéo làm cho tôi nhớ lại bạn bè trong thời gian qua. Nay, trong nhóm ấy,cũng có anh đã nằm xuống. Cũng có nhiều anh còn trong nước. Và cũng có nhiều anh ra hải ngoại. Cái may cho tôi ngày hôm nay là tôi vẫn còn giữ trong máy của tôi những tập truyện:của Nguyễn Minh, của Trần Hoài Thư (truyện viết trước 1975), của Trần Duy Phiên, của Lữ Quỳnh, và tập thơ của Hồ Thanh Ngan. Những người ở trong Ý Thức ngày nào. Thư Quán Bản Thảo được hình thành từ bao năm nay. Để Ý Thức trong nước cũng hình thành trở lại, với cái tên khác (Ý Thức Bản Thảo), dù không được phát hành đều đặn, nhưng cũng tạo được một nơi để anh em gặp mặt nhau trên những con chữ, trên những sáng tác mới để gởi

đến bạn bè và độc giả của hai tờ tạp chí mà theo tôi: như hai mà một này. Cũng mong sao như Lữ Quỳnh nói: *Nhưng biết đâu, trong và ngoài nước, một ngày không xa, tạp chí Ý Thức mới của những người bạn già lại xuất hiện.* Điều này, mong lắm thay!



MỘT THỜI VỚI Ý THỨC NGUYỄN LỆ UYÊN (VN)

Nhà văn Võ Hồng có lần nói: “Người Việt Nam mình, hình như ai cũng có tâm hồn văn nghệ, ai cũng làm được thơ...”. Điều này lại được nhà văn Sơn Nam khẳng định: “Người Việt mình làm thơ nhiều, in thơ nhiều. Có khi in chỉ để tặng bạn bè đọc chơi”.

Hai lão nhà văn đưa ra nhận xét trên, có lẽ không ngoài mục đích xiển dương nét đẹp văn hóa luôn tiềm ẩn trong tâm hồn của dân tộc Việt. Tính cách văn nghệ ấy được biểu hiện bằng mấy từ chắc nịch: “...ai cũng làm thơ, in thơ...”. Gẫm lại thời trai trẻ, hồi còn ngồi chà đống quần trên ghế nhà trường đã “tì toè” bắt chước Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng làm những bài thơ tình sướt mướt. Nhưng rồi cũng không chịu dừng lại ở đó, phải có một mảnh đất “cắm dùi” để “khoe” với thiên hạ, sau khi gửi đi các tờ báo ở Sài Gòn bị chê, liệng vào sọt rác! Cái mảnh

đất ấy tuy không đẹp để kiêu con nhà khuê các, thậm chí mặt mũi lấm lem bùn đất, nhưng ngay sau khi in ra đóng thành tập, anh nào cũng lật bài mình ra coi trước tiên.

Những tờ báo in ronéo kiểu ấy, khá phổ biến hồi thập niên 60, 70. In mà không cần phải xin phép, kiểm duyệt. Hứng lên, cứ việc rủ năm bảy người “đồng chí” viết bài, bỏ tiền túi mua mười gam giấy ngòi gỗ lóc cóc trên máy. Tờ stencil chỗ sâu, chỗ cạn chỉ được phát hiện sau khi đem đi quay: dòng thì đọc được, dòng mất và mực in thì nhòe nhọt, tèm lem. Nhưng mực kẻ “văn minh, vợ người” để cứ thế mà vác đi bán, bán không ai mua thì tặng mấy em trong trường thơm tho mà mình để ý từ lâu, ngầm nhắc khéo: “Đây cũng nhà văn nhà thơ sáng rực tương lai đấy nhá”.

Cái thời ấy rồi cũng qua mau (thời mà chúng tôi hồi đó gọi là thời dậy thì văn nghệ) để nhường chỗ cho kiểu thức làm văn nghệ nghiêm túc hơn. Họ tập hợp lại thành từng nhóm, có logo, có manchette riêng: Việt, Sông Hương, Mặt Đất ở phía ngoài, Sóng, Ý Thức ở khúc giữa, Khai Phá ở phía trong... Những người trong nhóm hầu hết đều có chút ít tên tuổi trên văn đàn thời bấy giờ và dĩ nhiên tính nghiêm túc của những tờ báo văn nghệ này so với trước là một trời một vực.

Trong khi chúng tôi làm tờ Sóng tại Tuy Hòa thì ở Phan Rang, nhóm Ý Thức cũng ra đời. Chưa nói đến bài vở, chi nội chuyện hình thức, cũng in ronéo, nhưng tờ Ý Thức đẹp hơn hẳn: canh lề trái, lề phải ngay ngắn, chữ nghĩa rõ ràng chứ không tèm lem như một số tờ khác. Sóng hết tiền (do cha mẹ cúp viện trợ, sợ suốt ngày cứ nghĩ ngóay làm thơ, thì rút đi lính mau phải chân leo lên bàn thờ) phải thu cò, xếp trống. Vậy là chúng tôi quay sang đầu quân cho Ý Thức, cũng là lúc Ý Thức “dời đô” từ Phan Rang vào Sài

Gòn, với một tờ báo in typo đang hoang. 666 Phan Thanh Giản, trở thành tòa soạn và là nơi gặp mặt thường xuyên của chúng tôi khi rảnh việc: phụ với ông Nguyễn Minh sửa morasse, đi khắc bản, đóng gói, chở đi giao cho nhà phát hành... tất cả đều không công. Thỉnh thoảng ông Tổng Thư ký nhỏ con nhất làng báo rủ lên La Pagode nhâm nhi ly cà phê đắng ngét, tán gẫu và nhìn thiên hạ dập diu qua lại trước cửa kính. Cũng có khi thu được ít tiền, bèn rủ anh em chén chú, chén anh. Ông ta có một điểm lạ : hễ thấy anh em nào lò dò tới tòa soạn thì y như rằng, không nhớ việc này thì cũng việc khác, chẳng hạn bắt đọc giùm bài, trả lời thư cho độc giả, sửa bản in.v.v. và .v.v. mà không hề thấy ai phản nản hay kêu ca gì. Mà kêu ca làm sao được, trước khi nhờ vả cái miệng đã nở nụ cười tròn xoe bông đồng tiền rồi. Riêng bà DS Chủ nhiệm Nguyễn Thị Yên thì lâu lâu mới thấy dung nhan (không rõ bây giờ bà ở phương trời nào? Chớ thiệt tình lúc đó bụng tôi cũng có đề ý và ông BS nhà thơ Đỗ Nghê cứ tưởng là mọi chuyện xong xuôi rồi!).

Ý Thức làm đầu được mười số khổ 14X20, một bữa từ Gò Công phóng xe về, hứng chí tôi bàn với Nguyễn Minh, lúc đó có mặt Lê Ký Thương, rằng nên đổi khổ tờ báo cho “nó lạ, hấp dẫn, dễ trình bày và đẹp hơn”. Rồi không đợi hai ông hỏi han đầu đuôi, tôi nói luôn: từ khổ hình chữ nhật bèm bẹp, dễ lẫn lộn trong đồng sách báo khác trên sạp, mình cho nó vuông vức, bia in offsette giấy láng, chọn ton màu, corps chữ và cho đi luôn tranh vẽ của các họa sĩ. Tôi cứ tưởng khi nói vậy là do phút ngẫu hứng, bốc đồng, chớ không thể ngờ số sau đó, tức số tân niên năm Tân Hợi, 1971, ông Nguyễn Minh “chơi” luôn. Cầm tờ báo vừa đổi khổ, không được báo trước, tôi cứ ngẩn ngơ, tưởng mình đang trong mơ, mặc dầu số xuân 1971, trên bìa 4 đã có mấy dòng quảng cáo: “Một thay đổi táo bạo hình thức lẫn nội dung. Đáp đúng nỗ lực phấn đấu cho hoài bão văn học

nghệ thuật dân tộc” Và quả thật, sau đó báo phát hành nhiều hơn, rồi tăng lên thành bán nguyệt san hẳn hoi.

Ý Thức đã ra bề thế, thì lại đẻ ra lắm chuyện: một mình Nguyên Minh không cáng đáng hết mọi công việc, bèn chạy đôn, chạy đáo tìm người thư ký tòa soạn. Lúc thì thấy Lê Ký Thương, lúc thì Thái Ngọc San, lúc thì vắng hoe không thấy mống nào, nhưng bài vở thì tập nập, báo phát hành đúng kỳ, bài vở hay hơn trước nhiều, nhất là loạt bài về triết lý thi ca của Trần Nhựt Tân và loạt bài về tranh dân gian của Huỳnh Hữu Ủy đã gây nhiều chú ý hơn trước.

Và rồi cái hoài bão ấy một lần nữa bị bầm vằm, xé nát do biến động của lịch sử. Sự tan đàn, rã đám quá sớm, khiến anh em mỗi người một ngả, phân ly, lo cho số phận bị treo lơ lửng trên ngọn cây, lo bói móc mưu sinh và an thường thủ phận; chuyện văn chương đành phải ngậm ngùi dẹp qua bên. Rồi mới đây, mới hồi giữa năm này, bất ngờ Nguyên Minh từ Sài Gòn gọi điện ra hỏi địa chỉ và gửi tặng Ý Thức Bản Thảo số 1. Vẫn phong cách làm báo thuở nào. Vẫn những tên tuổi cũ hời còn là Ý Thức ronéo, typo và offsette. Mới hay bầu máu nóng văn nghệ của Nguyên Minh chưa tắt, dù anh cũng đang bước qua tuổi trên dưới sáu mươi như chúng tôi. Tôi lại tự hỏi: điều gì thôi thúc, khiến anh không thể từ giả tờ báo cho đành? Và nếu như không có chuyện “tai trời ách nước” thì hẳn tờ Ý Thức bây giờ đã là một trong những tờ báo lớn của giới văn nghệ, cái giới luôn phóng túng, không chịu câu thúc, ràng buộc, không thể trở thành những “con ngựa của chúa Trịnh” luôn bị đeo mã trá và tấm da che mắt. Họ không hề lớn tiếng đòi dân thân hay một sứ mạng cao cả nào, mà đơn giản là cái đẹp của cuộc sống từ những cảm xúc chân thật, không trá ngụy, không bôi đen, nói ngược dưới những tấm mạng nhân danh này nọ..

Thời gian qua nhanh. Mọi người trong chúng ta cũng lướt thướt bay theo cánh thời gian không dừng lại. Người còn. Người mất. Người xiêu lạc phương trời xa lắc. Nhưng tất thấy đều gần gũi, thân thiết như mới hôm qua đây thôi. Bởi trước mặt tôi vẫn còn những con người năm nào hiện rõ ràng trên từng trang giấy, những con người cùng tâm hướng, không phải một thời mà mãi mãi. Ngay trên trang 2 của Ý Thức số mùa xuân 1971, mà tôi còn giữ được, có mấy dòng chữ của Nguyễn Thị Yến: Bản của anh Nguyễn Lệ Uyên, tên ký nhỏ nhè trên góc và ghi ngày 13.01.1971; tiếp đó là chữ ký to tướng của Huỳnh Hữu Ủy, rồi Nguyễn Minh, Nguyễn Ban, Nguyễn Lệ Tuấn, Trần Nhật Tân, Cao Hữu Huân, Thế Thủy, Hồ Nguyên Hân và cuối cùng là Trần Hoài Thư. Đó là buổi gặp mặt cuối năm trong căn nhà của một bạn văn bên cầu Calmette. Mười một con người kia đã một thời gắn kết với Ý Thức và còn biết bao anh em nữa không thể về dự trong buổi chiều hôm đó. Dẫu sao, sợi dây liên lạc vẫn còn, chất văn nghệ vẫn còn và thắm đậm trong từng đường gân, thớ thịt của Nguyễn Minh, nên anh em mới có dịp hỏi han nhau: Bây giờ ở đâu? Làm gì? Ra sao bây giờ?

Những mơ ước của mấy chục năm trước, giờ lại được nối lại, tiếp tục đi trên con đường anh em đang đi với biết bao nhiều hoài bão chưa hoàn thành.

Sự nối lại và tiếp tục chính là YTBT hôm nay.

Đường đi hẳn sẽ nhiều gập ghềnh, nhưng kinh nghiệm lao dịch, xương máu mấy chục năm rồi sẽ tôi gân cốt dẻo dai hơn. Cảm ơn ông Nguyễn Minh đã thực hiện điều mà anh em trần trọc, lẫn trở mãi.

Xứ Xương Rồng, tháng 12.02

NGÀY ẤY... BÂY GIỜ

KIM QUY (VN)

Ba mươi năm trước, không biết họ có bao nhiêu người, nhưng sáu là con số lúc tôi bắt đầu biết họ, cũng có thể là mười hai trong những lần họp mặt, vì bên cạnh họ còn có sáu gương mặt khác, một nửa hạnh phúc hay khổ đau của đời họ!

Khi tôi có dịp ghé phần mình bên chiếc bàn ấy thì những mái đầu kia đã bắt đầu điểm bạc, nét thanh xuân đã mất dấu trên những gương mặt thấp thoáng vết chém của thời gian, nhưng tâm hồn họ dường như vẫn cứ đầy ắp tình yêu, tràn trề cảm xúc như thuở còn chân cứng đá mềm. Dưới bầu trời đầy sao trên sân thượng hay trong một căn phòng nhỏ, họ cùng với nhau những ly rượu vàng đông đưa những trái tim nước đá. Họ nhắc chuyện văn chương, chuyện đời, đề tài có thể thay đổi, nhưng lang thang đâu rồi họ cũng quay về với ngày xưa, cái ngày xưa đầy hào khí cách đây hơn ba mươi năm, khi họ hăm hở bắt tay nhau quyết tạo nên tờ báo của nhóm – bán nguyệt san Ý Thức – hay xưa hơn nữa, khi họ chỉ mới là những chàng trai trẻ mười lăm mười bảy ngất ngây với những tác phẩm đầu tay, hừng hực lửa đam mê văn chương lẫn bóng dáng những nàng thơ dịu dàng kín đáo mà đầy quyến rũ của xứ Huế.

Tôi không có mặt trong ngày xưa của họ, nhưng ngồi cạnh họ, tôi thấy như thế giới ký ức ấy lồ lộ trước mắt mình, quá quen thuộc và gần gũi. Tôi thấy mớ ôi xanh họ (những chàng trai tóc húi cua ấy) nghịch ngợm hái trộm ở

vườn bên trong buổi trưa hè gắt nắng. Tôi thấy họ ngồi bên nhau trên bờ sông chiều tà, sôi nổi nhắc đến cô bạn gái cả bọn cùng thầm yêu nhưng chưa ai có đủ can đảm tỏ tình. Tôi lại thấy họ ngồi lặng lẽ trong đêm, tự vấn về thân phận, về chiến tranh, về cái sống cái chết, lần đầu tiên cảm nhận nỗi cô đơn vô bờ mà có kẻ trong số họ đã hồn nhiên bỏ lại sau lưng mình ngay từ thời tuổi trẻ nhưng cũng có kẻ phải mang theo đến mãi tận hôm nay – chặng cuối của một đời người.

Gần nửa thế kỷ qua, vẫn là họ ngồi bên nhau, nhưng không phải trên bờ sông xưa (rác rưởi đã che phủ thảm cỏ xanh ngày ấy) mà trong những căn phòng tiện nghi ngọt ngào. Đôi mắt họ mờ đục hơn và bầu trời như hẹp lại. Chỉ có một điều vẫn thế: trái tim họ vẫn cứ nồng cháy tình yêu người, yêu đời. Thử tình nồng và cay như loại rượu họ uống thay cho những ly cà phê pha sữa thời trai trẻ. Họ ngồi bên nhau, có thể là ồn ào tranh luận, cũng có thể là một khoảng lặng giữa những nói cười. Rồi ai đó sẽ đòi cụng ly, mừng bạn bè còn gặp mặt, một bài thơ mới viết, một sinh nhật mà nhân vật chính không còn muốn nhớ đến tuổi... Họ mềm mại cho những niềm vui mà cũng có thể uống cho thấm nỗi buồn của những mất mát khó tránh trong cuộc sống.

Chính trong những cuộc họp mặt bàn tròn ấy, tôi khám phá ra người “trẻ” nhất và sôi nổi nhất bàn tiệc lại chính là Nguyên Minh, kẻ luôn luôn ngồi mơ màng lặng lẽ trước mặt mình. Tôi tưởng như anh đang mãi sống trong thế giới tĩnh lặng của riêng anh, không quan tâm gì đến nhân tình thế thái. Nhưng không. Hóa ra anh vẫn đang tham dự vào cuộc chơi của bạn bè. Anh không nói nhưng vẫn lắng nghe và có cách riêng để tỏ bày ý kiến. Một cái nhếch môi với đuôi mắt nheo nheo láu lỉnh hay hơi thở hắt một môi khi cuộc tranh luận của bạn bè đi vào chỗ không thấy lỗi

ra. Anh chỉ thực sự là anh khi ai đó bắt đầu nhắc đến chuyện văn chương. Những lúc ấy, anh không còn là con người trầm tư cao niên nhất đám. Cặp mắt sáng lên nổi đam mê, giọng nói tiếng cười tràn đầy phấn khích, anh lại trở thành chàng thanh niên ngày nào đang hăm hở khám phá mảnh đất văn chương mới xới, đầy ắp dự định tương lai, chẳng khác gì ngày xưa ấy khi cả nhóm bạn còn vui thích chia nhau những ly bia, đĩa đầu vịt dồi bằng mớ giấy làm báo xén thừa. Thế nhưng nếu ai đó chuyển hướng câu chuyện sang đề tài khác, lập tức anh lại rút vào thế giới của riêng mình. Có vẻ như đối với anh, không có gì là quan trọng và đáng để tâm ngoài chuyện viết văn, làm báo. (Chả thế mà thuở ấy, anh đã có lần để cô người yêu nhỏ ngơ ngác đứng đợi trong mưa cùng chiếc xe chết máy, còn mình thì vẫy taxi cho kịp giờ họp mặt bàn chuyện ra mắt báo san YT).

Nhìn mái tóc điểm sương của anh, tôi tự hỏi làm sao anh có thể “trẻ” lâu đến vậy? Làm sao mà cảm xúc của anh vẫn cứ mới như ngày xưa? Giờ đây, hơn ba mươi năm sau, có ai tin được anh vẫn cứ là chàng trai trẻ ngập ngừng đi bên cạnh người yêu cũ vừa quay về từ nơi xa, vẫn chọn những con đường có bóng cây và buổi rồi ngắm mây trời để che dấu cảm xúc khi trái tim đang đập những nhịp hỗn loạn nồng nàn. Tôi cảm thấy mình già đi bên cạnh anh dù anh hơn tôi nhiều tuổi. Tôi đã không còn cái háo hức đáng yêu của một tâm hồn mới lớn trước ngưỡng cửa đời. Nhưng anh thì lạ thay, vẫn không vui đi chút nào những xô xao ngày ấy. Và tôi biết rằng anh mãi mãi sẽ là người trẻ nhất trong bọn chúng tôi.



Lữ Kiều (VN)

tự tình gởi nhóm Ý Thức

Những ngày cuối năm, thật buồn. Xé những trang ghi chép của một năm, tưởng như xé đi một phần trí nhớ.

Nhưng làm sao quên? Quên. Đó cũng là một đức tính, hiểu theo một nghĩa nào đó.

Sáng nay lên nhà Nguyên Minh cũng với Hồ Thanh Ngạn. Căn phòng nhỏ nhìn ra bãi cỏ xanh mượt phi trường Tân Sơn Nhất. Gió thổi bạt đi những âm thanh của máy bay lên xuống. Nắng lấp lánh trên những mái nhà xa xa. Những chiếc máy bay lặng lẽ. Nhìn. Bao nhiêu chuyến đi trong năm qua. Cuộc du lịch đã no nê, nói như Hồ Thủy Giũ.

Phải, đã nhìn ra thế giới bên ngoài, giờ đây, ta thu xếp nhìn lại bên trong của mình. Cuối năm. Cuối năm.

Thế đó...

Nhìn lại bên trong. Hình như những dịp cuối năm, đều nhìn lại mình.

Nhìn. Nhưng đâu phải lúc nào cũng thấy.

Nguyên Minh háo hức nói về những trang bản thảo mới viết, về những tình cảm vừa được giải phóng trên trang giấy, về những dự tính văn chương, con đường văn chương mà chúng tôi đã cùng đi từ thời trẻ.

- Chỉ mong đừng bệnh để tôi thực hiện...

Nguyên Minh nói bằng giọng nhiệt tình. Nguyên Minh

nhắc đến Trần Hoài Thư, Phạm văn Nhân đang làm báo ở Mỹ. Về sự bế tắc của những người bạn quanh đây, trong đó có tôi, có Lữ Quỳnh, có Châu văn Thuận. Có bạn vẫn sáng tác, ít hay nhiều, như Hồ Thủy Giũ ở Huế, Hồ Thanh Ngạn ở Sài Gòn, Trần Duy Phiên ở Pleiku...

Tôi nghe, mà lòng lênh đênh. Thuở đôi mươi, chữ nghĩa đã mê hoặc tôi. Giờ đây, những con chữ như những giọt nước trên con đường cũ. Đã thấm vào đất. Đã tan trong đất. Còn lại chẳng, chỉ là một hoài cảm. Tệ hơn, là một nỗi buồn, nỗi buồn văn chương, nỗi buồn cuối năm.

Sống là chia xẻ.

Viết là một cách chia xẻ. Đầu chi là chia xẻ chữ nghĩa, trong đó còn có quả tim tội nghiệp, cái đầu thao thức, những cơn mê sảng của lý trí, những tuyệt vọng khốc liệt của từng đêm thâu... Tưởng như có người chia với mình những điều buồn bã ấy, cho đến khi hiểu ra, cuộc sống vẫn hồn nhiên trôi đi, ta cũng trôi đi. Con đường tưởng là đi chung, đến lúc nào đó, dừng lại, chỉ còn thấy ta lẻ loi một mình.

Một mình với chiếc bóng. Chiếc bóng tưởng như thật, nhưng cũng có lúc không thật nữa.

Nhớ Lữ Quỳnh. Tôi đã yêu bạn ấy biết bao. Có một ngày rất trẻ, bạn nằm bệnh viện, tôi đến, ngồi bên bạn, nắm tay bạn. Thuở đó, bạn là một đứa trẻ bất hạnh. Tôi truyền tình cảm của tôi cho bạn qua cái nắm tay hồn nhiên tuổi 13. Đó là kinh nghiệm chia xẻ đầu tiên của đời tôi.

Nửa thế kỷ sau, một ngày tháng 8 năm 2001, đặt chân lên đất Mỹ, bạn đón tôi ở phi trường, tôi nắm tay bạn. 50 năm, vẫn một hơi ấm từ bàn tay thuở đó, dù đời đã khác.

Bạn lái xe đưa tôi quanh thành phố, nơi bạn định cư.

Chúng tôi đang ở xa Việt Nam nửa quả địa cầu. Sự cách xa làm tôi xúc động. Thành phố nằm trong thung lũng bao quanh là những ngọn đồi cỏ vàng. Những con đường hoa lá. Tôi lặng đi khi nhìn bạn ngồi trước tay lái: những vết nhăn trên khuôn mặt bạn, những sợi tóc bạc

không giấu diếm. Phải rồi, chúng tôi không còn trẻ, quỹ thời gian của đời người đang hồi vết cạn, như cuốn vở học trò chỉ còn vài trang cuối. Chỉ vài trang cuối để ghi chép cái bao la của đời này. Đã đến hồi chung cuộc, nhưng ta không có quyền thay cuốn vở mới.

Ôi, văn chương! Ta viết gì cho những trang cuối cùng này?

Nói cho cùng, ta đã viết gì, đã ghi chép gì trên cuốn vở đời ta?

Ngày đầu tiên, đặt chân lên đất Mỹ, ý tưởng ấy làm tôi se lòng.

Tôi nhớ đến Ngự Hữu. Nhà của Hữu ở Vân Dương. Bạn chẵn trâu trên cánh đồng thật rộng, tôi và Lữ Quỳnh ngồi trên những thửa ruộng khô để chờ bạn dắt trâu về. Trên cánh đồng mạ ấy, chúng tôi bàn chuyện văn chương.

Ngự Hữu chết đã 2 năm. Bạn không ngồi giữa chúng tôi - thuở đó Ngự Hữu luôn thích ngồi giữa tôi và Quỳnh để sôi nổi chuyện văn thơ. Tập báo viết tay đầu tiên hình thành trong tình bằng hữu ấy. Nhưng rồi thời gian qua, sự xa cách về không gian làm chúng tôi xa nhau. Hình như chúng tôi đòi hỏi ở nhau quá nhiều, nên có lúc thất vọng. Giờ, nhớ lại, quả thật chúng tôi có bất công với nhau. Đáng ra, phải chấp nhận Bạn-như-Bạn-là. Chứ không phải Bạn-như-Bạn-phải-là.

Giờ đây. Tôi hiểu ra trong nhiều loại bất công của cuộc đời, thì bất công trong tình bạn là đáng yêu hơn cả. Tôi càng thấm thía điều đó, khi tôi đến thăm mộ Ngự Hữu Ở Chà Bang, tỉnh Ninh Thuận. Mộ Hữu nằm dưới một ngọn núi mà khi tôi đến, những cánh hoa mua màu tím nở ngát làm cho núi trở thành một ngọn núi tím.

Tôi và Nguyên Minh thấp một nén hương, nhìn tấm hình bạn trên bia mộ, quạnh quẽ vô cùng. Chỉ có những con trâu gặm cỏ quanh mộ Bạn. Những con trâu lui tới nơi bạn an giấc vĩnh viễn, giống như những con trâu ở Vân Dương tuổi thơ bạn chẵn đất. Tôi chảy nước mắt.

Không phải vì Bạn, mà vì những con trâu trong tuổi thơ chúng ta.

Giờ đây, chỉ còn tôi và Lữ Quỳnh, chia với nhau tâm cảnh của thành phố hoa vàng. Có thể, không bao giờ chúng tôi nghĩ sẽ ngồi cạnh nhau ở xứ người, xa hết những bằng hữu tuổi thơ. Bạn vừa lái xe, vừa kể cho tôi nghe về những ngày tháng ở quê người. Về góc phố chờ xe buýt đến sở. Về những buổi mai ra đi rất sớm, buổi chiều ra về rất trễ. Về bữa ăn Việt Nam người vợ mang theo, để buổi trưa hai vợ chồng ngồi ăn với nhau vội vã. Về những sát se nhớ những người thân ở lại. Bạn cũng nói về sự an toàn trong đời sông mới, sự hội nhập cuối cùng phải có. Để tồn tại. Chứ không phải để sống.

- Còn văn chương ?

- Mình nghĩ mình sẽ viết được.

Vậy là hạnh phúc rồi. Tôi đến thành phố này lần thứ hai. Những trải nghiệm trước nơi chốn đều mỗi khác. Á Châu. Âu Châu. Mỹ Châu. Điều quan trọng đối với tôi ở mỗi nơi chốn là tìm thấy những đôi mắt thân yêu. Nếu không, thì nơi đến chỉ là chốn lưu đày. Tôi nói điều đó với Lữ Quỳnh, và bạn tôi trả lời, giọng nhỏ đi.

- Mình cũng tìm thấy một đôi mắt.

Nhìn nét mặt của bạn, nghe giọng nói của bạn, tôi hiểu rằng quả thật ở chốn này, bạn cũng tìm thấy một đôi mắt. Dù là đôi mắt mong manh. Đôi mắt muộn màng. Như thuở trước, chúng tôi rất nhạy cảm trước tình cảm của nhau.

Còn đôi mắt của văn chương?

Phải, còn đôi mắt của văn chương? Đôi mắt của ý thức? Của mê thức? Của vô thức? Đôi mắt số phận của mỗi người?

Tôi nhớ lại. Động lực nào khiến cho chúng tôi ngày ấy ngồi lại bên nhau để cùng bước đi trên con đường chữ nghĩa? Tưởng là chơi thôi. Đâu ngờ đã vện vào đời mình cái mê hoặc của văn chương trở nên nghiệp dĩ, mang theo suốt cuộc sống thăng trầm cho đến hôm nay.

Cho đến những ngày cuối năm này, bàng hoàng thấy lòng mình buồn vô hạn. Một nỗi buồn lạ lùng mà các năm trước, tôi chỉ nghĩ tới chứ không nhận ra. Đó là sự tỉnh thức cay đắng của cơn mộng vẫn chương.

Phải, tôi đã làm gì đời tôi?

Thì cũng sống như mọi người, cũng như cỏ cây chim cá, cũng vui buồn theo trời đất gió mưa, cũng ngũ uẩn, cũng thất tình, thế nhưng, như mang căn bệnh tâm thần phân liệt trầm kha, tôi còn nghe một tiếng nói, tiếng nói thứ hai ngày đêm vang bên tai tôi.

Nói gì vậy?

Đó là vấn đề.

Đề bước tới. Đề dừng lại. Hay đề nằm xuống.

Cuối năm. Những thao thức kia chợt không rời. Ta đã làm chi đời ta. Không làm gì cả. Chỉ cái Ngã nhỏ nhoi làm vướng bận con đường giải thoát.

Nhớ lần cùng một người bạn đến khu rừng cây hóa đá. Đó là một buổi chiều, mặt trời dần tắt, đặt chân vào khu rừng già có những thân cây ngã dài trong hố sâu, sờ lên thân cây, *đứng là đá*. Cây đã sống trên ngàn tuổi. Và để hóa thành đá, phải có thời gian trên ba triệu năm. Vậy thì cái cây đang nằm trước mặt tôi có tuổi trên ba triệu năm: so với trăm năm của đời sống, thì kiếp người quá ngắn ngủi. Quá ngắn, vậy mà sao nhiều chuyện quá. Lịch sử con người được làm bằng chiến tranh chứ không phải bằng tình yêu thương. Và, vì vậy có phải vẫn chương là giấc mộng đem con người gần lại với nhau, tử tế với nhau...?

Nhận được bài văn của Hồ Thủy Giũ, viết về cái chết của người vợ, về một khúc nhạc. Khúc Adagio trong Concerto số 1 của Max Bruch. Có tiếng vĩ cầm réo rất mà chúng tôi cùng nghe ở tuổi hai mươi. Réo rất mà se sắt vô cùng, cùng nghe với nhau, và cùng cảm thấy bị tình phụ.

Tôi đã bước qua tuổi trẻ quá nhanh. Không kịp có một tình yêu. Chỉ có những tuyệt vọng. Một cô gái gây guộc,

ngồi dưới ánh đèn vàng sau khuôn cửa sổ, còn chúng tôi đi ngang qua nhà nàg, nhìn vào, một thằng đau khổ, và cả bọn đau khổ theo.

Làm sao quên được những ngày tháng đó, những ngày tháng làm nền cho cơn mê văn chương của chúng tôi. Đẽ nửa thế kỷ sau, một cây nến trắng trên thành cửa sổ một quán khuya cũng đủ làm đau đớn vết thương cũ chưa lành.

Tôi nhớ Châu văn Thuận, chàng trai lãng mạn trữ tình không có tuổi, với những câu thơ tượng trưng mang âm thanh và nhịp điệu thật lạ lùng. Hình như ngôn ngữ thơ của Châu văn Thuận cần người đọc có một tần số chung với Thuận để cảm nhận.

Tôi nhớ Phan Thiết và người con gái áo vàng thuở Châu văn Thuận còn tuổi 20:

Ta thiên nhiên thấm nở nụ hoa vàng

Hồn thảo mộc ngậm ngùi một bóng...

Tôi nhớ những đêm rượu nồng cùng bạn. Những câu chuyện về Đạo, về Đời, về Tình Yêu, và cuối cùng về Văn Chương. Gần Bạn, tôi có cảm giác được thông cảm, tưởng như cùng biết cách bắt đầu và cách kết thúc một trầm tư.

Thế đó, nhưng cùng với tuổi tác, cùng với hoàn cảnh, đã hiện ra những khoảng cách. Những khoảng cách tất yếu để nhìn ra nhau. Như cách vật trí tri. Làm sao bạn tôi hiểu được nỗi buồn của những bức phác thảo tôi vẽ về khoảng cách đó, tôi gọi là "hoà nhi bất đồng", đó là lúc kinh nghiệm chia xẻ va vào bức tường vô tri của số phận. Bất khả tư nghị.

Sống, đã là cuộc chia tay. Vậy mà vẫn mong sự ràng buộc. Một buổi sáng lạnh buốt ở miền Bắc Mỹ, tôi ngồi trên bậc thềm với Đình Cường. Cường lặng lẽ vẽ. Lặng lẽ làm thơ. Tôi nhìn bạn, lòng bồi hồi, tôi yêu mến sự dịu dàng lãng đãng thơ mộng của bạn, của tranh bạn.

Nhờ bạn. tôi biết cầm cọ, biết màu sắc, biết vẽ bức tranh đầu tiên. Và cứ thế tiếp tục.

Người đàn bà mặc áo tím, cô gái 16 tuổi của 40 năm

trước, mang lại cho chúng tôi tách cà phê. Một ngọn nến trắng chỉ còn một nửa, ngọn nến đã cháy suốt đêm qua trước thềm nhà, lặng lẽ đêm khuya tưởng niệm những người vừa chết trong cái sát-na oan nghiệt khi tòa nhà cao tầng ở Nữ Ước sụp đổ. Chiếc máy bay đâm thẳng vào. Lửa. Người chết...

Phải, sống đã là cuộc chia tay.

Người đàn bà đưa tách cà phê cho tôi. Nàng vẫn yêu màu tím, vẫn mang màu tím trong lòng từ cuộc chia tay đầu đời. Tôi nói với Bạn.

- Đã gần cuối đường đời, phải biết bỏ bớt hành trang cho nhẹ gánh...

Bỏ bớt những cái bỏ được, kể cả thân xác ta.

Căn nhà người đàn bà yêu màu tím nằm ven khu rừng. Đêm rất khuya, tôi bước vào căn phòng thờ phụng của bạn. Một bức tranh của Đinh Cường, tượng Phật, bàn thờ di ảnh của cha mẹ bạn, những ngọn nến im lặng, một thanh kiếm dài đặt ngang trên bàn thờ, ảnh thờ người cha lúc bấy giờ còn rất trẻ. Thanh kiếm chỉ huy của ông. Khuôn mặt người mẹ xinh đẹp, tươi tắn. Đó là những người đã nhìn thấy tuổi trẻ của tôi, đã nhìn thấy tình yêu tôi và bạn ngày hai mươi tuổi, đã nhìn thấy chúng tôi hạnh phúc và đau khổ, gần gũi và chia xa.

Tôi đứng lặng trong đêm, hình như tôi lúc này là một cái tôi khác, một cái tôi hồn nhiên hơn, tin cậy hơn, đáng yêu hơn và đáng ghét hơn.

Phải bỏ bớt đi hành trang nặng nề. Bỏ đi. Dọn mình. Nhưng giữ lại gì? Biết giữ lại cái gì cho mình, đó là một hạnh phúc.

Dù là hạnh phúc đã mất. Chỉ còn trong trí nhớ.

Phải, bây giờ là những ngày cuối năm. Tôi buồn vô hạn. Buồn đến khánh kiệt tâm hồn. Sự tỉnh thức nào cũng đau đớn. Nhất là sự tỉnh thức muộn màng. Tôi thêm hơi ấm của bàn tay Bạn, tôi muốn chia gánh nặng trong lòng,

ngiênhi nổi buồn về phía Bạn. Dù ở tuổi nào trong lòng ta cũng có một đứa trẻ. Đứa trẻ ấy luôn luôn muốn được an ủi, kể cả khi nó chẳng hề buồn.

Trong đêm khuya, tôi một mình. Tôi biết người bạn cũ cũng đã một mình lặng lẽ trong căn phòng của bạn. Bạn đã may mắn có một cuộc sống bình an. Nhìn Bạn như nhìn thấy sự thiện. Tôi nghĩ đến khoảng thời gian quá dài tôi không gặp bạn, thậm chí, có lúc dù cố gắng, tôi cũng không tưởng tượng ra được khuôn mặt Bạn ra sao, Bạn sống như thế nào, với ai, ở đâu. Trong suốt thời gian đó, bao nhiêu tai ương đã đến, nhưng vào lúc tuyệt vọng nhất, tôi vẫn nghĩ tới Bạn, đến đôi mắt tin cậy Bạn nhìn tôi. Và lòng tin đó giúp tôi đứng dậy, bước tiếp.

Bước tiếp cuộc đời, bước tiếp cơn mộng.

Tôi nghĩ đến sự may mắn. Trong chiến tranh, may mắn là viên đạn tránh mình. Trong trại tù, đó là lúc nhiều năm không được ăn một miếng đường, một hôm đi vô rừng đốn củi bắt gặp một tổ ong mật. Với tôi, may mắn là khi gõ cửa, tôi biết, bên kia cánh cửa đóng, có Bạn.

Vậy thì làm sao tôi dừng lại, làm sao tôi không đứng dậy, đi tiếp.

Đi tiếp nhưng đôi chân tôi không còn vững. Tôi không có quyền vấp ngã, vì tôi biết, mình không còn gượng dậy được. Từ đó, bước chậm. Thật chậm. Bước để mà bước, để mà trầm tư về từng bước chân của mình.

Bước đi. Hay bước về. Đều như nhau.

Phải. Thế hệ chúng tôi không còn trẻ. Tôi nhớ sợi tóc bạc của Lữ Quỳnh ở thành phố hoa vàng. Mái tóc bạc của Hoàng Khởi Phong, của Nguyễn Mộng Giác, của Trần Hoài Thư, của Ngô Thế Vinh. Các bạn đang ở Mỹ, vẫn tiếp tục con đường chữ nghĩa. Còn ở đây, râu tóc của Hồ Thanh Ngạn năm nay bạc nhiều. Ngạn vẫn hăng say làm thơ, lập ngôn, nồng nhiệt, với quả tim trẻ trung. Đỗ Hồng Ngọc cũng chẳng hơn gì tôi, nói như Trịnh Công Sơn:... *về thu xếp lại*. Thậm chí người trẻ nhất bọn là Lê Ký

Thương, tóc cũng đã muối tiêu. Chỉ còn tranh bạn, nỗi hoài cảm về tuổi thơ là còn trẻ.

Ồ tại sao tôi lại nói về những mái tóc. Bạc tóc. Còn bạc lòng nữa - như câu hát của Phạm Duy trong bài "Thuyền viễn vút": ru con bạc lòng...

Có phải tôi cảm động nhìn thấy Nguyên Minh năm vừa qua đã già đi nhanh chóng. Giờ đây, Nguyên Minh vẫn mang tâm lòng nhiệt tình cầm bút. Anh viết nhiều.

Mỗi buổi sáng anh ngồi trước máy vi tính, gõ nhịp chậm rãi những ý tưởng của mình. Những hồi ức về người cha, về thị trấn khô, về mối tình đầu, về mối tình cuối, về người vợ hồn nhiên tốt lành...

Anh không thao thức về văn chương. Viết, đối với anh, như ăn, như thở, như bệnh, như đau bụng, như ối mửa. Anh không suy nghĩ về văn chương, anh làm văn chương.

Đó là tâm cảnh mà tôi không có.

... Cuối năm, nỗi buồn cuối năm khi nhìn lại mình. Những hoang mang về con đường mình đi. Những hoài bão về văn chương như ngọn lửa, lửa thì không còn, chỉ còn tro than. Rồi chỉ còn tro mà thôi. Than cũng tắt.

Tôi nghĩ đến những mái tóc bạc của các bạn tôi. Bạc tóc. Và bạc cả lòng nữa. Chưa hẳn là bạc bẽo. Chẳng qua chỉ là cuộc chia tay với chính mình. Ta phụ tình với ta. Ta bạc lòng với ta. Lửa đã tắt thật rồi. Tro than cũng không còn. Còn chẳng, chỉ là một sợi khói phù du...

Một sợi khói thôi, mà nặng lòng nhau... Ngày trẻ, tôi đã từng viết như vậy.

Bây giờ thì tôi hiểu rằng, không phải chỉ nặng lòng nhau, mà còn phiền lòng nhau nữa.

Tôi ngồi trong một góc phòng trên lầu cao viết những dòng này, lòng buồn vô hạn. Hằng đang ngồi vẽ dưới bếp. Người bạn đời của tôi còn trẻ, khi đến với Bạn, thì lòng tôi đã mùa thu. *Khi mở lời thu ngõ ý tim, mùa Xuân trên má thẹn êm đềm.* Ôi, một câu thơ bay bướm đầy âm thanh

và chữ nghĩa. Tôi bước xuống cầu thang, nhìn Hằng ngồi trước giá vẽ. Nhìn bạn vẽ, bao giờ tôi cũng xúc động. Bàn tay ấy nuôi con, nấu ăn, vẽ. Tôi đứng sau lưng bạn, nhìn lưng bạn đã bắt đầu cong xuống bởi thời gian, tôi nhìn con cá đỏ trong tranh bạn. Màu đỏ cam, có vài vết trắng ngang thân. Cá bơi trong hồ, có nhiều rong biển, sứa, hải quỳ...

Tôi nhớ rồi, cảnh đó là những con cá trong bảo tàng viện ở Chicago. Bạn vẽ những gì bạn thấy, bạn yêu. Như dòng sông Colorado nhỏ xíu, có chút ánh sáng xanh lục chảy giữa thung lũng đá. Như cây sồi khô cằn trên bờ vực ở Grand Canyon. Bạn vẽ đơn giản, vì bạn yêu thiên nhiên, và bạn làm cho thiên nhiên qua tâm cảnh bạn là một thiên-nhiên-của-bạn. Một cõi riêng...

Nhìn Bạn cặm cụi say mê trong đêm, tôi se sắt. Người phụ nữ đã cộng nghiệp với mình. Cuộc sống chung dễ chịu vì mỗi người là một cõi riêng, như tranh vậy, nhưng vẫn chung, như chung một palette màu sắc.

Không thể tưởng tượng ra một đời sống khác, không có bạn.

Quả thật, tôi không còn trẻ. Tôi mỗi mệt. Đôi khi, nỗi buồn cũng hòa nhập vào nỗi mệt mỏi.

Phải, lửa không còn. Than cũng tắt. Chỉ còn tro thôi.

May ra còn một sợi khói phù du bay hoài trong trí nhớ.

Như những dòng Tự Tình này.

XII 2001.

Nguyễn Ước (Canada)

Còn Nợ Một thời

...Chuyện xảy ra trong khoảng từ ba mươi và ba mươi lăm

năm trước. Thời đó, chúng tôi quen nhau thật dễ, quện vào nhau thật say. Như được thảo chương từ một căn duyên định sẵn. Như được đưa đẩy qua một cơ hội bất chợt nào đó. Rồi như gió cuốn mây, ngày tiếp đêm, giọng chim hòa đàn nhiều bè quần quít nhau theo một bản hợp ca rôm rả mà đều nhịp điệu. Trong cuộc chơi chữ nghĩa thênh thang, tình trai phơi phới và tuổi xuân hồn nhiên, chúng tôi tìm tới nhau sau từng cơn chữ xô xao và tươi nguyên, vài ba câu thơ có chút gì ngẫu hứng của sáng tạo hoặc những dòng chữ gòn gợn đôi chút trần trở về thân phận làm người sống sót trong thời chiến.

Tôi không còn nhớ chính xác năm nào bạn cùng tôi vồn vã siết chặt tay nhau. Thuở đó, mỗi người chúng ta chỉ mới có đôi bài thơ, vài truyện ngắn đăng trên mấy tạp chí văn nghệ mà hơn ba chục năm sau, đêm nay nhắm mắt lại, tôi vẫn hình dung rõ nét hình thức, loại con chữ, cỡ chữ của từng tờ báo. Và tôi vẫn nhớ mồn một bài nào của mình đã đăng ở tạp chí nào, chữ chạy đầu đề nghiêng hay thẳng và chữ trong bài tròn hay lép; đôi khi có hình minh hoạ nguệch ngoạc ra sao. Mỗi bài là lời lời chúc mừng cường điệu của bè bạn, lớp lớp xúc động thấm thía cho mình, vì việc có bài đăng bài trên một trong các tờ báo ấy được coi như nhận thêm một tín hiệu thành quả và dấu hiệu khích lệ để mình ngày càng tự tin, tiếp tục đàn đúm nhau, đua đòi nhau làm văn chương nghệ thuật!

Tờ Văn “*ham đọc, hiếu học, ưa suy nghĩ*” khổ gọn nhẹ với người tổng thư ký toà soạn chăm chỉ, tỉ mỉ đánh máy chữ Olympia hết lá thư này tới lá thư khác, ân cần trả lời cho từng bạn văn nào có bài đăng trên Văn, dù chỉ mới lần đầu. Thời Tập nhỏ hơn, cầm lên vừa đủ một bàn tay nhưng tâm cao nghệ thuật của nó bay bổng như cánh chim từ bàn tay ấy vỗ cánh tung trời. Bách Khoa hình thức khô cứng, khuôn chữ đạo mạo, mỗi trang hai cột, tự nó biểu lộ đầy bản lãnh và đủ nghiêm túc để bảo kê giá trị cho những người viết văn và làm thơ từ nó xuất thân. Khởi Hành lớn

như một tờ lá cải, mực in chỗ đậm chỗ nhạt; cầm tờ báo phải trương rộng bằng cả hai tay. Nghệ Thuật khổ nhỏ hơn một chút, bìa thường là một bức tranh in offset bốn màu, dàn trang công phu, mỗi trang bốn cột, bài vở đa dạng, văn phong mới mẻ. Và Văn Đề nghiêm trang, Tập San Văn Chương thử nghiệm, v.v.

Nhưng có lẽ tờ báo mà hồi ức về nó khơi động trong tôi nhiều cảm xúc nhất là Ý Thức, đặc biệt trong giai đoạn đầu. Từng trang giấy màu vàng nhạt với cỡ chữ nhỏ nhắn, ép vào nhau, theo kiểu chữ Times ngày nay. Trần Hữu Ngũ và Nguyên Minh đánh máy cân trọng trên giấy stencils, đếm từng nét chữ, tính toán khoảng cách để dồn hoặc rải sao cho lề bên phải thẳng một đường dọc. Sau đó, hai anh đem quay ronéo, rồi đóng thật ngay, xén thật ngọt, làm thành khổ báo như tờ **Thư Quán Bản Thảo, hoặc tờ Ý Thức Bản Thảo** ngày nay. Cầm trên tay, có cảm giác tờ báo gọn gàng, mượt mà, thơm thơm mùi mực ronéo. Chỗ nào có chút lem luốc lại hình như càng thơm hơn, có lẽ nhờ tẩm thêm mùi mồ hôi tay của bè bạn. Thuở ấy, lần dở từng trang, mắt thường tự động tìm tên mình trước, rồi mới tới tên của từng bằng hữu, và rung rung! Lòng rộn ràng khi đắc chí với những câu thơ, đoạn văn cô đọng nổi niền của cả một thế hệ. Ý Thức quay ronéo tay thuở Phan Rang đầy tâm huyết, mộc mạc và nghèo khó của anh em thời “khởi nghiệp”. Ý Thức sau đó in offset ở cuối đường Phan Thanh Giản Sài Gòn là bông hoa vươn hẳn lên khỏi vườn hoang sơ dân giả, được Nguyên Minh cùng Lê Kỳ Thương khổ công tỉa lá ươm cánh. Anh em ra sức xây đắp cho mình một mảnh đất riêng, biệt, như một hình thức phản bác và vươn lên khỏi lối liệt kê trích thượng là “*những người viết mới*”. Và quả thật, khi nên trời chẳng phụ lòng người. Có lẽ vì thời gian và tuổi đời, anh em chưa thành tựu được tác phẩm lớn nhưng đã phô bày được bản sắc riêng, với những bài văn câu thơ nội dung đầy thao thức, những diễn đạt mới mẻ về hình thức. Văn

chương của anh em Ý Thức không quá trau chuốt đóm đáng như “*văn chương ngoài đèo Hải Vân*” và không quá dung dị, mộc mạc như văn chương “*trong đèo miệt vườn*”! Và nói một cách giản lược và khái quát thì các bài thơ và truyện ngắn của các tác giả trẻ trên các báo ở trong nước hiện nay vẫn chưa vượt quá thời Ý Thức gần ba mươi năm trước. Tuy thế, thú thật, cho tới nay, tôi vẫn thú vị và mơ màng với tờ Ý Thức Phan Rang; lòng vẫn rộn ràng khi nhớ những trang giấy thơm hương sáp stencils đó, vì qua giai đoạn hai, Ý Thức Sài Gòn như người đẹp trong thơ Nguyễn Bính từ cô gái chân quê của Tâm Hồn Tôi, đã theo bước hoặc lỡ bước sang ngang, lên chốn kinh kỳ của Một Nghìn Cửa Sổ... (1)

(1) Nguyễn Ước: *Còn Nợ Một thời (Ý Thức Bản Thảo Hè Thu 2004)*

TUỞNG TRONG “GIẤY PHÚT” MÀ THÀNH... “THIÊN THU”

LÊ KÝ THƯƠNG (VN)

* Căn nhà 11 Nguyễn Thái Học – Phan Rang

Năm 1968, khi tôi về làm việc ở Phan Rang, qua lời giới

thiệu của mộ người bạn thơ, anh Tô Đình Sự, tôi được dịp quen với anh Nguyên Minh. Nguyên Minh đang dạy học và là “một cây văn nghệ”, như Sự nói.

Hồi đó, số anh em “làm văn nghệ” không “đại trà” như bây giờ, nên chỉ cần nhắc đến tên là có thể thân nhau và quý trọng nhau. Một người viết văn hay làm thơ, có bài đăng trên trang văn nghệ của một tờ báo hay tạp chí văn học ở Sài Gòn, dẫu không có một xu dính túi, muốn đi “giang hồ vật” từ tỉnh này đến tỉnh khác cũng khá dễ. Cứ đến từng tỉnh một, tìm một anh văn nghệ nào đó được một anh văn nghệ nào khác giới thiệu là có thể sống thoải mái vài ngày, không tốn tiền ăn ở mà còn “sáng cả phê thuốc lá, tối nhậu lai rai”, rồi muốn lang thang tiếp mà không có tiền tàu xe thì cũng được “đáp ứng” ngay.

Vừa mới quen nhau, đi uống cà phê với nhau đôi ba lần, có lẽ Nguyên Minh mển tôi nên rủ tôi về nhà anh ở thay vì ở trọ nơi khác. Thật may mắn cho tôi, vừa có chỗ ở không tốn tiền, vừa có bạn văn nghệ bên cạnh để trò chuyện, tâm sự trong lúc xa nhà, không gì diễm phúc bằng.

Căn nhà của Nguyên Minh nằm trên đường Nguyễn Thái Học, một con đường ngắn, yên tĩnh, chỉ có hơn mười nóc nhà, giống như nhiều con đường khác trong thị xã Phan Rang hiền hòa, an bình. Nhà anh số 11, mái ngói, một tầng, phía sau có căn gác gỗ là phòng riêng của anh, hơi khác với những căn nhà khác nằm trên đường đều mang kiến trúc nhà trệt có lan can kiểu Pháp. Phòng trước khá rộng, trước đó anh mở quán cà phê văn nghệ Tao Nhân, năm 1967 nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã về đây hát một đêm đầy ấn tượng đẹp cho người hát lẫn người nghe, bây giờ là Cờ sở In Rô-nê-ô Nguyễn của anh. Anh sống chung với người mẹ kế, chị Mận – chị ruột – và hai đứa con của chị – chồng chị công tác ở tỉnh khác, cùng bốn đứa em để

thương. Tôi được mọi người trong gia đình anh xem như “người trong nhà” nên sống rất thoải mái như trong gia đình mình.

Nguyên Minh có nhóm bạn văn nghệ Gió Mai gắn bó mật thiết với nhau thời học ở trường Quốc Học (Huế) như Lữ Kiều (còn có bút hiệu Nàng Lai), Lữ Quỳnh, Hồ Thủy Giũ, Thụy Văn (Châu Văn Thuận), Ngý Hữu Trần Hữu Ngũ (anh ruột của Yên My Trần Hữu Lục), Nguyễn Mậu Hưng, Hồ Thanh Ngạn... Thế hệ này lớn hơn tôi đến bốn năm tuổi. Tôi có đọc những sáng tác thơ văn của họ trên các tạp chí Mai (Hoàng Minh Tuynh chủ nhiệm), Bách Khoa, Tình Thương, v.v... Riêng Trần Hữu Ngũ có truyện ngắn “Những mẫu chữ thêu” ký tên Ngý Hữu cùng in trên tạp chí Đất Nước (Thế Nguyên chủ nhiệm) số 3, 1968 với một bài thơ của tôi. Tôi rất thích truyện ngắn này vì cốt truyện và cách diễn đạt khá lạ. Khi quen với Nguyên Minh, tôi được biết Ngý Hữu cũng là một hướng đạo sinh như tôi và là nhà giáo, đang làm hiệu trưởng một trường tiểu học ở Tháp Chàm, cách Phan Rang hơn năm cây số. Thế là tôi có thêm một người bạn Hướng đạo văn nghệ ở Phan Rang.

Những thành viên trong nhóm Gió Mai mỗi người làm việc ở mỗi tỉnh khác nhau: Lữ Kiều, Hồ Thanh Ngạn, Nguyễn Mậu Hưng ở Sài Gòn, Lữ Quỳnh, Châu Văn Thuận ở Qui Nhơn, Hồ Thủy Giũ ở Huế..., nhưng họ vẫn gắn bó với nhau và thỉnh thoảng cho ra đời một tập san in rô-nê-ô lấy tên Gió Mai, đăng những sáng tác của anh em trong nhóm và truyền tay nhau đọc. Lúc bấy giờ họ chuẩn bị thực hiện một tạp chí văn học lấy tên mới là Ý THỨC, dưới hình thức in rô-nê-ô và phổ biến hạn chế. Người có điều kiện và thực hiện tạp chí này chẳng ai khác là Nguyên Minh. Nguyên Minh ngộ ý với tôi tham gia nhóm, cùng anh lo công việc của tạp chí. Và tôi đến với anh em

nhóm Gió Mai trong một cơ duyên như vậy.

TỜ Ý THỨC RÔ-nê-ô SỐ ĐẦU TIÊN ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI CĂN NHÀ 11 Nguyễn Thái Học, Phan Rang. Bài vở thì Ngy Hữu chịu trách nhiệm đồn đốc anh em trong nhóm và mời những bạn văn nghệ thân quen tham gia nhóm hoặc cộng tác thường xuyên... Nguyên Minh và tôi lo phần trình bày, in ấn và phát hành.

Vào thời điểm này, trên các sạp báo ở miền Nam xuất hiện một số tạp chí như Hành Trình (GS. Nguyễn Văn Trung chủ biên), Thái Độ (nhà văn Thế Uyên chủ biên), Việt (nhóm sinh viên ĐHSP Huế chủ trương), v.v..., nội dung thì khác nhau, nhưng hình thức đều in rô-nê-ô (được hiểu là in lậu). Khi Ý Thức số 1 đến tay bạn đọc, mọi người đều nghĩ rằng nó được in ty-pô chứ không tin là in rô-nê-ô! Bởi vì từ giấy in (thay vì dùng giấy in rô-nê-ô, chúng tôi dùng giấy in báo), cách trình bày, kiểu chữ, bát chữ, độ mực từng trang in (khi in mỗi trang chúng tôi đều lót một tờ giấy trắng để cho mực khỏi lem mặt sau trang in) chẳng khác nào tờ tạp chí in ty-pô được chăm sóc cẩn thận, nghĩa là kỹ thuật in rô-nê-ô được Nguyên Minh nâng cao đến mức hoàn hảo, điều mà trước đó chưa ai nghĩ đến. Nhưng người có công lao làm cho tờ báo hoàn hảo về mặt hình thức mà anh em trong nhóm luôn luôn quý trọng chính là chị Hồ Thị Kim Phương là thư ký đánh máy của Cơ sở In rô-nê-ô Nguyễn đồng thời là bạn của Nguyên Minh. Chị chịu khó ngồi canh lề từng bát chữ cũng như từng mẫu tự, kể cả các dấu, đều nhau. Tôi nghĩ nếu không nhờ bàn tay đánh máy khéo léo và lòng yêu nghề của chị thì Ý Thức không được đẹp như vậy.

Khi báo in xong, đến khâu xếp đóng thì không khí rộn hân lên, ai cũng nôn nóng xem “đứa con đầu lòng” tròn vuông như thế nào. Lúc này trong nhóm có thêm Võ Tấn Khanh

(dạy học, có thơ in trên tạp chí Văn, ký bút hiệu Tôn Nữ Hoài Mi). Anh em YT ở Phan Rang, có cả chị Thân Thị Huế, vợ của Thụy Văn, đang dạy ở trường trung học Duy Tân đều tập trung “đánh nhanh”, dọn dẹp sạch “chiến trường” sớm, không dám để lại dấu vết vì sợ ảnh hưởng đến cơ sở làm ăn của Nguyên Minh.

Ý Thức thực hiện được 6 số, tạo ấn tượng tốt trong giới văn nghệ và độc giả. Đó là niềm khích lệ tinh thần lớn lao để anh em nghĩ đến chuyện xin giấy phép chính thức làm bán nguyệt san văn học, in ty-pô đảng hoàng.

Trong thời gian này, Ý Thức còn xuất bản được tập truyện ngắn: “Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang” của Trần Hoài Thư, số lượng 500 tập. Bìa do tôi trình bày, gửi vào Sài Gòn cho Lữ Kiều đi làm cliché Dầu rồi gửi về lại Phan Rang in ở nhà in Nghệ Thương bằng máy ty-pô đặt tay.

2. Làm báo Ý Thức ở Gài Gòn.

* Bước khởi đầu.

Hè năm 1970. Nguyên Minh đã từ giã nghề “gõ đầu trẻ”, quyết tâm vào Sài Gòn để làm báo. Anh lo thủ tục xin giấy phép chính thức ra tờ bán nguyệt san văn học nghệ thuật Ý Thức. Anh nhờ được sĩ Nguyễn Thị Yến, bạn anh, quê ở Phan Rang, đứng tên chủ nhiệm, chị Nguyễn Thị Dung (vợ Hồ Thanh Ngạn) quản lý, anh là Tổng Thư Ký Tòa soạn. Những thành viên nòng cốt trong nhóm đồng ý góp mỗi người 5.000 đồng (theo thời giá 1970) để làm vốn ban đầu cho tờ báo. Giấy phép có. Vào thời điểm này, tôi có mặt ở Sài Gòn để cùng anh lo in áp-phích quảng cáo và tìm nhà in in báo. Qua bạn bè giới thiệu, tờ áp phích được in ở một nhà in nằm trên đường Nguyễn Thông mà chủ nhân là một nhà thơ. Còn báo, sau khi tìm hiểu nhiều

nhà in, cuối cùng anh em quyết định in ở nhà in Đăng Quang trên đường Phan Thanh Giản, gần ngã bảy. Nhà in này chuyên in sách của nhà xuất bản An Tiêm, có tiếng in đẹp lúc bấy giờ. Tôi phụ Nguyên Minh trình bày bìa, làm ma-két tờ bán nguyệt san Ý Thức số 1 rồi phải về lại Phan Rang. Những số đầu chỉ một mình Nguyên Minh lo toan mọi việc, sau này có thêm anh Thái Ngọc San giúp một thời gian ngắn...

* Nhà in Thanh Bình, 666 Phan Thanh Giản.

Năm 1971 tôi có dịp vào lại Sài Gòn học bổ túc Anh ngữ một thời gian dài. Lúc bấy giờ, nhà in Thanh Bình đã hình thành, chỉ cách nhà in Đăng Quang khoảng 100 mét, chủ nhân chẳng ai khác là chị đầu của Nguyên Minh – chị Mai. Chị Mận, chị kế của Minh cũng đưa gia đình từ Phan Rang chuyển vào Sài Gòn sinh sống, làm thư ký kiêm kế toán nhà in. Nguyên Minh được chị Mai giao công việc quản lý. Ý Thức may mắn được “in nhà in nhà”, từ in ty-pô chuyển sang in offset.

Như trên đã nói, đại gia đình Minh xem tôi như “người trong nhà” nên tôi lại may mắn sống với gia đình chị Mai. Tôi ở chung với Minh một phòng trên tầng ba, mỗi ngày đi học một buổi từ 13 giờ đến 18 giờ, thời gian còn lại phụ anh trong công việc quản lý nhà in đồng thời cùng anh trực tiếp lo cho tờ báo từ hình thức đến nội dung.

Nhà in Thanh Bình thành lập vào thời điểm khởi đầu kỹ thuật in offset. Lúc đầu nhà in có một máy ty-pô tự động, tiếp đến chị Mai mua thêm một máy offset đặt tay một màu, một thời gian không lâu lại lắp thêm một máy offset hai màu tự động. Ý thức in ty-pô được 19 số thì chuyển sang in offset theo khổ vuông – sáng kiến của Nguyên Minh. Kỹ thuật in offset ở Sài Gòn hơn ba mươi năm

trước còn phôi thai, hết sức nhiều khê so với bây giờ. Sách báo in offset vẫn xếp chữ chì như in typô. Nhà in nào cũng phải có “sếp typo” phụ trách phòng xếp chữ và một hai đệ tử ruột thạo việc làm phụ tá, nhưng thợ xếp chữ đều là các em học nghề không lương, trình độ văn hóa lớp năm, lớp sáu, có em phải kê đòn đứng mới với tới học chữ, nên lỗi morasse dày đặc từng trang in thử. Vì vậy, hầu hết nhà in đều có thầy cò (correcteur) và được xem như một nghề. Tôi phải kiêm luôn nghề thầy cò. Phần chữ hoàn chỉnh thì xếp typo “mise” thành tay sách rồi lên khuôn trên máy in typô để in trên giấy kính bao sách vở. Sau đó, đến công đoạn chữa bản chữ và montage thì tôi và Minh trực tiếp làm. Hai công đoạn này chẳng có trường lớp nào dạy, nhưng Minh có thiên khiếu về ngành in, anh “học lóm” nghề từ một nhà in ở Chợ Lớn rồi “truyền” cho tôi và chúng tôi vừa làm vừa học. Chúng tôi phải phết kín nhũ bột trên mặt chữ in trên tờ giấy kính để khi phơi bản ánh sáng không xuyên qua, từng nét chữ đều hiện rõ trên mặt bản kẽm, sau đó mới cắt từng trang rồi “montage” trên “support” để đưa đi phơi bản... Tôi nhớ Lữ Kiều gợi cho chúng tôi hai con dao mổ để làm công việc “montage”. Vì “vừa làm vừa học” nên số Ý Thức in offset đầu tiên trông không được đẹp, nhiều lỗi kỹ thuật, anh em trong nhóm và độc giả ở các nơi gửi thư về tòa soạn vừa động viên vừa trách móc. Tôi là người đứng tên trình bày nên nhận trách nhiệm về mình, bèn viết một mẫu tin xin lỗi độc giả đăng trên mục “Chuyện vòng vo” ở số tiếp theo.

Ý Thức ra mỗi tháng hai số đồng thời còn lo xuất bản tác phẩm của anh em, nhưng mọi việc từ tòa soạn đến trị sự, kể cả phát hành cứ nối đuôi nhau liên tục mà chỉ có Nguyên Minh và tôi đảm trách. Sau này, Nguyên Minh mời thêm anh Trần Quang Huê và tuyển thêm hai nhân viên lo phần xuất bản và phát hành. Nhiều hôm chúng tôi đứng bên bàn “montage” suốt ngày đêm, nếu mệt quá thì

nằm trên đồng giấy in ngu một giấc ngắn rồi dậy làm tiếp cho xong việc. Việc học của tôi chỉ có ở trường, về nhà là bỏ hết. Có hôm đứng bên bàn “montage”, khi nhìn đồng hồ thấy hơn 12 giờ trưa, bỏ ăn, vội vàng thay quần áo chạy ra đường Trần Quốc Toản đón xe lam đến trường. Lắm lúc toát mồ hôi vì không đón được xe...

3. NHỮNG KỶ NIỆM KHÓ QUÊN

* “Chiếc xe vương giả màu...đen”.

Nguyên Minh có chiếc xe gắn máy hiệu Suzuki màu đen. Khi còn ở Phan Rang, mỗi lần Ý Thức in xong, tôi chở anh mang ra Nha Trang phát hành, đoạn đường dài hơn 100 cây số. Một lần, xe chạy qua khỏi Cam Ranh, gió thổi ngược chiều quá mạnh đến nỗi tôi không giữ được tay lái nên đâm xuống ruộng. Minh ngồi sau vội nhảy khỏi xe nhưng hai tay vẫn ôm chặt gói báo, còn tôi thì lao theo xe. May là người tôi không bị xây xát nhiều. Chúng tôi chỉ biết nhìn nhau cười và cùng đẩy xe lên đường. Khi nổ máy xe tiếp tục cuộc hành trình thì tôi thấy mất nắp xăng, đi tìm, không thấy, đành lấy khăn tay làm tạm nắp đậy bình xăng. Ra đến Nha Trang, tôi mua nắp đậy bình thủy thay, nhưng cứ chạy được một đoạn ngắn thì xe tắt máy mặc dù bình xăng vẫn còn đầy. Suy nghĩ mãi tôi mới đoán bình xăng thiếu không khí để “thở”, bèn lấy đinh vít lỗ trên nắp bình thủy, không ngờ đúng thật. Tôi và Nguyên Minh rất thích phim “Chiếc xe vương giả màu vàng” do Alain Delon đóng vai chính, nên đặt tên cho nó là “chiếc xe vương giả màu...đen”. Nó theo Minh vào Sài Gòn. Khi Ý Thức in Ty-pô ra số đầu tiên. Minh chờ người yêu và một chồng báo đến nhà Hồ Thanh Ngạn nằm bên kia cầu Phan Thanh Giản để họp mặt bạn bè ăn mừng. Giữa đường gặp mưa, xe tắt máy. Minh nôn nóng ôm chồng báo đón xe tắc-xi đến nhà Ngạn cho kịp giờ hẹn vì biết các

bạn cũng nôn nóng muốn biết “đứa con đầu lòng” chính thức của nhóm ra sao, bỏ cả người yêu lẫn xe bên đường dưới cơn mưa Sài Gòn. Khi đến nơi, bạn bè hỏi Minh còn T. đâu? Minh kể sự việc. Bạn bè biết tính Minh vì mê làm báo mà có thể bỏ hết mọi thứ. Lữ Kiều vì bạn phải tình nguyện mặc áo mưa đi đón T. tuy chưa biết mặt T. Theo lời mô tả của Minh về cách ăn mặc và mái tóc của T. cùng địa điểm, Lữ Kiều tìm mãi chẳng thấy cô nào giống như Minh tả (anh chàng mê báo đến nỗi không nhớ được kiểu tóc, màu áo của người yêu), cuối cùng nhận ra “chiếc xe vương giả màu... đen” mới đánh bạo hỏi cô nàng đứng bên cạnh nó thì đúng là T.!...

Chiếc xe gắn liền với Ý Thức suốt một thời gian dài. Khi vào lại Sài Gòn làm báo với Minh, tôi dùng nó chạy công việc. Một hôm khi tôi chạy về đến gần 666 Phan Thanh Giản thì bị cảnh sát thổi hỏi giấy tờ xe. Lý do xe mất bằng số đăng ký. Anh cảnh sát yêu cầu tôi về lấy giấy tờ xe để kiểm tra rồi cho đi, không phạt. Tôi mừng, về nhà hỏi Minh, Minh nói: “Hôm trước tao chở báo đi phát hành cũng bị cảnh sát chặn vì mất bằng số xe, họ lấy giấy tờ, viết cho cái biên nhận, bảo khi nào làm bằng số xe xong thì đến nhận lại giấy tờ. Mà biết, tao có thêm để ý tới chuyện đó đâu. Bây giờ biên nhận tao bỏ đâu rồi không biết. Thôi, bỏ xe luôn cũng được!”

* Căn gác bên kia cầu Phan Thanh Giản – Đếm số nhà và bịch chè trôi nước.

Nhà của vợ chồng Hồ Thanh Ngạn ở bên kia cầu Phan Thanh Giản, trong một con hẻm, mái tôn, có căn gác gỗ, chật hẹp. Nhưng, như ông bà xưa thường nói “hẹp nhà chứ không hẹp bụng”. Ngạn sống với mẹ và hai cô em đang học trung học. Đó là nơi anh em trong nhóm Gió Mai (sau này là Ý Thức) thường tụ họp nói chuyện văn chương một

cách say sưa bên những ly bia, ly rượu thâu đêm suốt sáng, ai buồn ngủ thì cứ nằm ngay trên sàn gác mà ngủ, không sợ phiền, vì gia đình Ngạn coi chúng tôi như người trong nhà.

Khi làm báo Ý Thức, tôi và Nguyên Minh thỉnh thoảng xuống nhà Ngạn ở lại vào mỗi tối cuối tuần để chơi trò cầu cơ với hai cô em. Những lúc chúng tôi “cạn túi”, chưa biết mượn ai thì nghĩ đến chị Dung (vợ Ngạn, quản lý báo Ý Thức).

Hôm đó là ngày chủ nhật, sau khi “montage” báo xong, chúng tôi muốn xuống phố Lê Lợi “xả hơi”, nhưng lục túi thì thấy không đủ tiền bắt phở, bèn nghĩ đến chị Dung. Tôi và Minh đón taxi xuống nhà Ngạn, chẳng may vợ chồng Ngạn đều đi vắng. Hai thằng không đủ tiền taxi về nhà, chỉ còn cách đi bộ, vừa đi vừa đếm số nhà cho quên đường dài. Gần nhà có một gánh chè trôi nước, trong túi tôi chỉ còn đủ tiền mua một viên mang về định chia nhau ăn cho... lại sức sau hơn một tiếng đồng hồ đi bộ. Minh xách bịch chè, kêu cửa. Lúc bấy giờ cả gia đình chị Mai đều về Đà Nẵng nghỉ hè, nhà chỉ còn Minh, tôi và cô H., em họ chồng chị Mai, dân Nha Trang đang học đại học Văn khoa Sài Gòn. Cô H. mở cửa. Minh nhanh tay đưa bịch chè cho cô và nhanh miệng nói:

- Mời cô H. ăn chè.

Cô H. lịch sự hỏi:

- Các anh ăn chưa?

Minh vội trả lời:

- Tụi này ăn rồi, phần này là của cô H.

Khi về phòng, đóng cửa, hai thằng ôm bụng cười một trận đến quên mệt mà không sợ cô H. nghe, vì phòng cô cách phòng chúng tôi khá xa.

* Thoát hiểm trong đường tơ kẽ tóc.

Khi Ý Thức từ nhà in Đăng Quang chuyển về “nhà in nhà”, Thái Ngọc San vẫn còn làm việc ở tòa soạn. Tôi nhớ hôm đó có một số đồng anh em ở các tỉnh về như Lữ Quỳnh, Ngô Kha, Trần Hữu Lục... tập trung ở tòa soạn rồi kéo nhau đi ăn trưa ở ngã bảy Phan Thanh Giản. Từ tòa soạn đến ngã bảy chỉ hơn trăm mét. Chúng tôi đi bộ, chưa được nửa đường thì bị cảnh sát xét hỏi giấy tờ. Chúng tôi gần chục người có đầy đủ giấy tờ hợp lệ chứng minh không phải là dân trốn lính, trừ Thái Ngọc San. San nói với anh chàng cảnh sát rằng cái ví đựng giấy tờ bỏ quên ở tòa soạn và nhanh trí quay sang tôi nói:

- Mày về lấy giùm tao, nó nằm trong túi quần mắc trên cây cột trong phòng xếp chữ.

Anh em đều biết San đào ngũ, chẳng có thứ giấy tờ nào trong người, nên mỗi người một tiếng năn nỉ anh chàng cảnh sát cho đi. Trong khi đó tôi cũng tỏ vẻ “hăng hái” về tòa soạn lấy giấy tờ cho San. Không ngờ, chàng ta tưởng thiệt, đồng ý cho San đi. Hú hồn!

Có lẽ sau vụ thoát hiểm này, San bỏ Sài Gòn đi luôn...

* Muốn làm Saint Francis

Năm 1971, khi làm sách thiếu nhi, Minh ra Đà Nẵng đưa Hồ Đắc Ngọc vào sống chung với chúng tôi cùng một phòng. Chúng tôi mua giấy, màu cho Ngọc vẽ bìa sách. Lúc bấy giờ Ngọc đã nổi tiếng nhờ những minh họa bằng bút sắt làm bìa cho các tạp chí Văn, Ý Thức, Tuổi Ngọc... Nhưng khi vẽ màu thì tôi thấy Ngọc còn lúng túng, chưa quen.

Mỗi tối, sau khi cơm nước xong, nếu thư thả chúng tôi thường kéo nhau đến quán bia trên đường Kiều Công Hai, gần nhà, “giải khát” mỗi thằng một chai 33 rồi về ngủ.

Tôi không biết hôm đó vì lý do gì mà cả bốn thằng đều “bốc”. Uống một chai chưa đủ, uống đến chai thứ hai, chai thứ ba rồi kêu luôn một két mang về, lên sân thượng vừa uống vừa nói chuyện văn chương. Hết cả két bia, Minh “chôm” một chai Johnny Walker trong tủ rượu của ông anh rể uống tiếp. Thời điểm đó, tiểu thuyết “Alexis Zorba” của nhà văn Hy Lạp Nikos Kazantzakis được Nguyễn Hữu Hiệu dịch với tên “Zorba, con người chịu chơi” đang được giới mê văn chương tìm đọc. Chúng tôi bàn luận về anh chàng Zorba chịu chơi. Ngọc tỏ vẻ “kết” nhân vật phóng đảng này. Tôi may mắn đọc được bản tiếng Anh tiểu thuyết “Saint Francis” cũng của Nikos, chưa dịch sang tiếng Việt, kể cho Minh và Ngọc nghe. Nội dung hai tác phẩm này (với hai nhân vật chính) trái ngược nhau. Một Zorba sống theo bản năng được một người trí thức khâm phục, còn Thánh Francis thì được một người bản cùng ngưỡng vọng. Ngọc hứng lên, đòi làm Thánh Francis, rồi như người lên đồng, ôm tảng đá cạnh nhảy tồm xuống hồ nước trên sân thượng. Áo quần ướt cả, nhưng Ngọc vẫn đề nguyên. Chúng tôi vẫn tiếp tục uống, tiếp tục nói chuyện văn chương một cách hăng say...

Đến nửa đêm, tôi giật mình thức giấc, thấy toàn sương khói vây quanh, cứ tưởng mình đến được chốn Đào Nguyên, hết sức sảng khoái và vô cùng hạnh phúc. Nhưng khi định thần, mới biết mình đã ngủ một giấc ngon lành ngay trên sân thượng, còn Minh, Ngọc và Lữ Kiều không biết ngủ ở đâu...

Thơ văn trích

LTS : Tòa soạn xin trích đăng một vài bài văn thơ tiêu biểu từ Gió Mai và Ý Thức để quý bạn đọc có thể hình dung ra những suy nghĩ của tuổi trẻ trong thời chiến như thế nào.

Đây chỉ là di sản văn học, chúng tôi đăng lại như một nén hương cho một thời lầy lừng của văn học trẻ miền Nam, mà Ý Thức đã đóng góp phần rất lớn...

Nói như nhà văn Nguyễn Ước: "... nói một cách giản lược và khái quát thì các bài thơ và truyện ngắn của các tác giả trẻ trên các báo ở trong nước hiện nay vẫn chưa vượt quá thời Ý Thức gần ba mươi lăm năm trước."

Riêng 2 truyện ngắn, chúng tôi trích từ tập truyện « Một thời Ý Thức ». Thư Ấn quán in lại ở hải ngoại. Sách dày 254 trang gồm những truyện ngắn của Trần Hữu Ngũ, Nguyễn Minh, Lữ Kiều, Lữ Quỳnh, Hồ Thủy Giũ, Châu văn Thuận, Hồ Thanh Ngạn, Trần Hữu Lục. Võ Tấn Khanh, Trần Hoài Thư, Ngụy Ngũ, Nguyễn Mộng Giác, Trần Duy Phiên, Phạm Ngọc Lư, Nguyễn Lệ Uyên. Mường Mãn, Thế Vũ, Kinh Dương Vương, Hồ Minh Dũng. Vũ Hữu Định, Phan Tấn Uẩn, Lê Văn Thiện. Mang Viên Long

Các bạn muốn có sách biểu xin vui lòng gửi Tem thư cước phí về tòa soạn.

LỮ QUỲNH NỖI CÒN LẠI

Thế là con chúng ta không chào đời
những đứa bé có vàng trán anh đôi mắt em
có giọt máu chúng ta làm thành trái tim
có hơi thở chúng ta làm thành tiếng nói
bây giờ nó là thiên thần
lang thang vùng ký ức
anh thương niềm ao ước của em
rồi thành nước mắt đêm tân hôn
giữa chốn gối im lìm
không có tình yêu

Thế là con chúng ta không bao giờ có
anh trở về nhìn thành phố
ôm tròn nỗi cô đơn ký ức triều dâng sóng vỗ
tiếng nói em ngọt ngào
lục bát anh làm ca dao
cho em ngồi ru ảo vọng
con chúng ta – mây trắng vòm trời
em ơi,
tình yêu anh xin hãy gói đầu
những đêm dài khó ngủ.

Con đường nào em đi qua
ngã tư nào anh đón đợi
bây giờ mùa xuân
Huế đẹp mưa phùn
anh nắm tay anh đi giữa phố phường
con đường – ngã tư – giòng sông đỏ...
đại lộ dài hun hút bóng đêm
anh vỗ lên cô đơn
buồn sa nước mắt
em kiêu diễm chập chờn ký ức
những ngày vàng son
thành vĩnh cửu trong hồn

Huế, 67

(GIÓ MAI số 4, MÙA XUÂN 1968, quay ronéo)

CHÂU VĂN THUẬN
NỤ CƯỜI SAO BĂNG

Điều thuốc buổi chiều nhớ đến C.
Người bạn vừa quen nghe tin chết ngoài mặt trận
Sự chết là bàn tay ve vuốt
Nỗi đau từng phút lịm xuống đời chàng

Những con đường chàng đã đi qua
Dấu vết chàng in trên cửa phố
Những đêm nào rượu nồng vung tay cuồng nộ
Đêm cuối tuần đường khuya bóng đổ
Cây cầu vẫy tay chàng
Dòng sông mềm nổi nhớ

Sự chết ngọt ngào chẳng
Ru chàng về cõi mộng
Mơ ước trẻ thơ
Thiên nhiên hoài vọng
Đất nước chàng
Từng bước vui xưa

Khi đọc tin cuộc chiến
Nghĩ đến chàng bàn tay súng nổ
Ôi đôi mắt đắm đắm cú vọ
Là định mệnh tươi cười

Điều thuốc chiều nay nhớ đến C.
Giấc ngủ chàng đêm có mặt trời
Nụ cười sao băng
Trên tay thần chết.

(GIÓ MAI số 4, MÙA XUÂN 1968, tạp chí quay ronéo)

NGUYỄN NGỮ RỪNG TRÂM MAI SAU

Đôi 108. Những tảng đá lớn chồng kên lên nhau, những cây đa cây sanh đầy rễ phụ nhánh cành, những hốc sâu bày ra giữa đá, những mảng rêu đen, những khoảng lá mục tụ đọng, những cành cây khô gãy, những tiếng động nhỏ, những tấm poncho căng trải. Đêm sắp tàn. Giữa hai tảng đá lớn vây che, bếp lửa đã lụn, ngọn se thấp xuống và than đỏ hừng. Trung đội, 24 giấc ngủ mịt mù những mơ mộng khuất lẩn sau lưng đời sống, giữa lá cây, trong bao nhiêu bày biện khác, không ai có thể tham dự vào ai. Có đứa nào đang mơ thấy mẹ cha, làng xóm. Mẹ thì già, cha thì yếu, vợ con thì nheo nhóc xa xôi. Tất cả đang thăm thẳm giữa hơi đất và đêm. Đêm sắp hết. Đêm bình yên hiền hậu. Vầng trăng hạ tuần mòn chéch xuống. Ánh trăng sáng trắng trên vải nhựa poncho, trên da đá ướt sương. Một thằng nào đó nói mơ, không ai nghe rõ. 5 giờ kém 5. Ngón tay đưa vươn ra khỏi cành lá rủ thấp, chỉ theo ánh trăng.

- Phương tây là phương này ?

- Ừ. Phương tây.

Phương tây, trăng lặn lẽ, trăng lặn về. Ngón tay thu lại. Cành lá bất động. Yêu nhau cho đến bao giờ, vạc kêu sườn núi trắng mờ đầu non. Vạc là con chim mù, ban ngày không thấy gì cả. Câu ca dao thì thâm, khuôn mặt tối khuất, vết sẹo nào đã không còn thấy được. Thằng binh già, 19 năm lính, vết sẹo của chiến trường Điện Biên, câu ca dao của thời xa xưa lãng đảng và bóng người vợ bỗng con chờ, trải dài trong trí tưởng. Một điều thuốc mỗi vào que lửa, bắt cháy, khói tỏa ra, hương thơm ấm trong sương lạnh. *Bastos à ? Ừ, Bastos xanh. Cho xin điếu. Điếu thuốc,*

hai ngón tay kẹp cứng, đôi mắt đăm đăm trên đóm lửa mới
dính vào, đang sáng lên, sáng lên theo hơi thở.

- Máy giờ mình về ?

- Về đâu ?

- Xuống núi.

- 6 giờ.

Hai cái bóng mù. Trăng càng lâu càng nhạt loảng. Hình
như có gió vừa xua động trong lá cây. Khuôn mặt ngửa
lên tìm ngó. Một cảnh khô trơ vơ vươn dài ra, in rõ giữa
nền thình không sâu thẳm, vài ba chấm sao xa ngút. Gió rì
rào dưới chân núi, trong vùng rừng dày bung, nơi sẽ đến.
Một lúc nữa, 6 giờ, những tiếng chân chập chờn ở đó,
rừng bí ngạt và mùa đông chưa qua. Xuống núi, vào
rừng. Vào rừng rồi đến đâu nữa. Ra lộ. Lộ, đường. Đường
nhựa, đường đất, đường chông mìn, đường gập gềnh mất
trí, đường không lối. Đ.m, 19 năm lính phải không? Mặt
trận Điện Biên thế nào. Cái xẻng mòn, cuối mặt trận, dưới
bóng cò bay, cái xẻng chỉ còn khúc gỗ, mấy chiếc đinh
đeo dính vào, cây súng hư, 6 viên đạn, xác Tây thối ỉnh.
17 tuổi phải không? Cha mẹ chết cháy với cửa nhà, lang
thang không cơm ăn áo mặc, lượm đồ hộp của lính Mỹ, bị
xã bắt, quận giam, tình nghi theo du kích. 18 tuổi phải
không? 30 tuổi phải không? Đẳng kia thêm một thằng nữa
mới dậy. Tấm poncho đông đậy, cái dáng lù đù chui ra
như một con thú mỗi mề xanh bầm sau mùa đông dài nhịn
ăn ngủ chết. *Máy giờ rồi? 5 giờ 25. Nấu gì thế? Trà? À
trà.* Cái ca nước đặt trên bếp lửa bắt đầu sôi. Ngậm trà
nhúm đầu tay, bỏ vào, từ tốn như một kẻ hưởng nhàn.
Hương trà bốc ra thơm nhẹ nhẹ loảng trong không khí.
Thằng mới đến xin điều thuốc, treo mồm đá bên cạnh
ngồi quẹt lửa hút, trông xuống vùng thung lũng phía dưới,
hai chân bỏ thổng đong đưa, cái bóng im nổi trên khung
trời ngả bạc. Ca nước truyền tay nhau uống, đưa lên.

- Uống mày.

Trà nóng ảm rất đầu môi, trôi xuống cổ họng, ran trong

lòng ngực. Hơi nóng và sự im lặng bát ngát. Ba cái bóng người và bao nhiêu bóng đá bóng cây. Những đóm lửa lập lõe nặng trĩu. Cuối tầm mắt, bên kia rừng, núi xếp thành dãy dài, vây lấp hết phía sau. Những đỉnh núi lờ mờ trên màu sáng nhạt yếu. Một đỉnh nào đó có hai khối đá dựng cao, đá hình mẹ bồng con nhìn hoài về ngã biển như chuyện kể, như thơ nhạc lưu truyền. Vọng phu. Một thẳng hỏi.

- Hòn vọng phu ?

- Ừ.

Tiếng hỏi, tiếng trả lời, đôi mắt hấp háy trên khói từ ca nước bốc lên. Những ngón tay động đập gõ vào đá theo một khúc nhạc tình cờ. Đá xếp chồng lặng lẽ, ẩm dưới chỗ ngồi. Đá lớn, đá chất lên nhau. Đá chênh vênh với trăng, sương mù những người đi qua mất dấu. Tiếng sáo thu lại, thấp xuống, khoảng vắng vẻ nào hệt mở trên cao? Có con chim nào vừa tỉnh giấc, có thằng lính nào trong giấc ngủ mơ thấy vợ con, cửa nhà vôi trắng giọng cười, có đứa bé nào bật khóc dưới làng mạc xa bên kia núi, có ánh đèn nào mới đốt lên, có ai còn xuôi vạn lý? *Có ai xuôi vạn lý, nhấn đôi câu giúp nàng.* Nàng, người thiếu phụ của nghìn năm đó, em trở dậy rồi đó phải không: em đang mở lớn đôi mắt to đen phiến muện dăm dăm trông ra từng ngày thấp thoáng ngoài khung cửa, hỏi thăm: *Chàng về hay chưa?* Vâng, có ai về để nhấn với nàng đốt lên cây hương gỗ quý. Đốt lên, bởi lẽ đó là tình yêu, là lòng anh, kẻ không về được nữa. Đó là kỷ niệm của mẹ cha từ ngày thanh bình nào thời trước, là ân sủng của thượng đế, kỳ quan của trái đất. Thương nhau. Tình yêu. Hãy đốt lên tìm gặp anh trong khói thơm, tình yêu của đời đời không ăn năn bội phản. Đốt lên và khuôn mặt tỉnh lạnh, không than khóc. Những ngàn năm đã qua nữa sẽ qua. Tiếng sáo lan xuống, vắt vào những triền đá chất dốc, trải lên vùng rừng thăm rộng, tràn xa, tràn ra xa tít. Cuối vùng rừng là núi, bên kia núi là biển. Biển bờ dài tấp sóng xanh. Tiếng sáo thu về

gần gũi. Khuôn mặt cúi, những ngón tay trở mình. Tiếng sáo chuyện trò về những năm tháng những nước bạc, vầng trăng, thanh kiếm thần, nàng vợ trẻ, đoàn người nghe chim lạ hót lên núi phương nam, câu hỏi thúc hỏi: *Chàng về hay chưa?* Non núi đang vây quanh nàng, đứa con trai thôi khóc. Tiếng sáo ngừng lại. Những con vật lù lù dưới từng tấm vải căng che. Những cánh tay dụi mắt, những tiếng ngáp, thở dài. Không ai trả lời. Vầng trăng yếu dần. Khối đá còn khuất chưa thấy được. Có phải có người bỗng con đứng cho đến khi hóa đá, đứng từ cuộc chiến tranh nào đó đã xa vời. Bao nhiêu cuộc chiến tranh tiếp theo.

- Tượng vọng phu có từ năm nào ?

- Ai biết.

Những động tác chập chờn giữa bóng tối, khoảng im lặng kéo dài. Ai biết. Không ai biết. Không ai còn điều gì để nói cả. Ngày tối, qua đêm, đêm, sáng, ngày. Đêm, ngày, đêm, ngày, đêm. Cứ thế. Bóng tối thì bí ẩn và ánh sáng thì khôn nạn, ngập ngụa mờ mịt. Cả hai đổ ập vào nhau trộn quánh mưa máy và một lũ người không buồn cười nói, trống rỗng, tối đen. Một đêm nữa sắp qua.

Chợt thẳng trên tảng đá nói cái gì đó nghe không rõ, một thẳng ở dưới cầm cái que dài có buộc dây đưa lên. Ông sáo. Thẳng ngồi trên đón lấy nhìn sơ qua, vuốt lau lớp sương bám, bàn tay chạy dọc thân ống. Trăng soi sáng trên lớp da tre khô bóng nhậy. Một phần lớn thời gian của đời người vô vọng chập chờn đã tụ đậu trốn ẩn vào đó, bóng loáng dần, không ai nhớ được. Những chiếc lỗ sâu hút, những ngọn lá lặng thình, những nhánh cây vươn cao, vầng trăng phương tây buồn bã. Tiếng sáo bắt đầu. Âm thanh ru dỗ quen thuộc của đơn vị từ khi hấn đến, thay vào chỗ của những thẳng đã bỏ trống. Tiếng sáo nhẹ ngắt quãng ngắn lấy đà rồi thì thâm lan trải ra, len vào từng kẽ đá, từng hơi thở. Khỏi thuốc, hắt ngược lên ngọai ca lòng mẹ thương con. Lòng mẹ như biển khơi, như con núi. Trăng tà im nghe mẹ hát, khuya nín thở, sương lặng

thinh, gió thổi động, nghe mẹ ru hời. Tiếng sáo và những niềm băng khuâng trải ra chập chùng gợi nhớ. Khúc nhạc hết. Một ngụm nước trà, một khối thuốc và khúc khác. Vẫn cái âm thanh cũ, kể lẽ thì thâm, nối móc vào nhau rồi hát ngược lên, cao lên, cùng sao sương. Ai xuôi vạn lý, Có ai xuôi vạn lý bây giờ, đêm chưa sáng, mùa đông chưa qua, đoàn quân chưa xuống núi, những giấc ngủ còn mê muội mỗi nhur. Hai mươi bốn con. Hôm nay có con nào trong bảy sẽ chết. Một ngày nữa, những bản án đang bảy nhảy giữa tay chân bọn thần linh lông lá, những bữa cơm gạo khô, những hạt muối, những giọt mồ hôi. Bao nhiêu đứa sẽ còn lại đến lúc trắng lên. Tiếng sáo tiếp tục, bắt đầu kể lại từ khi những ngọn núi ngậy thơ chạy ra ngoài biển lớn với mắt ngóng trông. Núi trông, núi thành đảo rời, sóng vỗ thăm lời hỏi nhỏ: *Chàng về hay chưa?* Nàng thành đá lạnh tanh trên đỉnh cao giữa lá cây suối nguồn. *Chàng về hay chưa? Chàng về hay chưa? Chưa!* Chim lạ hót. Chim hót tràn lan cả trái đất, binh đao ngập ngựa máu xương người. Bao nhiêu năm Mậu Tý, chàng làm sao về. Mười chín năm lính trên đất đai này, đánh Nhật, đuổi Tây, ăn nằm trong những địa đạo Điện Biên, mặc quần áo viện trợ rộng xù xìng ngồi bó chân nghe sáo. Hai mươi tuổi bỏ học đeo dao găm chuỗi thẻ quen miệng. Mười chín tuổi ốm nhòng như con cá phơi khô, cây súng liên thanh dài gần bằng thân thể. Hai mươi bốn tuổi chết vợ chết con, làng cháy không cha mẹ cửa nhà. Mười tám tuổi quanh năm bị lậu, đãi ra mủ đặc vàng. Làm sao mà trở về. Sáng, xuống núi, băng rừng, chói với giữa sên đĩa muối mỏng và ngủ vùi thiếp quên dưới lớp ruồi xanh bu đậu. Những viên đạn sẽ thoát ra khỏi nòng, tiếng nổ dội chói, mắt cay và lòng không thù hận.

Khúc nhạc hết. Cây sáo gác ngang xuống vế. Ca nước trà chưa lạnh hẳn, một điếu thuốc nữa. Đêm đã qua. Những tiếng chữ thẻ làm bầm xung quanh. Lửa sáng sau hốc đá, tay sười, mặt cúi. Lệnh truyền khế: thôi đi. Lệnh truyền

qua miệng nhau. Đi. Ba lô, dây đạn, súng dao quăng vào vai vào hông. 6 giờ kém 5, xuống núi. Vạn lý là một vùng tung bung kín gù góc vô vọng rã rời. Hai mươi bốn thằng chậm chạp. Hai mươi bốn giấc ngủ vừa bay xa cùng những ảo ảnh mộng mị chập chờn mẹ cha làng xóm con vợ ruộng đồng. Đoàn người đi tới. Đá dựng đứng bên sau. Có con mắt nào trong khe kín ngó theo, biết được thằng sắp chết, muốn gọi to lên, kêu ngừng lại, khuyên trốn đi, nhưng bị ngạt chặt miệng lưỡi, không thể kêu được. Con đường dốc chúi. Ngày căng rộng ra, chấp choáng trên từng lá cây. Bước tới. Vạn lý, quan san, bên đời, trong bóng gian nan. Bước, bước tới nữa đi, bước tới nữa, lặng lẽ, u mê cho một hôm nào rừng đầy hương thơm gỗ quý. Rừng trầm. Cho những bàn tay tàn úa đốt lên tường tiếc với lời chim ngợp trời báo tin kinh hoàng cuộc giao tranh mới, những con cháu đời sau.

Bản nguyệt san Ý Thức số 1, ngày 1 tháng 10 năm 1970

HỒ MINH DŨNG

NHỮNG LỚP MÂY PHAI

Con gió nam quét qua khu chợ, bỏ lại sự trống trải trong đôi mắt đứa bé lên năm, ngồi trong một góc lều nhỏ, mẹ nó đang ngủ say, thỉnh thoảng cựa mình vì đàn ruồi bu quanh khuôn mặt đen đúa. Thằng bé nhìn chăm vào mặt mẹ nó, lúc ngủ hai con mắt nhắm lại thấy lạ hẳn. Người đàn bà đó gần bốn mươi tuổi, mắc bệnh điên và không biết từ đâu xiêu lạc tới đây năm lụt lớn. Một đứa bé khác mới sinh vài tháng cũng đang ngủ, miệng ngậm lơ đễnh cái núm vú khô, buông thõng, già nua. Một vài giọt sữa rỏ xuống đất và đàn kiến đang lặng lẽ di chuyển đến. Khu chợ không còn một bóng người. Vài con chim sẻ lẹ làng từ trên cây cao nhảy xuống, cất tiếng hót rồi bay đi. Buổi trưa hè nực nội. Trời xanh cao không mây. Đàn bò nhốt trong xóm rống lên như bị chọc tiết. Bên kia sông, chân trời bị nong rộng ra, xa tấp. Những cụm núi cũng bị nắng làm mờ nhạt. Tượng Phật bà đứng chênh vênh trên một cồn bấp trắng xóa như có bao bọc một lớp sương mù. Giòng sông nước rút cạn, lúc nào cũng như bị tách rời ra khỏi đất liền, số phận lúc nào cũng mang trên lưng nổi bơ vơ thảm kín và lạnh lẽo của một kẻ đến trọ trên đất người. Giòng sông buồn như sự nổi dài những sợi tóc của một người đàn bà vì tình phụ. Mùa hè đến đã lâu nhưng những chiếc lá xanh của mùa xuân vẫn còn lại làm cho khu chợ lúc nào cũng che mờ bóng mát. Từ ngày cái cầu được bắc qua sông, khu chợ trở nên sầm uất. Chiếc xe sơn màu lam ngày nào cũng có mặt ở một nơi nhất định để bán thuốc quảng cáo, nhô răng và lông quặm không lấy tiền. Cái loa thường xuyên phát ra điệu nhạc cải lương cũ kỹ kèm theo vài bản tân cổ nhạc giao duyên mà âm thanh trôi lênh

bềnh trên khu chợ, nó không giống một âm thanh nào, tự tách rời ra, một mình không tan biến nổi giữa khoảng không đầy những tiếng động khác.

Năm ngoái, cũng vào mùa này, không biết một trái sáng ở đâu bắn tới, rớt ngay trên đỉnh chợ. Lửa bốc cháy rực trời. Thiêu rụi cả những gian hàng tạp hóa, nhà vệ sinh và trạm thông tin áp dán đầy bích chương, biểu ngữ. Cả mấy nhà cầu đơn giản ở mé sông cũng cháy rụi. Không một ai chữa lửa hôm đó. Lửa một mình lan rộng, tàn phá. Bọn nghĩa quân gác cầu cũng không rời vị trí phòng thủ. Lửa ở lại từ đầu hôm cho đến gà gáy sáng, rồi sau đó như trái qua một cơn giận dữ đã mệt mỏi, nằm xuống, tan biến đi. Đêm ấy, chỉ thấy độc nhất mù đen cử động trong đám lửa tàn bạo. Hình ảnh mù giống như một chiếc thoi đưa. Đến sáng, khu chợ như trải qua một mùa đông, lá cây trơ trụi hết. Tất cả chỉ còn một đồng tro tàn.

Đứa con thứ nhất của mù tên Thi, nó ra đi đã hơn hai năm chưa thấy về. Nó đi từ hồi mười sáu tuổi sau khi theo học hết lớp may âu phục do ty lao động tổ chức miễn phí. Sự gia nhập vào quân đội nó không gặp một trở ngại nào cả, mặc dù nó tẩy khai sinh thêm cho đúng tuổi thi hành nghĩa vụ. Ông thượng sĩ ở ban tuyển mộ lưu động còn hứa, sau khi ra trường sẽ cho nó ở hậu cứ may vá áo quần cho binh sĩ nữa... Trước đây, khi khu chợ chưa cháy, nó có về một lần trong bộ quân phục gọn gàng, tóc để dài vuốt thành đuôi gà, chải bóng mượt. Trên tay nó chần chịt dấu chàm, khắc hình con gái khỏa thân và một vài hình thù kỳ quái khác. Nó mang về cho mẹ nó một bộ áo quần vải bông và một chai rượu ngoại quốc mua ở Sài Gòn. Nó tự tay chuốc rượu cho mẹ nó uống rồi vui sướng kể lại những chặng đường mà hắn đã đi qua, từ khi ồ ạt theo đoàn quân tiến vào những mật khu rậm rạp cho đến những ngày theo sát gót địch trong các miền sinh lũy đồng lạt. Nó còn kể lại chi tiết cuộc gặp gỡ người con gái trên một chuyến bắc chèo qua sông Cửu Long. Mẹ nó lúc

đó tinh táo lạ thường, đôi mắt toát ra sự tinh anh mà nó chưa lần nào thấy. Người con gái đó bây giờ đã thành vợ nó, thỉnh thoảng năn nỉ xin ra Trung một chuyến, nhưng thằng Thi lúc nào cũng viện cớ đường xá khó khăn. Có lần nó nói với vợ: *Em cứ ở trong những ngày mong ước mới đẹp. Nếu anh đem ra Trung rồi thì em lấy gì ước mong nữa.* Nó còn nói thêm để an ủi vợ: *Bây giờ mình bấy đầy đường, ngày nào thanh bình, anh và em, nếu có con thì tất cả gia đình ra một lượt bằng tàu suốt, đi tàu vui lắm em ạ, chắc ngày ấy cũng không xa đâu.* Chuyến trở về lần đó thật ra Thi chưa có phép đặc biệt, nó chỉ theo máy bay thấp tùng chiếc quan tài bạn hữu mà nó biết quê quán, ghé vô chợ thăm mẹ rồi vội vã ra đi. Mẹ nó trở lại con điền thường nhật, ngồi thản nhiên không nói một lời. Con mưa bôi trắng ngôi chợ, bôi trắng con đường cái và xóa đi những dãy nhà nằm bên kia đường. Thằng Tý vụt lên khóc nhưng tiếng khóc của nó chỉ thét lên rất ngắn rồi im bất bởi vì con giông dữ dội đã giáng xuống chớp lửa trên cổng vào chợ. Ra đi từ dạo ấy không thấy nó trở về nữa. Ở nhà cái thai ngày càng một lớn trong lòng mẹ điên. Thằng Tý ngày nào cũng đặt tay lên bụng mẹ, lòng vui không xiết kể, đôi khi còn thấy nó ghì tai vào bụng mẹ nghe ngóng với một cảm giác sung sướng. Có một sự gì đã rung lên, thấm vào bàn tay nó, thấm vào màng nhĩ tai nó, một sự êm ái tuyệt vời. Đến khi mẹ điên sinh đẻ, đứa bé sơ sinh nằm trần trụi trong đồng giẻ, thằng Tý thấm thía nỗi đau xót khi nhìn cái bụng mẹ nó co rúm lại, một bộ phận nào đã mất, đã thiếu hụt trong cơ thể yêu dấu của người mẹ. Nó vụt lên khóc. Tiếng khóc thật giống như hôm anh nó lên đường, thật ngắn và bị cắt đứt. Mẹ điên sinh con thật dễ dàng. Mới đầu hôm khóa thân tắm dưới sông, làm trò cười cho bọn người rồi rảnh công việc mà nửa đêm nghe tiếng khóc o oe của đứa bé. Mẹ đẻ một mình, tự cắt rốn con bằng chiếc dao chặt xương thịt vát trong nhà tế sinh. Mẹ đem chiếc nhau chôn ở gốc cây bàng mới lớn.

Xong xuôi mọi bình tĩnh như không có chuyện gì xảy ra. Sáng dậy không thấy một vết máu nào còn dính lại trên thêm chợ, mọi đã gột rửa sạch bằng một chiếc khăn tay không bao giờ giặt cả.

Nhìn đứa con mới sinh, mọi điên không sao khỏi hiện ra hình bóng của người tình nhân bạc bẽo. Người đó không biết ở đâu. Ghé qua ân ái năm ba phút trong bóng tối rồi trốn thoát. Đã mười sáu năm nay, chàng lúc ẩn lúc hiện như một bóng ma, chàng luôn luôn theo sát, trôi dạt phương trời nào cũng có chàng cả. Nhưng không bao giờ mọi được thấy chàng, và năm này qua năm khác chàng chỉ là một bóng đen linh hoạt, một chiếc bóng. Nhưng mọi điên có ngờ đâu, người tình mười sáu năm về trước đã bị phi cơ oanh tạc chết giữa một thửa ruộng lúa xanh mướt. Mọi có ngờ đâu mỗi đứa con của mọi là một cha. Cha chúng nó ở khắp nơi, nhan nhản trong xã hội, là những người quét chợ, là những kẻ đưa đồ, là những kẻ ăn mày đêm về trú ngụ. Họ đủ cả, là những người giàu có lúc vợ đi buôn bán ở xa, là những bậc thầy giáo lúc vợ lâm bồn, là những nhân viên xã ấp lúc đêm quá chén trở về, họ là những người đi chơi xóc đĩa, tứ sắc. Mọi điên không bao giờ nghĩ tới những nét mặt đạo mạo, oai nghiêm, giàu có, nhưng trong bóng tối, họ là những con chuột ghê gớm gặm nhấm từng đốt xương đau thương của một con người tàn tật. Bọn chuột ghê lở đã để lại những đứa con lớn lên nhờ cặn bã của khu chợ, nhờ những đồ thừa thãi vô ích không ai dùng tới.

Chiếc nhậu mọi điên chôn nơi gốc cây bàng bị con chó mực của thầy đông y moi lên, kéo lê lết vòng quanh chợ, cả xóm đều ngửi thấy mùi hôi nồng nặc, có người tức bực đốt đuốc tìm kiếm, lục lọi khắp nơi nhưng vô ích, đến tận sáng con chó tha cái nhậu băng qua đường, mùi hôi tràn ngập cả khu chợ, bọn trẻ con đua nhau đuổi con chó chạy vòng quanh chợ miệng ngậm chặt chiếc nhậu. Đến nửa trưa, sau lời yêu cầu của ông đại diện xã, người nghĩa

quân đem súng ra bắn, phát đầu con chó bị thương ở cẳng, máu chảy đầm dề nhưng vẫn cố gắng tha chiếc nhau chạy một đoạn rồi ngừng lại. Một phát súng nữa ghim vào đầu nó, trước khi chết con chó buống chiếc nhau ra và sủa mấy tiếng khàn khàn rồi im bật. Cả xóm đồ xô ra xem đông đảo nhưng không ai nhìn ra hình thù chiếc nhau của mẹ điên, trước mắt mọi người lúc đó là một con vật kỳ quái đã chết, một cánh chân rữa, một bộ lông heo hay là một cái gì đó không ai biết được. Sau đó, bọn trẻ con đem ra đồng đào một lỗ chôn con chó cùng với chiếc nhau. Một hôm trong quán chè, người nghĩa quân buồn bã nói: *“Chỉ mười ngày sau thì trên mộ con chó có một loài cây thật xanh và nếu không bị xe cây ủi đi thì chắc chắn sẽ nở một cành hoa đẹp.”* Công việc xả ra mấy hôm thì mẹ điên mắc bệnh nặng, ban đêm mẹ rên ầm ầm, ban ngày mẹ bỗng con đi khắp chợ lăm nhảm những gì không nghe rõ. Hai đứa con của mẹ chỉ có mấy ngày đã ốm như hai con thằn lằn mới đẻ. Ấy là một dịp cho cô giáo trường làng giảng một bài đức dục mà bọn trẻ lúc nào cũng vênh tai nghe nước-chảy-qua-lá-khoai, không hiểu gì cả. Cô giáo đã nhiều lần nhắc nhở đến tình mẹ thương con và sự liên hệ ruột rà của người con đối với mẹ. Mẹ điên và mấy đứa con là một ví dụ cụ thể. Đến giờ bãi học, trên đường về, mặc dù không hẹn hò, bọn học trò cũng tập trung đông đủ đến xem mẹ điên nằm vùi trong góc đình chợ, hai đứa con ôm hai núm vú, nó ôm theo thói quen, hai chiếc vú xệ xuống và không còn giọt sữa nào nữa.

Khi ra khỏi chợ, con Lượng nói:

- Cũng vì thím đồ mà cha tao đập bể một mâm cơm và cái radio.

Không có đứa học trò nào hỏi, con Lượng cũng không nói gì thêm. Trong trí hẩn hiện ra nét mặt cay cú của mẹ hẩn khi thấy cha hẩn đứng sững sau lùm chuối nhìn trộm mẹ điên tắm dưới sông. Trong bữa ăn tối đó, mẹ hẩn chụp cổ áo Hòa cứng đờ, trong lưng quần có giắt một

con cá chép to tướng. Người ta thấy mục diên ngồi rũ rượi nhìn bọn kẻ chài xô nước trong bụng và làm hô hấp nhân tạo cho người chết trôi. Có người trong dịp này nói rằng đứa bé sau cùng là con của người nghĩa quân đó nhưng ít ai tin vì không có bằng chứng nào xác thật cả. Từ ngày đó, chiếc xe màu lam không còn về khu chợ nữa, tiếng hát cải lương và mấy bản tân cổ nhạc giao duyên chỉ còn lại trong ký ức bọn trẻ con hằng ngày la lét trên vạc đất quanh què khi phiên chợ đã tan. Trong xóm có thằng Lự-tóc-quần, sau ngày thi đệ thất hỏng, cha mẹ nó bắt ở nhà chăn bò, chiều nào cũng ghé lại nói chuyện với mục diên. Hắn là một người duy nhất biết rõ lý lịch của mục kể cả sinh quán và uẩn khúc trong đời sống của mục. Nhưng nó chưa bao giờ thổ lộ cho ai biết kể cả ban công an quận đến điều tra về cái chết đột ngột của anh Hòa-nghĩa-quân. Thằng Lự-tóc-quần lý luận một cách giản dị rằng mục diên cũng giống như những người tật nguyên khác, những người sinh ra chẳng may bị dư một ngón tay, thiếu một con mắt, mang một cục bướu ở cổ, thể thôi. Họ là những người đáng thương. Nếu ta không đem đến cho họ một sự an ủi nhỏ nhất nào thì đừng tiếp với tạo hóa làm cho đời họ khổ đau thêm. Trong đầu nó, câu chuyện thảm của mục diên lúc nào cũng hiện lên, sáng rực và kỳ diệu như chiếc cầu vồng nằm lưng chừng bên kia chân trời.

Nàng tên là Nguyễn thị Tâm, sinh tại miền quê trù phú, sát một chân đèo quanh năm mây phủ. Hồi nhỏ, nàng học trường làng, trong một mùa hè, nàng theo cha lên rừng đốn củi. Bỗng một hôm, tiếng gầm thét vang dội núi đồi, rồi một con cọp vằn từ bên kia con suối phóng mình qua, rồi thôi. Nàng không nghe và không thấy gì nữa. Rừng núi trải qua một cơn địa chấn. Tất cả thành sa mạc. Khi tỉnh dậy, cha nàng đã biến mất, bỏ lại một cánh tay nằm trên mặt đá với một ít máu còn tươi. Cánh tay đó theo nàng trở về gian nhà cũ. Một đám ma được tổ chức, bà con nội ngoại chung vai gánh chiếc quan tài đựng

cánh tay ra nghĩa địa làng. Từ đó, nàng bắt đầu đi vào cuộc hành trình mới...

Thằng Lự-tóc-quần nói rằng, chỉ có những người tật nguyên như mù điên mới thấy được hạnh phúc, hạnh phúc không ở xa họ, nơi ở không có dấu chân của hận thù, không có khói lửa. Chiến tranh đã bị đào thải. Họ tách rời mọi biến động, xa rời những lớp người mọi rợ. Nó nói thêm rằng, từ nay bất cứ lúc nào, tao thấy đứa đàn ông nào cà kê gần thím Tâm, tao sẽ bắn chết tại chỗ. Tay nó mân mê những viên đạn đồng sáng loáng, nét mặt lúc đó nó căm hờn đã dâng lên. Sau mấy ngày thằng Lự-tóc-quần đem đàn bò cột ở nhà tể sinh thì nó bị ám sát chết. Xác nó còn bị cột thêm một cục đá lớn kéo xuống đặt dưới bên sông. Không ai biết tẩm tích gì về cái chết của nó và chỉ vài ngày sau thì người ta quên bằng đi, khu chợ và bên sông trở lại sinh hoạt bình thường. Độ ấy, đã có những gánh rau cải, mướp cà ở miệt quê gánh lên chợ, có lẽ thôn quê đã tạm yên ổn, người ta cũng ít khi thấy xe tăng chạy về, kể những khẩu đại bác đen đúa kéo sau những chiếc xe mười bánh cũng không thấy nữa.

Ngày tháng trôi qua. Bỗng một buổi sáng, không có ai đến chợ cả. Súng đã nổ thật gần, nổ ở đường cái, ngoài trường mẫu giáo, bên trên trụ sở ấp, đầu dốc cầu. Nhà cửa đóng kín mít. Thỉnh thoảng có một vài bóng người thấp thoáng, chạy men theo những bức tường. Tiếng đại bác gầm xé, đại bác nổ ở dưới sông cắt mặt nước thành nhiều mảnh vỡ, giòng sông tan biến với cơn mưa. Đại bác nổ ngay trên chợ, nổ tung gốc cây bàng ngày trước mù điên chôn chiếc nhau. Mù điên đảo mắt nhiều lần tìm kiếm, nhưng không còn một cái gì nữa, khu chợ đã thành bãi chiến trường rồi. Mù điên ôm cứng hai đứa con trên tay, thân thể hai đứa bé cũng không còn hơi ấm, chúng nó cứng như hai khúc gỗ nhưng mù biết chưa chết vì mắt chúng nó nhấp nháy miệng chúng nó còn nuốt nước bọt. Súng vẫn nổ dữ dội, một vài ngôi nhà bên kia đường bốc

cháy. Bên kia sông thì im lặng quá đỗi. Những nhịp cầu thô kệch vươn mình lên, còn bắp xanh mướt và một vài cánh chim chao cánh bay. Đàn bò ở nhà tể sinh rú lên, chen với tiếng chó sủa đồng, tan loãng. Và chỉ có mưa thôi, gió thì như đặc quánh lại, gió đã thành chất nhão, gió xóa vào mặt rất buốt. Một quả đại bác nữa nổ ngay giữa mặt chợ, trong chốc lát khu chợ không còn một vật gì đứng cả, tất cả đã bị san bằng. Mụ điên tay bồng một đứa con, lưng cồng một đứa con khác men theo kiệt nhỏ ra đi. Lần đầu tiên mụ có ý định tạm bỏ khu chợ, nơi quê nhà yêu dấu còn lại duy nhất trong đời. Qua khỏi trạm thông tin áp, mụ điên dẫm lên một người bị thương sắp chết, đôi mắt người đó trừng trừng nhìn lên, không nói được. Mụ cầm đầu chạy đến chân cầu. Hàng chục họng súng chia theo. Đạn bay vèo vèo. Người ta tưởng chừng mụ điên đã bị đốn ngã hôm đó, cùng những xác chết khác không ai chôn cất ở rải rác khắp nơi. Nhưng không, khi biến cố đi qua, lúc người trong xóm lần lượt trở về nhà cũ, người ta đã thấy mụ điên ngơ ngác ngồi trên khu chợ. Mụ chỉ còn một đứa con. Thằng Tý đã bị trúng đạn ngay từ hôm mẹ nó cồng qua cầu. Một viên đạn nhỏ thấu ngang xương sống, lọt vào giữa hai lá phổi. Nó chết ngay trên lưng mẹ và được mẹ nó ẵm ngủ một đêm đến sáng mới đào lỗ bỏ xuống.

Một ngày trời dịu bớt cơn mưa. Khu chợ đã có một vài người tới nhóm. Có một chiếc xe đậu ở ngoài đường cái bộp còi inh ỏi, trên xe có chở một chiếc quan tài, người tài xế xuống đi vòng quanh chợ mấy lượt, hỏi thăm vài người rồi quay lại xe trở lại. Người tài xế không chịu tiết lộ thêm chuyện gì nhưng trong xóm đoán chắc thằng Thi con mụ điên đã chết. Khi chiếc xe chạy khuất, mụ điên bồng đứa con còn lại qua sông, tay cầm nén nhang. Thằng Tý chết vừa đúng một tháng. Ra nửa cầu, bỗng mụ điên ngừng hẳn lại, dưới chân cầu âm vang tiếng động, nước nguồn đổ về ầm ỉ. Tiếng gào thép của một khu rừng

đâu đây. Rồi tiếng giòng suối chảy qua, tiếng la thất thanh, tiếng động buồn nân trên đường về. Tiếng khóc nức nở của hàng chục người đưa cánh tay ra nghĩa địa. Đôi mắt mù điên sáng rực lên, lòng mù tràn ngập một niềm cảm xúc vô biên. Mù đứng cứng ngắt như một pho tượng. Đứa con rời cánh tay mù và rớt xuống giòng sông nhẹ như một hòn sỏi. Chung quanh mù không còn ai nữa. Mù cũng không bao giờ qua sông nữa.

Bật đi thật lâu, mấy năm không ai nhớ rõ. Mù điên từ một nơi nào xa xôi trở về ghé thăm ngôi chợ cũ. Chợ đã tan. Mọi sự đã thay đổi hết. Trong xóm không còn ai nhìn ra mù. Mù không còn là một người điên, mù ăn mặc sạch sẽ, chân đi guốc, miệng tô son đỏ. Mù qua cầu, tìm thăm ngôi mộ thằng Tý, ngôi mộ không còn nữa, nơi đó nay đã biến thành pháo đài cho bọn nghĩa quân giữ cầu. Khi trở lại giữa cầu, nơi ngày trước đứa con chưa đặt tên đã từ cánh tay mù ả rơi xuống. Mù đứng đó thật lâu, nhìn xuống, giòng sông bốc lên muôn lời nói, giòng sông đang thở hơi thở của một đứa bé xa rời người mẹ. Nhìn xuống, ở đó không có một vết tích gì, không có gì để lại cả. Chỉ có một đám mây nhỏ, sau khi phiêu bạt nhiều phương trời đã ngừng lại. Đám mây đã phai hết màu sắc. Đám mây mắc cứng dưới lòng sông.

Ý Thức số 5 ngày 1 tháng 12 năm 1970



TRANG VẤN

ĐOÀN XUÂN THU *TRANG LUÂN * LÊ VĂN THIỆN
* NGUYỄN MINH * TRẦN HUYỀN ÂN

Đoàn Xuân Thu

Chiếc roi

Má về với ba khi còn rất trẻ. Ba, hai mươi tuổi. Má, mười tám tuổi. Má dứt sữa anh Nhiên không lâu thì có mang tôi. Tôi cách anh Nhiên hai tuổi.

Người khác thường gọi anh mình bằng thứ : chẳng hạn anh hai, anh ba. Riêng tôi, tôi gọi anh mình bằng tên: anh Nhiên.

Anh Nhiên là con đầu lòng, sức khỏe kém, quặt quòa quặt quèo, nay đau, mai yếu, nay ăm đầu, mai sỗ mũi. Bệnh hoạn rề rề làm anh nhỏ con, ốm nhom ốm nhách, nên đi chơi hoặc đi học thường hay bị bạn bè xúm lại hiếp đáp.

Có lần anh dẫn tôi đi xem truyền hình công cộng trong xóm, có thằng lớn con hơn giành chỗ, lần tôi té xuống đất. Anh Nhiên tôi bình em, nhào vô ăn thua đủ. Tội nghiệp! anh Nhiên tôi nhỏ con, ốm yếu bị nó bự con, khỏe mạnh, đề muốn chết. Tôi nóng mũi, bình anh mình, hốt một bùm cát vụt vô mặt nó. Thằng mắc dịch đó hét lên vì không thấy đường, lo lấy hai tay dụi mắt. Tôi thừa cơ nhảy vô đám, đá tung bùng, rồi hai anh em chạy tuốt về nhà. Bữa sau ba nó đến mắng vốn. Ba nó nói : hai anh em tôi ý đông đánh con ổng. Ba tôi chỉ giả là cho qua chuyện. Sau đó ba tôi hỏi đầu đuôi gốc ngọn. Anh chỉ nói: “Con hồng muốn quánh nhau với nó. Mà hồng quánh hồng được.”

Lớn lên, hai anh em cùng học chung trường Petrus Ký. Anh học trước tôi hai lớp. Không biết bao nhiêu lần anh bị buộc phải đánh nhau với mấy thằng bạn học hay ăn hiếp anh, tôi đều nhào vô ăn thua đủ, đến nỗi phải bị gọi lên văn phòng gặp thầy tổng giám thị. Thầy hỏi: “Sao hai anh em tụi bây quánh nó?”. Tôi trả lời: “Tại nó ăn hiếp anh

con”. Còn anh Nhiên tôi thì lại nói: “Con hồng muốn quánh nhau với nó. Con muốn yên thôi mà nó hồng cho yên. Hồng quánh hồng được.”

Một chiều, tan học, tôi ra nhà giữ xe đạp bên hông trường để anh Nhiên chở tôi về hơi trễ. Trận đánh lộn mới vừa tan. Cái thằng bạn học cùng lớp với anh, cái thằng đánh anh, đã chạy đi mất tiêu. Anh Nhiên tôi bị bầm tím một bên mắt và chảy máu mũi. Tôi tức mình quá, vừa giận vừa thương anh, nên cự nự: “Sao anh không đợi tui ra rồi hãy quánh” Anh trả lời: “Tao đâu muốn quánh nhau với nó. Tao chỉ muốn yên thôi mà nó hồng cho yên. Hồng quánh hồng được.”

Tôi giận lấy anh nên trên suốt đường về, tôi không thèm nói với anh lấy một câu.

Về nhà má tôi nấu nước sôi, pha muối, thấm vào hai miếng bông gòn, miếng thì lau máu mũi cho anh, miếng thì chặm lên con mắt bị bầm. Anh nằm trên chiếc đi-văng, nhìn lên trần nhà bằng một con mắt, rồi lẩm bầm: “Mình hồng muốn quánh nhau với nó. Mà hồng quánh hồng được.”

Tôi thì đi tới, đi lui, hậm hực nói: “Lần sau anh đợi tui ra tới rồi hãy quánh. Anh với tui cho nó một trận để cho nó bỏ cái tật cà khịa.”

Năm tháng trôi qua, khi anh đang học đệ nhứt thì Tổng công kích Tết Mậu Thân bùng nổ. Hình ảnh trẻ thơ, bà già chết còng queo trong lửa đạn, nhà cửa tan hoang cháy làm anh xúc động. Anh trầm ngâm, ít nói hẳn đi.

Tối ngày chỉ nghe anh lẩm bầm: “Mình hồng muốn quánh nhau với nó. Mình chỉ muốn yên thôi mà nó hồng cho yên. Hồng quánh hồng được.”

Anh suy nghĩ gì lung lăm - mình phải làm một cái gì đó - . Một cái gì đó anh phải làm là: bỏ học giữa chừng năm đệ nhứt, không thi tú tài hai và đăng lính.

Ba năm sau anh Nhiên tôi tử trận ở Quảng Trị. Xác anh

được mang về Huế, bỏ vô hòm kềm, cò chì, đưa lên máy bay chở về Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa. Ba má tôi nhận tin báo tử. Chỉ một đêm chờ sáng, lên nhận xác anh Nhiên mà tôi thấy ba, má tôi già hấp, gầy sòm hẳn đi.

Anh Nhiên tôi chết trẻ, hai mươi ba tuổi, chưa lập gia đình, chưa vợ, chưa con. Vì không có vợ con nên không có ai để chít cho anh một vành khăn tang trắng. Ngược lại, theo phong tục mà ông ngoại tôi biểu: trên đầu chiếc quan tài của anh Nhiên tôi có một vành khăn tang trắng mà anh dành để tang cho ba má.

Trước giờ di quan, ông ngoại tôi cầm chiếc roi bằng nhánh cây dâu giá giá lên chiếc quan tài của anh già bộ làm như đánh, để trị anh tôi bất hiếu : chết trước khi ba má qua đời. Ba tôi đứng kế bên, đột nhiên dẫn lấy chiếc roi dâu trong tay ông ngoại, bẻ làm hai quãng xuống đất, rồi nói:

“ Thằng Nhiên, nó chết trận, nó đền nợ nước. Nó có tội gì đâu? mà ba lại đánh nó.”

Nghe ba tôi nói vậy, tôi không thể nào cầm được nước mắt. Tôi òa lên khóc.

Trang Luân

Đ Ê M

“Sao em thấy khu này ghê quá hờ anh?”

Người đàn ông luống tuổi, đang đứng bên cửa kính, quay lại điềm đạm:

“Em nói không sai! Đây là khu chung cư mà vấn đề an ninh không mấy gì gọi là sáng sủa, khả quan cho lắm. Khu chung cư mà hầu hết người Á châu đều tránh xa, chứ chẳng riêng gì người Việt Nam, ngoại trừ chỉ có anh mà thôi. Chẳng có đêm nào mà không có xe cảnh sát chạy tuần tiễu ở quanh đây. Cách đây ba hôm, cảnh sát mới hốt ở đây năm, sáu mạng có liên quan đến vấn đề đi điếm và ma túy. Ban đêm, nhất là cuối tuần, em sẽ thấy nhạc rập trối lên đỉnh tai, nhức óc cùng tiếng vỗ chai ném loảng xoảng ngoài parking. Đôi khi cao hứng còn lôi cả súng ra bắn chỉ thiên nữa là đằng khác.”

“Biết vậy mà sao anh không dọn đi nơi khác!”

“Đi đâu cũng chẳng bằng chỗ này. Vừa rẻ mà lại vừa thoải mái. Đặc biệt nhất là chẳng khi nào nghe chủ đề cập đến vấn đề tăng tiền nhà. Và lại, anh cũng chẳng thấy có điều gì đáng tiếc xảy ra. Thú thật, hôm mới dọn đến, anh cũng cảm thấy hơi ớn ớn! Nhưng ở riết rồi cũng thấy quen dần. Anh thì lúc nào cũng chủ trương *đĩ hòa vi quý*. Mình đừng có đụng chạm đến người khác thì được rồi. Đây là phương châm hữu hiệu nhất để mà sống. Từ khi nghe tin anh dọn về đây, mấy ông bạn đều trợn mắt kêu lên: Ông điên rồi hay sao? Thậm chí có ông còn nói: Ông đúng là uống thuốc liều. Có ngày rồi cũng toi mạng đấy ông ạ. Ấy thế mà tám năm trôi qua rồi đấy. Đâu có chuyện gì xảy ra đâu! Anh vẫn bình chân như vại, mà ngược lại, hầu hết mọi người ở quanh đây đều tỏ ra có

cảm tình đặc biệt đối với anh. Thế mới lạ chứ.”

Người đàn bà phá lên tiếng cười dòn:

“Anh thì lúc nào cũng giống như kẻ chán đời.”

Người đàn ông không nói, đứng lặng thinh, đôi mắt nhìn ra bên ngoài. Tiếng gió đập nhẹ ngoài cửa kính. Tiếng rú hót hoảng của chiếc xe vừa chạy vụt qua, để lại chuỗi âm thanh rền rã, dài dằng dặc, rồi tuần tự nhỏ dần và lịm tắt ở mãi tận cuối đường.

Dưới ánh sáng mát dịu của ngọn đèn nê ông, người đàn bà ngồi thu mình trên chiếc ghế nệm khổ dài, thô kệch, cũ kỹ đặt ở giữa phòng. Phía trong, sát chân tường là chiếc TV kích cỡ, lỗi thời, đã ngả màu, hoen ố theo thời gian. Đối diện với bà ta là một chiếc bàn gỗ thấp hình chữ nhật, và trên đó, lẻ loi có chai rượu chất màu hồ phách cùng hai chiếc ly đặt sẵn ở gần đấy. Người đàn bà đứng tuổi, có mái tóc phủ dài cùng khuôn mặt khả ái, sâu muộn. Bà ta sửa lại thể ngồi cho ngay ngắn rồi nhỏ nhẹ:

“Em thật không ngờ anh ạ! Cảm giác đầu tiên đến với em là một sự bàng hoàng thì đúng hơn. Làm sao mà không bàng hoàng, sững sốt hờ anh? Trước đây, ai nấy cứ định ninh rằng: Gia đình anh đã mất tích trên chiếc ghe định mệnh ấy rồi. Người ta đồn, chuyển anh đi bị bão lớn và cả chiếc ghe bị nhận chìm xuống đáy biển. Thậm chí ngay đến người bà con xa của anh cũng quả quyết với em như vậy. Rồi dùng một cái, thỉnh linh lại gặp anh ở bên đây, thì thử hỏi làm sao mà em không giật mình được! Thú thật, ngay từ lúc đầu, em cứ ngờ ngợ không dám nhận. Em liếc nhìn trộm sang bàn anh mãi. Đến gần cả tiếng đồng hồ sau, em không còn nghi ngờ gì nữa! Lúc đó em mới mạnh dạn lên tiếng gọi anh.”

Người đàn ông bóp trán ra chiều suy nghĩ. Mãi sau ông ta mới hạ thấp giọng:

“Nhắc đến cái chuyện đi ấy mà bây giờ anh vẫn còn cảm thấy rùng mình, ớn lạnh. Gần ba tuần lễ thì kể như hai tuần không có lương thực và nước uống. Chiếc ghe bị hư

máy, thả trôi trên giòng nước giống như con diều bị đứt giây. Bao nhiêu tàu bè chạy ngang qua như mắc cửi mà chẳng có chiếc nào chịu vớt. Mọi người trên ghe la riết đến khan cả cổ họng. La chán rồi chẳng còn ai thiết tha gì đến vụ kêu cứu nữa! Mà có còn hơi sức nữa đâu mà kêu! Ai nấy đều rũ ra, mềm nhũn, nằm thiêm thiếp, bất động trông y hệt như những cái xác không hồn. Thế mới biết cơn đói nó hành hạ, dày vò thể xác con người ta biết chừng nào. Nếu không có cơn bão thì bọn anh cũng chẳng có cơ hội đặt chân lên chiếc tàu buôn của người Đức. Anh vẫn còn nhớ, lúc ấy vào khoảng năm giờ chiều của ngày thứ mười tám. Chỉ cần chậm trễ thêm vài ba tiếng đồng hồ nữa, thì toàn thể năm mươi mấy người sẽ trở thành miếng mồi ngon cho cá biển.”

“Sao cơn bão đến nhanh quá anh nhỉ?”

“Nhanh đến nỗi mà anh không thể nào ngờ được. Cơn giông bão ồ ạt kéo đến thật dữ dội, thật khủng khiếp, thì thử hỏi: Đêm hôm đó làm sao mà tụi anh có thể chống đỡ nổi!”

Người đàn bà nheo mắt, nhún vai tỏ vẻ sợ hãi:

“Eo ơi! Cũng may anh nhỉ?”

Người đàn ông không nói, khẽ gật đầu.

“Thế chuyến đó có bị mất mát người nào không anh!”

“Có! Duy nhất chỉ có một người. Gã thanh niên còn rất trẻ. Hắn ta bị khủng hoảng, quẫn trí rồi đâm ra liều lĩnh, ôm cái can bằng ni lông, nhảy xuống biển với hy vọng sẽ được tàu vớt. Nhưng anh tin chắc rằng, sớm muộn gì hắn ta cũng sẽ chết. Gã chết đi cũng là đề tài nóng bỏng khiến cho mọi người đều bàn tán xôn xao rồi cho rằng: Nhờ hắn ta linh thiêng, phù trợ nên mọi người mới được cứu thoát.”

“Cũng có thể lắm chứ anh!”

Người đàn ông trầm ngâm lúc lâu mới lên tiếng:

“Ồ đời đâu có ai biết được chữ ngờ hờ em! Ngay như giữa anh em mình cũng vậy. Có khi nào mà chúng ta nghĩ đến ngày hội ngộ hôm nay. Trước đây, tâm trạng của

những kẻ bỏ nước ra đi, chẳng khi nào nghĩ rằng, rồi sẽ có một ngày trở về thăm lại quê hương. Nghĩ lại thật có nhiều chuyện buồn cười. Như mấy ông Cộng Sản cũng thế. Sau năm bảy mươi lăm, mấy ông ấy cứ gay gắt lên án, kết tội nặng nề đế quốc Mỹ, thì bây giờ lại tỏ ra ve vãn, chào đón giống như một thượng khách. Còn mấy ông tướng, ông tá trước đây thuộc loại ăn trên ngồi chốc ở miền Nam, hót hải bỏ cả đơn vị, bỏ cả binh sĩ thuộc quyền, chạy bán sống, bán chết sang bên đây, còn tỏ ra huênh hoang, khoe khoang về thành tích chiến đấu của mình trước kia. Có ông còn hăng say, hô hào đấu tranh để quang phục quê hương. Thế mới lạ chứ.”

Bỗng như chợt nhớ ra điều gì, ông ta cất cao giọng: “À! Còn Kiệt, chồng em. Anh nghe nói, hình như nó chẳng còn người nào thân thích. Phải không em? Như vậy thì đâu có ai tới lui thăm viếng, chăm sóc cũng như lo việc hương khói cho nó.”

Người đàn bà ngược lên:

“Ngoài em ra, chứ còn ai vào đây nữa hở anh!”

“Anh cứ tưởng, thế nào em cũng bước thêm một lần nữa. Vả lại, Kiệt mất cũng khá lâu. Trong khi đó, em còn quá trẻ mà lại còn có nhan sắc nữa, thì làm sao mà em có thể ở vậy suốt đời được!”

Người đàn bà mỉm cười, ra chiều đắc ý:

“Áy thế mà em vẫn chỉ có một mình, chứ đâu có hai ba mình gì đâu!”

“Kể cũng lạ thật. Bây giờ em sang đây thì lấy ai ra mà lo cái công việc ấy.”

“Thì cũng đành vậy thôi! Trước khi đi em có nhờ người bạn thân, thỉnh thoảng nhớ ra thấp nhang và dọn dẹp dùm em. Em tính sau này làm lụng có tiền, em sẽ về thuê người ta bốc lên, đem thiêu rồi đưa vào chùa, có hương, có khói và tối sớm còn được nghe kinh kệ nữa. Như vậy vừa được ấm áp mà lại còn dễ siêu thoát hơn.”

“Em tính như vậy cũng phải.”

Im lặng. Không khí trong phòng chợt chìm xuống sự im lặng lạ thường. Thử im lặng khô cứng, đặc quánh, giống như không khí trầm mặc của giáo đường vào một buổi trưa đầu tuần hoang vắng. Bất chợt, anh liên tưởng đến ngôi mộ vắng chủ cô quạnh, hiu hắt. Ngôi mộ tẻ nhạt, lạnh lẽo gần như bị bỏ quên. Nghĩ đến đây, tự nhiên anh thấy gợn nhão lên nỗi xót xa, tê tái ở trong lòng.

“Bích sang đây lâu chưa?” Anh buột miệng.

“Mới đây thôi anh ạ.”

“Em thấy bên này ra sao?”

“Bên đây thì buồn là cái chắc. Nhưng ngược lại, đời sống thì sướng hơn ở Việt Nam.”

“Anh nghe nói, đời sống ở bên đây bây giờ dễ thở lắm cơ mà. Chánh sách mở cửa của nhà nước đã đưa mức sống của người dân có phần cao hơn trước đây nhiều.”

Người đàn bà bật lên tiếng cười khẩy:

“Anh đừng có tin vào mấy ông này, anh Thục ạ. Anh nên nhớ rằng: Tuyên truyền là cái ngón nghề của mấy ông ấy hay sao? Em thấy ở ngoài này vẫn còn nhiều người tỏ ra ngây thơ, tin vào những điều mấy ông ấy nói. Thế nào gọi là dễ thở! Thế nào gọi là khởi sắc! Dễ thở là đối với giới con ông cháu cha có thể lực kia. Giới buôn bán hoặc có thân nhân ở nước ngoài cơ. Còn về phía dân nghèo thì vẫn tòi tệ như xưa. Anh thử tưởng tượng xem, đứa con gái mới mười ba, mười bốn tuổi, lạc lõng, trôi dạt từ miền Bắc vào Sài Gòn kiếm sống. Vì thế mà dân số tại thành phố này gia tăng rất nhanh. Còn mấy ông nhà nước thì chi biết hà hiếp, bóc lột, sống trên mồ hôi, xương máu của kẻ khác. Nhiều người phải bán máu, bán con để mà sống. Anh thử hỏi: Cái xã hội như thế thì làm sao mà sống được! Tình trạng luân lý bị đảo lộn, suy đồi. Người ta bây giờ không còn ai nghĩ đến hai chữ nhân phẩm cũng như hai chữ sĩ diện nữa. Chung qui cũng chỉ vì đồng tiền, vì miếng ăn mà thôi.”

“Hiện giờ thì em đang sống ở đâu?”

“Tạm thời em đang ở với gia đình của đứa em gái dưới Pomona. Hôm nay vợ chồng nó đi chơi xa. Còn lại một mình buồn quá. Nhân tiện có chị bạn lại chơi, rủ em xuống đây đi ăn uống, đồng thời chui vào vũ trường nghe nhạc, rồi thỉnh linh gặp anh ở trong đây. Anh còn nhớ con Thu không? Con nhỏ mũm mĩm để tóc ngắn đấy. Nó vượt biên sang đây lâu lắm rồi. Chính nó đứng ra bảo lãnh cho em. Thoạt đầu em cứ đắn đo, chần chờ mãi! Bởi vì như anh cũng biết, mọi chi phí từ vé máy bay cho đến bảo hiểm sức khỏe, nó đều phải đưa vai ra gánh chịu hết. Em trần trọc, suy nghĩ suốt mấy đêm liền. Cuối cùng em mới chột nghĩ lại: Nếu không đi thì sau này lấy ai ra mà nuôi mình! Năm mươi mấy tuổi đầu rồi còn gì nữa! Vả lại, em sống cô quạnh chỉ có một mình. Bây giờ ở tuổi này thì khá dễ còn tự săn sóc cho mình được! Nhưng đến mai một thêm dăm ba tuổi nữa thì biết tính sao? Nghĩ đến đây em mới giật mình, hoảng hốt rồi quyết định một cách dứt khoát là ra đi. Dù sao thì sang bên đây cũng sướng hơn ở Việt Nam nhiều. Thiếu gì người muốn đi mà còn không được! Phải không anh?”

Người đàn ông di nhẹ gót chân xuống nền nhà.

“Trước đây anh cứ tưởng em có con với Kiệt. Hóa ra em chẳng có đứa nào cả.”

Ngẫm nghĩ giây lát, Bích lên tiếng hỏi:

“Còn anh thì sao?”

“Anh vẫn vậy.”

“Không! Ý em muốn hỏi về chị cùng các cháu.”

“À! Em muốn hỏi về chị Thu. Anh và chị ấy ly dị đã ngót sáu năm nay. Còn mấy đứa con thì đứa nào cũng đều lớn khôn hết cả rồi. Chúng nó đều lập gia đình và đã ra ở riêng hết. Ở Mỹ mà! Chúng nó có khi nào ở chung với mình đâu! Vì thế, sớm hôm anh chỉ lủi thủi có một mình. Lâu lâu hoặc lễ lầy, chúng nó đáo ngang qua thăm bố vài ba tiếng đồng hồ rồi lại đi.”

“Kể ra thì cũng buồn anh nhỉ?”

“Riết rồi cũng thấy quen. Vả lại, đời sống cứ quay vù vù chẳng khác nào cái chong chóng, khiến cho mình nhiều lúc cũng chẳng có thì giờ để mà suy nghĩ.”

“Em thấy ngày xưa anh chị khăng khít với nhau lắm cơ mà.”

“Ngày xưa khác, còn bây giờ khác. Ngày xưa, đời sống bị đóng khung trong cái bối cảnh của xã hội Việt Nam. Còn sang đây thì mọi thứ đều thay đổi. Người đàn bà bắt đầu đi làm và giao tế, hòa nhập với xã hội bên ngoài. Từ đó, sự suy nghĩ cùng cái nhìn có phần thay đổi, khác hơn. Chẳng riêng gì gia đình anh, mà phần đông các gia đình khác đều rơi vào cái tình trạng đó. Nhiều người đàn bà trước kia tỏ ra hiền hậu, nhưng sang đến bên đây thì tự nhiên đâm ra dỗi tính, rồi sinh ra chuyện này, chuyện khác và cuối cùng thì đi tới quyết định là đường ai nấy đi. Xét cho cùng thì đời người ai nấy đều có số hết. Anh chẳng bao giờ tỏ ra thái độ trách cứ gì Thu cả. Tại cái số của mình như thế thì mình phải chịu vậy, chứ biết nói sao bây giờ.”

“Từ ngày ấy đến giờ, có khi nào chị về thăm anh không?”

“Chẳng bao giờ! Ly dị xong thì họ cũng giống như con chim xỏ lồng, bay đến một nơi thật xa, chứ đâu còn có thì giờ mà nghĩ đến chuyện thăm hỏi làm gì!”

Thục nói xong, cất giọng cười ngất. Nụ cười chua chát, tiềm ẩn nỗi đắng cay, tê tái ở bên trong. Bích ngược lên thành khăn:

“Anh cho em xin lỗi. Vì quá tò mò nên nhắc đến chuyện buồn của anh. Mong anh bỏ qua cho em.”

Thục xua tay, uể oải rời khỏi khung cửa rồi tiến lại ngồi xuống ở đầu ghế.

“Anh dùng tạm một ly cho khuây khỏa nhé!”

Thục lấy giọng tự nhiên:

“Em cho anh một ly. Cả em nữa. Chúng ta mừng gặp lại.”

Bằng động tác thật khoan thai, Bích nâng chai rượu,

nhẹ nhàng rót vào hai cái ly thủy tinh trong vắt rồi đẩy sang cho Thục:

“Nào! Mời anh! Chúng ta mừng gặp lại nhau trên xứ người.”

Hai người nâng ly rượu lên môi rồi ngửa cổ uống cạn. Chờ cho hơi men thấm dần vào cơ thể, Thục quay sang nhìn đắm đắm vào người Bích:

“Em vẫn còn đẹp như ngày nào.”

Bích hóm hỉnh:

“Anh dạo này lại biết nói đùa nữa cơ à! Già khú rồi còn gì nữa.”

“Già thì già! Nhưng nó vẫn có cái đẹp riêng của nó chứ.”

Bất giác, Thục cất nhẹ lên tiếng thờ dài:

“Chóng thật! Mới đây mà bây giờ tất cả đều già hết cả rồi. Thế mới biết đời người chẳng khác nào cơn gió thoảng em nhỉ? Ngẫm cho kỹ lại thì mấy cụ mình ngày xưa nói chẳng sai tí nào.”

“Ngày xưa mấy cụ đều là nhà nho thâm trầm, uyên bác. Mà nhà nho nói ra chẳng khác nào như mũi gương nhọn khắc hẳn lên phiến đá. Nhắc đến mấy cụ là nhắc đến tấm gương sáng của người xưa để lại cho đời sau soi mặt. Nhiều lúc nhìn lại, mới thấy nuối tiếc cái tuổi thanh xuân. Em còn nhớ, dạo ấy anh dạo mạo lăm cơ mà! Đúng là nhà giáo có khác. Mầu mực và nghiêm nghị. Mấy đứa nhỏ ở trong xóm học anh, chúng nó bảo anh khó lắm. Chúng nó còn nói, chẳng thấy khi nào anh cười! Anh có biết, chúng nó đặt cho anh cái danh hiệu gì không?”

Người đàn ông lắc đầu, Bích liền thoáng:

“Chúng nó bảo anh là thằng cha hắc ám.”

Nghe ngợi giấy lát, nàng kể lể:

“Dạo ấy, em với Kiệt mới bắt đầu yêu nhau. Yêu say mê. Yêu cuồng nhiệt anh ạ. Ngày nào mà tụi em chẳng gặp nhau. Ngày nào mà chẳng hẹn hò. Hẹn hò riết rồi chẳng biết nói gì với nhau. Ngôn ngữ của tình yêu nhiều khi nó trở thành ngớ ngẩn anh nhỉ? Anh không biết đâu! Mẹ

em ngăn cấm em nhiều lắm đấy. Cấm mãi mà vẫn chẳng thấy có kết quả. Mẹ em liền đổi sang chiến thuật tình cảm. Bà tỏ ra mềm mỏng, dạy dỗ, khuyên bảo em đủ điều mà em vẫn chẳng hề lay chuyển. Tức quá, bà bảo em là đứa con cứng đầu, không biết vâng lời cha mẹ. Bà còn gán ghép cho em cái tội bất hiếu nữa chứ! Em thấy mình chẳng có tội tình gì cả. Bao nhiêu đám đến đám hỏi, em vẫn một mực chối từ. Mẹ em tức điên lên: Người ta đều là con nhà nề nếp, gia giáo, hiền lành, tử tế mà mày vẫn một mực không chịu. Mày cứ nhất định lấy cho bằng được cái thằng Kiệt. Coi cái mã ấy thì nó làm nên được cái tích sự gì, mà mày cứ mê nó như điên rồi, hờ cái con kia! Mẹ em day nghiền em suốt từ ngày này sang ngày khác. Bà còn cấm đoán không cho tụi em gặp nhau. Cứ mỗi lần thấy anh ấy đi ngang qua nhà em, thì y như mẹ em lại tỏ ra thái độ giận dữ, tức bực, biểu lộ qua các động tác mạnh bạo như đóng cửa hoặc la rầy con cái chẳng hạn. Ngày đó em đã nảy sinh ra ý định táo bạo, là bỏ nhà ra đi với Kiệt. Em tính ra đi thời gian ngắn rồi trở về, coi như gạo đã nấu thành cơm, thì dù muốn dù không, buộc lòng mẹ em cũng phải chịu thôi. Ai ngờ, Kiệt lại tỏ ra quá nhút nhát, không dám bỏ nhà ra đi với em. Anh ấy cứ bảo: Mình chẳng có cái nghề nào trong tay thì biết làm gì để mà sống! Bởi vì thế mà ý định ấy bị dẹp bỏ. Em nghĩ nát óc mà chẳng tìm ra được giải pháp nào khác. Mãi cho đến năm em thi rớt phần hai. Mẹ bắt em phải lấy một ông sĩ quan hành chánh quân y. Ông này phục vụ trong ngành quân y, chứ không phải là bác sĩ. Ông ta khá đẹp trai mà gia đình lại giàu có, ở mãi tận ngoài Nha Trang. Tính tình ông này tỏ ra rất lịch thiệp và hào phóng. Kê ra đạo đó mà lấy được ông chồng như thế thì tạm gọi là yên thân. Thời chiến mà có tám chồng phục vụ tại đơn vị ở hậu tuyến thì kể như là người có điểm phúc. Nhưng em cứ một mực từ chối không chịu. Mẹ em hết mềm dẻo rồi lại trở sang cứng rắn. Có thể nói, lần này bà tỏ ra quyết liệt

hơn. Nguyên nhân cũng chỉ vì má ông này là bạn học của mẹ em trước kia. Mẹ em làm dữ lắm. Lúc nào bà cũng tỏ ra hằn học đối với em. Tình trạng căng thẳng ấy kéo dài mãi cho đến khi cô em có dịp từ Đà Lạt về chơi, biết chuyện, mới ngỏ lời khuyên giải mẹ em. Theo lời đưa em gái em nghe lóm được, kể lại: Chị làm riết khiến nó quần trí, rồi đâm ra đại đột, liều lĩnh quyền sinh thì chết. Chớ! Chị đừng có ép nó vào đường cùng thì nguy đấy. Con trai, con gái thời bây giờ thì khác với cái tuổi của chị em mình trước kia. Ngày xưa, bố mẹ đặt ngồi đâu thì mình phải ngoan ngoãn ngồi đấy. Còn bây giờ thì không được đâu chị ạ! Chúng ta không thể áp dụng giống như ngày xưa được. Làm bố mẹ ngày hôm nay thì khó khăn gấp vạn lần so với ngày trước. Nó đòi hỏi bậc làm cha mẹ phải hiểu được tâm lý của con cái mình muốn gì! Tốt hơn hết, chị cứ cho cháu nó có cái quyền tự do định đoạt. Trong thì nó nhờ, mà đục thì nó ráng chịu. Ngộ nhỡ sau này, nếu có chuyện gì xảy ra, thì nó cũng chẳng có lý do gì để oán trách mình được. Cô em nói nhiều lắm nên mẹ em mới xiêu lòng, chứ không thì bà cứ ghim em mãi. Hôm đám cưới tụi em, bà vẫn tỏ ra vui vẻ với tất cả mọi người chung quanh, nhưng nếu nhìn kỹ trên sắc diện mẹ em, thì sẽ thấy bà không mấy gì được vui cho lắm. Em biết, mẹ em không ưa gì anh Kiệt. Anh ấy chỉ là một anh công chức quen. Học hành thì xoàng xĩnh chẳng đi tới đâu, mà gia đình thì lại không lấy gì gọi là khá giả cho lắm. Đây chính là hai yếu tố then chốt khiến cho mẹ em không được hài lòng. Rốt cuộc rồi cũng xong. Tụi em chung sống với nhau tròn trĩnh vừa đúng năm năm, mà chẳng có đứa con nào ra đời. Rồi đột nhiên Kiệt ngã bệnh và ra đi. Em buồn quá, chẳng khác nào kẻ chán đời. Mà chán thật chứ anh! Nhiều người cứ tưởng rằng, dần dà rồi thời gian sẽ nguôi ngoai và thể nào em cũng bước thêm bước nữa! Nhưng, thật tình không ngờ anh ạ! Đến ngay mẹ em cũng phải sốt ruột kêu lên: Mày tính ở vậy cho

đến mần đời hay sao, hờ Bích? Em chẳng nói gì cả! Tự nhiên em cảm thấy dửng dưng, chẳng còn tha thiết hoặc ham muốn gì nữa! Mặc dù đạo ấy cũng có khối ông theo đuổi, sẵn đón em. Nhưng trước cử chỉ cùng thái độ lạnh nhạt của chính em, khiến họ cũng đâm ra chán nản rồi từ từ dần xa dần. Em chẳng hiểu tại sao cả? Ngay chính em cũng chẳng hiểu nổi về con người thật của em! Có thể, theo như anh nói, đời người ai nấy đều có số cả. Căn cứ theo như lời me em thuật lại, thì hồi còn nhỏ, có ông thầy tướng số coi cho em. Ông ấy bảo: Số con bé này lớn lên sẽ đội tang chồng ở cái tuổi thanh xuân, và càng về già thì cô quanh chỉ có một mình. Em nghiệm lại thì quả thật thấy đúng một phần rồi đây anh.”

“Thế em có tính gì không?”

“Em mới sang đây, nên đường xá còn mù tịt, mà xe cộ thì lại chưa biết lái. Em chỉ mong rằng, sau khi lấy được cái bằng lái xe, tạm thời ban ngày em ra shop may làm để lấy tiền chi dụng cho hàng tháng. Còn ban đêm, em sẽ cố gắng đi học thêm về Anh ngữ để chuẩn bị cho bước đường kế tiếp, đó là giai đoạn học nghề. Em nhất quyết phải học thêm cái nghề để tự nuôi sống lấy bản thân mình. Anh thấy em tính như vậy có được không? Chứ con bạn em thì nó cứ dục: Mày nên học cái nghề nail đi, để sau khi có được cái licence ở trong tay, tao với mày sẽ bay sang tiểu bang khác để làm ăn. Nó còn nói: Mình phải ráng chịu khó thêm vài ba năm nữa, để kiếm số vốn khá dẽ rồi hãy quay trở lại đây, chuyển sang nghề khác để làm ăn.”

“Bước đầu thì ai cũng vậy. Dần dà rồi cũng sẽ qua đi. Bên đây thì đời sống khác hẳn với quê nhà. Vì thế, nó đòi hỏi mình phải có sự kiên trì ở trong đây.”

Bên ngoài, gió bắt đầu thổi mạnh hơn. Dự báo thời tiết ngày hôm qua cho biết đêm nay sẽ có bão lớn. Gió hú rùng rợn trên các tầng cây ngoài hiên nhà và những ánh chớp dồn dập lóe lên tận ngoài xa như báo hiệu cơn mưa sắp kéo đến. Thục lẩm bẩm:

“Trời sắp mưa rồi.”

Dáo dác nhìn chung quanh, Bích bỗng kêu lên:

“Áy chết! Gần ba giờ sáng rồi đấy anh!”

Thục ôn tồn:

“Thôi! Đi ngủ đi em. Khuya lắm rồi. Mãi nói chuyện nên chẳng để ý gì đến giờ giấc. Sáng mai, anh sẽ đưa em đi ăn, rồi đến chiều anh chở em về dưới đó.”

“Em làm phiền anh nhiều quá.”

“Có gì đâu mà phiền! Chỗ anh em mà.”

Ngừng lại vài giây, anh dơ tay chỉ vào phía trong:

“Em vào phòng anh mà ngủ. Trong ấy có đầy đủ hết. Có rest room và bàn chải đánh răng cùng mấy bộ đồ ngủ còn mới toanh, chưa ai đụng tới. Em cứ tự nhiên coi như ở nhà. Đừng có ngần ngại gì cả.”

“Anh để cho em nằm ở ngoài này cũng được.”

“Em là đàn bà, con gái, đâu có thể để nằm ở ngoài này được. Nhỡ mai một vợ chồng Thư biết chuyện, rồi tụi nó sẽ đánh giá thế nào về con người của anh. Thôi! Vào trong ấy ngủ dùm tôi đi cô.”

Bích liếc mắt nhìn sang Thục khẽ mỉm cười, rồi từ từ đứng dậy, khoan thai tiến dần vào phía trong. Tới cửa phòng, nàng còn ngoái lại:

“Gớm! Bao nhiêu năm không gặp, anh bây giờ cũng ghê đáo để.”

Chờ cho Bích vào đến tận bên trong và cánh cửa phòng ngủ từ từ khép lại, Thục rướn người, vươn tay bấm nhẹ vào cái công tắc điện gắn ở gần đây. Ánh sáng chợt phụt tắt và bóng tối bắt đầu ngự trị, lên ngôi. Anh lưỡng lự giây lát rồi ngả lưng nằm xuống. Có tiếng sấm đi đùng, gầm thét ở đằng xa và cơn mưa bắt đầu ào ạt kéo đến như muốn cuốn phăng đi mọi rác rưởi, bụi bặm, phiền toái ở đời sống này. Thục đặt tay lên trán, miên man nghĩ về thân phận, về cuộc đời. Cuộc đời chẳng khác nào giấc chiêm bao, là cơn gió thoảng, là bóng chim vụt qua khung cửa, để rồi vào buổi hoàng hôn nào đó, đột ngột xuôi tay

giã từ khỏi đời sống phù phiếm này, để đi về với thế giới của hư vô, quay về với cát bụi. Nghĩ đến đây, tự nhiên anh cảm thấy ngán ngẫm, tê tái. Chán nản, anh uể oải, xoay người, quay mặt vào thành ghế, lim dim đôi mắt tìm giấc ngủ./.

Mưa Trưa

Lê văn Thiện

Có phải chết là hỏi không đáp, đi không đến, gieo không gặt? Trong phòng bệnh A12 rộng thoáng, sạch sẽ, cái chết vô hình vẫn lẩn quất đâu đó, chẳng ai thấy, nhưng dường như ai cũng biết rằng nó ở ngay bên lưng.

Phòng có tám người, đều bệnh nặng. Bà nội Vinh vào đây đã hơn tháng. Bà nhận cái giường trong một góc phòng, nơi trước đó nửa ngày người "tiền nhiệm" - một ông già - đã quy tiên. Nghe nói thế, Vinh nổi da gà, nhưng bà không biết. Bà nằm thêm thiếp, nửa thức nửa ngủ, suốt ngày chẳng nói tiếng nào.

Vinh ngồi trước hành lang, với mấy tờ báo và những người nuôi bệnh khác. Bộ ba bám trụ kiên trì, lâu ngày. Ở đây, ngoài Vinh, còn có anh Hiệp, và bà Điều... Ngày thật dài, ngày nào cũng dài. Một mõi. Không làm gì nhưng mõi còn hơn gồng gánh, khuôn vác. Người rã rời. Đầu óc đặc sệt, mụ ra. Y tá qua lại lặng lẽ. Những tiếng rên. Mùi thuốc, dầu, mùi "nhà thương" gây gây ám ảnh... Vinh khâm phục nội. Bà cụ không sợ chết. Ở nhà, bà ráng chịu đau để các con không biết, chỉ rên lúc nằm một mình. "Đến 60 mà còn sợ chết, không đáng sống." Bà đúc kết nhận định của mình về lẽ sống chết, cô đọng, chắc nịch. "Nay má ngót 70 rồi, để má ở nhà. " Nhưng con cháu bu lại, bàn luận, bảo nhất thiết phải đi bệnh viện, mặc cho bà van xin. Bà nói: "Ngay từ 50, ta đã nghĩ tới cái chết...

Không né tránh, mạnh dạn nhìn thẳng vào mặt nó. Suy cho cùng, dù ta muốn tránh cũng chẳng thoát, thế thì ta chấp nhận đối đầu. Không dễ. Để tăng thêm quyết tâm, cần nhớ điều này: "Con người, ai cũng chết." Ta thuộc lòng, suy ngẫm về nó hàng ngày. Đó là lẽ đương nhiên. Khi nó ngấm vào máu thịt ta, mọi thứ sẽ hóa thành đơn giản, sẽ không có thần chết, không có bất hạnh."

Tốp nhi đồng ăn xong ngủ ngay, không đánh răng, vì chưa có răng. Các lão bà ăn xong đánh bài ngay, không xia răng, răng đâu mà xia? Rõ quá ! Nhưng giữa hai lớp người này có một quãng ngày chẵn ngang. Thời gian đó được gọi bằng nhiều tên, nó sẽ đưa họ đến cùng một đích, cái đích nằm kế sau tuổi già, ai cũng biết, có thể hình dung ra, nhưng ít người muốn nhắc đến, dù đã nằm trong phòng A 12 !

Như Vinh, Hiệp cũng ngồi thường xuyên trên chiếc ghế dài trước cửa phòng A12. Anh là cha bé Lăng, bệnh nhân trẻ duy nhất trong phòng. Anh đã ngồi ở đây ba tháng. Trước đó, anh cũng ngồi như thế tại hai bệnh viện đa khoa gần năm tháng. Khủng khiếp. Bé Lăng mắc căn bệnh ác nghiệt - một loại ung thư máu - đã tới giai đoạn cuối. Hiệp ngồi đó, mắt mở trừng trừng, mặt đờ đẫn. Anh ôm gờ xương, râu tóc như người rừng.

Không ngờ khổ đau có thể giày xéo một người mạnh mẽ tới mức này... Hiệp cho biết, cái tổ ấm của vợ chồng anh đã rách nát. Hơn nửa năm lê lết qua các bệnh viện. Bán hết mọi thứ có thể bán được. Anh mất việc. Nợ nần không nhớ xuê. Vợ anh như con mụ lần thân... Nhưng mọi chuyện chưa dừng ở đây.

Bên cạnh nỗi bất hạnh khổng lồ này, trước mặt anh đã hiện ra một "khả năng," một viễn cảnh mờ mịt: vợ chồng

anh chắc sẽ chia tay nhau, sau khi bé Lãng qua đời.

Hiệp nói:

"Cưới xong, sống chung vài tháng, tôi nhận ra: tôi và Thanh không hợp tính. Rõ khi, làm việc chung mấy năm; tìm hiểu khá lâu hai đứa lại chẳng nhìn thấy những nhược điểm của nhau, phải đợi khi ở cùng một nhà mới biết! Từ quan niệm sống đến các sở thích vụn vặt chúng tôi đều nghĩ khác. Cãi cọ, xích mích luôn luôn, có thể nói "ba ngày choảng một trận nhỏ, bảy ngày nổ một trận lớn". Chúng tôi đứng đầu lung lại, đâm đâm nhìn về hai hướng. Nếu không sửa đổi sẽ mệt to... Chỉ có một thứ răn chắc trong nhà là bé Lãng. Bé như sợi dây dài ràng buộc chúng tôi. Nay sợi dây ấy... Cách đây mấy hôm, cha Thanh nói thẳng: cuộc hôn nhân này đã chôn sống con gái ông, nó như đại dịch tràn vào tàn phá gia đình ông."

Chưa hiểu chết là gì, Lãng có thể bình thản nhìn cái hố sâu trước mặt. Bé cũng không biết nói câu: con người ai cũng chết, để tự trấn an.

Bà Điều có cách nhìn riêng về chuyện sống chết. Bà nói, lâu nay bà ngại, ít dám nghĩ và nói đến cái chết. Khi vào đây, tiếp cận với môi trường đặc biệt này, nhìn thấy "nó" nhiều lần, bà đâm ra dạn dĩ, và "ngộ". Bà chế giễu mình:

"Tôi thương cha mẹ, nhưng khi hai vị qua đời tôi không dám tới gần quan tài... Mặt mũi cái chết ra sao mà ta sợ?"

Ông Điều to cao rắn rỏi, 64 năm qua chẳng hề đụng đến thuốc thang. Ông thường đùa: "Ai cũng như tôi chắc các bác sĩ chết khô... nhưng người ta nói, dạng này dễ ngã bệnh là đi ngay !" Ông chưa đi, nhưng bệnh mới non hai tháng trông ông khác hẳn, và câu ông đùa dường như sắp ứng nghiệm !

"Ông ấy còn đấy, nhưng tôi sợ ông chết. Sợ lắm! Nay, nói thực, tôi muốn đổi chỗ cho ông... Sáu mươi là trọn đời. ăn rồi ngủ, ngủ xong lại ăn. Vậy, sống thêm mười năm hay

thác ngay lúc này khác gì nhau? ... Lỡ mai này, ông Điều nằm xuống... Tháng trước tôi về thăm nhà bốn hôm. Nhiều đêm, không ngủ được, tôi nằm nhìn mấy con gián bò trên tường, lắng nghe gió thổi ào ào sau hè... Xưa nay dường như mình quên lũ gián vẫn có mặt trong nhà... Ra sân rửa mặt, nhìn lên bầu trời đen hun hút, tôi nghĩ được những điều từ trước đến giờ chưa hề nghĩ tới. Trời đất, gió, trăng sao, cao rộng mông lung, bao trùm lấy mình, vừa vuốt ve vừa đe dọa... Nếu đứng lâu thêm, sẽ nghe lũ đế com gáy rì rì sau vườn, tiếng gõ khô đánh của ngư dân xua cá từ hướng biển vọng lại. Hóa ra, đời sống không chỉ là cây cày, học hành, mua bán, cưới hỏi, ca hát... bên cạnh đó còn có cúng vái, vận mạng, bất trắc, ước mơ, sinh sản..."

Hơn sáu tỉ người đang sống trên trái đất này, bao nhiêu người có hoàn cảnh như bà? Chắc cũng có nhiều người nghĩ về sự sống và cái chết rất kỹ và sâu?

"Vốn yếu đuối, nên tôi muốn được chết trước, để ông Điều nhà tôi gánh vác giùm cái việc chôn cất nặng nề... ông ấy dữ tợn, như con gấu, nhưng tốt bụng, rất thương yêu vợ con, mấy mươi năm qua đã giành làm tất cả những việc nặng nhọc cho tôi... Mọi người rồi ai cũng chết, tất nhiên, nhưng lắm người không muốn nhớ điều đó... Mấy tháng ở đây tôi thấy và hiểu được nhiều điểm đơn giản mà sâu sắc, hay ho."

Anh Hiệp nói, như nhà hiền triết: .

"Xã hội loài người mỗi ngày một tiến lên, khác đi, đẹp hơn, nhưng trọng lượng và áp lực của cái chết đối với chúng ta vẫn không thay đổi ? "

Buổi sáng âm u, trời mưa nhỏ, dai dẳng. Chị Thanh - vợ Hiệp - thay anh, ngồi trên chiếc ghế dài. Chị ốm yếu, xanh mét, mang kính cận. Trông dáng chị hiền lành, không giống người đàn bà anh Hiệp mô tả: khó tính, hay gây gổ, cứ ba ngày lao vào choảng anh một trận nhỏ... Một bà

mập mạp tới ngồi cạnh chị, hỏi thăm bệnh tình bé Lãng. Chị Thanh lắc đầu. Chị nói, vẫn vậy, giống như tuần trước, tháng trước. Thằng bé mỗi ngày một yếu thêm. Tồn gần sáu trăm triệu. Thay máu nhiều lần. Hình như nay nó không còn là nó nữa. Máu của những người lạ, của ai đó giúp bé sống, nhưng làm nó thay đổi tính nết? Bé cáu gắt, hung hăng, hay la hét. Một lần nó mắng mẹ: 'Đồ quỷ !', Chị Thanh khóc sụt sùi: "Đây đâu phải là Lãng của mẹ!" Bác sĩ bảo, căn bệnh chó chết hành hạ bé, khiến nó như thế, không phải do máu lạ. Ông bà nội, ngoại vái van sung môm, đội bánh đội chuối đến cầu cúng mồn các sân chùa.

"Nói chị nghe, chúng tôi không hợp nhau, mà vẫn lấy nhau. Chẳng hiểu tại sao! Đâu có ai bắt ép. Tự nguyện, như tự đưa đầu vào thòng lọng. Chắc do số mình đen, nó xui khiến thế!"

Thanh tâm sự.

Bà mập nuôi mẹ chồng, ở phòng A19. Bà kể, mẹ chồng bà là một cụ ngoài 70, như cọp, rất sợ chết. Cụ than thở con cái bất hiếu, chưa nuôi mẹ đúng mực, chỉ đưa cụ đến các bệnh viện rẻ tiền với những thầy thuốc lơ mơ, mới ra lò ! Ai tới thăm, phải biết ý, đừng mở miệng nói tiếng "chết", nên khen cụ đã có vẻ khỏe, tướng tốt hơn hôm nọ hôm kia.

"Chán phèo! Em biết không, con người sống chết, giàu nghèo có số cả!" Bà mập thở dài. "Chừng ấy tuổi vẫn chả hiểu gì, khổ thân ! Cứ ăn, uống cho lăm vào rồi có kêu cũng muộn ! Thế này nhé, 80% dân ta sống ở thôn quê, nhưng gần 70% số người nằm trong các bệnh viện là dân kẻ chợ. Thống kê mới đây. Chẳng phải dân quê không có tiền vào nằm viện đâu! Cái chính, dân phố hít nhiều bụi bặm, nghe tiếng ồn quá độ và tọng vào bụng nhiều thực phẩm có hại, như bột ngọt, đường hóa học, hàng chục hóa chất trong các loại nước ngọt, rượu, và thức ăn đóng hộp,

cùng dư lượng phân vô cơ thuốc trừ sâu trong rau quả."

Chị Thanh nói:

"Từ lâu các nhà khoa học đã khuyến cáo nên dùng đường vàng, hạn chế ăn đường trắng, nhưng mấy ai nghe... Hơn ba ngàn năm trước, một nhà thông thái Hy Lạp đã nói về việc ăn nhiều: một phần ba số ăn vào để nuôi sống mình, còn hai phần ba là nuôi các thầy thuốc"

"Quá hay ! Thế đấy, người dân bây giờ đẹp, giàu, giỏi lắm nhưng tối ngày chỉ lo chải soi quần áo, tóc tai, rồi chúi mũi vào màn ảnh nhỏ với mấy chuyện tình yêu ướt át. Phần đông lười đọc cứ đem so số dân với số sách báo in ra là biết !... Chuyện ăn còn dài. Như ăn trứng, thịt thế nào cho đúng. Như ta thường nghe ti-vi nói về rau củ. Lâu lâu lại có người la om lên, rau bẩn rau sạch! Thế nào là rau sạch? Chỉ các vị nông dân, các mẹ trồng, buôn rau mới biết rau nào sạch? Đọc báo sẽ biết được nhiều chuyện... Chị phì nhiêu không phải do cái miệng vận động nhiều. Chị ăn bình thường, hơi ít nữa là khác, vẫn tăng cân. Chị ý thức (bà vỗ trán) sức khỏe trên hết? Không cần nguyện suông, chị muốn nắm chắc sinh mạng mình một cách sáng suốt, khoa học... Nên biết, các báo ghi, số tử cả nước nằm ở khoảng sáu phần ngàn. Nhưng vùng quê chị, một xã nghèo, con số đó dưới ba phần ngàn. Bà con ở đây thế nào? Tiềm tiềm, đủ ăn thôi, chẳng có mấy người dư tiền để xài sang, tắm bồ cái dạ dày. Thế là, rõ rồi, khánh ăn sống lâu!... ăn ít, vừa phải, vẫn không táo bón, không suy dinh dưỡng, bởi cơ thể của ta co giãn, nó tự điều chỉnh, tự thích ứng, tốt như máy Nhật vậy?" Bà cười khả khả.

oOo

Đến 12 giờ trưa, trời vẫn mưa, nặng hạt hơn lúc sáng. Các mái nhà của dãy phố bên kia đường trắng mờ như bị một lớp sương bản bao phủ... Loan - cô gái trẻ - tới ngồi giữa bà Điều và Vinh. Loan nuôi cha, mới vào một tuần. Bà

Điều nói với cô gái những chuyện bà đã nói nhiều lần: bệnh ông Điều nặng. Bà ngồi đây đã mấy tháng. Trước, bà rất nhất, sợ chết. Nay, bà sẵn sàng chết thay chồng. ông Điều hơi cục cằn, nhưng tốt. Mấy chục năm qua bà không phải làm gì đồ mồ hôi, ông ấy giành làm tất. Ông trời vô tình, muốn hại con người hiếm có như vậy. Nói đại, nếu ông mất đi, bà sẽ sống chuối ngày còn lại thế nào? Thời gian ở đây đã biến trí óc hơi hột, trẻ con của bà trở nên chín chắn, già dặn...

Loan ngáp dài, than:

"Mưa mãi... Bước vào cổng bệnh viện là nghe đủ thứ chuyện rầu rĩ... Mình buồn, trời lại mưa, càng buồn thêm!...Loài người, nếu không ăn vẫn sống, và về già không chết, cùng bay hết lên trời, thì sao?"

Một cô y tá ra nói, ông Điều hấp hối. Bà Điều và chị Thanh chạy vào phòng. Mưa lớn, dưới đường xe chạy phải bật đèn.

Mưa xối mạnh, đè mấy ngọn cây xà cừ trước cổng nghiêng ngả... Vinh và Loạn ngồi nhìn mưa.

"Mưa có từ bao giờ? Chắc trời tạo ra nó để tô điểm cho những chuyện buồn? " Loạn gục gặc đầu, tán thưởng câu nói của mình. "Xem truyền hình, nếu để ý anh sẽ thấy, khi người thân chết, thiên hạ khóc thương giống hệt nhau. Iran giống Ấn Độ, Tây Ban Nha - Palestine giống Nga, Israel. Nét mặt của họ bị phết lớp keo tang tóc, biến dạng... Nếu lúc chào đời con người không khóc, mà cười, thì sao?"

NGUYỄN MINH

NGƯỜI HẬU VỆ

Trong đội banh của ba tôi, thời ấy, còn mấy người cầu thủ nữa đã để lại cho tôi biết bao điều muốn nói. Đó là anh Chín, người hậu vệ, giữ chắc nịch phòng thủ, chặn banh, anh lại có những cú đá móc ngược và chính xác. Ít có đối thủ nào lừa banh qua khỏi anh. Anh đã giúp anh Ty rất nhiều, để người thủ môn có đủ thì giờ và bình tĩnh đón nhận trái banh suýt vào từ đội bạn. Họ như một cặp bài trùng. Ngoài đời hai anh ấy cũng rất thân nhau, hợp ý. Nhưng cách ăn mặc thì khác nhau xa. Anh Ty luôn luôn mặc quần tây áo sơ mi. Còn anh Chín trên người chỉ là một bộ bà ba màu xám tro, choàng qua cổ là chiếc khăn carô xanh. Anh Ty nói giọng Quảng. Còn anh Chín đặc sệt giọng nam bộ, vì anh đến từ miền lục tỉnh sông nước xa xôi.

Đó là khoảng năm 1946, đoàn cải lương tôi không biết tên, từ trong Nam, ở đâu như Cần Thơ thì phải, đến diễn ở rạp hát duy nhất, mới cất cạnh nhà tôi. Anh Chín là một kép phụ, chẳng ai thèm để ý, một tên lính hầu hạ nhà vua, một tên thái giám hầu hạ công chúa. Một người ăn mày rách rưới. Một tên quan bần tiện. Tất cả các vai phụ đó anh Chín chỉ xuất hiện trên sân khấu chỉ trong khoảng khắc. Ngoài ra anh quanh quẩn sau hậu trường làm bảo vệ an ninh cho đoàn. Thỉnh thoảng anh dạo quanh ngoài rạp xem ai có chum đầu vào những lỗ thông hơi mà xem cộp, anh dọa nạt, đuổi đi. Còn những đứa trẻ con như tôi, anh quất tay ra dấu theo anh vào cửa chỉ dành riêng cho đoàn hát, anh tìm một chỗ trống cho xem thoải mái.

Ban ngày, anh cùng vài thanh niên dắt nhau lên con đê, tuột dốc, lội bì bõm con nước cạn xệch, cùng nhau đá banh trên bãi cát rộng bao la. Chúng tôi, lũ trẻ con rủ nhau đứng trên con đê reo hò vỗ tay khi anh Chín đá móc hậu trái banh. Cái chân đưa lên, trái banh bay ngược lại phía sau, và anh suýt ngã theo. Về nhà, tôi bắt chước, té đau, khóc ròng. Ba tôi hỏi học ở đâu? Tôi nói: Đoàn hát. Và, buổi chiều hôm ấy tôi dẫn ba tôi lên con đê mà nhìn anh Chín biểu diễn cú đá hậu đó. Không hiểu ba tôi làm cách nào mà đem anh Chín, tách khỏi đoàn hát, về sống trong nhà chúng tôi. Từ đó, anh thành một cầu thủ, một hậu vệ tuyệt vời của đội banh.

Anh Chín rất thương yêu chị em chúng tôi. Tôi thường quần quít bên anh. Những buổi tối trời đen như mực, lấp lánh hàng ngàn ngôi sao, ngồi trước thềm nhà, anh Chín thường hát vài câu vọng cổ, nghe sao mà não nề. Sau đó, anh kể cho tôi nghe về quê hương anh, khác hẳn những nơi tôi đã đi qua. Nơi đó, chỉ có những sông nước bao la, nước chảy xiết, đục ngầu, cuốn trôi những đám lục bình to như những chiếc thuyền. Đồng ruộng bao la bát ngát, cò bay thẳng cánh. Những bãi chim rừng để lại hàng trăm quả trứng trên mặt đất phủ đầy lớp lá vàng khô. Những con cá sấu trong vùng đầm lầy nằm phơi mình, ngay đơ, như những khúc gỗ mục. Anh Chín đã đưa tôi đến một chân trời xa lạ. Mãi đến mấy chục năm sau tôi mới bước chân đến quê hương anh. Con sông còn đó, vẫn chảy xiết. Đám lục bình vẫn bị cuốn trôi. Ban đêm dọc theo bờ những lũy tre dày đặc, hàng ngàn đóm sáng, lấp lánh như những ngôi sao, gắn lên cành cây, làm tôi ngạc nhiên và một chút rợn người. Sao anh Chín không kể hoặc quên kể cho tôi chi tiết này, về những con đom đóm, nhiều vô số không biết từ đâu tụ tập về đó. Bãi chim rừng không còn. Bầy sấu mất đi cùng bãi lầy. Làng xóm, vườn tược chỉ chít những con lạch nhỏ, phương tiện giao thông chỉ là những con thuyền nhỏ. Anh Chín nói ngày đầu tiên, lúc anh 6

tuổi, lên phố thấy người ta đi xe đạp, hai bánh, chạy bon bon trên đường anh phục lẫn. Cũng như tôi, lúc về gia, sợ sệt, lo âu, chông chênh, lắc lư, trên con thuyền nhỏ, lúc cập bến, tấp vào bãi, bước lên bờ, vụng về suýt té.

Còn thân thể anh như thế nào, tôi chưa bao giờ nghe anh nói đến. Mà ngày đó, tôi mới chưa đầy mười tuổi, tôi không quan tâm đến đó. Tên thật của anh, chúng tôi cũng không hỏi, chỉ biết gọi là anh Chín. Chắc anh là người con thứ 9 trong gia đình. Có lẽ chỉ có chị Chi mới biết tên thật của anh Chín, nhưng giờ này chị đã lưu lạc trên đất người. Chuyện tình của hai người cũng lạ lùng lắm. Chuyện xảy ra, hình như vào những ngày đội banh của ba tôi ở lại cái làng quê, vùng ven biển, để dưỡng sức sau lần tranh giải. Chị em tôi cũng được đi theo. Hằng ngày được tắm biển. Anh Chín tập cho tôi bơi, mặc dầu tôi cứ bị uống nước mặn chần và sặc sụa, nước mắt nước mũi tứa ra. Anh bảo làm con trai phải gan lì. Mà anh Chín gan lì thật. Tôi muốn sau này, lớn lên mình cũng gan lì như anh. Nơi chúng tôi ăn ở là một tòa nhà rộng lớn, có vườn cây ăn trái, có bờ tường cao bao quanh. Nhà của ông Hội đồng Ba, ông mang ơn ba tôi đã chữa trị bệnh cho ông. Còn ông hội đồng cũng là một mệnh thường quân của đội banh mặc dầu ông không ham mê nó. Chị Chi là con gái cưng của ông Hội đồng. Chị không đẹp lắm nhưng có duyên nhất là mỗi khi chị cười, hai lúm đồng tiền sâu hiện lên ở hai má hồng hào, trông thật dễ thương. Nước da chị không trắng trẻo như chị Giới. Da ngăm ngăm, trông rắn chắc. Cả một sức sống mãnh liệt ẩn trong đôi mắt của chị. Anh Chín và chị quen nhau từ lúc nào tôi không biết. Chỉ thấy, những buổi chiều, mặt trời sắp lặn xuống lẫn ranh giữa biển cả và trời mây, anh Chín và chị Chi rảo bước trên bãi cát còn ước mềm sau khi cơn sóng vừa rút ra khơi. Không hiểu anh Chín kể chuyện gì làm chị Chi cười nức nẻ, át cả tiếng sóng vỗ rì rào. Tôi đi theo hai người, lèo đèo phía sau. Cho đến khi trời đã sẫm, và tôi lạnh run bởi gió biển thổi

mạnh vào. Tôi gọi tên anh Chín. Bấy giờ họ mới quay lui, dẫn tôi về.

Chị Chi thường lên phố. Tất nhiên là chị ghé lại nhà tôi. Những lần anh Chín bận tập banh ở sân bãi, chị làm bạn với chị Giỏi và chị Miên. Cả ba người cùng trang lứa nên dễ thân nhau. Những lần đội banh đá giao hữu với các đội trong tỉnh, nhất là những đội có những cầu thủ người Tây trắng lẫn Tây đen, hai chị đều có mặt, cổ động cho đội banh. Hai chị cũng vỗ tay, nhảy dựng, hét lên: Dô! Dô! Lẫn vào trong tiếng hò vang dậy của khán giả. Có tiếng ai đó, khi người cầu thủ da trắng, mũi lõ, mắt xanh té lộn nhào vì dành trái banh từ chân anh Chín, hét lên: “Đáng đời thằng Tây”. Hai chị về nhà, kể cho anh Chín, anh Tý những cảnh đầy kịch tính của người xem. Những vui buồn lộ hẳn lên từng nét mặt, nụ cười, tiu nghỉu, tiếc rẻ, lo âu. Những cái dậm chân. Những tiếng vỗ tay vang dội. Đôi khi cũng có tiếng chưởi thề, văng tục. Có lúc vài thanh niên, cổ động viên cả hai đội suýt đánh nhau. Anh Chín hỏi chị Chi: “Khán giả có mấy người đẹp như chị đến xem.” Chị nguyệt anh Chín, nói nhỏ: “Em đâu phải là khán giả. Em là người nhà.” Chị Giỏi chen vào: “Chi là người... của anh Chín.” Chị Chi cầm lấy tay chị Giỏi: “Giỏi là người vợ sắp cưới của anh Tý há.” Rồi hai chị cùng cười, bẽn lèn. Anh Tý và anh Chín đều công nhận sự có mặt của hai chị đã làm tinh thần hai anh hưng phấn, hai anh biểu diễn hết mình những cú đá banh bằng chân trái rất mạnh và đường bay của nó xoáy tròn, những màn lừa banh qua đối thủ làm họ ngẩn ngơ, Những màn bay người lên chụp trái banh lắc léo ở góc trên của khung thành, nằm gọn trong hai bàn tay, rồi đưa vào lòng mình. Anh Tý bảo: “Lúc đó anh tưởng như ôm chị Giỏi vào lòng.” Chị Giỏi dẩy nẩy: “Cái ông này.” Anh Tý quay qua hỏi anh Chín: “Còn mày thì sao”. Anh Chín trả lời nhưng không nhìn anh Tý mà đưa mắt hướng về chị Chi: “Anh bảo vệ Chi đó chứ.” Chị Chi chưa hiểu gì cả anh Tý đã cười: “Té ra, nó

cứ nghĩ người thủ môn là người yêu của mình, nên nó quyết tâm bảo vệ khung thành." Hình như ba tôi nhận ra những trận đá banh có chị Giỏi và chị Chi đi theo trận đó đều mang về vinh quang cho đội banh, chỉ thắng chứ không thua. Mỗi lần chuẩn bị dự giải toàn quốc hoặc đá giao hữu ở các tỉnh lân cận, ba tôi đều đi với chị Giỏi hay chị Miên đến nhà ông Hội đồng xin phép cho chị Chi theo. Rốt cuộc ba tôi làm mai cho hai anh chị ấy. Ông hội đồng hỏi ba tôi về thân thế của anh Chín khi ba tôi gợi ý xin ông cho anh Chín cưới chị Chi. Ba tôi hơi bỡ ngỡ, sau đó lấy lại bình tĩnh: "Thằng Chín mồ côi cha mẹ, chẳng có ai thân thích, tôi xem nó như con của mình. Tôi nhận nó làm con nuôi." Ông hội đồng gật đầu: "Tôi cũng nhận ra là con Chi có thương ai đó trong đám cầu thủ đá banh của anh, té ra cậu Chín. Như vậy tôi có thằng rể Nam bộ."

Ngày cưới của anh Chín và chị Chi diễn ra trong không khí âm cúng và trang trọng. Người dân trong thị xã xầm xì: "Kể ra ông bầu Đào cũng lạ, nhà mới có con gái lớn, có con trai lớn chưa ai có vợ có chồng, lại làm đám cưới cho người ngoài, rước về ở trong nhà, không kiên cử. Bộ ông ta muốn các con mình ở giá chắc." Mẹ tôi nói lại với ba tôi. Ông chỉ cười và giải thích: "Mình có cưới vợ rước dâu cho người dung dâu. Thằng Chín là con nuôi của mình mà." Bấy giờ mẹ tôi mới yên tâm. mấy anh cầu thủ khác, cùng ở trong nhà chúng tôi đều phân bì, đồng loạt nói đùa: "Chú Đào phải nhận tội con làm con nuôi hết nghe." Ông không nói ra chứ thật tình ông xem họ như con của mình.

Nhà chúng tôi không rộng lắm, anh chị Chín phải ở một góc nhà sau, có bức màn che chắn. Ban đầu chị còn e ngại trước những cái nhìn tinh nghịch của các anh cầu thủ về phía chị, cũng như lời bông đùa của họ về anh Chín: "Vừa vừa thôi, còn giữ sức để đá banh nữa nghe cha nội." Riết rồi, chị cũng quen, và chị trả lời thay cho anh Chín: "Các

ông khỏi lo, anh Chín dư sức mà." Hằng ngày anh Chín vẫn theo các bạn tập dợt ngoài sân cỏ. Còn chị Chi phụ với chị Giỏi lo việc bếp núc. Ban đêm chị dành một ít thời giờ dạy tôi học thêm, nhất là tập viết. Chữ chị Chi rất đẹp và bay bướm. Thỉnh thoảng anh Chín dắt chị Chi về thăm ông hội đồng một hai hôm. Ông hội đồng gợi ý hai vợ chồng anh dọn về đó ở cho rộng rãi, có phòng ốc, giường tủ, bàn ghế sang trọng, hằng ngày anh Chín đạp xe lên phố đến nhà tôi, nhưng anh chị thối thác, nhất là chị Chi. Chị bảo với cha: "Lấy chồng thì phải theo chồng, về làm dâu ông Đào, thoải mái, hơn nữa trong không khí ấm cúng và vui như tết của các anh em cầu thủ, cha đừng lo chi cho mệt."

Vào khoảng năm 1948, phong trào thể thao trong tỉnh nói riêng và trong nước nói chung đang phát triển, nhất là môn đá banh. Những công sở có người Tây như lục lộ, nhà đèn đều có đội banh, công chức người Việt ở huyện, thị xã cũng thành lập đội banh, hưởng ứng phong trào thể thao do Vua Bảo Đại khởi xướng. Sân vận động được xây cất, có khán đài, có bờ tường bao bọc chung quanh. Và hàng tuần đều có những trận đá banh giao hữu giữa các đội trong tỉnh, thỉnh thoảng các đội tỉnh bạn về tham dự. Hầu hết đội banh của ba tôi được giải vô địch. Những mạnh thường quân của đội là những thương gia giàu có trong tỉnh, họ ủng hộ cho đội banh, nên đời sống của anh em cầu thủ đỡ vất vả hơn. Anh Chín được hưởng thêm một phần cho chị Chi. Những lúc về thăm nhà, chị Chi đều xin thêm tiền cha mình, để sắm sửa, bồi đắp cho tổ ấm của anh chị. Lúc này, chị nhờ anh Tý ra tiệm may lớn nhất thị xã may một lúc vài bộ quần tay áo sơ mi bằng vải ngoại đắt tiền. Chị Chi phải năn nỉ anh Chín bỏ lối ăn mặc ở miệt vườn quê anh, lúc nào cũng bộ đồ bà ba như đàn bà con gái vậy, nhất là đi chơi với vợ trẻ đẹp anh phải ăn diện chút ít, hay như các anh trong đội bóng, quần tây áo sơ mi, đóng thùng, cài nịt. Cả đội banh cũng bàn vô anh Chín

mới nghe. Lúc đầu anh khó chịu, ngượng ngập, sau dần anh nói gương ba tôi, ăn mặc chỉnh tề, tóc tai chải mượt. Anh chị Chín, tôi thấy ít khi họ to tiếng, giận hờn. Vì mới lộ ra có cái gì khác lạ giữa anh chị là chúng tôi đã can thiệp rồi. Các anh trong đội ban hành bao giờ cũng đứng về phía chị Chi. Còn chị Giỏi, chị Miên bên vực anh Chín. Tất cả đều giải thích, an ủi, để anh chị Chín xóa tan những bóng đen chập chờn trong lòng mỗi người. Những lúc ấy, bao giờ tôi cũng được anh chị dắt đi ăn kem ở một quán cóc, ngoài phố, sát bờ tường chùa Ong. Ba mẹ tôi đều hài lòng về anh chị Chín. "Thấy tụi nó hạnh phúc, mình cũng vui lây. Có vợ, thằng Chín yên tâm hơn, đá banh vững chắc hơn, cú đá móc tuyệt vời hơn." Ba tôi đặc ý về họ. Mẹ tôi thương chị Chín như con gái ruột: "Con bé hiền lành, con nhà giàu mà không đồng đánh, một mực chịu đựng, thương yêu, sống thủy chung với cái thằng cục mịch, nhà quê chày." Mẹ tôi thường nói với ba tôi như thế. Mẹ tôi còn giao cho chị Chi trông nom, giao thiệp với bạn hàng buôn bán với mẹ tôi. Đôi khi bà dẫn theo chị Chi vào Sài Gòn bày cho chị kinh doanh. Hai người như mẹ con, ngồi lắc lư trên chuyến tàu lửa suốt cả ngày đêm mới vào được ga Sài Gòn. Những lúc ấy chị Chi thường tâm sự với mẹ tôi. mong có một ngày nào đó anh Chín dắt chị về thăm quê chồng.

Cái mơ ước được đi cùng anh Chín trên chiếc ghe chồng chành xuôi những con lạch nhỏ hai bên là lau sậy rồi luông lách vào những khu vườn đầy cây trái. Giản dị như thế, nhưng chẳng bao giờ có được. Bởi vì, tai ương bỗng dưng chụp xuống đầu họ.

Đầu đuôi câu chuyện do một kẻ thứ ba chen vào. Mặc dầu biết chị Chi đã có chồng, hằng ngày ông ta đều trông thấy cảnh hai vợ chồng họ âu yếm nhau, càng làm anh ta say mê chị Chi hơn nữa. Anh ta mới dọn về ở ngay trước nhà nhà tôi, bên kia đường, con đường nhỏ hẹp, đến nỗi hai người đứng trên lề đưa tay ra có thể bắt tay nhau. Các

anh cầu thủ đá banh của ba tôi, nhất là anh Tý biểu lộ thái độ khinh ghét anh ta ra mặt: "*Đồ mật thám.*" Anh ta tên Kiện, dân miệt ngoài mới đổi đến, làm Phòng Nhì cho Tây. Chị Chi biu môi, chê bai: "Biết người ta có chồng rành rành trước mặt mà còn theo chọc ghẹo." Rồi chị kể cho mọi người nghe những lời đường mật hắn đã rót vào tai chị khi hắn chặn đường chị gần gốc cây cạnh nhà lúc xâm tọt, vắng người. Anh Tý đòi chặn đường đánh cho hắn một trận, nhưng anh Chín chỉ cười mà nói: "Có mắt mát gì, những lời tán tỉnh. Đùa một chút cho vui."

Đầu phải một chút như anh Chín nói, mà suốt cả cuộc đời. Cả nước mất, đắng cay, tủi nhục, cả anh chị đều phải trả giá.

Một buổi chiều, như thường lệ các anh cầu thủ tập dợt ngoài sân bãi, vừa ra sân chưa đầy nửa tiếng đồng hồ, mọi người đều hốt hải chạy về báo tin với ba mẹ tôi hay là anh Chín đã bị bắt. Bọn Tây cùng vài tên mật thám cầm súng đến vây bắt anh Chín mặc dù các anh phản đối. Họ bảo có lệnh, rồi áp vào còng tay anh Chín dẫn lên chiếc xe bịt bùng chở đi. Chị Chi từ nhà bếp chạy lên. Nghe tin, chị sùng sốt. Anh Tý nói nghe thằng Tây kêu anh Chín là Việt Minh. Mọi người đều nghĩ có lẽ họ nhầm người. Đến tối, ba tôi sang nhà anh Kiện hỏi thăm, về nhà ba tôi thở ra: "Đúng người, không nhầm. Nhưng ai cũng ngạc nhiên, tò ý không tin. Trong trí óc non nớt của tôi lúc bấy giờ chưa hình dung được Việt Minh là cái gì, Việt Minh là ai? Trong thị xã bé nhỏ này mọi tin tức đều được truyền đi nhanh chóng, sáng hôm sau mọi người sầm si về anh Chín."

Khu tạm giam của Phòng Nhì nằm cách dãy nhà tôi không xa mấy, thỉnh thoảng, nhất là ban đêm từ đó vọng ra những tiếng thét kinh hoàng của tù nhân đang chịu những màn tra tấn dã man. Những đêm, sau khi anh Chín bị bắt, tôi cứ giật mình, mỗi khi có tiếng thét đó vang lên, không biết có phải của anh Chín không. Tôi kể lại cho chị

Chi và chị ấy hằng đêm vẫn lắng nghe như tôi. Chị còn hình dung cái mặt anh sưng húp. Cả thân thể anh Chín bầm mình, những lằn roi làm rướm máu làn da sạm đen. Chị Chi khóc lóc, lẩm bẩm: "Làm sao anh Chín chịu nổi."

Một vài lần chị Chi được đến thăm anh Chín nhờ sự giúp đỡ sốt sắn của anh Kiên. Về nhà tôi chỉ thấy chị thờ ra. Thái độ chị đối với anh Kiên cũng khác hơn. Chị không lẫn tránh, mà tôi thường thấy chị qua nhà anh ấy, mọi người đều nghĩ chỉ có anh Kiên là giúp được một phần nào. Nhưng anh Chín đã bị đưa đến nhà lao của Tỉnh đã vài tháng rồi mà chẳng thấy động tĩnh gì.

Lúc bấy giờ trong gia đình tôi xảy ra những chuyện buồn khác. Chị Giỏi đã chết sau cơn bệnh thương hàn. Anh Tỵ bỏ đi biệt xứ. Còn chuyện làm tôi đau lòng và mang trong lòng một nỗi oán hận: chị Chi bỏ nhà theo anh Kiên ra tận Huế. Các anh cầu thủ cũng lác đầu. Mẹ tôi ngỡ ngẩn, bà cứ chặc lưỡi: "Sao lại thế được."

Câu hỏi này anh Chín cũng lẩm bẩm trong miệng khi biết chuyện này lúc anh được ra tù trở về nhà tôi. Mọi người mừng cho anh đã được tự do, nhưng lại buồn cho anh đã mất vợ. Ba tôi an ủi anh bằng cách phán một câu: "Bỏ đi Chín, kể gì kẻ bạt tình. Cũng may cho mày là chưa có con." Thái độ của anh Chín từ từ vui vẻ trở lại, sức khỏe của anh cũng được phục hồi, nhưng anh không còn đá móc trái banh ra đằng sau được nữa. Trái banh vừa tới anh đưa chân đón nhận và ngã người để đá ngược, anh té xuống đất, còn trái banh thì đã trượt ra ngoài. Anh tập dợt lại nhưng không thành. Điều này làm anh Chín buồn, các anh cầu thủ khác buồn. Ba tôi, ông bầu, lại buồn hơn. Rồi một hôm, anh Chín cũng bỏ gia đình tôi ra đi không một lời từ biệt.

Vài năm sau, đội banh ba tôi không còn, nhà tôi vắng hoe, ba tôi ở tù và bị trục xuất ra khỏi tỉnh, buộc về lại Huế, Anh Thành, anh Thương theo Việt Minh lên chiến khu, anh Chín lù lù trở về thăm. Nhìn nhà tôi tan hoang,

nét mặt mặt anh càng thảm hại. Mẹ tôi hỏi thăm anh bấy lâu nay sống ra sao. Anh trả lời qua loa, nhưng mẹ tôi nhận ra anh phải lao đao lắm. Bà gợi ý anh về đây, bà sẽ tìm việc buôn bán, gây dựng sự nghiệp. Anh thờ ơ, nhìn ra ngoài trời, nói băng quơ: “Con về thăm, xem hai bác có khỏe không. Sáng mai con phải đi sớm.”

Tôi hôm đó tôi quanh quẩn bên anh. Nằm lắc lư trên chiếc võng đong đưa ở ngoài sân sau nhà, dưới bóng đêm dày đặc anh Chín cất tiếng hát mấy câu vọng cổ: “Trời ơi! Bời sa cơ giữa chiến trường thọt tiễn, nên Võ Đông Sơ đành chia tay vĩnh viễn Bạch Thu Hà”. Tôi nghe buồn não ruột. Tôi cứ tưởng anh đang đóng vai Võ Đông Sơ từ chiến trường trở về tìm lại người vợ trẻ là Bạch Thu Hà sống trong cảnh đợi chờ nhớ mong chờ chồng. Võ Đông Sơ đã trở về. Còn Bạch Thu Hà đâu rồi hả chị Chi? Không biết ở phương trời nào đó chị có nhớ lại người chồng cũ. Còn anh Chín cứ hỏi tôi mãi: “Em có gặp chị Chi không? Chị ấy sống thế nào? Có hạnh phúc không bên người chồng mới? Họ đã có con chưa?” Tôi chỉ trả lời một câu làm anh Chín đau lòng: “Có gặp em cũng không nhìn mặt con người bội bạc đó.”

Mà thật vậy, cũng có vài lần tôi gặp chị Chi rất tình cờ ở Nha Trang khi chị tìm đến thăm anh chị Miên. Nhìn thái độ thờ ơ đôi khi còn khinh bỉ nữa của tôi, chị nói: “Chị biết em giận và khinh bỉ chị. Sau này em sẽ hiểu. Còn bây giờ em cho chị hay anh Chín sống như thế nào. Anh ấy đã có vợ con gì chưa? Làm gì? Hạnh phúc không.” Tôi nhìn thẳng vào mắt chị như để thăm dò trước câu nói dối của tôi: “Anh Chín chết rồi.” Chị như người mất hồn, ngơ ngẩn nhìn tôi, sững sờ, mặt chị biến sắc, tái xanh như tàu lá. Chị ôm lấy tôi. Nước mắt chị rơi trên vai tôi bấy giờ tôi mới hả dạ. Bấy giờ tôi mới cho chị hay là tôi thỉnh thoảng có gặp anh Chín. Sức khỏe anh tốt. Vẫn còn ở vậy. Làm gì để sống thì tôi không rõ.

Tôi thành nhíp câu cho anh chị hỏi thăm nhau. Những

câu hỏi của anh chị đều làm tôi ngạc nhiên, khó trả lời. Chị Chi thì hỏi: “Anh Chín biết chị phụ bạc sao anh không chịu lập gia đình với người khác.” Còn anh Chín hỏi: “Sao lâu rồi mà chị Chi chưa có con.” Đôi khi tôi bức tức thốt lên: “Thì hai người gặp lại nhau mà hỏi.” Vô tình tôi chạm đến vết thương lòng của họ. Cả anh chị đều im lặng.

Sau này, lớn lên tôi cũng xa thị trấn nhỏ này, xa ngôi nhà thân yêu đó, tôi không nghĩ đến chuyện của hai người nữa. Tôi không còn gặp anh Chín. Tôi nghe mẹ tôi bảo anh ấy đã về Nam, quê cũ. Riêng chị Chi tôi gặp lại lần cuối cùng trước khi chị cùng chồng di tản ra nước ngoài vào năm 1975. Trước khi chia tay nhau, chị mới thổ lộ tâm sự thâm kín bấy lâu nay. Điều này lúc đầu làm tôi ngạc nhiên, và sau đó những gì đã làm tôi khinh bỉ chị tan biến đi, cuối cùng tôi cảm động đến rơi nước mắt. Tôi nắm chặt tay chị nói lời xin lỗi.

Chi cho tôi biết. Thuở ấy anh Kiện yêu chị đến mù quáng. Anh đã tìm mọi cách chiếm đoạt chị bất kể giá nào. Anh đã tố cáo anh Chín hoạt động cho Việt Minh. Chị phải chấp nhận điều kiện theo anh Kiện để anh Chín được ra tù, khỏi đày đi Côn đảo. Đòi chị có xá gì so với cái lý tưởng mà anh Chín ấp ủ. Chị tiết lộ những bí mật về anh Chín mà bấy lâu nay mọi người trong gia đình tôi, kể cả ba tôi đều mờ tịt. Năm 1945 anh Chín là một trong những người cầm đầu Bình Xuyên đánh Tây, vào rừng Sát lập chiến khu, sau sát nhập vào bộ đội Việt Minh. Bấy giờ tôi mới nhớ lại ngày còn thơ ấu anh Chín hay kể cho tôi nghe về rừng Sát, về những chiến công lừng lẫy tấn công đồn giặc Tây của những người thanh niên mặc bộ bà ba nâu... Anh đã đưa tôi vào thế giới của Lương Sơn Bạt. Hèn gì lớn lên tôi thích nhất bộ truyện Thủy Hử.

Chị nhờ tôi nhắn lại với anh Chín, nếu tôi gặp lại anh ấy cho chị gửi lời thăm. Chị còn dặn tôi nếu anh Chín có hỏi về chị thì em nói chị sống hạnh phúc bên người chồng mới. Anh Kiện đã thay đổi hẳn từ ngày lấy chị. Thật vậy,

từ ngày anh Kiện đổi về làm ở Huế, quê anh, ở sở ai cũng bảo anh hiền lành, giúp đỡ những tù nhân. Tôi có gặp lại anh tại nhà chị Miên, bao nhiêu ác cảm ngày xưa của tôi đối với anh đều tiêu tan. Làm sao tôi có thể hình dung trước đó anh là một tên mật thám ác ôn, hỏi cung tù nhân bằng những trận đòn tra tấn dã man. Quê tôi lúc đó có ba tên mật thám ác ôn như anh, cuối đời đều gặp phải cảnh cơ hàn, mọi người đều xa lánh, khinh bỉ. Anh Kiện nói với tôi Chính chị Chi đã làm anh tỉnh ngộ. Anh biết không bao giờ có thể xóa tan hình bóng anh Chín trong lòng chị. Anh phải chấp nhận và cố làm việc thiện để chuộc lại lỗi lầm, cố vương mình để ngang tầm với anh Chín.

Trước mặt chị Chi tôi cố giấu đi những xúc động vừa chột đến. Tôi gật đầu đồng ý. Buồn cho chị. Buồn cho tôi. Vì anh Chín đã chết lâu rồi. Anh chết vì một viên đạn bắn lên từ sau lưng khi anh trở lại khu rừng Sát.

Tiếc thay đến lúc anh Chín gục ngã, vĩnh biệt cõi đời này vẫn không biết gì đến sự hy sinh của chị Chi, vợ mình. Còn những kẻ phản bội đồng đội anh cũng chỉ kịp nhận ra trong tích tắc trước khi gục chết trên bờ một con kênh trong khu rừng Sát.

Trần Huyền Ân

MÙA MĂNG LĂNG LỘT VỎ

Ông Chín Hem chết vào một hôm đầu mùa mưa. Thật ra không biết rõ ông chết ban ngày hay ban đêm, khi người ta phát giác thì thi thể ông đã khô cứng tự lúc nào, và bởi chỉ có da bọc xương, không một mẫu thịt nên không hề bị ươn sinh hôi thối.

Ông Chín Hem thấp nhỏ, loắt choắt, vóc dáng như mới lên mười, tóc lưa thưa mấy sợi hoe hoe như râu bắp, đôi mắt kèm nhèm nhấp nháy liên tục, hai bên mép và dưới cằm mấy sợi râu cong queo. Ông thường mặc bộ bà ba màu đà nhuộm bằng vỏ cây múi dẻ, bịt chiếc khăn cũng màu đà, đi dép da trâu. Mồ côi cha mẹ hồi còn nhỏ, không có vợ, cũng không nghe ông nói đến một người bà con thân thích. Ông làm cái việc giữ đình làng đã lâu lắm, không ai nhớ rõ từ lúc nào. Người lớn thường bảo rằng ông chẳng được tích sự gì, quét lui quét tới trong thềm ngoài sân vẫn còn đầy rác, lau qua lau lại mặt bàn mặt ghế vẫn còn đầy bụi, nấu nước thì hơi khói, bỏ trà không dạo dợt thì đậm đen, bình chén kỳ cọ cả buổi vẫn nguyên vết ố bẩn, biết bao nhiêu lần họ dọa không cho ông làm từ đình nữa, nhưng rồi không có người thay thế, thành ra hết năm này tới năm khác ông cứ là từ đình để nghe các vị chức sắc la rầy là chẳng nên tích sự gì.

Chỉ có bọn trẻ con là thích ông Chín Hem, bởi ông có tài kể chuyện. Con nít ở làng Đá không một đứa nào không mê những chuyện kể của ông. Những đứa ở

xóm Lầm càng thân hơn. Với người lớn thì cũng có năm ba người biết ông có tài hái lá thuốc nam và lễ giác. Chỉ năm ba người ấy thôi, khi đau đầu, đau lưng người ta đến nhờ cậy. Ông Chín Hem tìm cái chai bể nơi góc gào, đập lấy một miếng mè nhon, cắt lẻ ở lưng ở trán người bệnh, đốt một mẩu giấy con con cho vào chiếc ly nhỏ, úp lên chỗ vừa lẻ, hơi nóng hút ra một tí máu bầm đen, rồi ông ra bờ rào hái mấy lá cây vò nát bảo đem về pha nước uống, hoặc hái cho một nồi lá thơm để nấu xông. Căn cứ vào lời khen của năm ba người ấy thì ông Chín Hem quả là thầy thuốc nam giỏi, cắt lẻ, uống xông xông bệnh tật biến mất, mạnh khỏe trở lại ngay. Nhưng không ai tôn ông là “thầy” cả, những lúc cần sự giúp đỡ của ông họ cũng chỉ gọi xách mé thẳng tên Chín Hem.

Mà Hem đâu phải là tên ông, chẳng qua gọi vui thành quen, nên không cần thiết kiêng kị! Dầu sao bọn trẻ con còn có chút lòng kính lão nên luôn luôn gọi ông là ông Chín. Mỗi đêm sáng trăng ông Chín Hem đóng kín cửa đình xong, ra ngồi trước thềm, một bên có ve củ tỏi rượu trắng. Ve củ tỏi này thuộc loại đồ xưa, đã mất nút đây, ông Chín Hem dùng mẩu lá chuối khô quấn lại thay thế, bảo rằng lá chuối khô không làm lạt chất rượu, những khoảng trống không làm hương rượu bay đi. Lá chuối khô ngoài vườn thiếu gì, vậy mà cái nút chai lúc nào cũng xác xơ. Còn ly uống rượu chính là cái ly nhỏ ông Chín Hem đã dùng làm bầu giác. Không biết ông Chín Hem rửa sạch đến mức nào và ông có còn nghe chút hơi hướm hôi tanh gì phảng phất?

Ông Chín Hem có giọng nói trầm trầm, thích hợp với không khí trong lành và khung cảnh vắng vẻ những đêm trăng thôn quê. Có những lúc bốn bề im lặng, có những lúc chỉ nghe mơ hồ tiếng gió trên ngọn cây cao, tiếng vài trái mận nơi góc rào rụng lộp bộp, tiếng dế ri ri nơi chân rào và thỉnh thoảng tiếng con tắc kè vang lên ở đâu đó. Lũ trẻ con hoàn toàn bị ông Chín Hem chinh phục,

dầu mỡ, lắng tai theo dõi từng chi tiết những câu chuyện tiên phật thánh thần, cả chuyện vui, chuyện cợt, trần trụi sáo nước. Không ít lần ông Chín Hem đứng dậy chỉ tay giảng giải:

-Đất nước ông bà mình nơi đây chính là xứ sở kẻ cận cỗi tiên. Mấy cháu hãy ngó quanh ngó quất khắp bốn phương tám hướng coi, có thấy ngọn núi ngọn đồi nào đâu! Không có, bởi vì mình đang ở chỗ cao hơn hết, gần tới trời rồi, không chỗ nào cao hơn chỗ mình, phải chỉ có chỗ nào cao hơn thì mình đã thấy đồi núi nhấp nhô. Ngồi đây mình chỉ thấy mây, những buổi trưa mùa hè nóng quá, bầu trời nở ra, mây trắng mây xanh bay tận trên cao, những buổi chiều mùa đông mưa dầm gió bắc, bầu trời nặng nề sa xuống thấp, mây đen mây xám la đà trên mặt thổ mặt ruộng. Hồi mới khai thiên lập địa phía trong công tiên có chiếc thang dài bắc lên trời, dân tứ xứ tựu lại đây theo chiếc thang ấy lên họp chợ tiên. Chợ tiên gần lắm mà cũng xa lắm, không phải ai muốn đến đó cũng đến được, phải có đầy đủ căn duyên. Căn là cái gốc rễ trong lòng ta, muốn gặp tiên ít nhất phải có một chút căn tiên, duyên là sự may mắn, là điều kiện thuận tiện riêng tư tùy hoàn cảnh của mỗi người. Ai có căn duyên thì cây rừng mở lối, chim muông dẫn đường đưa đón. Ai không có căn duyên thì không thể nào vào được cỗi tiên, dù cỗi tiên và cỗi tục xen lẫn bên nhau, mà bởi gai ngấn lá phủ, nên mắt ta nhìn không ra, chân ta bước không tới.

Lũ trẻ con thuật lại lời ông Chín Hem cho cha mẹ cô bác, đều nhận được lời bình phẩm, tuy cách nói có khác đôi chút vẫn chung một ý:

-Tụi bay ở đó mà nghe lời Chín Hem, con người đầu đuôi cao chưa được năm tấc mà nói toàn chuyện thánh thần, còn muốn lên trời họp chợ tiên.

Vẫn lời ông Chín Hem:

-Công tiên nào phải xa cách gì. Đi hết Trường Dã, qua trảng Măng Lăng là tới nơi. Mấy cháu thấy không, những

đêm trăng sáng thế này hình dáng cây lá trùng chập với nhau in rõ trên nền trời. Một bên là ông voi gio cao cái vòi dài, một bên là ông cọp đang đập đuôi sắp nhảy tới. Một ông của Lý Thiết Quày, một ông của Trương Quả Lão. Hai ông canh gác cổng tiên, ai muốn qua phải được cả hai ông cho phép. Nhưng mà ban ngày thì cây cối rời rạc, thưa thớt, cách xa, không ngó thấy được ông voi ông cọp nên không biết cổng tiên chỗ nào. Phải đợi mùa măng lãng lột vỏ. Lúc này trên thân cây những măng vỏ màu xám đậm bong lên rồi rơi xuống, để lộ lớp da cây non bên trong màu xanh lục. Khi phần xanh lục này già dần, thì phần còn lại hóa ra màu xám đậm bong lên, tiếp tục thay đổi. Muốn tìm đường đến cổng tiên người ta phải để ý trông chừng ngay lúc rừng măng lãng lột lớp vỏ lứa đầu. Tìm trong những măng vỏ xanh ấy hình dáng hoặc là con gà gáy, con chó chạy, con chim đang đậu, con bướm đang bay, có khi là hình mũi mác, lưỡi cày... Đi theo hướng đỉnh nhọn của hình dáng sẽ gặp hình dáng tiếp theo, cứ như thế, có thể là phải vòng đi vòng lại mất cả buổi, cả ngày, cuối cùng ta đến được cổng tiên. Cây rừng mở lối, chim muông dẫn đường là như vậy.

Đó là tóm tắt nhắc lại lời ông Chín Hem, chứ lúc ông kể thì thật dài dòng, ý tưởng rời rạc, từ ngữ lộn xộn, câu này chưa hết đã chấp câu kia, người nghe phải tự sắp xếp lại để hiểu. Chốc chốc ông ngừng nói, thở dài có vẻ mệt mỏi, phải nhấp một tí rượu. Mỗi đêm ông chỉ uống đúng một ly con, đến giọt cuối cùng ông ngửa cổ lên dốc cho cạn hết, nhưng không bao giờ rót thêm, đẩy cái nút lá chuối khô xuống sâu hơn một chút, úp ly lên miệng ve, đem cất. Ông không xác quyết là đã tìm thấy cổng tiên, đã vào cõi tiên, dạo chơi trong chợ tiên, nhưng ông cũng không thú nhận là chưa đến các nơi ấy. Ông nói hàng hai, lượn lờ, miêu tả cảnh tiên rất đẹp, mà cũng rất chung chung, như là nước hồ nước suối trong vắt, cây cối xanh tươi, hoa trăm sắc nở, bướm trăm màu bay, người tiên xinh đẹp, những tiên nữ

nhảy múa trên bãi cỏ non, những tiên đồng dâng quả đào thơm chúc thọ tiên ông... có vẻ như ông đã quen thuộc lắm.

Lũ trẻ con về thuật cho cha mẹ cô bác, họ lại cười bảo:

-Lão Chín Hem không có việc gì làm đi đổi gạo đám nhỏ. Chuyện ấy dân làng Đá ai ai cũng đã nghe. Ông cao kể cho ông cố, ông cố kể cho ông nội, ông nội kể lại... bao nhiêu đời nay truyền khẩu y hệt, có thêm có bớt tùy người đó nhiều hay ít duyên nói, nhưng không có chi tiết nào chính xác. Mùa màng lặt vặt, cả rừng cả trảng cây nào cũng loang lổ vằn vện hai màu xanh và mốc, tìm đâu cho ra hình dáng chim muông chỉ hướng. Đêm đêm vẫn nhìn thấy bóng ông voi ông cạp đây, nhưng cây xa bụi gần, nhiều chỗ nhập lại mới ra như thế, đâu phải một tàn cây, một khối đá tạo thành được...

Ông Chín Hem qua đời vào đầu mùa mưa. Mấy tháng không có đêm trăng sáng, không làm cho lũ trẻ con thấy thiếu vắng ông. Đến tuần trăng tháng giêng chúng mới hiểu được sự có mặt của ông Chín Hem trên cõi đời thật là cần thiết, vai trò của ông với chúng thật là quan trọng. Chúng tụ tập tại sân đình, nhớ lại từng cử chỉ của ông Chín Hem lúc sinh thời, đôi mắt hấp háy, cái miệng móm lại khi uống rượu, cái cười dễ dãi cho qua khi bị chúng hỏi gặng, thèm muốn được nghe những câu chuyện gần như đã thuộc lòng nhưng lần nào cũng cảm thấy mới lạ, sau đó kéo nhau khắp làng, từ xóm Lầm lên xóm Giữa qua xóm Vườn. Những đêm trăng tháng hai cũng trông trải như thế. Làng xóm như rộng thêm, đêm như dài thêm, chờ mãi không thấy khuya, mặt trăng cứ lơ lửng như lảng tránh, không chịu lên đỉnh đầu, ánh sáng cứ lẩn quất động lại nơi những tàu lá chuối chuyền màu thành mốc bạc.

Tuần trăng tháng ba ở buôn Suối Ôi có đám xây cột đâm trâu. Tiếng cồng chiêng theo ngọn gió đêm vượt qua đồi lũng bay đến làng Đá nghe rõ mồn một. Càng về khuya tiếng cồng chiêng càng thánh thót. Lũ trẻ con làng Đá

cũng thấy lòng mình rộn lên, tưởng tượng ra ở đó cả dân buôn nắm tay nhau vòng quanh múa điệu vót rong. Một đứa nói rằng tiếng cồng chiêng ấy không phải chỉ có mấy âm thanh “ôn ên ôn ên” như nhiều người bảo, nghe ra thật rõ là “mồng mười tháng ba, mồng ba tháng mười”. Lũ trẻ con thức khuya này ra một ý tưởng cùng nhau làm cái trống lỗ. Chúng đào một hố tròn, đường kính độ bốn tấc, sâu độ năm tấc, trên mặt lỗ đặt miếng thiếc. Cũng may, có đứa tìm được miếng thiếc do thùng gánh nước hư hỏng bỏ ra, đặt lên thật vừa vặn, một đứa tìm được sợi dây thép dài hai sải tay. Một cây cọc cao khoảng bốn tấc dựng đứng trên miếng thiếc, hai bên miệng lỗ cách độ sải tay đóng mỗi bên một chiếc cọc, hai đầu dây thép buộc vào đó, căng thật thẳng qua đầu chiếc cọc trên miệng lỗ. Dùng hai que tre bằng chiếc đũa bếp đánh lên sợi dây thép tạo ra âm thanh với nhiều cung bậc. Chính cái đứa diễn giải tiếng cồng chiêng là đứa có đôi tai và đôi tay của người nhạc sĩ dân gian đồng quê đã gõ lên dây trống tạo ra tiếng vang y hệt tiếng cồng chiêng. Lũ trẻ con vui mừng không xiết, tiếng trống lỗ của chúng cũng êm đềm nhịp nhàng “mồng mười tháng ba, mồng ba tháng mười” đã hòa hợp cùng nhạc điệu cồng chiêng từ buôn Suối Ôi vượt qua làn gió núi bay đến làng Đá.

Đám xây cột này lớn quá, suốt ba ngày đêm. Đêm thứ hai lũ trẻ con làng Đá thức khuya hơn, và đêm thứ ba định thức tới gà gáy. Tất cả chúng như quá say đến độ mê đi trong không khí huyền hoặc bỗng bèn. Khi mặt trăng gần đứng ở đỉnh đầu một đứa chọt reo lên và chỉ cho cả bọn. Thật rõ ràng và thật gần gũi hình bóng ông voi và ông cọp gác công tiên in rõ trên nền trời. Như có một ma lực cuốn hút, chúng bỏ chiếc trống lỗ cho sân đình, bỏ âm thanh cồng chiêng cho gió trời, kéo nhau đi, không định hướng, không chủ ý, nhưng đứa này tự nhiên nổi bước đứa kia băng qua Trông Dầm đến Trảng Măng Lãng.

Cả trăng sáng rực dưới trăng. Ánh trăng bàng bạc dàn trải.

Những chòm đé thấp, những vạt cỏ nhỏ dưới gốc cây sương thấm ướt đầm. Hương rừng nhẹ và trong khiến lũ trẻ con như ngất ngây, chân bước cao bước thấp. Măng lằng lằng lột vỏ. Hai màu xanh lợt và xám mốc trên thân cây ban đêm không nhìn thấy rõ ràng lắm nhưng chúng nhận biết được. Phần da cây tươi xanh láng và mịn hơn, phần da cây khô mốc sù sì bong lên cong queo. Với cái nhìn bằng đầu óc tưởng tượng phong phú chúng thấy đây là con chim, kia là mũi mác, rồi con chó, lưỡi cày, chiếc ná, con dao... chúng lần theo những mũi nhọn chỉ hướng mà đi mà tìm. Chúng có cảm tưởng thời gian qua rất chậm, chúng đi như thế lâu lắm, quanh quẩn, vòng vo, chúng không đi bằng bước chân mà cứ trôi dạt, trôi dạt, khác nào chập chờn cùng sóng nước. Ông voi và ông cọp có đó rồi tan biến, rồi lại hiện ra, gần rồi xa, xa rồi gần, như đùa giỡn, thách thức bọn chúng. Đôi khi chúng có cảm tưởng cùng nhau vừa ngủ vừa đi, đi trong giấc ngủ và ngủ lúc bước đi...

Chợt có tiếng thét lớn:

-Đứng lại!

Tiếng thét có một sức mạnh quyền uy khiến cho lũ trẻ con bừng tỉnh. Lập tức chúng nhận ra ngay khắp cả trảng, dưới mỗi gốc cây, nơi mỗi khóm đé... đông đặc những người, đồng thời lập tức chúng biết được điều rất đáng sợ là mỗi người tay giữ chặt một khẩu súng có gắn lưỡi lê bén nhọn.

-Ai sai tội bay đến đây, tội bay đến đây để làm gì?

Đó là câu hỏi đặt ra, cố nhiên không thể tin chuyện nửa đêm chúng theo dấu ông voi ông cọp đi tìm cổng tiên. Chúng được dẫn đến giữ lại nơi lùm cây lớn, có người đứng tuổi cầm súng canh giữ. Người ấy đang nhắc đi nhắc lại một câu hỏi ấy, lũ trẻ cũng nhắc đi nhắc lại cách đã trả lời ấy khiến ông ta cho là giễu cợt, sắp không nén nổi cơn thịnh nộ, thì đột ngột một màn lửa xé rách bầu trời trước khi có tiếng gầm réo vang dậy. Cả trảng Măng Lằng chìm trong khói lửa, chìm trong tiếng bom rơi đạn nổ, từ trên

cao đội xuống và từ mặt đất bắn lên. Một khối lửa to cày sát mặt trăng, một tiếng nổ kinh hoàng, những bóng người nhón nháo tán loạn và tiếp theo không biết bao nhiêu tiếng nổ, lửa bốc ngàn ngút cả rừng Măng Lăng. Vẫn chính cái đứa tìm ra âm thanh “mồng mười tháng ba, mồng ba tháng mười” thảng thốt kêu bạn bè “Chạy ra phía công tiên - Chạy ra phía công tiên”. Nó vừa chạy vừa kêu đến rất cổ và cũng thấy được cả bọn nổi gót té sấp té ngửa trong rừng lửa.

Rạng sáng ngày, tất cả dân xóm Lắm, xóm Giữa, xóm Vườn, dắt diu bồng bế nhau bỏ làng Đá ra đi. Không ai dám ra trăng Măng Lăng để nhìn thấy ở đó rừng cây đã cháy rụi chỉ còn tro than đất đá và những xác người chồng chất bên xác máy bay tung tóe sắt thép. Không ai biết lũ trẻ con đi chơi từ chập tối mất tích lưu lạc nơi nào, nhưng người ta không dám ở lại tìm kiếm, hẹn nhau rằng sẽ trở về tìm kiếm sau, bây giờ phải đi càng xa càng tốt.

Năm tháng trôi qua... Dần dần những lửa măng lăng mới mọc lên được vun bón bởi tro than của cây cỏ và xác người đã lớn thật nhanh, thật tươi tốt. Lại những mùa măng lăng lột vỏ. Trừ một số ít trở thành thị dân, hầu hết bà con làng Đá trở về khi nơi nơi yên ổn. Năm tháng trôi qua...

Ông già đến làng Đá vào buổi chiều, xin nghỉ trọ tại một nhà ở tổ dân cư số 2, ngày trước là xóm Lắm. Tối đó ông đi thăm nhiều người, gặp ai cũng hỏi han tỉ mỉ. Có vẻ ông già biết rất kỹ về làng Đá, những người trang tuổi ông đang sống ở đây trò chuyện xem ra tâm đắc lắm, nhưng họ là dân xóm Vườn, xóm Giữa bảo rằng hồi nhỏ có nghe nói đến ông Chín Hem làm từ đình, giờ không còn nhớ rõ. Lớp thanh niên thì cứ như nghe chuyện cổ tích, họ thấy thật lạ lùng khi ông già kể về hình bóng ông voi ông cạp canh giữ công tiên. Mọi người ngờ ngợ, chắc ông già là dân làng Đá thất lạc trong chiến tranh, nhưng ông già cứ chối đẩy đẩy, không phải, nhất định không phải.

Trở về nhà trọ, ông già thao thức suốt đêm, nằm xuống, ngồi dậy, đứng lên bước ra sân rồi trở vào, cứ như thế đến lúc mới mờ mờ sáng đã thức dậy đi ra hướng Trường Dã, Trảng Măng Lãng. Trường không còn đá dăm cát sạn nữa, đã san bằng, mở rộng. Những cây măng lẵng cao ngó trật ót, những gốc măng lẵng lớn cả người ôm. Măng lẵng đang mùa lột vỏ, một phần vỏ già rơi rớt trên ngọn đế, trên bãi cỏ, một phần đang nổi vòng cong queo, dề lộ bên trong màu lục nhạt. Ông già bước từng bước chậm trong rừng, lân la quanh quẩn theo từng gốc cây, thấy nhiều thật nhiều hình dáng có thể tưởng tượng ra đó là con chim, con sóc, mũi mác, lưỡi cày... để định hướng tìm đến công tiên. Bàn tay ông vuốt ve trên mỗi hình dáng ấy, thiết tha, triu mến. Mãi đến gần trưa ông già mới đến cuối trảng, gặp một lối đi giữa hai tảng đá lớn. Ngờ ngàng một phút, ông già xác quyết, đi vào.

Mặt hồ hình bán nguyệt, khá rộng, nhưng nước khô cạn chỉ còn phần giữa. Năng trưa chiều thẳng xuống làm cho mặt nước chói chang pha trộn ba màu xanh lục, tím nhạt và hồng thắm. Bãi cát mịn, chỉ chít dấu chân các loài chim nhỏ đi ăn đậu chiều hôm qua và sáng nay. Chung quanh vẫn là măng lẵng, cây thấp nhỏ, chen chúc nhau trên đất toàn sỏi đá. Ông già đi dưới bóng măng lẵng, theo quanh bờ hồ. Khi trở lại nơi khởi đầu, toan trở ra, bỗng nhiên ông già thấy nóng ruột nóng gan, mắt như hoa mờ, ngồi xuống định thần rồi đứng dậy không chủ ý mà đi quanh hồ lần thứ hai. Có điều gì xui khiến ông già dừng lại rất lâu trước một hang đá rồi lần mò đi vào. Trong hang mát lạnh, vách đá dày rêu xanh, chỉ có tiếng một khe nước nhỏ chảy róc rách nhẹ nhàng. Hai bàn tay ông già lần mò từng hốc đá, nghĩ rằng sẽ có một cái gì đó. Nhưng tịnh không có gì cả. Đến cuối hang, ông già bỗng nhìn sững rồi lao đến, quỳ xuống. Trước mặt ông già, một xương sọ người nằm trên mặt tảng đá phẳng lớn bằng mặt bàn. Ông già nâng chiếc xương sọ lên bằng cử chỉ biểu lộ trọn vẹn sự trân

trọng, yêu quý, nhìn thẳng vào hốc mắt sâu rồi ôm vào lòng, không hề sợ sệt, trái lại cảm thấy thật gần gũi thân tình. Cảm chiếc xương sọ người ông già lục tìm khắp hang nhưng không thấy gì thêm, ông thông thả quay lại bên bờ hồ.

Mặt trời nằm trên ngọn cây rừng hướng tây chiếu ánh nắng chênh chếch dịu dàng xuống mặt nước, không còn chói chang, không còn màu đỏ và màu tím, chỉ có màu xanh trong suốt. Ông già ngồi bệt xuống mé nước, kỳ cọ rửa sạch bụi đất trên chiếc xương sọ người. Ông nhớ lại cái đêm hãi hùng ấy, bạn ông kêu la thất thanh “Chạy ra phía cổng tiên - Chạy ra phía cổng tiên”, ông cố lao theo bóng các bạn xiêu nghiêng trong rừng lửa nhưng nghe đau buốt một chỗ nào đó và ngã xuống. Cứ như thế dĩ vãng thức dậy, kí ức khơi mở trào dâng và chìm đắm. Ông già cọ rửa thật kỹ khối xương, nghe như chung quanh vắng vắng tiếng trống lỗ hòa nhịp cùng tiếng cồng chiêng vang vọng. Ông già thầm đếm nhịp trong lòng “mồng mười tháng ba mồng ba tháng mười”, chốc chốc giơ chiếc xương sọ người soi lên ánh nắng chiều, rồi lại cọ rửa, cho đến khi màu xương trắng bạch, láng lẩy. Ông già lấy vạt áo lau khô chiếc xương sọ người, bỏ vào túi xách mang bên vai và đứng lên. Hình bóng ông già hiện rõ trong mặt nước hồ, mái tóc bạc phơ, vầng trán ba nếp nhăn dợn sóng, chòm râu cũng bạc phơ. Ông già chợt nghĩ: Vị lão tiên mà ông Chín Hem mô tả ngày xưa cũng như thế này chăng? Tiếc rằng bên cạnh không có các tiên đồng dâng quả đào chúc thọ, trên bãi cỏ không có các tiên nữ nhảy múa. Bất chợt nhìn bầy bướm vàng đông đảo bay lượn trên đám hoa voi voi như cuộn những vòng tang trắng, ông già nghĩ: Hay đó là hình ảnh ước lệ đã được ông Chín Hem, người nghệ sĩ của thôn dã ngày xưa, thăng hoa khi cảm nhận?

(15-6-2007)

THƠ

Du Tử Lê
Nguyễn Nam An
Nguyễn Hữu Thụy
Kiệt Tấn
Thương Tử Tâm
Đỗ thị Minh Giang
Lê văn Trung
Đinh Quý Nhung
Trần Phú Thê



DU TỬ LÊ

NHƯ CON ĐAO TỰ HỦY: LUỖI VÀ, CÁN,

1.

mưa chân mèo_
cào xước mái nhà xám.
linh hồn tôi trắng / đen
ngồi khóc trên mây bậc cấp
(nơi chiếc xe đạp cũ bị tháo rời.
nhiều mảnh.)
khi em không về.

2.

trí nhớ nào được đánh giá
ngang bằng phản bội?
tôi không biết.
hãy hỏi mấy con mèo hoang chết giẫm.

3.

một mình tôi *trở về*,
(khi ký ức nhân loại không còn ngữ, nghĩa
ấy!?!)
ngôi nhà trống.
lũ bát, đĩa đứng dậy đi về phía tôi --
khi những món ăn đã được dọn sẵn trên
một nắp...bàn dã chiến.
chúng nói:
“*mời ông xơi cơm.*”
tôi nói:
“*cảm ơn. tại sao các bạn-tôi không ngồi
xuống.*”

chúng ta cùng ăn
nổi cô quạnh đời mình.!!!
và,
uống,
những ly nước chia, biệt!?!

trước khi dọn dẹp để mỗi chúng ta trở lại
hang ổ điều hiu đĩnh mệnh mình;
tôi sẽ nhắc các bạn
chúng ta cùng cất tiếng hát cảm ơn nàng /
người dạy ta bài học:
mọi phần đời riêng
đều vĩnh cửu
cách của nó.

4.
một mình tôi *trở về*,
(lập lại: khi ký ức nhân loại không còn ngữ,
nghĩa ấy.)
chiếc đàn bị thời gian treo lủng
rớt xuống /
lăn về phía tôi.
dạo một sonate(?)
tôi nói, cảm ơn (dù không hiểu.)

5.
thay vào đó, nếu có thể,
hãy cho tôi tiếng sóng.
(lúc buổi chiều đứng một chân bên ngọn hải
đăng
(mà,) nàng đã mang đi biệt tích.)
chiếc thuyền nằm ụ quá lâu;
bằng quên rằng:
một thời nó cũng từng có cánh buồm để
thờ.

(và, những khoang để nắng / gió trao thân.)

6.

thay vào đó, nếu có thể,
hãy cho tôi núi,
(chỗ tôi gối đầu.)
cho tôi sông,
(chỗ tôi úp mặt.)
khi sa-mạc-nàng đã xâm thực hoàn toàn trái
đất!..!

7.

thay vào đó, nếu có thể,
cho tôi gửi lời thăm,
người đàn ông không bóng dưới cột đèn.
cùng người con gái đứng giữa *nụ cười* và
nước mắt.
(tôi lưỡng tính.)
như định mệnh (lưỡng tính.)
bịt mắt
dẫn độ (tôi) ra pháp-trường-nhân-danh:
đám đông.
đạo đức. xã hội...
những nhân danh đi ra từ mấy túi thịt / da
bầy hầy /
thúi. rửa.
may mắn thay cho nàng
sớm quay lưng - -
như con dao
tự hủy:
lưỡi và, cán.

NGUYỄN NAM AN

hỏi

hỏi lòng ta hỏi một chiều
tiếng em phù phiếm ít nhiều đã tan
đêm về xe ngó hai hàng
đèn em một nẻo lối chàng một phương
hỏi lòng ta hỏi còn thương
mà sao đâm tức giữa đường nhớ nhau./.

July 20, 2008

qua sông

qua sông ta biết một lần
nước lút mặt, bước dính bùn ngại chân
qua sông ta vất tùm lum
ba lô, nón sắt, chìm cùng thánh tư
gần chết, thấy mẹ nhân từ
em độ lượng và sệt sừ đòi anh
qua sông, chìm, thấy mong manh
quê hương, đất nước, bạn bè quanh bị bỏ
rồi./.

NGUYỄN HỮU THỤY

NIỆM KHÚC HOA HỒNG

Thơ có cánh thơ bay
Bỏ lại tình ta không đất đứng
Trời đang mơ treo nỗi buồn chín lửng
Thương một đời cộng lại cũng bằng không

Mong chi ai ru niệm khúc hoa hồng
Nghe trong nắng u hương còn phảng phất
Giữa ngày rằm hiền khô như mắt Phật
Cũng mặn lòng nhỏ giọt rung rung

Cuối một tình yêu chịu nỗi đau chung
Tìm lại tên mình trong màu xanh rất mới
Khí hồn hoa vốn thường vô tội
Trái tim người xin hương khói cho nhau

Thơ sẵn cánh thơ bay
Muốn đuổi theo cũng chỉ còn hoá gió
Thương một đời có ta hụt hẫng
Chuyến dò tình vừa chờ giấc xuân xa

KIỆT TẤN

em áo chim

con chim nhỏ nhỏ
xuống ăn bông cỏ
chim ngược mỏ nhìn

tình em áo đỏ

con chim liều hoàng
đáp xuống vòng lan
chim niềng đầu ngó
nhỏ em áo vàng

con chim xinh xắn
núp mình bóng nắng
chim vỗ xập xòe
nhòe em áo trắng

con chim vành vàng
trốn giữa lùm chanh
chim kêu tha thiết
tiếc em áo xanh

con chim bạch cúc
la đà ngọn trúc
chim bớ tình nương
thương em áo lục

con chim giang đầu
cắn lá sầu đầu
chim run lưỡi đắng
nhấn em áo nâu

con chim nàng hương
đậu cành nhớ thương
chim gọi thôi thúc
giục em áo hường

con chim cánh diêm
liệng chao tìm kiếm
chim buông tiếng sầu

đâu em áo tím

chim vàng cánh đỏ
nhỏ em áo vàng
khoai tím vòng lan
em mang áo tím
lòng anh ngọt lịm
hường tím đậm sâu
anh ôm tình sâu
chìm sâu xanh lục
lao xao lá trúc
anh gọi thôi thúc
chim ơi chim ơi
áo ơi áo ơi
em ơi em ơi

**một ngày nắng trong vườn La Noue*

THƯƠNG TỬ TÂM

MAI BIẾT CÓ VỀ KỊP CHUYỂN MAI

chiều nay gát mái trên bến lạ
cổ hương sương khói cuối sông đầy
cũng muốn cầm chèo hai tay đuổi
mai biết có về kịp chuyển mai

cũng biết còn em nhớ ngày về
sao đành đêm xuống ngó sao khuya
em trong vườn hạnh vai sương lạnh
có trút bình xưa cạn chén thề

em còn vườn cũ căn nhà cũ
quanh ta rừng già nước ngược xuôi
bầu bạn có khi vài giọt lệ
nhớ quá thôi đành khóc cho nguôi

mộng hoài đời nương con rạch nhỏ
quanh co như thể sợ xa vườn
đất trời xuôi khiến hừng chí lớn
lở trắng tay thì chẳng cố hương

em cắt tóc thì hay đã bới
gần mười năm chờ đủ bạc chưa
mai không về kịp thì chuyển một
lòng nào ta phụ hết đời nhau.

Đỗ Thị Minh Giang

SÔNG CHIA BẢY NGÃ*

Thuyền ai vừa tách bến sang sông
Đâu biết nơi nào em sẽ ghé
Đò tôi hủi quạnh chờ thu phong
Cô đơn áo mỏng lòng tê tái .

Ngã Năm, Ngã Bảy cùng triều nước
Tình đồ ngược xuôi cơn gió buông
Tầm tay luyện tiếc vơi thâm ước
Sao em không ghé bến u buồn .

Tôi mãi còn bơi trong giấc mộng

Em đã qua sông sao vẫn chờ
Hắt hiu bóng ngã in hoài vọng
Nhịp đời đưa đẩy mối duyên tơ .

Sông rẽ chia dòng thành Bảy Ngã
Dập dồn sóng nước chuyển đồ đưa
Mình tôi đứng đợi bên bờ cũ
Ngậm ngùi thương cảm bóng về chưa ?

1-08

** Sông Bảy Ngã, Phụng Hiệp, Cần Thơ*

LÊ VĂN TRUNG

NGƯỜI ĐI TÌM CÁI BÓNG CỦA MÌNH

Khi buồn quá anh đi lên đi xuống
Chẳng hết buồn lại đi tới đi lui
Anh lên xuống tới lui hoài cũng mãi
Anh nhìn anh chẳng giống một con người

Anh long ngong lóng ngóng đứng ngồi
Anh ngong nghịu anh khật khùng ca hát
Anh ngồi đếm nước mắt anh từng giọt
Roi âm thầm thấm mặn cả đời anh

Anh vẫn dai khờ đi quẩn đi quanh
Đi ngược đi xuôi đi hoài không tới
Anh ngồi đếm giọt mưa buồn trên áo
Áo của người ngồi đợi bên trăm năm

Cỏ rom anh không ắm chỗ em nằm
Xin lót cả thơ tình anh viết muộn
Xin lót cả linh hồn anh rất mỏng
Như mùa thu rất mỏng ở trong lòng

Như mùa thu anh vội chớm sang đông
Đã căng ứ nỗi buồn anh nặng trĩu

Thôi tung nốt đồng xu chờ may rủi
Sập ngựa đời anh đen trắng cam đành

Anh chạy trăm vòng theo bóng đời anh
Cuộc đuổi bắt cuộc săn tìm vô vọng
Cứ quanh quẩn cứ vào ra lên xuống
Anh miệt mài như một kẻ bán rong

Anh bán tang thương đau ruột xé lòng
Bán chìm nổi một đời thơ lặn dạn
Anh rong ruổi khắp năm cùng tháng tận
Anh kiếm tìm anh trong cát bụi của người

Sợi tóc nào rơi quá đổi ngậm ngùi
Anh bắt chợt nhìn ra mình xa lạ
Đi quanh quẩn ở trong lòng huyết mộ
Mà vụn lặn vọng tưởng một trần gian

Gởi lại cho em địa ngục thiên đàng
Nơi anh biết cỏ rom đời chẳng ắm
Xin đốt hết bài thơ tình viết muộn
Gom chút tro than gởi phút sau cùng

Một tối em về trời vội sang đông
Đâu thấy đáy huyết mờ anh sâu thẳm
Đâu thấy bóng anh chập chờn lên xuống
Vẫn chưa đành bỏ lại chẳng đành quên.

ĐÌNH QUÍ NHƯỠNG

ĐỢI BẠN

Thân tặng Hoài Luân

Uống rượu cùng ai đây
Sương thấm lạnh thân gầy
Ta ngồi mà đợi mãi
Vì bạn hẹn tối nay

Đường xa như trắc trở
Chuyện ấy thường xưa nay
Hay túi tiền vợ bạn
Không được như thường ngày

Lòng vẫn còn ấm ức
Trách bạn sao lại quên
Thương bạn thường không tiền
Nghĩ rưng rưng nước mắt

Rượu còn ta cứ uống
Uống cho hết đêm tàn
Rượu vào ta chuẩn chớang
Dựa trúc ngồi mơ màng

Trăng đã lặn đầu núi
Bạn ở hướng đông nam
Quay lưng ta nâng rượu

Uống chúc bạn bình an

Sân vắng đêm khuya khoắt
Lạnh biết chòng vai ai
Một mình thâm da diết
Hẹn mà sao lại sai

Mười năm dài xa cách
Bây giờ chưa được gặp
Lòng ai không nhớ ai?

TRẦN PHÙ THẾ
Bậu đi

bậu đi biệt dạng hôm nào
ta trông mút mắt như đau từng hồi
nhớ từ giọng nói tiếng cười
nhớ se tóc bạc cột đời hai ta

bậu đi hình như hôm qua
mà sao ta tưởng như là nhiều năm
bậu đi lạnh chiều ta nằm
hình như cái lạnh, lạnh ngấm trong xương

bước qua ngưỡng cửa âm dương
bậu đi mình bậu chẳng vương vấn gì
còn ta ở lại sống lý
một thân một bóng cu ky một mình

bậu ơi sao bậu làm thính
nén nhang cơm lạt bóng hình là đây
phất phơ hồn gió theo mây
mỗi đêm giỡn bóng trăng gây tàn đêm

bậu về ta thấy lòng êm
như trăng thuở nọ bên thềm thanh xuân
như là tiếng hát bậu ngân
xuống câu vọng cổ tình quân phụ phàng

bậu về trăng sáng ngút ngàn
hương thơm phảng phất bàng hoàng hồn ta
ngất ngây ôm chặt trăng, và
tưởng đâu ôm bậu thịt da vẫn nồng

bậu đi hồn có về không
nhấn tin theo gió cho lòng ta yên
dù cho bậu ở cõi trên
hay đang cõi dưới, dưới miền u minh

một mai ta sẽ dọn mình
quyết theo chân bậu lênh đênh cõi nào
dù cho đất thấp trời cao
tử sinh là mới bắt đầu cuộc chơi

ngày mai bậu trở lại đời
và ta trở lại làm người bậu ưng
giọt mừng nước mắt rung rung
hai tay ôm bậu mà rung dậy tình



Khuất Đầu

Những tháng năm cuồng nộ (truyện dài, tiếp theo kỳ trước)

Chương 4

Cái công cuộc phá đình và ăn ở theo nếp sống mới, cho dù đã thành công nhưng cũng chỉ là việc nhỏ. Cái lo lớn nhất là thằng Pháp kia. Nó đã chiếm Hà Nội. Nó cũng đã chiếm lại kinh thành Huế. Rồi nó sẽ chiếm Qui Nhơn tất nhiên là chiếm luôn thành Bình Định. Chừng đó nó ở trong bần ra, tàu bay trên trời bắn xuống thì làm sao mà đánh. Vậy là phải phá thành. Cả tỉnh cùng phá chứ không riêng gì làng An Định. Cái việc đại sự này thì đồ ai mà dám ca cẩm.

Mặc dù trước đây khi đi theo đoàn hát, ông Khử bị kếp chính Tư Kinh cười nhạo hát như bò rống, sai bảo như đũa ơ, nhưng nay với chức chủ tịch Ủy ban, kếp Tư Kinh đành phải nghe lời ông một phép. Kể ra còn có chút tình nghĩa nên ông đã phong cho Tư Kinh cái chức Đại đội trưởng

dân quân to kèn. Với một cái xanh-tuya-rông bằng da bò và một bao súng lục nhưng chưa có súng, kếp Tư Kinh còn có vẻ oách hơn cả Lã Bô hí Điều Thuyền.

Nhận được lệnh hoả tốc đưa dân quân đi phá thành, ông Khứ lệnh lại cho Tư Kinh lập tức động binh. Thế là tất cả trai tráng trong làng trong đó có các anh bạn tôi vừa nghỉ học cưới vợ và các chị chưa chồng được lệnh tập trung trước sân đình. Chế độ phong kiến không còn nên trai gái được dịp gần nhau nói cười rôm rả. Ông Khứ chia làm hai, một nửa theo Tư Kinh đi phá thành, một nửa cùng ông ở lại giữ làng. Đoàn người lên đường trong tiếng hô đã đảo thực dân Pháp và trong nỗi lo mất chồng của các bà vợ trẻ.

Nửa quân số còn lại với dây dừa, gậy tre và dao găm, ông Khứ liền bắt tay vào việc tuần hành làm như thể quân Pháp đang chực sẵn bên kia sông. Cả bọn vác gậy lên vai, chân dẫm lạch bạch miệng hô *một hai, một hai* hùng dũng đi khắp làng, làm cho lũ chó khiếp sợ cúp đuôi trốn biệt.

Đoàn người phá thành lên đường chưa được năm hôm đã nghe có người bị thành sập đè chết. Đó là cậu Phú, con trai của ông bà phó lý chưa kịp đi hỏi vợ đã bị đập nát như một con thằn lằn bị ép vào kẹt cửa. Khi thấy xác con, bà đã ngã ra bất tỉnh.

Đám tang thời Cách mạng nên không có cờ đuôi nheo, không trống kèn, chỉ có đám dân quân cầm gậy đi theo sau như lính lệ ngày xưa áp tải những hòm đựng tiền. Bà phó lý không khóc nhưng giữa đêm khuya bà gào lên ai oán khiến cả làng đau xé ruột.

Những ngày sau nhiều người bỏ về. Cả làng chìm trong hoang mang lo sợ. Người ta xì xào với nhau rằng vì cái tội phá đình nên các thần sẽ vật chết hết người này đến người khác. Ai cũng sợ sắp đến lượt mình. Để giữ vững tinh thần ông Khứ quyết định tổ chức một buổi lễ truy điệu. Bốn tám phen bằng tre quét vôi trắng được dựng lên ở gò đình. Mặt trước vẽ ngôi sao và bốn chữ Tổ Quốc Ghi Công

bằng gạch nghiền nát trộn với hồ. Một vòng hoa kết bằng lá dừa, bông trang đỏ và bông điệp vàng tượng trưng màu cờ tổ quốc được hai nữ dân quân danh dự khiêng đặt dưới chân tháp.

Khi tất cả đều im lặng một cách thành kính, kếp Tư Kinh đồng đạc hô: Phút mặc niệm bắt đầu! Ai cũng cúi đầu xuống nhưng vẫn lén dòm xem trong cái tháp bằng tre kia có con đom đóm nào bay tới không. Nếu có tức là hồn của cậu Phú từ dưới chân thành Bình Định đã theo về. Nhưng chỉ có gió hun hút thổi làm cho mấy cây đuốc cháy bùng lên như reo mừng rồi tắt ngúm. Trong không khí mơ hồ nửa ma nửa quỷ ấy, ông Khứ thét lên như có ai thọc dao vào họng.

- Đả đảo thực dân Pháp!

Lập tức bao nhiêu người cùng nhảy dựng lên: Đả đảo! Đả đảo!

Tiếp theo, vẫn tiếng của ông nhưng nhẹ nhàng hơn.

- Noi gương anh Trần văn Phú!

Nhưng vì không tập trước nên có người hô “noi gương” có người lúng túng hô “văn Phú” và lũ trẻ con tưởng như đùa cùng hòa theo *hú hú* ...

Thế là buổi lễ chấm dứt trong tiếng cười ồn ào và cái chết thâm của con trai bà phó lý chỉ còn có mỗi mình bà là đau buồn cho đến suốt đời.

Từ đó ai có chết thì cũng mặc. Hơi đâu mà làm lễ cho cả trăm cả ngàn. Và lại, phải là người như thế nào mới được truy điệu chứ. Con trai bà phó lý tức là con của đám chức dịch địa chủ phong kiến sao lại đem ra cho cả làng noi gương? Để bắt chước cái thói bóc lột của nó à? Ông Khứ sau đó bị đem lột da phê bình, bị phê phán là thiếu quan điểm lập trường, chưa phân biệt đâu là bạn đâu là thù, chưa biết mình đứng ở chỗ nào của nhân dân... Lẽ ra ông đã bị đá văng ra khỏi Ủy ban, nhưng ông đã từng có công treo cờ và vận chuyển truyền đơn, từng đi theo ông Chánh nhạc tức đi theo Cách mạng nên ông vẫn được tiếp tục

công việc. Vả lại trong làng chẳng có ai hăng say với Cách mạng như ông, chẳng ai dám phá đình, phá thành và còn biết bao nhiêu việc khác nữa phải cần đến ông.

Nhưng đó là, như ông phó Ba nói, cái tội ấy chỉ xì ra sau này chứ lúc đó bất cứ việc gì ông Khứ làm cũng đều được khen là tốt là đúng là người có nhiều sáng kiến... như việc dùng cọc tre thọc đất Pháp thì đến đời con đời cháu cũng không thể nào quên. Ông nói, thằng Pháp từ trên cao nhảy dù xuống, mình ở dưới đất dùng cây nhọn thọc lên không thùng bụng cũng lủng đất. Mà nếu có tránh được thì với cái dù to như cái nhà dấy nhợ lòng thông, mình tới bắt thì chạy đâu cho thoát.

Vậy là trong làng có bao nhiêu bụi tre cứ việc chặt sát gốc. Mỗi cây chẻ làm tư vót nhọn, cứ cách vài mét lại cắm một cọc. Thế là chỉ trong một vài hôm, suốt cả ruộng đồng bờ bãi, hàng vạn cái cọc tre trắng muốt chia thẳng lên trời, như có cả ngàn con nhím đang xù lông chờ giặc. Cọc cắm cả trên mồ mả, trong sân nhà, trên đường làng. Đi đâu cũng đụng phải cọc!

Lần này thì dường như cả tỉnh kéo tới học tập. Và để chứng tỏ sự hiệu nghiệm của những cây cọc, ông Khứ liền tổ chức biểu diễn cảnh bắt giặc. Trước đó ông bảo Tư Kinh sai dân quân cột cả chục dây dừa trên cây xoài, lấy những chiếc mũ của ông tổng Bá làm dù, cho người đeo râu bấp giả làm Tây. Khi cảnh nhảy dù diễn ra, cả bọn liền đeo dây nhảy xuống. Đại đội trưởng Kinh hô xung phong, đám dân làng gồm ông già bà lão cả trẻ con, cùng nhào tới trời nghiêng trong tiếng trống thúc và tiếng reo hò!

Lần này thì sáng kiến của ông được nhiều làng xã bắt chước. Cả một cánh đồng An Định, Kim Lăng, Kim Ngãi chạy thẳng đến tháp Bánh Ít không chỗ nào là không có cọc. Đi giữa đồng như lạc vào một khu rừng lau đang trở bông. Ông Khứ nhìn cánh đồng cọc thích chí cười lớn: Có giặc thì nhảy xuống đi! Có mà lủng đất! Chưa bao giờ ông thấy thắng lợi như lúc này. Ông dường như mê cuồng

những cây cọc. Suốt ngày ông đi tới đi lui, dựng dậy những cây xiên xẹo, vuốt ve nựng nịu còn hơn cả vợ con. Và ông thực sự phần nộ đau xót khi thấy có cây bị nhỏ trộm. Ông tưởng chừng kẻ địch đang nắm tóc trên đầu ông mà nhỏ. Nhưng tóc ông dầu có nhỏ sạch cũng chẳng chết nào, chỉ lo là cái cánh đồng cọc kia không còn nữa thì thử hỏi ông còn gì!

Tin chắc là có kẻ địch đang âm thầm phá hoại, ông lẩn lút suốt đêm đi rình. Ông thề sẽ bắt cho bằng được cái quân phản động, cái bọn Việt gian như rắn rít đang luồn lách trong làng. Nhưng rất tiếc lời thề ấy không trọn vì một con rắn gian ác tiếp tay cho giặc đã cắn vào chân ông. Trong khi nọc độc làm cho cái chân sưng phù lên đau nhức không chịu nổi, ông vẫn không quên ra lệnh cho Tư Kinh bảo dân phải nhốt trâu bò và ra sức canh phòng cẩn mật. Nhưng các anh chị dân quân đâu có nghĩ xa như ông. Tối đến bọn họ đi một vòng cho có lệ rồi kéo nhau ra ngồi trên cầu hát hò tán tỉnh, mặc cho ai muốn lấy trộm cứ lấy. Ở cái xứ toàn là ruộng đồng, củi còn quý hơn cả cơm ăn nước uống nên chẳng đại gì mà người ta không lấy để đun. Bọn trẻ con lại lấy cắp làm kiếm đánh nhau, trâu bò cạ lưng cho đã ngứa... Đến khi ông đi lại được thì cả cánh đồng cọc bị lấy cắp gần hết. Xui hơn nữa, mùa lụt lại đến sớm hơn mọi năm, mà lụt rất to vì từ hạ lưu đến thượng nguồn, bao nhiêu tre ven sông đều bị đốn ngã nên mệnh mông nước lũ cứ tràn về. Cây sống mà chưa đứng nổi hướng hồ là cây chết! Sau trận lụt ông chẳng còn lòng dạ nào mà nghĩ tới chuyện thọc đít thằng Pháp nữa. Các làng xã khác cũng vậy. Cũng may là thằng Pháp nó không nhảy dù.

Bọn phản động lại được dịp mĩa mai chế nhạo. Chúng nó bảo cả cái làng An Định rộng mệnh mông chứ đâu phải cái giường của vợ mà dễ dàng thọc đít đứa nào dám mò vào. Ông khó chịu xấu hổ như một con gà cồ đã bị vật trụi lông, có muốn cất tiếng gáy cũng không gáy nổi.

Đang lúc mắt dần uy quyền thì lệnh hỏa tốc từ trên đưa xuống làm cho ông hồi sinh mạnh mẽ khác thường. *Giết chó! Giết chó!* Quả là cái lệnh nghe mới sướng tai làm sao! Bởi vì thằng Pháp nó đánh ta đủ vánh đủ kiêu. Ta chận ngõ này nó vào ngõ khác. Không thể đan lưới mà che cả bầu trời, không thể dùng cọc mà cắm hết cả núi rừng. Lại càng không thể dùng gậy mà đập nát xe tăng, không thể dùng dây dừa mà trói trong khi chúng có súng ngắn súng dài. Trên bảo phải lui về phòng ngự, lấy ít đánh nhiều lấy yếu đánh mạnh. Phải đánh du kích, phải núp trong hầm, phải trốn trong bụi, phải rình rập từng ngày từng đêm chờ nó sơ hở đánh úp. Vậy mà có đứa cứ nghếch mũi đi tìm, đông một tí là sủa um lên. Đó là lũ chó không khác gì bọn Việt gian phản động. Phải giết sạch chúng đi mới mong thắng được giặc.

Ông Khứ lại hăm hở và yêu Cách mạng hơn, nhưng lần này ông cố nén không để cho cái sự hăng say trào ra miệng thành tiếng thét gào như trước nữa. Sau khi nhận lệnh ông chỉ bàn với Tư Kính và một số dân quân tin cẩn. Đây là một chiến dịch lớn nên cần phải tuyệt đối giữ bí mật.

Tờ mờ sáng hôm sau, cả bọn trang bị gậy tre và thòng lọng lặng lẽ tiến vào những nhà nuôi chó. Lũ chó tuy bất ngờ nhưng vẫn biết đón chào bọn họ theo cách chó tức là cùng héch mồm lên mà sủa. Chỉ cần một con lên tiếng là cả lũ hòa theo. Vì vậy không cần điếm danh cũng thấy đủ mặt cả vàng, vện, mực, đốm, non già, đực cái, tất cả cùng gâu gâu nhặng cả lên. Bọn chó ngu dại cứ tưởng là đạo tặc, không ngờ trước mặt chúng là những kẻ không biết sợ bất cứ kẻ thù nào huống hồ là chó.

Có lẽ linh cảm được cái chết sắp ụp xuống, lũ chó rít lên những tiếng hoảng hốt rồi vùng chạy tán loạn khi nghe một tiếng “ăng” của con chó đực bị thòng lọng siết cổ. Rồi tiếp theo là những tiếng tru thảm thiết, tiếng ư ử cầu cứu chủ, tiếng ăng ặc khi bị trấn nước, tiếng trẻ con khóc vì bị

mắt chó, tiếng đàn bà chửi, cả tiếng van xin năn nỉ gần như lạy lục.

Nhà ông hương mục có một con chó mẹ với bốn con chó con. Bà hương lấy vải bọc bốn con chó nhỏ mới sinh chưa mở mắt ôm ghì trước ngực. Con chó cái ngày thường nổi tiếng rất dữ, nhưng lúc này chỉ biết quấn dưới chân bà mà không rời cái bọc đang ngo ngoáy. Nhưng chỉ loáng một cái là thông lọng đã vòng qua cổ nó. Ông Khứ liền giật mạnh lôi đi làm cho mấy cái vú tía sữa lên nền nhà. Bà hương nói như khóc: thôi tha cho mấy con chó con, nó còn nhỏ quá mà! Một gã nhanh như cắt đưa tay tóm cái bọc miệng cười nham nhở : Sao lại tha? Của đại bỏ đó bà ơi! Rồi gã vác lên vai bước đi nghênh nghênh.

Con chó cái nhà ông hương bộ thì rất ư là dũng cảm. Nó không cần chui vào gầm giường mà cứ đứng nghênh mồm nhe răng ra chờ đợi. Chiếc thông lọng chưa kịp quăng ra nó đã lao tới đón một phát vào đùi thẳng thủ ngữ Đục. Mặc cho hàng chục cây gậy đập vào đầu vào lưng, nó vẫn ngoạm chặt chịu đánh cho đến chết chứ không chịu nhả ra. Phải cắt đầu nó đưa thẳng tọt chó tới nhà thương mới lấy ra được cả hàm răng cắm sâu vào đùi. Cũng may là nó không bị dại, nếu không thì thẳng khôn đó cũng tru lên rồi chết như chó chết.

Ông hương kiểm thì cầm sẵn cây rựa bén ngọt trên tay, đòi chém tuốt những ai dám động đến chó nhà ông. Ngày thường ông lặng lẽ ít nói nhưng lúc này ông gào lên: Ai cho phép giết chó? Ai? Thử đụng vào đây coi nào! Ông vung cái rựa múa một đường như Trương Phi diễu võ giương oai với hai con mắt trợn ngược như muốn lòi ra. Rồi ông ngồi xuống ôm lấy con chó yêu có bộ lông óng mượt, bốn chân cao, bụng thon và cái ngực nở. Đúng là một con chó nòi rất quý, nó thường theo ông đi săn chồn và lần nào cũng mang về ít ra là một con chồn dền. Ông cứ ôm mãi con chó như thể cha ôm con, không một anh dân quân nào dám đến gần kể cả ông Khứ. Mãi cho đến

tối, may có ông Chánh nhạc từ Bồng Sơn vừa về năn nỉ dỗ dành ông mới chịu để cho đem đi. Nhưng ông nói, đem đâu xa chứ đừng có giết nó trước mặt tôi! Rồi ông vào nhà nằm vật lên giường mà khóc.

Chưa bao giờ cả làng no say đến thế. Những con chó dù còi cọc ghê lở lông rụng từng mảng trông gớm ghiếc nhưng khi đem thui vẫn căng phồng thơm mỡ vàng hực. Thôi thì người ta bày ra đủ món! Nào nướng, nào dôi, nào rựa mặn... nhanh nhất là luộc xắt phay chấm nước mắm. Nhiều anh chơi nguyên một cái đầu gối gặm thỏa thích, răng chó và răng anh ta va vào nhau kêu lộp cộp.

Chiến dịch đại sát cầu ấy thành công hơn cả việc chui vào mùng ăn cơm hay lấy cọc đâm thùng dít thẳng Pháp. Không chỉ riêng làng An Định mà diễn ra khắp nơi. An Đông, Yên Thái, Châu Liêm cũng ra quân cùng một ngày. Bao nhiêu con chó đều kéo ra sông trăn nước, rồi cạo lông mổ ruột, nên suốt cả tháng mặt sông vàng mỡ nổi lều bều tanh đến lợm giọng. Cô Sáu tôi phải vào tận đình để lấy nước ăn uống và tắm giặt.

Thế là xong đời lũ chó. Ông Khứ mặc sức đi ngang về tắt. Cái thói ưa rình mò của ông không còn bị lũ chó phá bình nữa. Nhưng hãy còn một con, ông Khứ ạ!

Đó là con Mực của cậu Phú, một con chó ít ra cũng làm về vang cho nòi giống chó vì lòng trung thành. Gần như không lúc nào nó chịu rời xa cậu chủ. Ngay khi cậu theo đoàn quân đi phá thành nó cũng bỏ nhà chạy theo. Suốt ngày nó lẩn quẩn bên cậu. Khi thấy một tảng đá lớn lao xuống, nó liền phóng mình tới cứu cậu nhưng không kịp. Nó cuống quýt cào đất kéo cậu ra, rồi chính nó chạy về nhà tru lên như khóc báo cho bà phó lý biết con bà đã chết. Khi cậu nằm yên trong lòng đất nó ở luôn bên mộ, bà phó lý phải đem cơm lên cho nó ăn.

Khi lũ chó ở xóm Miếu bị giết, bà phó lý đến nhờ cô Sáu tôi tìm cách đưa nó về. Cô tôi chất rơm vào thúng giả cách như đi mót, dụ mãi nó mới chịu nằm trong thúng. Cô tôi

phủ rom lên mình nó đợi đến tối mới dám đưa về. Bà phó lý giấu nó trong buồng riêng âm thầm nuôi nó như trước đây người ta nuôi những người trong hội kín. Con Mực tinh khôn như hiểu được cái vận hạn đen tối của giống nòi nên ngoan ngoãn nằm im. Chỉ đến khuya nó mới theo bà phó ra sau vườn làm cái việc đái ỉa.

Nhưng một đêm, nó bỗng chạy thẳng lên mộ chủ tru lên từng hồi ai oán. Nghe tiếng tru, thằng thủ ngữ Đục biết ngay là con chó của bà phó lý. Mặc dù hãy còn đi cà nhắc nhưng nó vẫn tìm ông Khứ. Hai thầy trò xách cuốc lên ngay mộ. Chỉ một đại cuốc là con chó cuối cùng của làng An Định gục xuống. Bà phó lý đau xót như vừa mất thêm một đứa con. Bà phải đổi một cây cau đẹp nhất trong vườn cho ông Khứ làm trụ cờ ở uỷ ban, mới xin lại được cái đầu của nó để đem chôn cạnh mộ con trai.

Giờ thì ai cũng phải tin là tuyệt hỷ nòi giống chó. Cô Sáu tôi bảo, may mà mây không phải sinh ra vào lúc này, chó đầu còn nữa mà cho mây bú. Xóm làng từ nay không còn tiếng chó sủa trở nên lạnh lẽo. Chỉ còn lũ mèo, một đôi lúc gào lên náo nùng, càng làm cho đêm tối trở nên ma quái rờn rợn như thể là làng đang có dịch.

5.

Sau những bữa thịt chó no say đám dân quân bước vào những ngày học quân sự mới lạ. Họ tập chạy, tập nhảy, tập bỏ rắn mối, tập ném lựu đạn và đánh xáp lá cà.

Một ông từng đi lính Tây được mời ra chỉ dạy những bài tập cơ bản. Ông tên Hồng, run bắn lên khi ông Khứ cho người gọi lên Ủy ban. Vợ con ông đều khóc tưởng ông sắp phải đi tù vì đã từng đi lính cho Pháp. Nhưng ông Khứ cười bảo chẳng tù tội gì đâu, Cách mạng chỉ nhờ ông giúp cho một tay. Cả đám dân quân nào đã ai biết tập tành là gì. Chỉ có mỗi một việc đứng nghiêm mà cũng không biết đứng ra làm sao. Không khéo Tây nó cười cho! Ông Hồng mừng như được sống lại. Không ngại nắng mưa, ông dạy cho đám dân quân biết sắp hàng, biết nghiêm nghị, biết đằng trước bước đằng sau quay. Cực nhất là tập bò rấn mồi. Nhiều anh cứ ngóc đầu hoặc chống hông lên. Ông cầm một cái roi quất nhẹ lên hông bảo với họ là đạn nó không nương nhẹ như thế này đâu.

Ít lâu sau huyện đội cử xuống hai người. Họ bảo mỗi anh phải đeo một cây súng gỗ và lấy đất sét nắn thành lựu đạn. Họ chỉ cách cầm súng, cách ngắm đầu ruồi. Khi trúng đích họ hô bắn thì cứ việc kêu một tiếng “đoàng”. Ném lựu đạn thì khó hơn vì phải dùng răng cắn chốt, phải giữ kíp cho thật chặt và khi ném xong phải nhớ nằm xuống sát đất và cũng kêu một tiếng “đùng”.

Bắn mãi bằng mồi cũng chán nên ai cũng mong đợi cái ngày tập đánh xáp lá cà. Nhưng đâu phải đánh lung tung như đánh lộn hay đánh ghen. Phải tập tành bài bản. Và người đứng ra tập các thể võ tự vệ lại là một người đàn bà. Có chuyện lạ như thế vì bà ta có võ con nhà nòi.

Bà là vợ ông biện Ngũ, không đẹp cũng không xấu, một người đàn bà lam lũ như bao nhiêu người đàn bà khác trong làng. Nếu cái buổi chiều hôm ấy ông biện Ngũ không ý mình là chồng, không hạnh học chuyện cơm nước, không lên giọng mắng chửi và nhất là không bùng cả cái mâm cơm đập lên đầu bà thì đồ ai biết được bà giỏi võ. Lúc thấy người chồng hùng hổ bùng cái mâm lên, bà chỉ nghiêng người một chút là tránh được. Một tay bà đỡ cái mâm, một tay nắm áo xách anh chồng lên như xách tai

một con mèo và không một chút thương tiếc, bà ném ông ta đang trợn mắt vì kinh ngạc rơi tõm xuống cái giềng gần đó. Bà mẹ chồng một mặt réo ba hôn chín vía anh con trai, một mặt kêu trời để làng nước tới cứu. Từ đó chẳng còn ai nghe tiếng quát tháo ở nhà ông biện Ngũ nữa.

Ông phó Ba đã diễn đi diễn lại cái trò ấy đến cả chục lần bằng cách méo miệng trợn mắt, bằng tiếng kêu eo éo như nhái trong miệng rần và lần nào cũng làm cho mọi người cười đến nỗi không sao đứng lên được.

Bấy giờ người ta mới biết được bà là dân An Vinh, đúng như câu “Trai An Thái, gái An Vinh” cực kỳ giỏi võ. Người ta bảo ở làng ấy, những người con gái trước khi đi lấy chồng đều được cha hay anh bí mật dạy cho những ngón gia truyền. Chỉ một vài chiêu đơn giản thôi nhưng có thể tránh được cơn hung bạo của chồng, có khi là mẹ chồng và cả đám em chồng nữa.

Lúc đầu bà nhất định không chịu. Bà bảo một vài miếng để phòng thân là bí mật của dòng họ không được phép dạy cho ai kể cả chồng con. Nhưng ông Khử bảo dạy cho Cách mạng mà, dạy họ đánh Pháp giành độc lập chứ có đánh giết ai đâu. Rồi cô Thánh thay mặt Hội Phụ nữ đứng ra mời, chồng con hãnh diện nói vào, sau cùng bà bằng lòng nhưng nói trước : Học võ là phải nghiêm, ai đùa giỡn là bị phạt đó. Cả đám dân quân vui vẻ hô “nghiêm” và bà bắt đầu dạy họ cách đứng tấn, cách né đòn và phản đòn. Bà dạy họ đến cả tháng. Có lẽ không ở đâu dân quân được học võ một cách bài bản và nghiêm túc như ở làng An Định.

Đến lúc khóa huấn luyện bế mạc. Ông Khử và đại đội trưởng Kinh tổ chức một buổi diễn tập. Lại có những anh to lớn già làm Tây đen mình bôi đầy lọ nghệ, những anh du kích mặt trét bùn, mình cắm đầy lá nguyệt trang. Lại có cả nữ cứu thương và ngộ nhất là có hai con trâu đực to béo già làm xe tăng, trên lưng có hai đứa đứng cầm ống tre già làm đại bác.

Đám giặc từ ngã ba Trung Lương vượt sông tiến vào làng An Định (coi như từ biển đổ bộ lên). Lũ Tây đen xì xô xô xà, chúng nó lia súng máy tạch tạch bằng cách gõ mõ tre. Hai xe tăng đi đùng đình mồm không ngớt nhai rom phèo bột trắng. Đám du kích vượt qua lằn đạn bằng cách bò rần mồi. Có tiếng ông Khứ quát: Hạ thấp xuống đi, đạn nó bắn lũng đít bây giờ! Nhiều tiếng cười nổi lên. Ông Khứ lại bảo: Sao không xung phong? Còn chờ gì nữa!

Thế là hàng trăm tiếng hô xung phong! Xung phong! Du kích lao lên với súng gỗ miệng hét đùng đùng. Lựu đạn bằng đất ném tới tấp. Lũ Tây đen cũng không vừa, chúng lao tới và hai bên liền thực tập bài đánh xấp lá cà. Bao nhiêu miếng võ gia truyền của bà biện Ngũ đều được đem ra sử dụng. Họ đánh nhau cứ như thật, hăng máu đến nỗi ông Khứ mấy lần phát cờ bảo thôi nhưng chẳng bên nào chịu dừng. Cả hai con trâu giả làm xe tăng cũng bất ngờ quay ra húc nhau, hắt văng hai đũa cầm ống tre xuống đất, thiếu chút nữa là bị nó đạp cho lòi ruột. Đến lúc này mọi người bỏ chạy tán loạn. Hai con trâu mất đồ ngầu miệng sùi bọt cứ đứng ghim sừng vào nhau. Chủ trâu là phó tuần Nghinh đến trước mặt ông Khứ gào lên: Đánh giặc kiểu gì mà ngu dốt vậy? nó mà chết là tui bắt đền. Ông Khứ ê mặt chẳng biết nói sao. Bỗng dung một con chịu thua bỏ chạy. Con kia nghênh cổ lên đắc thắng. Buổi diễn tập chấm dứt bằng cách cả ta và địch cùng chạy ùa xuống sông tắm.

Buổi chiều hôm ấy trên cái tháp thông tin dựng bằng bốn cây cau, ông Tư alô lại chỗ miệng vào cái loa thiếc gào lên cho cả làng cùng biết: Buổi diễn tập thành công! Hoan hô các chiến sĩ dân quân anh dũng làng An Định!

Như thế đấy, công cuộc chuẩn bị kháng chiến chống Pháp đã sẵn sàng nhưng thằng Pháp vẫn chưa tới hay nói một cách tự hào là nó không dám tới. Nó chỉ thập thò ở đèo Eo Gió hay biển Đề Gi mà ở đó bộ đội ta với đúng thật và đạn thật đang chờ sẵn.

Nói tới bộ đội là ai cũng nghĩ họ dũng cảm mưu trí. Các

cô gái thì tin chắc họ đẹp trai học giỏi, vì nghe đâu lúc toàn quốc kháng chiến nổ ra, họ liền bỏ học kéo nhau đi cả lớp. Chắc chắn là họ dễ thương hơn các anh dân quân vừa học xong lớp bình dân học vụ, chỉ được cái tài trét bùn lên nón trắng hay vạch tóc ra để xem cái kẹp có bọc chì hay không (để tránh máy bay). Vì vậy khi phát động phong trào *hũ gạo nuôi quân* là ai cũng rộn ràng hăng hái. Cô Thanh nói, nào có khó khăn gì đâu mà cũng chẳng tốn kém gì mấy! Mỗi bữa chỉ bớt đi một nắm gạo cho vào hũ, tức là ăn đói một chút để bộ đội được no hơn. Có ăn no mới đánh được giặc chứ! Nghe xót xa dễ thương quá! Cứ như mẹ nhường cơm cho con chị nhường cơm cho em. Những ngày đầu nhà nào cũng đều góp đầy góp đủ. Các bà trong hội Phụ nữ trong đó có cô Sáu tôi, lần nào đi thu gạo chỉ mới bước chân vào ngõ đã thấy cả nhà rối rít đem hũ gạo ra khoe. Ai cũng muốn gửi một chút tình cho bộ đội. Nhưng lâu ngày người ta cảm thấy phiền phức nhàm chán. Có người bỏ đại vài nắm vào hũ cho lấy có. Có người thả gạo vào thúng như bố thí cho ăn xin ăn mày. Có người ria rói: thu gì mà thu lắm thế? Có thấy bộ đội nào ăn đâu, các người ăn thì có! Có người than: nhà tui ăn toàn rau, có hột gạo nào đâu mà nộp! Cái gánh gạo nuôi quân mọi hôm oằn cả vai cô Sáu tôi, giờ nhẹ tênh như giấy.

Cứ tình hình này thì mất điểm thi đua nên người ta qui định mỗi tuần vào chiều thứ Năm phải ăn cháo thay cơm. Số gạo thừa dùng để nuôi quân. Dĩ nhiên những ngày đầu mọi người thấy rất hay, cái sáng kiến này tiện lợi vô cùng. Thay một bữa cơm bằng một bữa cháo được quá đi chứ, vừa nhẹ bụng vừa đỡ phải lắt nhắt hôm nào cũng phải nhớ mà bỏ. Nhưng những ngày sau đó thì thực vô cùng khó chịu, lúc nào cũng nghe cộn cào trong bụng như có kiến bò. Nhất là những khi làm việc nặng. Đi cấy đi cày mà không có hột cơm trong bụng thì không cách gì cày cấy được. Thế là cháo nấu thì cứ nấu, cơm ăn vẫn cứ ăn, gạo

nộp vẫn cứ nộp. Hoá ra chẳng tiết kiệm được tí nào. Chiều thứ năm nhà nào cũng bày ra mâm bát với một nồi cháo loãng, chờ đội kiểm tra đi khỏi là cơm canh như thường lệ. Cô Thanh cay lắm, nhất định phải bắt cho được một người để trị tội làm gương.

Nhờ lũ chó bị giết sạch nên cô có thể sộc vào bất cứ nhà ai. Nhưng không còn chó thì người ta thay bằng một đứa bé ngồi canh cửa. Khi thấy ông Khứ hay cô Thanh là chúng nó kêu lên: Bà ơi mẹ ơi, thế là nồi cơm lập tức được đem đi nấu biến. Chỉ tội cho bà hương bộ, nhà không có cháu nhỏ mất lại kém, nên khi cô Thanh vào tận nhà bà mới hay. Lúc ấy nồi cơm chưa kịp chín, bà vội ôm vào lòng dù bỏng rát. Bà giật dụa một cái mền trùm lên. Khi cô Thanh hỏi làm sao mà trùm mền, bà giả bộ rét run nói: Tôi bị sốt rét cô à! Cô Thanh ngồi xuống bên cạnh cũng giả bộ từ từ dịu dàng nói: Tôi đưa bà đi nằm nghe. Sốt rét mà ngồi gần lửa thì đau đầu lắm đấy! Được thôi mà, bà hương bộ nói như khóc. Bỗng cô Thanh cười nhẹ rồi giật tung cái mền lên.

- À, sốt rét của bà đây hả? Thôi mời bà đi theo tôi.

Bà hương bộ phải bung cái nồi cơm chưa chín khốn khổ trước ngực đi khắp làng để mọi người đổ ra xem. Cô còn xúi tui trẻ con chạy theo lêu lêu, có đứa còn hô đã đảo! Sau này, trước khi chết bà trần trối với con cháu đó là cái nhục lớn nhất trong đời!

Từ đó mọi người đều răm rắp ăn cháo chiều thứ Năm. Rồi sau đó, ăn cháo luôn cả tuần, chẳng phải để góp nhiều gạo mà vì không đủ gạo để nấu cơm. Năm đó không biết lũ chuột từ đâu kéo tới cắn nát cả cánh đồng rồi tràn vào mọi nhà. Chuột nhiều đến nỗi chúng cắn đuôi nhau leo tận lên ngọn cau, làm tổ trong từng bụi chuối. Dĩ nhiên đội kiểm tra không còn việc gì để làm và những hũ gạo nuôi quân bị bỏ nằm chổng chơ trong góc nhà.

Đói gần như cả làng!

Hồi đó, nhờ làm cấp dưỡng, cô tôi có nuôi một con heo

nhỏ như con chuột. Ít lâu sau đội dân quân nghỉ ăn tập, cô tôi xin nước cơm trộn tí cám cho nó ăn. Sau không ai cho nữa vì chẳng ai còn gạo để vo, cô tôi phải cho nó ăn lá cây. Hết lá táo nhọn đến lá dâm bụt, lá mì lá khoai. Sau cùng không kiếm đủ lá đánh làm thịt. Cả xương lẫn da không được năm ký. Ông phó Ba cười, ai đòi thịt heo mà phải mua mỡ về xào! Đó là con heo duy nhất mà cô cháu tôi ăn hết trong đời vì không dám cho ai. Thịt của nó nghe toàn mùi lá. Thịt của chúng tôi chắc cũng chẳng hơn gì!

Khổ nhất là những lúc bụng đói mà phải nghe mùi thịt dê nướng của nhà ông chánh nhạc. Mỗi khi ông từ tỉnh về thế nào cũng có một con dê bị giết thịt để đãi bạn bè. Nó được hai anh trai cày lên núi bắt về. Suốt đêm nó kêu be be thê thiết như mẹ gọi con, con gọi mẹ. Sáng ra hai anh dùng roi mây mà quất cho đến khi mồ hôi nó tuôn ra như tắm. Lúc ấy các anh mới dè cổ thọc dao vào họng lấy tiết để pha rượu. Nhiều người cho là ác nhưng hai anh bảo không đánh cho ra hết mùi hôi thì ăn sao được!

Chẳng ai hiểu tại sao mới đó mà có người chỉ mong được chút gì bỏ vào miệng, có người phải đứng mùi vị mới ăn!

Nhà cô Thánh lâu nay vẫn được tiếng ăn sang như Tây. Không phải như những nhà khác chui rúc trong bếp đầy lọ nghẹ và bồ hóng hay ngồi chờ hỏ quanh một cái nong mà mỗi người mỗi ghế quanh một cái bàn có trải khăn và cắm hoa. Một đôi khi, những người bạn của anh cả Định từ Qui Nhơn lên chơi, cả nhà lại bày ra ăn cơm Tây với dao muỗng lách cách. Cô Thánh lại bận đồ đầm, ngồi lên ghế phờ-toi hai chân bắc chéo lên nhau trò chuyện với các chàng cũng ăn mặc y như Tây, lúc nào cũng đeo cà-ra-óach và kè kè một cây ba-toong chẳng biết để làm gì!

Nhà cô lại có cả buồng tắm và cũng chính từ cái buồng tắm ấy mà ông phó Ba có cả một câu chuyện động trời để chọc cười thiên hạ. Vẫn con mắt có thể giả bộ lé, giả bộ mù, vẫn cái miệng muốn méo kiêu gì cũng được, vẫn cái mũi chun chun và hai bàn tay vụn vụn, ông diễn tả cái

cánh cô Thanh sợ đến lé mắt, hai tay vừa che trên vừa bùm dưới chạy ra khỏi buồng tắm vì có một thằng phải gió đang nằm trên mái nhìn trộm. Trong khi mọi người lẫn ra cười bỏ thì ông tỉnh như sáo phán: Thằng phải gió đó là Thằng thủ ngữ Đục. Nhưng bà vợ ông thì đay nghiến: thằng đó chính là ông chứ ai! Mọi người lại được dịp bỏ ra mà cười một lần nữa.

Tuy có một đạo nhà cô ăn ở như Tây, nhưng không một ai dám nghi ngờ nhà cô theo Tây. Ngược lại, cả nhà cô đều theo Cách mạng. Ông Chánh nhạc và anh cả Định làm ở tỉnh, bà Chánh nhạc làm hội trưởng Hội Phụ lão, cô Thanh làm hội trưởng Hội Phụ nữ. Quả thực không có nhà ai danh giá vẻ vang bằng. Vì theo Cách mạng nên cuộc sống cũng phải đơn giản, dao muổng cốc tách đều đem cất kỹ trong tủ. Mặc dù có nhiều lời ra tiếng vào, nhưng cô bảo dê là của nhà cô nuôi, nếp lúa là của nhà cô trồng, đánh Pháp là đánh cái thực dân của nó chứ đâu đánh cái văn minh.

Sau khi bà hương bộ bị cô bắt mang nồi com đi khắp làng, mọi người đâm ra sợ cô hơn cả ông Khứ. Mặc dù cô không quát nạt, không dọa dũa đi cái tạo, nhưng ở cô vẫn toát ra cái quyền uy lạng lẽ ngay cả lúc cô ăn nói nhỏ nhẹ dịu dàng. Trong những buổi mít-ting cô thường lên kể tội thực dân Pháp. Những cảnh đốt nhà hãm hiếp giết người, dĩ nhiên là cô chưa hề thấy, nhưng cái cách cô kể nó sôi nổi tàn bạo làm sao! Cứ như cô vừa chạy thoát một trận càn của địch và đang hỗn hển kể cho mọi người nghe.

Có một lần, cô kéo một người đang bụng mang dạ chửa bước lên bục. Trong khi mọi người đang ngẩn ngơ và người đàn bà chửa đang đỏ mặt mắc cỡ vì cái bụng to kèn của mình thì cô nghiêng bàn tay như một cái dao kéo từ ngực kéo xuống. Cô nói, nó mổ bụng lôi đứa nhỏ trong này ra! Tức thì có nhiều tiếng rú thất thanh, nhiều người đưa tay ôm mặt không dám nhìn. Người đàn bà chửa thì ngất xỉu tự bao giờ, chân tay lạnh ngắt. Một giọng ai đó thét

lên: Đủ rồi! Đừng nói nữa, sợ quá!

Đợi cho người đàn bà chữa tỉnh lại, cô bắt đầu cao giọng: Giặc Pháp tàn ác dã man như thế đó. Phải đánh đuổi nó đi, phải biến cầm thù thành hành động, tức là phải góp gạo nuôi quân, phải đóng thuế nông nghiệp, phải đi dân công, phải... Đêm càng khuya cô nói càng nhiều và cái đám đông đói khát sau một ngày mệt mỏi đang vật vờ ngủ gục thỉnh thoảng lại được dựng dậy vì những tiếng hô đã đảo. Trên đường về các bà nói thầm với nhau: Ai mà dám lấy cô ta làm vợ!

Đúng là mọi người đều sợ cô. Cô Sáu tôi chẳng những sợ mà còn hận cô nữa. Chuyện đó như thế này. Cái đạo cô tôi làm cấp dưỡng, ông Tư Kinh vẫn thường gặp cô ở bếp đình để bảo ban dặn dò, đưa tiền gạo cho cô nuôi ăn mấy chục người. Đôi lúc ông nán lại ngồi nói chuyện này chuyện nọ, có khi ông đùa không chừng thẳng Được chính là con cô. Cô tôi chỉ nhỏ nhẹ bảo ông hãy ăn nói cẩn thận. Nhiều người liền nhạo ông có vợ hai... Thế là từ chỗ đùa chơi câu chuyện đến tai vợ ông.

Ngày trước bà là cô đào nhan sắc của Thanh Bình Ban, ông bầu Kiên phải mua đến cả trăm bạc. Cả làng ai chẳng rơi nước mắt khi cô vừa hát vừa cầm dao cắt thịt mình cho mẹ chồng ăn trong vai Xuân Nương. Nhưng thời gian đã tàn phá hết nhan sắc của cô. Giờ cô bạc phếch vì thiếu phấn son, trông trắng đã lạnh ngắt như vừa vớt từ dưới sông lên. Dĩ nhiên nghe đồn thôi như thế bà ghen lồng ghen lộn vì cô Sáu tôi tuy không đẹp nhưng trẻ hơn bà.

Một tối nọ chúng tôi đang chơi trò xử tử Việt gian bỗng nghe léo nhéo: Xử tử con mẹ này cho tao! Cả bọn ngừng chơi. Trước mặt chúng tôi là một người đàn bà hung dữ đang nắm tóc một người thấp nhỏ lúi túi trong bếp đình ra. Khi nghe tiếng: Tôi làm gì mà bà đánh tôi! Thì tôi hiểu người đàn bà đó chính là cô Sáu tôi. Tôi lao thẳng vào người bà ta cắn một miếng vào tay. Tôi cắn mạnh đến nỗi nghe như có mùi máu tanh và mặn đang chảy trong miệng.

Bà ta rú lên: Trời ơi, thằng chó đẻ mày dám cắn tao hả! Thế là cô tôi được cứu thoát. Nếu không, có lẽ bà ta đã lòi cô tôi đi khắp làng như bà hương bộ.

Chuyện đó, người thì bảo do lão Tư Kinh, người thì bảo không có lừa sao có khói, cô Sáu tôi rất khổ nhục.

Ông Tư Kinh tối hôm đó quả có tới cười cợt gì đó với cô tôi. Khi bà vợ xông vào thì ông nhanh chân chạy thoát. Không bắt được chồng bà Tư Kinh liền chộp lấy cô tôi. Vậy mà trong buổi họp phụ nữ, cô Thành chẳng những đã không đả động gì đến vợ chồng lão Tư Kinh, không bênh vực an ủi cô tôi lấy một lời, lại còn kết tội làm hại đến uy tín của cán bộ, xúc phạm đến danh dự của phụ nữ. Cô còn đem chuyện cô Sáu tôi lòi qua sông để cho mấy thằng Nhật lợi theo và được nó cho tiền ra xỉa xối rằng, như thế là làm tay sai cho giặc đáng đem bắn bỏ như tội Việt gian. Với những tội lỗi xấu xa ấy, cô tôi không còn xứng đáng đứng trong hàng ngũ phụ nữ yêu nước nữa. Cô Thành tuyên bố cô tôi như một con chien ghê cần phải khai trừ ra khỏi hội.

Vẫn biết như thế cô khỏi phải đóng hội phí, khỏi phải họp hành gì nhưng cô rất xấu hổ. Kể từ đó nói tới cô Thành là cô bịt tai lại chẳng muốn nghe. Cô tôi ghét cô Thành còn hơn ghét bà Tư Kinh.

Mấy tháng sau cái ngày diễn tập thành công, bụng của cô Tâm nữ du kích cứu thương càng ngày càng phình to ra. Chẳng hiểu hội phụ nữ tra hỏi thế nào mà buổi sáng hôm sau người ta thấy mẹ con cô treo cổ dưới cầu. Xác của mẹ con cô vẫn cứ phải treo toòng teng đến mấy ngày để đợi công an huyện xuống khám vì người ta nghi ngờ kẻ địch đã giết cô rồi đem xác treo lên. Nhưng cả làng An Định nhất là các bà phó lý, bà hương bộ đều nói như đinh đóng cột rằng chính cái miệng có gang có thép của bà hội trưởng đã giết cô Tâm tội nghiệp chứ kẻ địch kẻ diếc nào đâu. Ngày chôn cất cô các bà khóc than kể lể cứ như là con đẻ rút ruột của mình. Cô Thành cho rằng cô ta làm nhục hội Phụ

nữ nên chẳng thèm đưa tang.

Cô Sáu nói, với bao nhiêu oan nghiệt như thế, oan hồn của hai mẹ con cô nhất định hãy còn lang vãng trên cầu. Tối nào cô cũng đem một vắt cơm, một cây nhang ra cầu và lần nào cô cũng ngồi khóc lặng lẽ.

6.

Mặc dù thằng Pháp chưa đổ bộ hay nhảy dù xuống làng An Định, nhưng mỗi buổi sáng người ta thấy chúng quần đảo trên bầu trời Đập Đá. Chúng đi trên hai chiếc khu trục, không biết là từ biển vào hay từ Nha Trang ra. Hai chiếc máy bay như hai con đại bàng sắt khổng lồ, bay lượn, gầm thét rồi trút bom xuống cái đập mà ngày trước tụi Pháp phải tốn khá nhiều công của mới xây được.

Phải bảo vệ đập bằng mọi giá! Người ta bèn đem cả tấn dây dừa bện thành những tấm lưới rộng đến cả mẫu ruộng để che chắn cho đập. Người ta định hứng bom như hứng dừa rồi sẽ tháo ngòi nổ lấy thuốc làm lựu đạn. Người ta sẽ lấy của chúng đánh lại chúng như lấy gậy ông đập lưng ông. Nhưng cái tấm lưới ấy chỉ hứng được có mỗi một trái bom liền ngã sụp xuống sông. Không cây cọc nào chịu nổi sức nặng của nó. Người ta đành để mặc chúng muốn thả bao nhiêu thì cứ thả. Kháng chiến trường kỳ mà. Trong khi đó dường như thằng Pháp cũng trường kỳ tấn công, mỗi sáng chúng chỉ mang theo có hai trái bom, mỗi chiếc thả một trái, bắn tạch một vài viên rồi lặn mất. Chúng cứ đều đặn như thế, nhơn nhơn như thế, thả thoải mái như thế nên cái đập như trên người cũng không thèm chịu vỡ!

Dân các làng chung quanh dường như cũng đoán được thói quen của chúng. Lúc đầu người ta kêu réo, gào

khóc, chạy trốn như chuột. Hầm gia đình, hầm cá nhân, hầm cho học trò, hầm cho người đi đường... chỗ nào cũng hầm. Nhiều người chạy chưa kịp tới hầm đã lăn ra bất tỉnh. Cái tiếng thét gào của lũ máy bay sao mà kinh. Cứ như không cần tới đạn bom, chỉ cần nghe tiếng gầm rú của chúng cũng đã thấy đầu óc như sắp phọt ra ngoài. Nhưng lâu dần người ta không còn sợ cái tiếng quát nạt đó nữa, nhất là người ta biết chúng chỉ thả khơi khơi cho hết bom thì về. Mặc cho tiếng keng báo động người ta vẫn chống cuộc đứng xem. Một vài người còn khen nó bay lượn đẹp quá!

Một buổi sáng tháng chạp, người ta làm sạch đường để ăn Tết. Cả trăm người lỗ nhố cào cuộc quét dọn, lại đốt rác cho khói um lên. Hai chiếc máy bay sau khi thả hai trái bom xuống sông như thường lệ, bất ngờ bay vút qua đầu, cứ tưởng là chúng dọa chơi vẫn ngược mặt lên mà cười. Không ngờ chúng quần lại hạ thấp hơn rồi một tràng đạn nóng bỏng xé gió găm thẳng vào lưng vào đầu. Hơn năm người chết và cả chục người bị thương. Những chiếc võng dây dừa được những người dân khôn khéo khiêng chạy qua các làng để đến nhà thương. Những giọt máu thiếu ăn trộn với bụi đường thành những hạt bắp nâu khô cứng.

Gọi là nhà thương nhưng chỉ có vài gian nhà nhỏ nằm bên cạnh một cái miếu hoang nép dưới bóng một cây sung già ở thôn An Dân mà đêm đêm thường nghe tiếng cú rúc đến lạnh mình. Một vài chiếc giường tre nằm dọc theo hàng cây rù rì. Những người bệnh thường là những người sắp chết lúc nào cũng thấy những chiếc lá rơi xuống trên mình như những lá vàng mã. Ở đây chỉ có độc một thứ thuốc đỏ và băng vải cắt ra từ những tấm vải mùng.

Những người bị thương ở đầu ở ngực thường chết ngay trên đường đi tới nhà thương. Chỉ những ai bị thương ở chân ở tay mới thấy được cảnh cửa xương róc thịt. Ai đã từng trông thấy một lần trong đời khi nhớ lại đều cảm thấy

ron người. Dầu không muốn, người ta vẫn phải cột người bệnh vào gốc cây. Một miếng vải đen bịt ngang mắt. Một miếng giẻ nhét vào miệng. Trông cứ như tội nhân sắp bị tra khảo. Cưa và dao được nung trên lò than rồi nhúng vào nước kêu đánh xèo. Bác sĩ cầm dao ướm một ngón tay thử đã nguội chưa như một anh đồ tể thử xem dao có bén không. Thế rồi thịt ở bắp tay hay bắp chân được róc cho đến khi xương trắng lòi ra. Bệnh nhân kêu ú ớ qua nắm giẻ như bị mộc đè. Hai người y tá cầm cưa kéo qua kéo lại như cưa tre. Xương trắng thành bột rơi xuống đất. Khi cái phần thân thể bị dập nát và hơi thở được cắt rời thì bệnh nhân đã ngất xỉu từ lâu rồi. Khúc xương vô dụng được ném cái bịch vào thùng mạt cưa. Một vài con dòi với hàng lông thưa và trắng từ trong ống xương lầy nhầy bò ra. Một nắm bông tẩm thuốc đỏ như máu ấn vào chỗ mới cắt. Những khoanh vải mùng được đem ra quấn nhiều vòng. Thế là xong, bệnh nhân được đưa vào lán trại, vài hôm sau thì chết. Ai chưa chết thì lại phải chịu đựng một lần nữa cánh cưa xẻ, rồi cũng chết vì đuối sức và bị nhiễm trùng.

Rất nhiều cái xác không thân nhân. Hoặc là dân tản cư, hoặc là do quá nghèo đành để mặc cho nhà thương lo liệu việc chôn cất. Mà nhà thương thì đâu giàu có gì. Chỉ có mỗi cái hòm gỗ sung xộc xệch cho hàng bao nhiêu xác. Vì vậy xác bị bỏ nằm sấp không cần dầy nắp được hai người khiêng đi lúc la lúc lắc. Đến đồng Cây Sanh hai người không cần đào huyệt cũng không nói gì với nhau, chỉ cùng hự lên một tiếng rồi lật úp cái hòm xuống cát. Thế là người chết được ngửa mặt lên nhìn trời một lần nữa nếu có thể nhìn được. Một chiếc chiếu rách hay một vài quần áo cũ được phủ lên, cát vun thành mộ. Hai người lặng lẽ khiêng cái hòm không trở về để chiêu hay mai lại khiêng cái xác khác.

Cả cánh đồng Cây Sanh trở thành một nghĩa địa nhưng chỉ một mùa lụt là chẳng biết mồ mả đâu mà tìm. Xương trắng lại trôi tấp vào các khu vườn hoang, và nhà

chùa Thiên An cũng không còn đủ sư sãi để thu nhặt nữa. Bọn trẻ chần bò buồn buồn lấy những ống xương làm kiếm đánh nhau. Mỗi khi nhặt được cái đầu lâu, chúng lại chuyền nhau như trái banh.

Trong số những người bị thương có một cô gái nghe đâu là người trong hoàng tộc, Công Tăng Tôn Nữ thị gì đó. Chắc là khi Bảo Đại tuyên bố thoái vị trao ấn kiếm cho Cách mạng, cả nhà cô sợ quá bỏ kinh thành mà đi, rồi xiêu tán thất lạc, chết vì đói vì bệnh tật, giờ chỉ còn mỗi mình cô. Cô đẹp lắm, đẹp đến nỗi khi thấy cô mọi người trong nhà thương đều đứng ngẩn ra mà nhìn. Tóc cô dài, da cô trắng muốt, hai con mắt sâu và đen như chất chứa bao nhiêu nỗi buồn.

Cô bị thương cả hai chân và những con vi trùng tai quái không thèm nể nang gì đến người đẹp cứ việc đục khoét làm cho vết thương sưng phù lên. Đành phải cưa bỏ. Buổi chiều cưa chân cô người ta đứng chặt vòng trong vòng ngoài. Cô được đặt trên một tấm ván. Khi người ta định lấy dây cột và nhét giẻ vào miệng, cô xua tay không chịu. Dù vậy bác sĩ vẫn cho người giữ chặt. Dao đã được đốt, cưa đã được nung. Bác sĩ dù đã hết sức cẩn thận vẫn có vẻ không tin cái việc cưa xẻ có thể cứu được cô. Khi cái lưỡi dao rạch một đường trên làn da trắng, mọi người cảm thấy đau nhói tưởng như đang rạch vào chính thịt da của mình. Những miếng thịt được bóc dần để lộ ống xương thanh mảnh. Và sau cùng là cái giây phút đau buốt tận óc khi lưỡi cưa nghiêng rào rào qua xương. Lúc này nhiều người bưng mặt không dám nhìn, nhưng cô không kêu. Cô vẫn nằm yên, chỉ để nước mắt chảy tràn trên khuôn mặt đẹp như Phật bà Quan Âm. Hai cánh môi be bé của cô bật máu.

Cho dù có người hào hiệp tặng cô một lọ penixilin là thứ thuốc quý hơn vàng và các bác sĩ hết lòng chăm sóc, nhưng chỉ đến ngày thứ ba là cô qua đời. Năm mồ của cô được vun to nhất, nhưng khi mùa lụt tới, xương

thịt của cô chắc cũng phải trôi đến chùa Thiên An để nương nhờ cửa Phật.

Bây giờ người ta mới thấy thâm thía chiến tranh là đồ nát chết chóc, là bệnh tật đói nghèo. Con chim bồ câu không thể bay mau hơn máy bay oanh tạc. Những câu khẩu hiệu dù cả vạn người hô cũng không át được tiếng bom. Mọi người vừa phải bươn chải kiếm ăn vừa tự cứu chữa bệnh tật để mà sống tiếp những ngày dài mệt mỏi với bao công việc đào hầm vót chông, những đêm dài chuyển lúa từ kho này đến kho khác, những tháng ngày lạc trong rừng sâu vì nghĩa vụ dân công...

Đã là nghĩa vụ thì không trốn tránh vào đâu được. Nếu không phải là bộ đội, không phải dân quân thì cứ đến mười tám tuổi là anh phải mất ba tháng trong một năm để đi tải đạn hay gánh gạo tiếp tế cho chiến trường. Đối với một người nông dân thì công việc ấy cũng không lấy gì làm nặng nhọc. Nhưng phải lườn lách trong rừng sâu, phải chạy bán sống bán chết vì địch truy đuổi, rồi lam sơn chướng khí, ăn uống kham khổ, hễ có được chút máu tươi nào thì muối mòng và vắt thì nhau hút mất... nên người nào cũng lo sợ khi đến lượt phải đi.

Cô Sáu tôi chưa đến năm mươi nên phải mất một tháng ròng đi gánh muối. Cô bảo chỉ có năm ký muối thôi, nhưng phải mang theo cả chục ký gạo, cộng với áo quần mùng mền và phải mang cái gánh ấy trên vai suốt ngày trèo đèo lội suối, đâu có nhẹ nhàng gì. Đó là chưa kể tới cái khổ của đàn bà con gái. Đi qua những vùng toàn cỏ tranh, nước uống tìm không ra nói gì đến tắm giặt. Ngày trở về trông cô như một bà lão sáu mươi!

Người nào cũng mang một nỗi lo, nhưng không phải như ngày xưa, lo sao cho có lúa đầy bồ, có áo mới cho con ngày Tết, có tiền cúng giỗ ông bà. Giờ còn lo một cái gì to tát hơn, rất vĩ đại và cũng rất mơ hồ: Lo cho kháng chiến thành công! Cô Sáu nói, cỡ trôi sông lạc chợ như tao với mày mà cũng phải lo những việc bằng trời thì

lo sao cho nổi!

Dĩ nhiên, những việc bằng trời thì có những người có đầu óc cũng bằng trời lo. Không thể đem cả trăm cả vạn con người ra mà phơi dưới thanh thiên bạch nhật để bọn chúng muốn bắn giết thể nào thì cứ bắn giết. Chui vào đất không được thì chui vào đêm tối mênh mông. Vì vậy chợ không họp ngày mà họp đêm. Trường học, học từ đầu hôm hay từ nửa đêm về sáng.

Cuộc sống thay đổi lẽ lối sinh hoạt thì lũ trẻ chúng tôi lại càng có nhiều trò vui. Những buổi học đêm đối với chúng tôi là những cuộc vui không bao giờ dứt. Không như các buổi mít-ting ngồi đập muỗi mỗi tay chỉ để nghe hết ông này bà nọ thét gào, không như các buổi biểu tình rầm rộ đi khắp làng trong bụi đường mù mịt. Đi học đêm là nghịch phá và đôi khi hái trộm trái cây. Có đến mười ông Khứ cũng không sao ngăn được.

Chúng tôi mỗi đứa mang theo một cái đèn thấp bằng dầu dừa như những Phật tử trong lễ hội phóng đăng. Trước bảng, một sợi dây dừa chằng ngang treo lủng lẳng cả chục chiếc đèn. Lớp học không có cửa nên bốn bề lộng gió. Đèn nháy múa, bóng thầy bóng trò cũng nhấp nháy theo. Từ xa trông vào cứ như một lũ âm binh.

Lớp học bắt đầu bằng một cái lệ kỳ dị. Thầy giáo bí ẩn như một đạo sĩ cất tiếng hỏi: Học để làm gì? Cả lớp trả lời: Học để phục vụ nhân dân và kháng chiến. Rồi thầy bắt đầu giảng: nước đá cứng như đá nhưng tan ra dưới ánh mặt trời. Ammoniac có mùi hôi như nước đái bò! Chẳng đứa nào hiểu được tại sao cứng như đá lại có thể tan ra được, cũng như nước đái bò sao lại là chất hoá học và với những điều như thế thì làm sao phục vụ nhân dân và kháng chiến? Nhưng cũng chẳng có đứa nào buồn đưa tay lên hỏi. Một nửa lớp thì buồn ngủ, một nửa lớp thì đói và đầu óc thì đang nghĩ tới những trái ổi trái sabôchê ở chùa Thiên An.

Trong cảnh yên lặng buồn buồn ấy đột nhiên có

tiếng keng báo động. Như thế là tàu bay đi săn đêm. Đèn phụt tắt. Thầy và trò lao ra các hầm đầy nước, đầy cóc nhái và rắn rít. Một lúc sau tiếng động cơ xa dần. Lớp học lại ảm ỉ tiếng cười đùa. Khi đèn được thắp lên, thầy bảo: muốn học nữa hay về? Cả lớp nhao nhao: Về! Về!

Cả làng An Định chỉ có một người con gái đi học. Chị là con một ông thầy thuốc từ Quy Nhơn tản cư lên. Chị tên Thảo hơn tôi đến bốn tuổi nhưng lại học cùng lớp với tôi. Là gái, nên chị không dám đi đêm một mình. Tôi được cả nhà ông thầy thuốc tin cậy để cùng đi với chị. Ông thường cho tôi một vài cọng cam thảo tẩm mật ong và chị thường dúm vào tay tôi khi cái bánh in khi trái chuối.

Một đêm tháng mười, trời mưa và lạnh. Khi tôi chợt thức giấc cứ tưởng là đã quá muộn nên vội vàng đến rủ chị đi. Đường đất trơn trượt, mấy lần chị suýt ngã. Phải khó khăn lắm chúng tôi mới tới được trường. Giữa lùm cây tối đen chẳng thấy một ánh đèn nào. Hoá ra là còn rất sớm. Hai chị em kiếm giấy và rác đốt cho đỡ lạnh. Một lúc sau lửa tắt, hai chị em ngồi tựa lưng vào vách nói chuyện vu vơ. Gió lùa qua lớp đuối nhau trong đêm tối sâu hun hút. Trong gió như có tiếng thét gào, rền rĩ, đôi lúc như có tiếng cười của những hồn ma ở đồng cây Sanh. Chị có vẻ sợ, mỗi lúc một nép sát vào tôi, sau cùng gần như chen hẳn vào giữa để cho tôi ôm vào lòng. Một cảm giác là lạ nhưng hết sức êm ái diệu kỳ. Tôi ngồi yên nghe tiếng mưa rơi, tiếng giọt tranh tí tách, tiếng gió xào xạc trên hàng tre và tiếng đập nồn nao trong lồng ngực chị. Dường như chị đang thiếp ngủ vì tôi nghe tiếng thở sâu dài và đều đều của chị.

Có thể chị chẳng mơ thấy gì và sau này chị cũng chẳng nhớ gì đến cái đêm mưa hôm ấy, nhưng tôi không bao giờ quên được cái cảm giác khi ngực tôi áp sát vào lưng chị, lần đầu tiên tôi cảm nhận được cái làn hơi ấm áp ngọt ngào trong thịt da của một người con gái.

Những buổi học đêm trong chiến tranh không ngờ

đối với chúng tôi lại là những phút giờ bình yên tươi đẹp nhất. Có thể chúng tôi chẳng học được gì nhiều ở những người thầy, nhưng chúng tôi đã học lẫn nhau, đã nương tựa để mà lớn lên. Mặc dù sống thiếu thốn khổ cực, chúng tôi vẫn thấy vui, vẫn không có những nỗi lo âu sợ hãi như người lớn. Như thế chúng tôi đang đứng bên lề của cuộc chiến tranh.

(còn tiếp)

TRANG
SƯU TẬP

Nhà thơ Tường Phong

Tiểu sử

Tên thật là NGUYỄN ĐÌNH NIÊN, sinh năm 1936 tại HUẾ. Xuất thân từ trường Trung học KHÁI ĐỊNH, Đại học HUẾ, và Đại học Văn Khoa SÀI GÒN. Ông nguyên là giáo sư Việt văn từ cấp trung học tại HUẾ, NHA TRANG và trường nữ Trung học ĐỒNG KHÁNH đến cấp Đại học tại Đại học Sư Phạm (1971) và Đại học Văn Khoa (1974). Ông làm thơ từ lúc còn học ở cấp Trung học và đã đăng nhiều thơ trên các tạp chí văn nghệ. Thi phẩm đầu tay của ông là TRẮNG PHƯƠNG ĐÔNG, xuất bản năm 1958 tại HUẾ. Hiện nay, ông vẫn còn sống tại Việt Nam.

TRÍCH THƠ:

khi trở lại Đà Nẵng

*Người xưa chạy loạn vào trong suối
em giờ trú ngụ ở lầu cao
lầu son chữ vạm tâm tay với
thêm ngại ngần xanh, em biết đâu*

Cổ nhân chạy loạn vào suối đào

em giờ Đà Nẵng tạm trú ngụ
mùa thi nét chữ cũng xanh xao
mùa hạ trần trường không áo mũ

Người xưa chạy loạn về nương suối
em giờ chạy giặc nương mẹ cha
ta qua ngưỡng cửa đầu ta cúi
thầm thương đời ? hay, ta thương ta ?

Kẻ sĩ, bây giờ, phận mỏng manh
bút chẳng nở hoa, bút chẳng nhọn
giấy trắng mãi tăng thêm nỗi hàn
mực đen càng hằn thêm nỗi hận

Ta, thầy học, nửa đời luân lạc
thân ở yên, hồn chẳng ở đâu yên
trán, cuống lưu. khuất tịch. tan nát
mất, thăm thì, tìm tới bên em

Đón nhau, đón nhau, mừng. bão táp
đợi nhau, đợi nhau, cuối một lời...
lầu chữ vạn là nơi hẹn gặp ?
em hoa “quỳ” ? ta, phải mặt trời ?

Em quỳ xuống để thành thần tượng
mắt nhìn lên suốt hết năm tròn
ta nhìn xuống - nỗi niềm hân thưởng
chen tiếng vàng tiếng sắt chon von

Em quỳ xuống để thành hoàng hậu
mắt đắm chiều soi suốt luân hồi
ta nhìn xuống - nỗi niềm nung nấu
chưa một lần lặng tắt trong tôi

Ta đã quá chùng mệt, mỗi mệt
mong quán anh tắm thơm vàng mơ
giữa loạn thời, tình ta cứ đẹp
như là giai thoại thuở nào xưa

*Em trầm mặc toàn vàng buổi chiều
đứng bên lan can lầu chữ vạn
em đẹp như mỗi một chữ thêu
trên tấm thảm sồi ta lẻ bạn*

*Em còn đợi ? ta, tới quá chậm
em hoa quỳ? biết còn hướng dương
thời gian đã chảy trôi tán loạn
em can trường, có vượt dung thường ?*

*Ta, hàn sĩ, suốt đời đập tuyết
tâm mai. Em có đó, không, em ?
im lặng rừng anh đâu sớm biết
nhánh thơm Nàng ẩn giấu trong tim*

Đà Nẵng
5-9-1972

BÀI KHÓC TRƯƠNG QUỲNH NHƯ

*Em đã chết mà ta quá nghèo
không có đủ tiền say rượu uống
suối khô bên mồ em. đục ngẫu
thôi tạm uống nước sông thay rượu
khóc ngất bên mồ em quá sâu
để thấy tất cả vị nhạt trần gian*

*Thanh kiếm ta vẫn dùng bấy nay
treo bên mộ em làm vật tặng
sẽ bị cướp bởi bàn tay trộm
khi phải rời em nơi đây*

Tập thơ ta vẫn viết vì em

đốt bên mộ em làm vật tặng
sẽ bị cướp bởi bàn tay trộm
gió tung quyết xóa vết tro tàn

Bài thơ vì xuân ta đã viết
bài từ vì hoa ta đã làm
giúp em được gì trong cõi chết
giúp ta được gì khi lâm than

Thiên truyện diễm tình ta đã viết
không còn đâu ngọn lửa thanh khiết
để đốt xuống cho em đọc
chút tình ta. in tiếng khóc

Em đã chết, ta sống cơ cực
ta mất trái tim. mất kỷ ức
làm sao ta yêu ai được nữa
giữa mặt trời mặt trăng tủa lửa

Em đã chết. và ta vẫn sống
em vào trường mộng ta còn đi
khập khiễng thế gian. đâu chiếc bóng
in bên vách huyết buổi ta về ?

Ta ngoại tình em sống ở đời
em đoạn tình ta trong tử biệt
ta khóc ngất từ hôm vĩnh quyết
ta gặt đầu từ chối mặt trời
phản bội em. ôi em của tôi

Ôi giai nhân của người hành khát
ta ăn mày sự sống lão xược
nên rầy ruộng em không vẹn tình

Ôi ái khanh của người nô lệ
em hãy ngủ yên trong mộ phần
ta bội bạc như cái bánh vẽ
chẳng bao giờ đáng được em thương

Ôi tình nương của người sắt phu
đừng đón đợi nhau chung giấc mộng
chữ nghĩa bắt lực sau nắm mờ
chữ nghĩa bắt lực trước cuộc sống

Nắm mờ em cỏ mọc lên xanh
cõi sống anh gai đầy bụng bí
đường về thế gian đứt dây đàn
đường về cõi âm sương mù mịt

Ta khóc em một mình lạnh lẽo
em có thương ta sẽ lẻ loi buồn
độc thân. ta không còn bận bịu
mặt rúm khô cần cõi lên khuôn

Không phần thư mà ta hết sách
không Khanh Nho mà ta khật khờ
không còn em nên ta bỗng mất
những chiều đẹp trời luân lạc bơ vơ

Em đừng gọi ta là kẻ sĩ
em đừng gọi ta là tráng sĩ
bởi em đã chết. ta tận nguyên
nhớ tay em như nhớ cầu vồng

Em đừng gọi ta là tình quân
em đừng gọi ta là lang quân
thâm ân tình trọng chỉ khi em đã chết ?

Đừng gọi ta là con phượng hoàng
của lòng em yếu điệu thực nữ
của tình em nhả đậm bao dung

Trong cõi chết em hãy gọi ta
con gà què đi tìm hạt thóc
ăn quần cối xay là trái đất
bay hoài trong vũ trụ bao la

*Trong cõi chết em còn nụ cười
gởi cho ta vay một triệu chiếc
để ta có đủ với người đời
để cười. cười nữa. cười mãi miết*

*Trong cõi chết em còn tiếng khóc
gởi cho ta mượn với lần hồi
lúc ta đói khát mỗi mòn cô độc
ta nằm ăn lệ nát đôi môi*

*Trong cõi chết em còn giấy bút
hãy gởi ta thỉnh thoảng ít nhiều
để ta viết những gì tha thiết nhất
với chân tình thể thâm đăm chiêu*

*Trong cõi chết em còn chỉ khâu
hãy khâu giùm anh lên áo rách
bằng những ngón tay em diễm kiều
bằng tấm linh hồn em khiết bạch*

*Trong cõi chết em còn tiếng hát
hát cho anh một khúc vô thanh
anh đã qua những ngày điếc lác
bởi phải nghe chề chén linh đình*

*Chỉ ta không đựng đầy vo nước lã
mà mắt em đã ngọc khép liên thành
ta chân trần đầu đội nón lá
cầm cần câu cá chết đang xanh...*

1976

GIỚI THIỆU SÁCH

LTS: Mục này do nhà văn Phạm văn Nhân phụ trách. Sách báo xin gửi về:

Phạm văn Nhân/ Thư Quán Bản Thảo
2004 Heather Street
Amarillo, TX 79107

Trong hai tháng: 7 và 8 , TQBT có nhận những tập thơ và truyện của những tác giả gửi đến. Chúng tôi lần lượt giới thiệu.



1/ Tập truyện : **Vén Mây Tìm Lại Nửa Vàng Trăng**, của **Lê Thị Hoài Niệm**. Do Hòa Đồng phát hành. Bìa và phụ bản : Lê Vũ. Giá 12 mỹ kim.

Lê Thị Hoài Niệm là bút hiệu. Tên thật Lê Phan Tuyết (ghi ngoài bìa sách). Tập truyện dày 240 trang, gồm 17

truyện ngắn. Vén Mây Tìm Lại Nửa Vầng Trăng là những kỉ niệm đã đi qua trong đời, được tác giả viết lại dưới cái nhìn và ngòi bút mang nhiều hoài niệm, tiếc nuối những gì đã qua. Nhất là sau ngày 30 tháng tư năm 1975 là cái mốc để nhà văn hình thành những truyện ngắn, trong đó, có những hình ảnh, những sự việc đã xảy ra; mặc dù những sự việc ấy đã có nhiều người viết đến, kể đến, tùy theo từng góc độ mà mỗi người chứng kiến trong mỗi ngõ ngách của cuộc sống đời thường.

VMTLNVT của Lê Thị Hoài Niệm cũng không ngoài “*...chỉ là sự gợi nhớ từ chuỗi dài tâm tư, tình cảm của chính người viết và cuộc sống đời thường của những người chung quanh...*”. Đọc được trong Thay Lời Tựa ngắn ngủi của tác giả nơi trang đầu.

Với 17 truyện ngắn, tác giả ghi lại những kỉ niệm ở Nha Trang, một ít ở Tuy Hòa, Qui Nhơn cùng với những địa danh đã một thời nổi tiếng. Cũng như trong truyện Vén Mây Tìm Lại Nửa Vầng Trăng mà tác giả chọn làm nhan đề cho tập truyện, ghi lại một góc sự sinh hoạt của các “cô nội trú sinh Sư Phạm Qui Nhơn”. Hình ảnh ấy cứ “lớn vồn” trong tôi những năm còn đóng quân ngoài đó. Sáng chủ nhật nào cũng đến thăm cô bạn gái, và nhờ các cô trực nhật đi gọi giùm, nhìn các cô như những bầy chim sẻ ríu rít trước sân trường. Hay vào nhà của thầy Bồn chơi với nhà thơ LVT và ăn cơm ở đó (trong khuôn viên của trường).

VMTLNVT văn phong trong sáng, dẫn người đọc thích thú. Có nhiều chỗ dí dỏm, khôi hài như câu chuyện kể đời thường, thường xảy ra trong cuộc sống có quá nhiều “bể tắc” sau ngày chuyển đổi cơ cấu xã hội mới.

Muốn có sách liên lạc:

Lê Phan Tuyết

4251 Yupon Ridge dr

Houston, Tx 77072

Email: lethihoainiem@yahoo.com



2/ tập thơ: **Điểm Hẹn Sau Cùng** của **Dương Quân**.

Đây không hẳn là một tập thơ như những tập thơ khác mà tôi đã đọc của nhiều tác giả, (chỉ thuần một tác giả).

Trong tập gọi là thơ này: **Điểm Hẹn Sau Cùng**, ngoài những bài thơ của ông, còn có những bài thơ khác, những bài văn, những là thư cảm ơn, khen ngợi của bạn bè và của tác giả, đã góp lại in thành tập. Không thấy đề giá bán. Tác giả tự xuất bản. Năm 2007. Sách dày 164 trang.

Năm 2004, nhà thơ Dương Quân cho phát hành tập thơ đầu tiên ở hải ngoại “**Chập Chờn Con Mê**”. Với Dương Quân trước 1975 và bây giờ vẫn vậy, thơ ông không dùng nhiều mỹ ngữ, ý thơ dung dị, trong sáng như tấm lòng người miền Nam đã đưa thơ ông đến với người đọc rất dễ dàng với những bài thơ ngợi ca về quê hương Nam bộ. Một miền sông nước. Con người chân chất trái lòng mình ra, có sao nói vậy ...như những bài thơ của ông mà tôi đã đọc.

Với Dương Quân, ông đã đưa những địa danh nơi ông ở vào thơ thật nhẹ nhàng, cảm xúc:

*“Thuở xưa Mỹ Hội êm đêm quá
Cây trái xum xuê đủ bốn mùa
Phước Lý về ngang thành Tuy Hạ
Nhà em ở dưới rặng cau thưa*

Hay:

“Ngày ấy anh về thăm Mỹ Hội

*Qua phà Cát Lái ghé Long Tân
Tìm em trưa nắng tan phiên chợ
Thăm mẹ thăm em đã mấy lần”*

(trích: Gánh Trầu Mỹ Hội)

Thơ Dương Quân là như thế. Những con chữ đến với ông thật dễ dàng. Như ăn, như uống, như thở. Thở cái không khí thơ của miền sông nước Nam Bộ.

Địa chỉ liên lạc:

Dương Quân

4025 N. Lincoln Ave

Tampa, FL 33607



3/ **Thơ Võ Công Liêm** (thi tuyển 2000-2008)

Tập thơ đầu tay của anh, phát hành tháng 4-2008 tại Canada. Thơ anh đã xuất hiện trên Thư Quán Bản Thảo, Hợp Lưu, Văn học Phụ Nữ Diễn Đàn, Khởi Hành (ghi theo ngoài bìa sách). Địa chỉ liên lạc: lvocong@gmail.com.

Với 58 bài thơ trên tập thơ dày vào khoảng 99 trang. Phụ Lục có bài viết của nhà thơ Trần Dạ Lữ trong nước viết về thơ Võ Công Liêm. Một người bạn học cũ thân quen khi còn ngồi ghế nhà trường. Bạt do Hồ Đình Nghiêm viết. Theo Trần Dạ Lữ viết về Võ Công Liêm: “... *Anh thích nói chuyện văn nghệ mà chưa bao giờ làm văn nghệ cũng như hội họa anh yêu mà chưa một lần thấy anh*

“trung diện...” hay: “...Những dòng thơ mang tính quê hương nhưng chứa trong một không gian siêu hình mà đôi khi vẫn vương vào một thế giới bóng bềnh, chữ nghĩa là cõi riêng của anh...”

Ngoài tài làm thơ ra (bắt đầu làm thơ từ năm 2000), Võ Công Liem còn vẽ tranh. Với tập thơ đầu tay của anh 58 bài, và 4 phụ bản do nhà thơ vẽ, bài nào đọc cũng thấy phản phát chất “thiền” trong Phật Giáo mà , có lẽ, anh đã ngộ được chăng? Được biết nhà thơ Võ Công Liem là anh em của nhà thơ Viêm Tịnh.

Đọc thơ Võ Công Liem, ngoài sự “thương thức” còn phải suy ngẫm qua những con chữ trong từng bài. Xin trích một bài trong tập:thơ Võ Công Liem:

Tôi đuổi đam mê vào bóng tối

Để được trở về

Lòng đất chờ đợi

Đêm không ngủ của dĩ vãng đau thương

Cho ngày mai

Khoảng trống vô cùng

Ghì kéo những đóm lửa

Không sắc

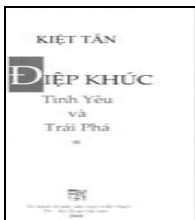
Không màu

Với hư vô

Sông vẫn chảy cho biển ngậm ngùi

Và. Núi đứng đợi trên mảnh đời còn lại

(Cảm Nhận Với Hư Vô)



4/ **Điệp Khúc Tình Yêu Và Trái Phá** của **Kiệt Tấn**

Tập thơ do Thư Ấn Quán tái bản tháng 7 năm 2008 trong “tủ sách di sản văn học miền Nam” đã được sự đồng ý của tác giả. ĐKTYVTP do Sáng Tạo xuất bản đầu tiên tại Sài Gòn vào năm 1966. Khi ấy tác giả vừa tròn 26 tuổi.

Với ĐKTYVTP gồm hai phần. Điệp Khúc Một (andante cantabile) gồm 19 bài. Điệp Khúc Hai (allegro con fuoco) gồm 25 bài. Sách dày 118 trang kể cả phụ lục. Đánh máy: Lê Tấn Lộc và Trần Hoài Thư. Trình bày bìa: Trần Hoài Thư.

Trong tập ĐKTYVTP viết theo lối thơ tự do. Phản ánh một đất nước chiến tranh: cuộc sống, tuổi trẻ, tình yêu, xã hội băng hoại. Vào thời điểm ấy, tuổi trẻ lên đường ra mặt trận, nhìn lại sau lưng thành phố nhiều bar, đèn mờ, biểu tình, lật đổ, plastic nổ trong những nơi được gọi là “hậu phương an toàn”.

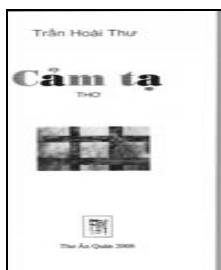
Được biết nhà thơ Kiệt Tấn tên thật Lê Tấn Kiệt, sinh năm 1940, tại Vĩnh Lợi, Bạc Liêu. Hiện sống tại Pháp từ năm 1975.

Xin trích một bài trong tập thơ :

Tình Vật

*chiếc áo đen ngủ trên lưng ghế
chiếc quần jeans ngủ dưới chân
chiếc sù chiên ngủ trên mặt gối
đôi giày gót cao ngủ trên sàn nhà
tiếng ca ngủ trong máy hát
điều thuốc tàn ngủ trong đĩa sành
con môi mệ ngủ trong đôi mắt
con thú cái ngủ trên cánh tay
nồi cháo chường đứng sừng trong đầu thú đực.*

lại thêm một tập thơ trong “di sản văn học miền nam” mà nhóm chủ trương Thư Ấn Quán đã và tiếp tục làm. Bản dành tặng thân hữu.



5/ tập thơ *Cảm Tạ* của Trần Hoài Thư.

Thư Án Quán in vào mùa hạ, năm 2008, bản dành tặng thân hữu. Dầy 81 trang kể cả phụ lục. Gồm 55 bài thơ. Khổ $4\frac{1}{4} \times 7\frac{1}{2}$. *Cảm Tạ* là tập thơ thứ bảy sau sáu tập thơ đã được phát hành từ sau năm 1975. Với 55 bài thơ trong một tập thơ nhỏ, người đọc có thể thấy được những bài thơ mà anh đã làm cho vợ, bạn bè, quê hương và nơi chốn (chỗ ở tạm dung của anh). Như những câu thơ nghe thật dễ thương:

*Sân cỏ chưa xanh
Mà mùa xuân đã về xanh trên ánh mắt
Vườn nhà
tiếng chim ríu rít
hôm nay có đàn chim nhỏ bay về*

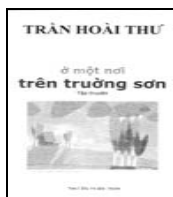
...

Hay:
*Sân nhà chưa dọn cỏ
Ai về để dấu chân
Thơm là thơm ngọn cỏ
Hay là thơm gót chân?*

Hay:
*Người về guốc mộc qua cầu
Có nghe tiếng nhịp khua sáu âm riêng
Người về nón lá che nghiêng
Làm sao thấy được nỗi niềm tôi mang.*

Một tập thơ nhỏ, dễ thương, dễ đọc những con chữ trong

55 bài thơ. Bìa trình bày trên giấy đẹp, giản dị nhưng gây được cảm tình cho những ai khó tính. Muốn có tập thơ này, liên lạc với Trần Hoài Thu qua Thư Quán Bản Thảo.



6/ Ở Một Nơi Trên Trường Sơn. Của Trần Hoài Thu.

Đây là tập truyện mới nhất của anh, do Thư Án Quán xuất bản năm 2008. Ở Một Nơi Trên Trường Sơn gồm 12 truyện ngắn. Ở Một Nơi Trên Trường Sơn/ Cháu Nội/ Đời Đây Chuyện Ngạc Nhiên/ Người Thầy Trẻ/ Cuộc sống Tôi/ Đôi Mắt Người Sơn Tây/ Bên Kia Một Ngôi Làng/ Lũ Mèo Hoang/ Lòng Mẹ Bời Bời/ Những Ngọn Đèn Cây Cũa Ngày Sinh Nhật/ Gió Lên/ Mái Tóc Của Huế Xưa. Sách dày 154 trang. Tranh bìa: Thân Trọng Minh. Không ghi giá bán.

ỞMNTTS là truyện dài nhất (từ trang 7 đến trang 41). Truyện viết về một cuộc chiến vào những ngày tháng cuối cùng trước khi rã ngũ, vào tù, ra tù. Một người bạn tên Phương trốn trại. Không biết sống chết ra sao. Nhưng có thể trong số những người rừng đó cũng có Phương. Truyện viết dựa trên những thông tin có thật: “ ..vào cuối năm 1998 tôi (nhân vật trong truyện) được đọc một bản tin ngắn của hãng AFP được đánh đi từ trong nước. Bản tin cho hay chính quyền Quảng Ngãi mới đây vừa bắt giữ một người rừng. Ông tên là Dương Văn En, 60 tuổi, nguyên là một Hạ Sĩ Quan thuộc tiểu đoàn 70 Biệt Động Quân Biên Phòng. Ông và hai người bạn vượt ngục vào năm 1979. Khi bị bắt, người lính VNCH, gốc Hre, đã không còn gì hết, trừ chiếc khố bằng vải rằn ri. Các

phóng viên tả ông như một người tiền sử nửa người nửa vượn, rất khó khăn khi nói trở lại tiếng mẹ đẻ của mình...” Truyện viết rất cảm động và đầy tình người.

Ngoài ra cũng có truyện viết trước 1975, đi lại trong tập truyện này, như những kỉ niệm khó quên của THT. Đọc lại truyện Cuộc Sống Tôi (đi trên Ý Thức). Hình ảnh của hai người lính trở về Nha Trang ngày nào, đánh động mạnh vào trí nhớ của tôi rõ như ban ngày, mà tôi với tác giả có những kỉ niệm khó quên.

THT một cây bút quen thuộc với độc giả trước 1975, Và hôm nay, anh vẫn còn sáng tác rất khỏe.



7/ Hồ Xuân Hương Nàng Là Ai? của **Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh**. Bông Sen xb lần thứ I năm 2000. Và Khuê Văn xb lần thứ II năm 2001. Khổ lớn . dày 171 trang. Không thấy ghi giá bán. Ngoài Dẫn Nhập ra, sách gồm có 18 chương. Chương 1: Hồ Xuân Hương Nàng là Ai?. Chương 2: Tuổi thanh xuân Hồ Xuân Hương. Chương 3: Mối tình HXH và Nguyễn Du. Chương 4: Những bài Thơ Tình mùa thu HXH và Nguyễn Du. Chương 5: HXH Bà lang khóc chồng. Chương 6: Mối tình HXH và Mai Sơn Phủ. Chương 7: Mười năm lận đận của HXH (1801-1811). Chương 8: Tình bạn HXH và Phạm Đình Hồ. Chương 9: Mối Tình HXH và Hiệp Trần Sơn Nam Hạ Trần Quang Tĩnh. Chương 10: Tình bạn HXH và Tồn Phong. Chương 11: HXH khóc Tử Minh. Chương 12: HXH và thi tướng Tao Đàn Cổ Nguyệt Đường Hiệp Trần Sơn Nam Thượng Trần Quốc Quán. Chương 13: Mối tình

HXX và Quan tham hiệp Trần Yên Quảng Trần Phúc
Hiển. Chương 14: HXH và Phật giáo. Chương 15: HXH
những năm cuối cùng bên Hồ Tây. Chương 16: Chân dung
HXH qua thơ Tôn Phong. Chương 17: Thơ giả gán ghép
cho HXH. Chương 18: Lưu hương nghìn sau.

Theo Tác giả: *“HXH tên thật là Hồ Phi Mai, bà là một
trang giai nhân tuyệt sắc. Khác với từ trước đến nay
người Việt nam đã đổ bao bút mực tìm kiếm về HXH. Năm
1913 tại Hà Nội nhà xuất bản Xuân Lan đã in HXH thi
tập. Người ta đã quơ quảng thơ vua Lê Thánh Tông, Lê Quý
Đôn, Thơ Bà Huyện Thanh Quan, thơ dâm tục trong dân
gian và bịa đặt gán cho Xuân Hương những bài thơ nhằm
ác ý bôi nhọ Phật Giáo...biến HXH thành một quái vật dị
dạng: xấu xí, mặt rỗ, da ngăm đen xù xì như trái mít, uẩn
ức tình dục, có đôi gò má sát phu. Đụng đến ai thì người
đó chết, kiêu ngạo khinh ghét các nhà sư thậm tệ. Quái
vật đó hoàn toàn ngược lại với con người thật HXH mà
GS Hoàng Xuân Hãn và tôi chứng minh...”*

Một tập sách nghiên cứu công phu. Nhiều bức ảnh phụ
trang quý giá từ năm 1910- 1915 của Léon Busy phản ánh
những quan tổng, quan huyện thời đó.

Sách tặng PVN và TQBT. Tôi nghĩ: Đọc giả TQBT cần
tìm đọc (nên đọc). Liên lạc:

TS Phạm Trọng Chánh

129 Avenue Rouget de l'Isle

94400 Vitry sur Seine. France

e.mail: pham.trong-chanh@neuf.fr

Điện thoại: 01 43 91 37 11.

Một tập sách nghiên cứu hay, cần có trong tủ sách.

GIỮA THÂN HỮU VÀ CHÚNG TÔI

Nhắn tin:

- Quý vị tác giả gởi sách tặng cho Thư Quán Bản Thảo.

Xin quý vị gởi thẳng về địa chỉ nhà văn Phạm văn Nhân người phụ trách Mục điểm sách nếu quý vị muốn giới thiệu trên TQBT.

Phạm văn Nhân/ Thư Quán Bản Thảo

2004 Heather Street

Amarillo, TX 79107

- Các anh chị Nguyễn Lệ Uyên, Mang Viên Long, Trần Huệ Ân, Lê Nam Phương, Lê Văn Trung, Nguyễn Văn Ngọc, Kiệt Tấn, Du Tử Lê, Thu Hương, Nguyễn Nam An, Nguyễn Thanh Châu, Vương Hồng Ngọc, Trầm Mặc Hoa Huyền, Hoàng Xuân Sơn, Cái Trọng Ty, Thương Tử Tâm và quý bạn thân hữu xa gần: Vô cùng cảm kích trước tấm lòng của quý anh chị đã dành cho TQBT. Vì phần chủ đề chiếm quá nhiều trang, nên xin được giữ lại một số bài của anh chị đề từ từ đi trong những số đến. Ba tháng ra một số thì thật quá mỏi cổ vì chờ. Nếu điều kiện sức khỏe và tài chánh cho phép, chúng tôi sẽ cố gắng ra hai tháng một kỳ để có thể phổ biến hết những sáng tác giá trị của quý anh chị. Mong thông cảm. Tình thân.

- Anh Phạm Quang Ngọc (Úc) : Qua anh Lê Nguyên Tịnh, mừng được tái ngộ một nhà thơ quen thuộc của thời Văn và Khởi Hành cũ. Cảm ơn anh đã ưu ái dành cho TQBT hai bài thơ.

- Các anh Hoàng Lộc, Uyên Hà, Thiếu Khanh, Lê văn Trung, Đặng Tiến: Xin được cảm ơn quý anh về những chia sẻ mà quý anh đã dành cho TQBT trong việc sưu tầm thơ Tường Phong.

Nhất là anh ĐT, đã ân cần giới thiệu đến nhà văn TTM, người từng điểm tập thơ mới nhất của TP do nhà Thuận Hóa xuất bản. Dù việc không thành như ý muốn, nhưng cuối cùng Trời Đất vẫn thương đến Di sản văn chương miền Nam, chúng tôi vẫn có quới nhân hỗ trợ tiếp sức. Từ tiểu sử đến những bài thơ tiêu biểu (được đi trong số này). Tình thân.

Nhà văn Phạm Tín An Ninh (Na Uy).

Cám ơn anh đã gởi tặng tập truyện *Ở Cuối Hai Con Đường*. Xin được chúc mừng anh đã thành công với tác phẩm đầu tay.

Tôi có một thời gian làm lính Sư đoàn 23 BB.

Quý bạn nào muốn đọc tác phẩm này, xin liên lạc email:

phamtinanninh@yahoo.no

Nhà văn Mang Viên Long (An Nhơn, Bình Định VN): Cám ơn ông bạn "trẻ" về hai tác phẩm mới xuất bản trong năm 2008 được gởi tặng từ quê nhà. Mấy ngải phê bình bảo bọn chúng ta đang ở thời kỳ lão hóa, không làm cái tích sự gì, trừ ngồi mà than thở chuyện thời xưa, chắc họ không có dịp tiếp cận với những nhà văn như MVL, Nguyễn Lê Uyên, Nguyễn Minh, Lữ Kiều hay Khuất Đầu... Vì vậy, tôi xin nghe lời anh, đổi tiếng bạn "già" thành "trẻ" để cho đời thêm chút xanh. (THT)

Nhà thơ Vũ Trà My (San Jose)

Cám ơn cô đã mang một số sách từ trong nước ra để tặng TQBT. Tôi rất thích những bài thơ trong thi phẩm **thèm ăn** của Đồng Chuông Từ. Chẳng hạn những câu thơ tình ngây ngất:

Thèm được hát những bài tình ca của Trịnh

ôm người yêu bên hiên mưa

ôm trọn vòng tay bụi

Xin nhờ cô chuyển dùm lời cám ơn đến nhà thơ CĐT về thi phẩm **THÈM ĂN** mà tác giả có nhà ý biếu tặng chúng tôi. (THT)

Nhà văn Thu Hương (Seattle, WA)

Xin chúc mừng tập chí văn học nghệ thuật *Văn Hữu* mới trình làng.

Quý bạn nào muốn liên lạc với VH xin dùm Email:

Thư bạn đọc

Từ VN:

■...Tôi hiện đang ở Saigon. Thỉnh thoảng tôi có đọc TQBT và một số tập thơ trong tủ sách Thư Ấn Quán của anh. Là một người yêu mến văn nghệ và có làm thơ – nhưng chịu chung số phận chiến bại – nên tôi rất trân trọng và thường tìm đọc những tác phẩm cũ. TQBT đã cho tôi có cơ hội gặp lại những tên tuổi ngày xưa – trong đó có một số người tôi thân quen và mến mộ. Tôi đang đọc số 32 do anh Trần Dzạ Lữ vừa tặng...(nhà thơ NHT)

■.. Tôi cũng từng sờ vì bài cà kê của NG~ với lời bình như Thánh Thán, nghe lạnh cả mình. Qua những chuyện bất như ý trái tai gai mắt ở TH, tôi thấy cần phải lặn vào trong bóng tối sâu hơn. Các anh đã hiểu được số phận cá chậu chim lồng của bọn tôi, vậy là quý lắm rồi. Nhưng không phải bề gãy ngòi bút. Nhờ các anh, tôi thấy mình còn thở là còn viết được, phải viết, nên viết...

(Một bạn văn ở SG)

■...Hồi đó, hình như TQBT số đầu tiên ra mắt vào tháng 9 - 2001 ? Nếu vậy thì nay đã tròn 7 năm. Không biết bây giờ TQBT ra tới số ba mươi mấy rồi ?

Tôi hỏi vậy vì lâu lắm rồi không còn được đọc nữa, rất buồn.

Nhìn lại những năm qua, lòng vô cùng cảm xúc. Qua U. tôi tìm đến mái nhà chung TQBT cuối năm 2002, từ đó giải tỏa sự bế tắc tư tưởng, và chữ nghĩa của mình có chỗ nương thân. Và cũng từ đó, tôi mới viết được khá nhiều bài thơ để cuối năm 2003 hoàn thành tập Đan Tâm... Hôm nay ngồi viết những dòng này, lòng bồi ngùi sự biết ơn các anh, cảm ơn TQBT, cảm ơn những tấm lòng. Nghĩ lại, trong cuộc chơi văn chương, mình vẫn còn may, bởi trong suốt 5 năm qua, văn chương và tình bạn văn chương đã thật sự mang lại cho tôi một niềm vui lớn, rất

lớn, là niềm an ủi dịu dàng cho một số phận quá nhiều rủi ro gian truân.

Giờ thì tôi không còn viết gì được nữa. Có lẽ chỉ bao nhiêu đó thôi, đôi vần mây khói lãng đãng... Chỉ mong các anh sức khỏe, có nhiều hứng khởi để tiếp tục làm TQBT đến năm 2021, nuôi TQBT đến tuổi 20.

Hoa Kỳ:

■...Tôi thấy tập thơ thời chiến dày cộm, do anh Trần Hoài Thư thực hiện - và có cô Minh Diệu mở ngâm cho anh em nghe một số bài thơ, trong đó có thơ HL. Tôi thật cảm động vì anh THT, không biết từ đâu lại có in mấy bài thơ tôi đã thất lạc lâu năm !

Anh em Hội An được tặng nhiều bản copy tập thơ này. Ai cũng trầm trồ Cái công và tâm lòng... với văn học miền Nam trước 75 qua Thư Quán Bản Thảo và những tác phẩm in ấn cho tất cả anh em cũ thật vô cùng trân trọng.

(Nhà thơ HL)

Từ Pháp:

■ TQBT số 32, về TZL, là một số báo hay, nhiều bài viết hay, ít khi có được như vậy, cần được phổ biến rộng rãi (nhà phê bình Đặng Tiến)

Tác giả trả lời

■Trả lời một bạn đọc ở Canada

Người làm văn nghệ không phải là ông mô làng chuyên vác chiếc loa sắt như điều thuốc vắn "vĩ đại" lái nhai những câu nhạt tụng nhằm chán, ngớ ngẩn, mà, trước hết là anh ta phải có sự chọn lựa trong đồng "rác" ngôn ngữ để có được một vuông gạch còn nguyên vẹn, kê đít ngồi lên và ngắm nhìn trời đất để

nói (viết) ra những gì anh ta cảm nhận..

Các đề tài trong văn học đều là mẫu số chung. Còn chuyển tải các đề tài ấy đến người đọc là cách riêng của mỗi người. Văn học không chỉ luôn luôn là những vòng hào quang. Bên cạnh hào quang còn nhiều những nỗi đau thân phận làm người, mà một con người có lương tri không thể nhắm mắt làm ngơ, hướng hồ anh ta có bản năng cảm thụ và bày tỏ (bằng ngôn ngữ viết). Và một khi chúng ta bày tỏ một thái độ tức đó là chính kiến cá nhân, là thái độ chính trị.

Con người được trời phú cho cái đầu để có thể hiểu biết, và có một cái mồm để để chuyển tải những điều anh ta suy nghĩ thà nh lời. Vậy thì tại sao lại cấm anh ta? Tại sao lại bắt anh ta phải tuân thủ theo những định lệ oan nghiệt, trái với lẽ thông thường?

Thưa bạn, trên thế gian này, từ cổ chí kim có một quốc gia nào mở trường dạy làm thơ viết văn? Xứ Xô-Viết chúng tôi có đấy. Họ dạy đảng là vạn năng, những người quay lưng lại là kẻ xấu, kẻ phá hoại. Bởi vậy mới có khẩu hiệu "**hai chân tốt, bốn chân xấu**" (G. Orwell - Trại súc vật)...

Trở lại vấn đề: chúng tôi đưa ra ý kiến bỏ mục Viết chung thay vào mục khác, nhằm mang lại sinh khí mới cho tờ báo, thật sự là văn nghệ. Nhìn lại bao nhiêu số đã qua, hình như **viết chung chỉ là viết riêng** mà thôi, và như vậy chẳng khác nào làm phụ lòng độc giả từng gắn bó mật thiết với TQBT?

(Ng~)

CHIA BUỒN

Được tin thân phụ của nhà văn Nguyễn Lệ Uyên (VN) qua đời lúc 13h35 trưa ngày 9.7.2008, hưởng thọ 91 tuổi. Bạn bè cũ và Thư Quán Bản Thảo xin thành thật chia buồn cùng anh chị Nguyễn Lệ Uyên. Nguyên cầu hương linh cụ ông sớm tiêu điều về cõi Phật. Thành kính phân ưu.

